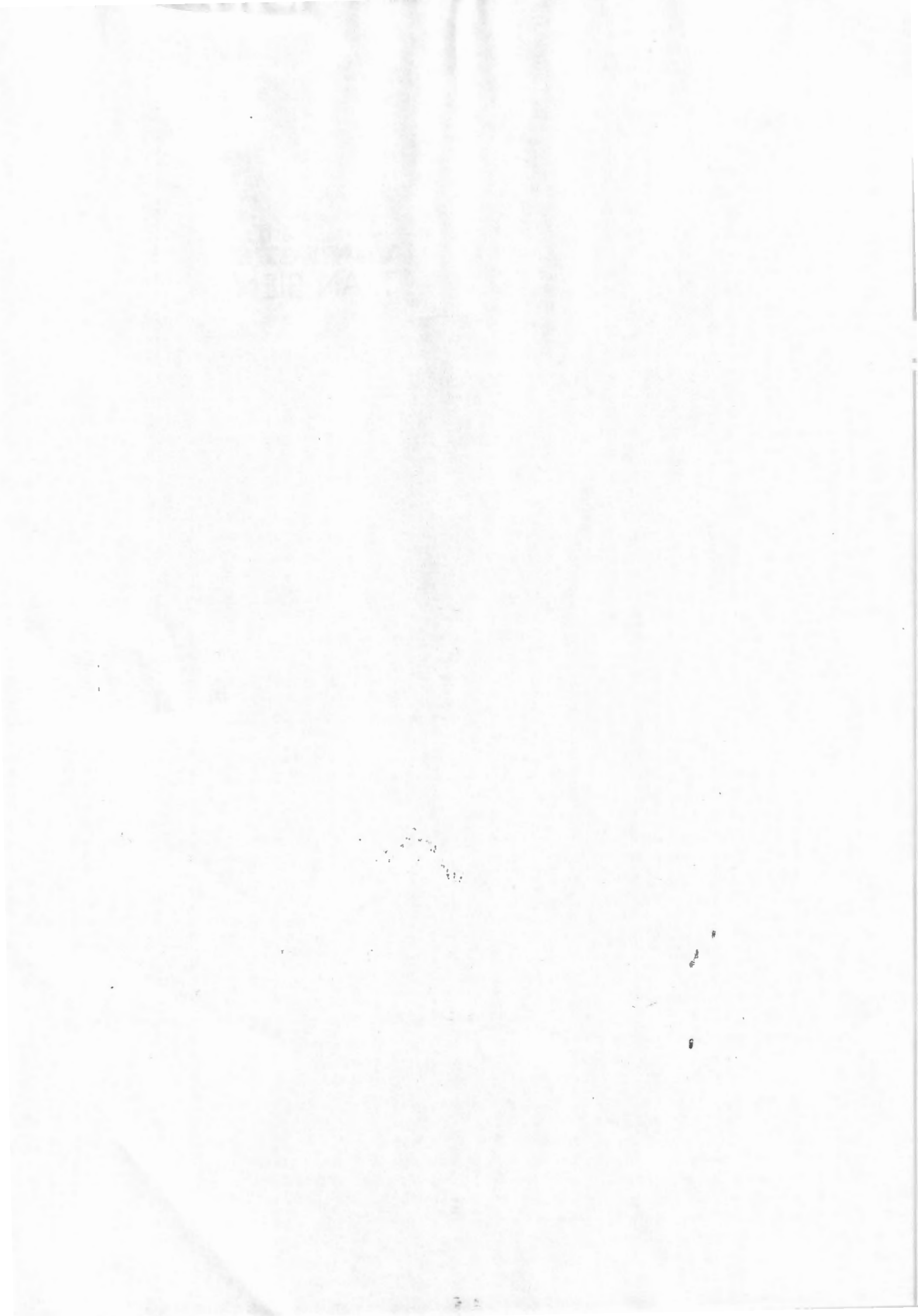


200 Năm
VĂN MIÊU
TRẦN BIÊN



THÀNH ỦY - UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

290 Năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
3

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2012 / ĐG / VL 000375

Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai
2005

THÀNH ỦY - UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Biên soạn

Chủ biên:

HUỲNH VĂN TỚI - BÙI QUANG HUY

Với sự cộng tác:

LÂM HIẾU DŨNG, DUONG TẤN BỬU

Thẩm định:

DUONG THANH TÂN, UVTV,
Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

LÂM HIẾU TRUNG,

Chủ tịch các hội Khoa học - kỹ thuật tỉnh

Trình bày:

Họa sĩ HỒ VĂN GIÁO

Ảnh:

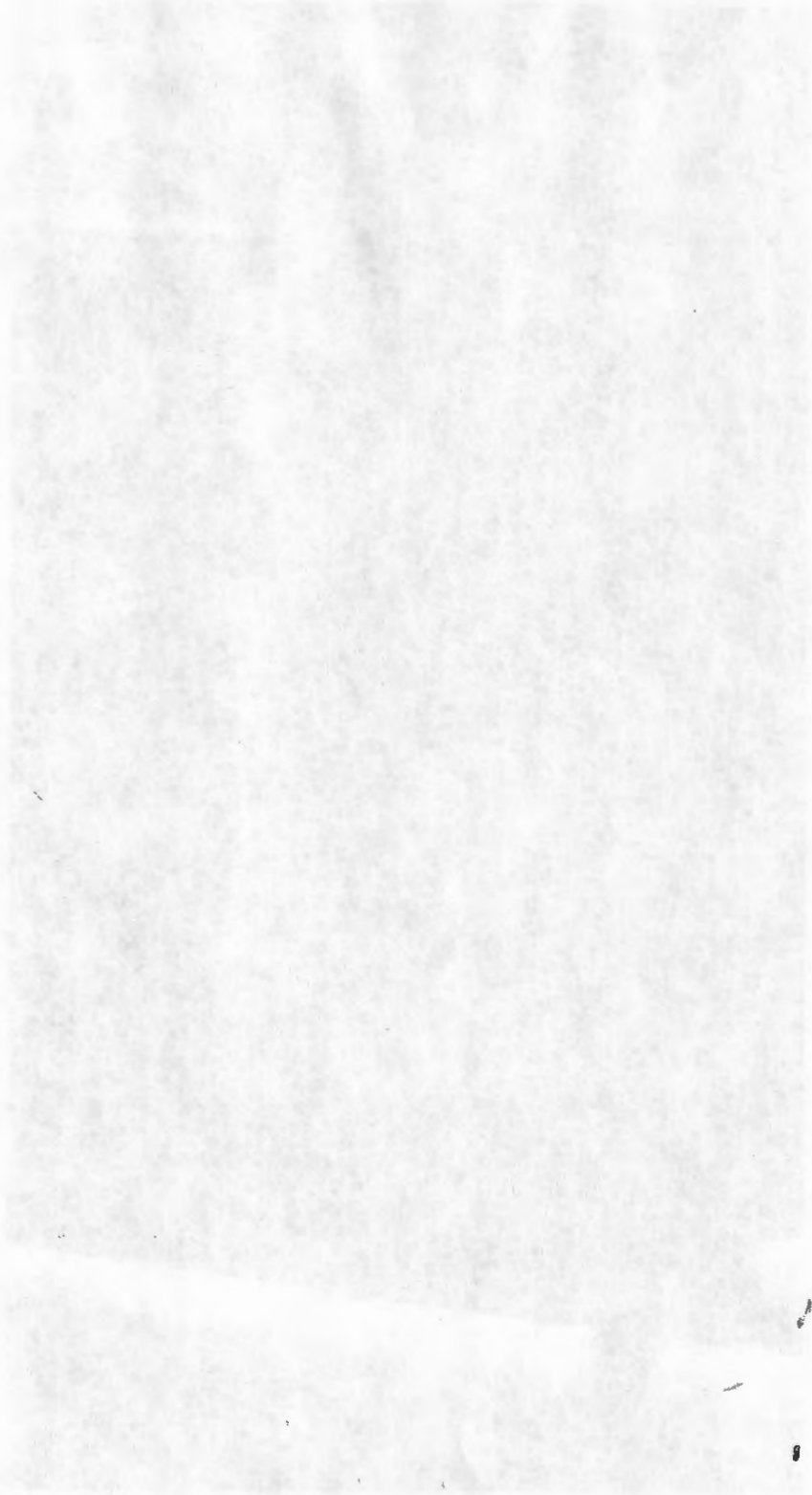
Phan Dẫu, Quốc Định, Nguyễn Thơi, Quang Huy,
Đức Trí, Lưu Thuận Thời, Phạm Ngọc Thành,
Nguyễn Viết Thảo, Văn Cón...



200
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
4



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
5



VĂN MIẾU TRẦN BIÊN BIỂU TƯỢNG CỦA TÂM HỒN & KHÍ PHÁCH ĐỒNG NAI

TRẦN ĐÌNH THÀNH

(Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Đồng Nai)



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
7

Một sự trùng hợp ngẫu nhiên nhưng mang nhiều ý nghĩa. Năm 2005 là năm có những ngày lễ lớn của toàn dân tộc: 75 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 30 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 115 năm ngày sinh Chủ tịch

Hồ Chí Minh; 60 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam. Đến mùa xuân này, ở tỉnh Đồng Nai của chúng ta, Văn miếu Trấn Biên tròn 290 tuổi (1715 – 2005).

Ngày nay, những tư liệu lịch sử đáng tin cậy đã xác định rõ, Văn miếu Trấn Biên là văn miếu được hình thành sớm nhất ở Nam bộ. Dĩ nhiên, đối với những người chủ trương xây dựng Văn miếu Trấn Biên ngày ấy, trước hết đây là một việc làm mang tính chính trị để khẳng định sự “có mặt” của mình trên vùng đất mới. Văn miếu bao giờ cũng được xây dựng ở nơi giữ trung tâm về chính trị, văn hóa và cả kinh tế của cả một vùng đất. Mặt khác, ở đâu và lúc nào, văn miếu cũng có những giá trị truyền thống. Đó là sự tôn vinh đạo học, những tinh hoa cao quý cần phải chiếm lĩnh và gìn giữ cho muôn đời sau của người xưa



năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
8



từng nhắc nhở: *Học như bắt cệp; Du nhưng thất chi* (Phải ráng sức mà học, đừng như mình chẳng theo kịp người, chỉ sợ mình mất đi những thứ đã có).

Cũng cần nhớ rằng, bên cạnh việc xây dựng Văn miếu Trấn Biên, khi xưa, cha ông ta xưa đã cho xây dựng bên cạnh *Trường học tỉnh* (thôn Tân Lại, huyện Phước Long). Điều đó có nghĩa, đây không chỉ là nơi thờ phụng bậc khai sáng của Nho học, những tiền hiền, danh nhân của đất nước mà còn là nơi học tập, đào luyện không ít trí thức cho một vùng đất mới. Vì thế, chỉ trong một thời gian không dài, từ kỳ thi Hương đầu tiên năm Quý Dậu (1813) đến kỳ thi Hương cuối cùng năm Giáp Tý



năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
9

(1864), ở Biên Hòa – Đồng Nai đã có 22 người đỗ Cử nhân, trong đó có những con người rất đổi tài hoa và tràn đầy khí phách như: Đào Trí Phú, Bùi Hữu Nghĩa... Sự phát triển nhanh chóng về giáo dục ở Biên Hòa xưa đã khiến nhà bác học Lê Quý Đôn, một sử quan của Đảng Ngoài, không tiếc lời khen: *Văn mạch một phương, dằng dặc không dứt* (Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1997, tr.243).

Giá trị mang tính biểu trưng về văn hóa của Văn miếu Trấn Biên không chỉ được tầng lớp quan lại và sĩ phu phong kiến tôn vinh. Nhân dân Biên Hòa xưa đã rất ngưỡng vọng và gọi Văn miếu Trấn Biên bằng cái tên gần gũi và thiêng liêng hơn: *Văn Thánh*. Trong hai cuộc kháng chiến vừa qua, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai vẫn luôn ước ao đến ngày hòa bình, đất nước thống nhất, sẽ tái tạo Văn miếu Trấn Biên để đồng bào trong và ngoài tỉnh, nhất là thế hệ trẻ, có dịp tìm hiểu và học tập những giá trị văn hóa, giáo dục truyền thống của tổ tiên. Tất cả điều ấy hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta khi xem *giáo dục – đào tạo là quốc sách hàng đầu và văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội*.

Vì thế, trong dịp kỷ niệm 300 hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, Tỉnh ủy Đồng Nai đã chủ trương giao cho thành phố Biên Hòa tái tạo lại Văn miếu Trấn Biên, xem đây là một trong những công trình văn hóa lớn, nhằm tôn vinh những giá trị nhân văn - giáo dục truyền thống. Tất cả các hạng mục



290
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
10

chính của công trình phục dựng Văn miếu Trấn Biên đã được hoàn thành vào đầu năm 2002. Mặc dù một số hạng mục công trình hiện vẫn đang tiếp tục hoàn thiện, nhưng từ khi khánh thành giai đoạn một của công trình đến nay, Văn miếu Trấn Biên đã trở thành một địa chỉ quen thuộc của đông đảo đồng bào, cán bộ, chiến sĩ trong và ngoài tỉnh. Công trình Văn miếu Trấn Biên không chỉ có ý nghĩa thiêng liêng trong việc tôn vinh những giá trị văn hiến của dân tộc và vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai mà còn là nơi trung bày, sinh hoạt văn hóa, giáo dục của thành phố Biên Hòa và cả tỉnh.

Thiết thực chào đón những ngày lễ lớn của dân tộc trong năm 2005 và 290 năm Văn miếu Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai đã và đang tích cực xây dựng nhiều công trình kinh tế, văn hóa, giáo dục thiết thực để quê hương càng thêm giàu đẹp. Tập sách *290 năm Văn miếu Trấn Biên (1715 – 2005)* là một trong những công trình bổ ích đó, nhằm giới thiệu rõ nét hơn về giá trị của Văn miếu Trấn Biên xưa, về ý nghĩa của việc phục dựng, về kiến trúc và tác dụng của các hạng mục công trình Văn miếu Trấn Biên ngày nay...

Tôi hết sức hoan nghênh sáng kiến của Thành uỷ, UBND thành phố Biên Hòa trong việc tổ chức thực hiện công trình một cách công phu, với nhiều hình ảnh, tư liệu phong phú.

Những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng quê hương Biên Hòa – Đồng Nai, nhất là sự nghiệp giáo dục – đào tạo và phát triển văn hóa sẽ là sự phát huy tích cực nhất các giá trị văn hóa, giáo dục truyền thống của cha ông. Đó cũng sẽ là nguồn bổ sung hữu ích cho việc tái bản công trình ở những lần sau.



290
năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
11

PHẦN 1
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN.
MỘT GIÁ TRỊ
LỊCH SỬ, VĂN HÓA



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
12





29 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
13

1. VỀ THỜI GIAN RA ĐỜI VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

Cho đến hôm nay, vẫn có hai ý kiến về thời gian ra đời của Văn miếu Trấn Biên. Một cho rằng, Văn miếu Trấn Biên (VMTB) được xây dựng từ khá sớm, năm 1715. Một lại cho rằng, mãi 60 năm sau, tức năm 1775, VMTB mới được ra đời.

Vì sao có sự chênh lệch khá lớn về thời gian xây dựng Văn miếu Trấn Biên của các ý kiến trên? Sách *Biên Hòa sử lược* của Lương Văn Lựu, Quyển thứ I, *Trấn Biên cổ kính*, Tác giả xb, 1972, có viết: *Ở Biên Trấn, "Văn miếu" được xây cất tại thôn Tân Lại (Tân Thành) huyện Phước Chính (Đức Tu) cách trấn thành 2 dặm (ngàn thước) về phía Tây Bắc. Địa điểm này do quan Trấn thủ Nguyễn Phan Long và Ký lục Phạm Khánh Đức lựa đất, năm Ất Mùi (1775) đời Duệ Tông Hoàng đế Phúc Thuần (tr.65). Có lẽ đây là điểm xuất phát của những ý kiến cho rằng VMTB xuất hiện năm 1775, vì trước ông Lương Văn Lựu, không thấy ai xác định VMTB ra đời năm 1775 cả. Điều đáng lưu ý là các sách xưa (*Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn) khi ghi chép các sự kiện đã dùng Âm lịch. Vì thế, các sách trên khi nói về thời điểm ra đời của VMTB chỉ ghi là "năm Ất Mùi". Các năm 1715 và 1775, theo Âm lịch, đều là "Ất Mùi". Song, bên cạnh đó, cả Trịnh Hoài Đức lẫn Quốc sử quán triều*



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
14

Nguyễn đều ghi rõ: *Đời vua Hiến Tông năm Ất Vị (tức Ất Mùi) thứ 25* hoặc: *Năm Ất Mùi, Hiến Tông thứ 25*. Ở đây hoàn toàn không phải là đời “Duệ Tông Hoàng đế Phúc Thuần” như Lương Văn Lựu đã chép trong cuốn biên khảo của ông. Vấn đề còn lại, “vua Hiến Tông” là ai? Vào thế kỷ XVIII, có vua Lê Hiến Tông (1740 – 1786), niên hiệu là Cảnh Hưng. Nếu cho rằng, VMTB ra đời vào năm 1775 thì “đời vua Hiến Tông” phải được hiểu là vua Lê Hiến Tông. Vị vua này ở ngôi 47 năm; năm thứ 25 chính là Giáp Thân (1764), không phải là Ất Mùi (1775). Điều này rất mâu thuẫn.

Ngược lại, hiệu “Hiến Tông” theo thế thứ của triều Nguyễn chính là Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng đế Nguyễn Phúc Chu (1691– 1725), đương thời gọi là Quốc chúa. Chính vị chúa này đã phái Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược xứ Đồng Nai, kế vị cha là chúa Nguyễn Phúc Trăn được 34 năm. Năm thứ 25, đời Hiến Tông Nguyễn Phúc Chu là Ất Mùi (1715). Và lại, các ông Nguyễn Phan Long và Phạm Khánh Đức đều là quan của chúa Nguyễn, lẽ nào nhà Lê lại sai phái người Đàng Trong? Cũng cần nói thêm là sau khi thiết lập triều đại mới, nhà Nguyễn đã truy dâng các chúa Nguyễn là những “hoàng đế” và từ đó, trong sử sách của họ, đã dùng niên hiệu triều Nguyễn (trước và sau 1802) làm niên hiệu chính thức chứ không phải là triều Lê. Vì thế, VMTB đã ra đời từ năm Ất Mùi – 1715, (tức đời chúa Nguyễn Phúc Chu) chứ không phải là Ất Mùi – 1775.



290 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
15

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TỒN TẠI CỦA VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

Văn miếu Trần Biên hình thành sớm nhất ở Nam bộ. Đến năm Minh Mạng thứ 5 (tức Giáp Thân, 1824), triều Nguyễn mới cho xây dựng Văn miếu Gia Định ở thôn Phú Mỹ, huyện Bình Dương. Tại tỉnh Vĩnh Long, đến năm Tự Đức thứ 17 (1864), vẫn thân trong tỉnh mới họp nhau dựng nên ở thôn Long Hồ, huyện Vĩnh Bình. Đây là 3 văn miếu ở 6 tỉnh Nam bộ lúc bấy giờ, nhưng cách thức xây dựng hoàn toàn khác nhau.

Lý do đã khiến chúa Nguyễn Phúc Chu sai Trần thủ dinh Trần Biên và Ký lục Phạm Khánh Đức lựa thôn Tân Lại, tổng Phước Vĩnh (nay là phường Bửu Long, Biên Hòa) để xây dựng VMTB có thể hiểu là vì khi đó Biên Hòa đã là nơi dân cư ổn định, phát triển hơn nhiều vùng khác, kể cả Gia Định (đến năm 1732, chúa Nguyễn Phúc Chu mới lập dinh Long Hồ và châu Định Viễn). Việc hình thành VMTB đối với chúa Nguyễn có ý nghĩa như là sự khẳng định những giá trị văn hóa và cả chính trị ở một vùng đất mới.

Theo thuật phong thủy của người xưa, nơi dựng VMTB là chỗ đất tốt. Sách *Gia Định thành thông chí* chép: *Phía nam hướng đến sông Phước, phía bắc dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt*⁽¹⁾. Còn *Đại Nam nhất thống chí* ghi rõ hơn: *Phía nam trông ra sông Phước Giang, phía bắc dựa vào núi Long Sơn, là một cảnh đẹp nhất ở Trấn*



200
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
16

⁽¹⁾. Trịnh Hoài Đức; Sđd; tập hạ; tr. 108.

2012/TG/VU 000375

Biên ⁽²⁾. Ban đầu, có thể VMTB còn sơ sài, hoặc sau đó bị các cuộc chiến tranh (Tây Sơn – Nguyễn Ánh) làm tổn hại. Từ đó, VMTB trải qua hai lần trùng tu lớn.

Năm Giáp Dần (1794), Nguyễn Phúc Ánh đã sai Lê bộ Nguyễn Hồng Đô trùng tu, *giữa làm Đại Thành điện và Đại Thành môn, phía đông làm Thần miếu, phía tây làm Dục Thánh từ, trước xây tường ngang, phía tả có cửa Kim Thanh, phía hữu có cửa Ngọc Chấn, chính giữa sân trước dựng Khuê Văn các treo trống chuông trên đây, phía tả có Sùng Văn đường, phía hữu có Duy Lễ đường. Chu vi bốn mặt ngoài xây thành vuông, mặt tiền làm cửa Văn miếu, phía tả phía hữu có cửa Nghi môn, rường cột chạm trổ, quy chế tinh xảo, đồ thờ có những thần bái, khám vàng, ve chén và đồ phủ quý biên đậu đều chỉnh nhả tinh khiết* ⁽³⁾. Lần trùng tu này diễn ra ngay trước khi Nguyễn Ánh đưa quân ra đánh chiếm Quy Nhơn. Bản thân nó cũng đủ nói lên tầm quan trọng đối với tập đoàn phong kiến đương thời, chỉ ít VMTB cũng như một tấm bình phong để Nguyễn Ánh đề cao Nho gia...

Lần trùng tu thứ hai vào năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý, 1852). Lúc này, quy mô của VMTB lớn hơn trước: *Văn miếu chính đường và tiền đường đều 5 gian, lại dựng thêm 2 dãy tả vu và hữu vu, mỗi dãy 5 gian; đền Khải Thánh, chính đường và tiền đường đều 3 gian, một tòa cửa giữa 3 gian, một tòa cửa trước 1 gian, một tòa kho đồ thờ 3 gian;*

⁽²⁾. Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam nhất thống chí*; Nxb. Thuận Hóa; 1992; tập 5; tr 74.

⁽³⁾. Trịnh Hoài Đức; *Sđd*; tập hạ; tr. 108.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
17

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

một tòa Khuê Văn các 2 tầng, ba gian hai chái; phía trước, bên “Đại Thành điện” đổi làm “Văn Miếu điện” và “Khải Thánh điện” đổi làm “Khải Thánh từ”.

Như vậy, đến thời Tự Đức, VMTB đã được xây dựng hoàn chỉnh và to đẹp nhất. Trong bộ *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, VMTB được ghi chép đầy đủ và chi tiết nhất so với 27 văn miếu ở các tỉnh, đạo, phủ khác, kể cả văn miếu ở kinh sư. Những lần xây dựng và trùng tu VMTB đều được đích thân các quan lại phụng mệnh người đứng đầu chính quyền trung ương thời bấy giờ (Nguyễn Phúc Chu, Nguyễn Ánh, Tự Đức) thực hiện.

Giống như những văn miếu khác, VMTB thờ Khổng Tử, vị “khai sáng” của Nho giáo và Nho học. Vì thế, ngay từ buổi đầu, VMTB trước hết là nơi tôn vinh những giá trị của nền giáo dục Nho học. Đầu đời Trung hưng (trước năm 1802), đích thân chúa Nguyễn đến VMTB để hành lễ hàng năm vào ngày đình mùa xuân và mùa thu. Từ đó về sau (khi nhà Nguyễn đã được thiết lập), khâm mạng vua, quan Tổng trấn thành Gia Định đến hành lễ, cùng với Trấn quan Biên Hòa và quan Đốc học (vị quan xem việc học ở trấn Biên Hòa). Lệ đặt mỗi kỳ là 50 lễ sinh và 50 miếu phu.

Bên cạnh là nơi thờ cúng, văn miếu ở kinh sư (thủ đô) còn có Quốc tử giám để giảng dạy học trò. Ở Biên Hòa, bên cạnh Văn miếu là Tỉnh học (trường học tỉnh Biên Hòa). Trường học lớn của cả tỉnh này mãi đến đời vua Minh Mạng mới dời về thôn Tân Lại (phường Hòa Bình, Biên Hòa).



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
18

Cũng vào thời Minh Mạng, Trường phủ Phước Long đã được thành lập ở thôn Bình Lợi, tổng Phước Vĩnh (nay là huyện Vĩnh Cửu). Như vậy, VMTB đã đóng vai trò như một trung tâm văn hóa, giáo dục của tỉnh Biên Hòa xưa. Bởi vậy, khi đáo nhậm (trở lại làm nhiệm vụ cũ), năm 1840, quan Bố chánh tỉnh Biên Hòa Ngô Văn Địch đã hết lời ca ngợi VMTB qua đôi liên:

Giang hán dĩ trạc, thu dương dĩ bộc, hạo hồ bất khả thượng;

Tôn miếu chi mỹ, bá quan chi phú, du giả vi ngôn

(Lý Việt Dũng dịch nghĩa: *Chốn tôn miếu của nhà vua mỹ miều, bá quan trong triều sang cả, sự đẹp để không thể nói hết được*).

Giá trị mang tính biểu trưng về văn hóa của VMTB không chỉ được tầng lớp quan lại và sĩ phu phong kiến tôn vinh. Nhân dân Biên Hòa rất ngưỡng vọng và gọi bằng cái tên gần gũi hơn: “Văn Thánh”. Cũng chính vì những lý do đó, năm 1861, ngay sau khi chiếm được tỉnh Biên Hòa, một trong những việc đầu tiên thực dân Pháp đã làm là đốt phá VMTB. Trong hoàn cảnh ấy, nhân dân Biên Hòa đã lén cất giấu đôi liên của quan Bố chánh Ngô Văn Địch thỏ trước, để rồi sau đó đưa về treo tại đình Hiệp Hưng, huyện Tân Uyên⁽⁴⁾.

Trong dịp kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa–Đồng Nai, UBND. tỉnh Đồng Nai đã giao cho thành phố Biên Hòa tái tạo lại VMTB, xem đây là một trong những công trình văn hóa lớn, nhằm tôn vinh những giá trị nhân



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
19

⁽⁴⁾. Theo Lương Văn Lựu; Sđd; tr. 66.

văn – giáo dục truyền thống. Ngày 9.11.1988, lễ động thổ xây dựng VMTB đã được tổ chức long trọng tại Khu du lịch Bửu Long, nơi được xác định là vị trí của VMTB xưa. Khu VMTB (mới) nằm trên phần đất 20.000m² ở Khu du lịch Bửu Long. 30.000m² khác, cũng ở khu này, sẽ là vùng cảnh quan xung quanh VMTB. Công trình gồm 2 khu liền nhau: khu thờ phụng, tế lễ và khu trưng bày truyền thống, sinh hoạt văn hóa. Ranh giới 2 khu chỉ là một tường rào thấp và nối nhau bởi công tam quan.

Về chi tiết, khu thờ phụng có: nhà thờ chính (ba gian, hai chái), kiến trúc lối cổ, thờ các bậc tiền nhân, các vị hiền triết, nhà giáo Võ Trường Toản và Gia Định tam gia (Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh); miếu gồm miếu nhỏ bên phải thờ tiên sư, miếu nhỏ bên trái thờ tiền hiền, hậu hiền; nhà bia đặt đối diện với nhà thờ chính, nêu ý nghĩa, mục đích của việc lập văn miếu và tuyên dương công tích những vị được thờ. Khu sinh hoạt truyền thống gồm có các công trình: Khuê Văn các, Nhà truyền thống, Nhà Thư khố, Văn Vật khố, Bia truyền thống, cổng và các công trình phụ. Bia truyền thống sẽ có bài văn khái quát về truyền thống văn hóa, giáo dục của Biên Hòa xưa và nay. Nhà truyền thống chủ yếu dùng để trưng bày và ghi danh những đơn vị, cá nhân đạt được các danh hiệu quốc gia, quốc tế, Nhà nước. Toàn bộ công trình tái tạo VMTB dự kiến sẽ được hoàn thành vào năm 2.007. Khi đó, hẳn người Biên Hòa sẽ có một công trình văn hóa – giáo dục xứng đáng với truyền thống văn hiến tốt đẹp của mình.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
20

3. VĂN MIẾU VIỆT NAM XƯA⁽¹⁾

Tỉnh	Năm xây dựng	Địa bàn	Ghi chú
BIÊN HÒA	Ất Mùi (1715), đời Hiến tông Hiếu minh hoàng đế Nguyễn Phúc Chu	Thôn Tân Lại, huyện P h u ơ ́ c Chánh.	
GIA ĐỊNH	Giáp Thân (1824), Minh Mạng thứ 5	Tổng Phú Mỹ, h. Bình Dương, phủ Tân Bình	
VĨNH LONG	Nhâm Dần (1864), Tự Đức thứ 17	Tổng Long Hồ, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn	Do văn thân trong tỉnh dựng nên
BÌNH THUẬN	Bính Tuất (1826), Minh Mạng thứ 7	Huyện Hoà Đa, phủ Hàm Thuận	
PHÚ YÊN (đạo)	Thời chúa Nguyễn. Đầu đời Gia Long đặt ở xã Năng Tĩnh, Tuy Hòa.	Xã Ngân Sơn, huyện Đồng Xuân.	Năm 1824 dời đến xã Ngân Sơn



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
21

(1). Theo Quốc sử quán triều Nguyễn; Đại Nam nhất thống chí; 5 tập; Nxb. Thuận Hóa, 1992.



290
nam
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
22

Tỉnh	Năm xây dựng	Địa bàn	Ghi chú
KHÁNH HÒA	Không rõ năm nào	Xã Phú Lộc, huyện Phúc Điền, phủ Diên Khánh	Miếu chính và đền Khải Thánh lập cổ tranh. Năm 1842, tu bổ, lợp ngói
BÌNH ĐỊNH	Nhâm Tuất (1802), Gia Long thứ nhất	Huyện Phù Cát, phủ Hoài Nhân	
QUẢNG NGÃI	Bính Tý (1817), Gia Long thứ 16	Xã Phú Nhân, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa	
QUẢNG NAM	Đầu thời chúa Nguyễn	Xã Thanh Chiêm, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn	Thời chúa Nguyễn ở xã Câu Nhi, năm 1835 dời về Thanh Chiêm
QUẢNG BÌNH	Mậu Dần (1818), Gia Long thứ 17	Năm 1838, dời đến huyện Phong Lộc, phủ Quảng Ninh	Ban đầu dựng ở xã Phong Đăng. Năm 1895 sửa lại.
HÀ TĨNH (đạo)	Quý Ty (1833), Minh Mạng thứ 14	Xã Đông Lỗ, huyện Thạch Hà	
KINH SU (Phú Xuân)	Đầu thời chúa Nguyễn ở xã Triều Sơn. Năm 1770 (Canh Dần) dời về xã Long Hồ. Năm 1808 dời về xã Yên Ninh.	Xã Yên Ninh (kinh thành)	Xây quy mô lớn; đền Khải Thánh được xây riêng. Các vua nhà Nguyễn đều tới hành lễ

Tỉnh	Năm xây dựng	Địa bàn	Ghi chú
THỪA THIÊN (phủ)	Đầu thời chúa Nguyễn ở xã Phúc Mỹ, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, dinh Quảng Trị. Năm 1814, dời đến xã Thạch Hãn, huyện Hải Lăng, phủ Triệu Phong	Năm Canh Tý (1840), dời đến xã An Đôn, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, trấn Quảng Trị. Từ năm 1854, để cho đạo Quảng Trị (thuộc phủ Thừa Thiên) thờ.	
NGHỆ AN	Quý Hợi (1803), Gia Long thứ 2	Xã Yên Dũng, huyện Chân Lộc, p. Anh Sơn.	
THANH HÓA	Nhâm Tuất (1802), Gia Long thứ nhất	Xã Đông Sơn, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Hóa.	
HÀ NỘI	Canh Tuất (1070), Lý Thánh Tông thứ 15	Tổng Minh Giám, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức.	Triều Lý, Trần, Lê là Văn miếu kinh sư. Từ đời Gia Long, là Văn miếu Bắc Thành
NINH BÌNH	Không rõ năm nào. Năm 1835, sửa lại Văn miếu cũ của phủ Yên Khánh	Huyện Yên Khánh, phủ Yên Khánh	
HUNG YÊN	Kỷ Dậu (1839), Minh Mạng thứ 21	Xã Xích Đằng, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu	
NAM ĐỊNH	Ất Mùi (1835), Minh mạng thứ 16	Huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường	



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
23

4. THU TỊCH

Văn miếu Trấn Biên vốn được xây dựng từ năm Ất Mùi (1715). Trải qua những biến cố của lịch sử, đến nay không còn dấu vết trên thực địa. Điều may mắn và cũng rất vinh dự là Văn miếu Trấn Biên lại được ghi chép cẩn thận trong thư tịch cổ, từ những năm đầu của thế kỷ XIX và sau đó là giữa thế kỷ XIX và giữa thế kỷ XX. Xin giới thiệu những thư tịch quý hiếm liên quan đến Văn miếu Trấn Biên:

4.1. Gia Định thành thông chí

VĂN MIẾU



290 năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
24

Ở địa phận thôn Bình Thành và thôn Tân Lại huyện Phước Chánh, cách phía Tây trấn 2 dặm rưỡi. Đời vua Hiến Tôn năm Ất Vị thứ 25 (1715), Trấn thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long, Ký lục Phạm Khánh Đức lựa chỗ đất dựng lên ban đầu, phía Nam hướng đến sông Phước, phía Bắc (24b) dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt. Năm Giáp Dần thời trung hưng (1794), Lễ bộ Nguyễn Hồng Đô khâm mạng giám đốc trùng tu, giữa làm Đại Thành điện và Đại Thành môn, phía Đông làm Thần miếu, phía Tây làm Dục Thánh từ, trước xây tường ngang, phía Tả có cửa Kim Thanh, phía Hữu có cửa Ngọc Chấn, chính giữa sân trước dựng Khuê Văn các treo trống chuông trên đây, phía Tả có Sùng Văn đường, phía Hữu có Duy Lễ đường. Chu vi bốn mặt ngoài xây thành vuông, mặt tiền làm cửa Văn miếu, phía Tả phía Hữu có 2 cửa Nghi môn, rường cột chạm trổ, qui chế tinh xảo, đồ thờ có những thần bài, khám vàng, ve chén và đồ phủ quĩ biên đậu (đồ dùng đựng vật cúng tế) đều chỉnh nhả tinh khiết. Trong thành trăm hoa tươi tốt, có những cây: tòng, cam, quít, bưởi, hoa sứ, mít, xoài, chuối và quả hồng xim đầy rẫy sum suê, quả sai lại lớn,

thường năm 2 lệ tế xuân và thu, khâm mạng vua, Tổng trấn quan hành lễ, phân hiến hai bên thì dùng Trấn quan và Đốc học quan, kỳ dư đều đứng bồi tế, lệ đặt 50 lễ sanh và 50 miếu phu, đều lo làm chức phận.



5. GIÁO DỤC VÀ KHOA CỬ Ở BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI XƯA

5.1. TRONG BUỔI ĐẦU KHAI PHÁ

Trước khi Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu phái kinh lược xứ Đồng Nai thì Nam bộ vẫn còn là vùng đất hoang vu, dân cư thưa thớt. Năm 1698, khi Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên *chiêu mộ dân xiêu tán từ Quảng Bình trở vào cho đến ở, chia đặt thôn ấp, người Thanh trú ngụ cũng biên vào sổ hộ*. Cả một thời gian dài sau đó, nghĩa là sau khi có “bộ máy hành chính” các cấp tại Biên Hòa, dân cư ở đây vẫn còn khá ít ỏi, cuộc sống phần nhiều khó khăn. Đến năm 1776

290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
25

祀條范慶後相地初建南齊福江北倚龍山山明水秀

本城茂中興肇實年祀節阮宗節款

命監督重加修造申為廟

大成殿大成門東神庫西

育聖祠前砌橫牆左金甍門右玉振門前庭正中建奎文閣

懸鐘鼓於其上左崇文堂右拜禮堂外圍芳巖前為

文廟門左右二便門棟宇雕鏤棟宇制工巧祀事

神輝金甍密簷蓋造良一警濼城內有花鮮併松杉橘

全

陸城縣署在成總福祿邑規制同前

福安縣冲疲推在萬安總福田村規制同前

海象池在梅安縣福興總福賜星之北昔為高鄉通心

屯兵池泉之所開築土堤今故址南在

般厥昔在福江之南岸臨江曠地有聖水官駐劄防守經孔

厥厥今改建新厥於福盧村首鎮署之地

文廟在福江縣平城新欄二村地距西二里半

顯宗乙未二十五年築福宗永盛才一年鎮也嘗築守阮恭

卷之六
清康熙五十四年

楓金木華滋潤香敷者實遺果之珠連湯漲霖霖在

常澤者秋至

份德顯有方嚮行孔以類軍者守節於秋霖香慶祀故孔

聖中或臨天華寸春恭啟身

會同廟道祠在城西江角嘉隆十八年夏改建於城前西南

棟宇壯麗僕物整潔迨年春秋二祭裝在祀典

禮公祠在大師河之南崇奉敬差仇率掌考孔成侯既福孔

廟宇廣廣南臨福江以宏碩石為水城下有火輿吸風吹

卷之六



(thời gian Lê Quý Đôn viết *Phủ biên tạp lục*, tập bút ký về Đàng Trong), Lê Quý Đôn cho biết vùng này vẫn còn đầy dãy rừng rậm. Mặt khác, nguồn nhân lực còn ít ỏi này lại phải lo nuôi tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn và chiến tranh liên tục tàn phá. Do đó, cả một thời gian dài, chỉ ít đến khi loạn thần Trương Phúc Loan bị diệt (năm 1776), nguồn nhân lực ở cả xứ Đồng Nai – Gia Định không hề được vun đắp. Sau sự kiện này, trước viễn cảnh bị tiêu diệt bởi phong trào nông dân Tây Sơn, các chúa Nguyễn đã chú trọng hơn đến việc phát triển giáo dục ở vùng đất mới nhưng mức độ vẫn không đáng kể.

Giáo dục và khoa cử dưới thời các chúa Nguyễn, về cơ bản, không khác gì so với các triều đại phong kiến trước đó. Ở một số mặt, lại không bài bản và quy củ như Đàng Ngoài. Thời này, các chúa Nguyễn không đứng ra lập trường để lo việc học cho dân mà chỉ tổ chức các kỳ thi để tuyển chọn nhân tài. Việc duyệt tuyển bắt đầu từ năm 1631, thời chúa Hy Tông Nguyễn Phúc Nguyên (1613 – 1634) để lấy *Nhiêu học*. Nhưng mãi đến năm 1674, đời chúa Thần Tông Nguyễn Phúc Lan (1635 – 1648) mới có khoa thi *Chính đồ* và *Hoa văn* để lấy *Giám sinh*, *Sinh đồ*, *Nhiêu học*. Các kỳ thi ở thời các chúa Nguyễn về sau, như *Văn chức*, *Tam ty*... cũng không có gì khác hơn, chủ yếu vẫn là tuyển chọn những người làm công việc hành chính. Số người đi thi ít và cũng không được ghi chép lại. Lê Quý Đôn nhận xét: *Họ Nguyễn trước chuyên giữ một phương chỉ mở thi Hương, song chuyên dùng lại tư, không chuộng văn học, ít thu lượm người tuấn dị. Mỗi khi có khảo thí thì lấy học sinh Hoa văn (thi viết chữ Hán – B.Q.H.) gấp 5 lần Chính đồ và những nơi quan yếu thì uỷ cho họ hàng coi giữ mà cho người đậu vào Hoa văn giúp việc. Người đậu thi Hương,*



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
27

bắt đầu bỏ làm tri huyện, chỉ coi việc kiện tụng, thứ nữa là làm ký lục thì giữ việc đòi thu thuế khóa, những kẻ lớn, mưu lớn thì không hỏi han gì đến, còn bọn tiểu học hậu sinh thì cũng không thấy có sự nuôi dạy tác thành.⁽²⁾ Đã thế, việc tổ chức thi cử không lấy gì làm nghiêm túc và dễ dàng thay đổi ở mỗi đời chúa. Có kỳ thi như năm Tân Sửu (1721), chúa Hiền Tông Nguyễn Phúc Chu (1691–1725) đã đánh hỏng 77 người trúng cách sau khi tự mình ra đề kiểm tra. Đặc biệt, trong gần 2 thế kỷ nắm quyền thống trị Đàng Trong, các chúa Nguyễn chưa hề tổ chức thi Hội và thi Đình.

Đó là việc thi cử nói chung ở Đàng Trong, mà chủ yếu là vùng Thuận – Quảng. Thời này, chỉ có một sự kiện đáng lưu ý nhất là việc chúa Hiền Tông Nguyễn Phúc Chu cho xây dựng văn miếu ở Trấn Biên (sẽ nói rõ hơn ở mục sau).

Giáo dục phong kiến ở vùng Đồng Nai – Gia Định thực sự tiến triển từ khi Nguyễn Phúc Ánh (tức vua Gia Long sau này) xưng Đại nguyên soái, cầm đầu tàn binh của chúa Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần (1765 – 1777) tiếp tục chống lại Tây Sơn (Mậu Tuất, 1778). Sau khi chiếm lại vùng Đồng Nai – Gia Định lần thứ nhất (1778), Nguyễn Ánh đã dốc sức tổ chức lại bộ máy cai trị, sắp xếp các khu vực hành chính, điều chỉnh mức thuế điền thổ, khuyến khích phát triển nông nghiệp. Dĩ nhiên, tất cả những việc này đều nhằm mục tiêu duy nhất là tăng cường binh mã để đủ sức chống đỡ những cuộc tấn công như vũ bão của phong trào Tây Sơn. Nhu cầu phục vụ chiến tranh đó càng đòi hỏi đến đội ngũ cán bộ nhiều hơn nữa. Vì thế, tập đoàn Nguyễn Ánh ra sức đề cao Nho giáo, trọng dụng và khuyến khích người có học. Năm Mậu Thân (1788), khi vua Quang Trung đang phải dốc



toàn lực để chống lại 20 vạn quân Thanh ở phía Bắc, Nguyễn Ánh đã xua quân chiếm lại vùng Đồng Nai – Gia Định lần cuối cùng. Từ đây, Nam bộ hoàn toàn thuộc về nhà Nguyễn. Một trong những việc hàng đầu của Nguyễn Ánh sau khi chiếm được Trấn Biên và Phiên Trấn là ra lệnh miễn binh dịch và lao dịch cho học trò. Cũng năm đó, Trịnh Hoài Đức (1765 – 1825) và Lê Quang Định – những đại thần của triều Nguyễn sau này, đi thi và được bổ chức Hàn lâm viện chế cáo. Những người có thực tài này đã thăng tiến khá nhanh (năm sau, Trịnh Hoài Đức được cử tri huyện Tân Bình, rồi thị giảng cho Đông cung Cảnh...).

Từ đây, Nguyễn Ánh càng ra sức khuyến nông và đề cao Nho giáo hơn nữa. Tháng tư năm Tân Hợi (1791), mở khoa thi, chia làm 2 kỳ. Kỳ đệ nhất thi kinh nghĩa, truyện nghĩa và thơ. Kỳ đệ nhị thi chiếu, chế, biểu. Khoa này lấy trúng cách được 12 người. Tháng chạp năm Ất Mão (1795), Nguyễn Ánh ra quy chế về thi cử. Đến năm Bính Thìn (1796), khi đại tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu vây khốn Nguyễn Văn Nhân ở thành Diên Khánh, Nguyễn Ánh một mặt phải đốc tất cả quân thủy bộ cứu viện, một mặt vẫn cho mở khoa thi, gồm 3 kỳ: kỳ đệ nhất thi kinh nghĩa và thơ; kỳ đệ nhị thi văn; kỳ đệ tam thi thơ phú. Khoa này lấy 273 người, trong đó có 14 người trúng Tam trường. Chỉ trong vòng 5 năm, giữa 2 kỳ thi, số người đỗ đã tăng gấp 20 lần. Điều này chứng tỏ nhu cầu tuyển dụng cán bộ của tập đoàn Nguyễn Ánh, nhưng phần nào phản ánh sự phát triển của việc học ở vùng Đồng Nai – Gia Định.

Bên cạnh sự phát triển của Nho giáo theo con đường chính thống, trước và đồng thời là sự bùng nổ của giáo dục trong dân gian. Nếu như vào năm 1689, toàn phủ



29
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
29



290
năm
TRẦN MIÊU
TRẦN BIÊN
30

Gia Định mới chỉ có 40.000 hộ dân phiêu tán được tập hợp, song vẫn còn ở rải rác thì tới năm 1775, trên địa bàn của 3 dinh Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ đã có khoảng 42.500 đình, với hơn 1.300 thôn chính thức chịu thuế. Ngoài ra, toàn vùng còn có 45.000 quân, mà chủ yếu là *thuộc binh*. Riêng dinh Trấn Biên có 9.500 đình, 320 thôn và 10.320 quân. Từ những năm này, và nhất là từ sau khi Nguyễn Ánh chiếm phủ Gia Định lần cuối cùng (1788), dân cư không chỉ được tập trung, chăm lo sản xuất mà còn được liên tục bổ sung khá nhanh từ miền Thuận – Quảng do họ đi tránh các cuộc chiến tranh. Trong những đoàn người ấy, có nhiều người là nho sĩ hoặc chạy loạn, hoặc muốn hợp tác với Nguyễn Ánh. Dĩ nhiên, họ đem theo cả nền nếp Nho phong, chuyện học hành vào vùng đất mới. Vì vậy, tuy chính quyền chưa mở trường học, nhưng nhiều trường tư trong dân gian được mọc lên và tất nhiên được không chỉ người dân mà cả chính quyền phong kiến hết sức ủng hộ. Học trò có thể theo học các trường ở huyện, trấn. Muốn tiến xa hơn, theo học trường của nhà nho Võ Trường Toản, người sau này được tôn là “Thái Sơn Bắc đẩu” của sĩ phu Nam bộ, hay trường của thầy giáo Đặng Đức Thuật nổi danh là “Đặng gia sử phái”... Trường của các danh sư này có đến hàng trăm môn sinh, nhiều người sau này đỗ đạt, thực sự là những nơi đào tạo nhân tài cho cả Nam bộ.

Ở các thôn, làng, việc học thời đó đa dạng hơn. Các trường tư ban đầu được mở ở trung tâm huyện Phước Long, sau là các thôn có đông người Kinh. Số rất ít các thầy giáo là những *nhieu học*, vì hầu hết những người đỗ đạt đã được chính quyền trọng dụng. Phần đông họ là người có học từ các phương xa đến. Làng nào không

có thầy phải lặn lội mời người biết chữ ở nơi khác về dạy. Có nơi, không thành lập trường, thầy giáo được mời đến nhà một người giàu có để dạy trẻ con trong gia đình và vài ba học trò xóm giềng. Thế nhưng, việc học được xem trọng, học trò và phụ huynh hết lòng tôn kính thầy giáo. Ban đầu, các thầy giáo dạy cho học trò *Tam tự kinh, Tứ tự kinh...* Dần hồi, học *Dương tiết, Sử thượng*, rồi *Tứ thư, Ngũ kinh, Thông giám*. Song, khác với Đàng Ngoài, việc học ở Trấn Biên, cũng như phủ Gia Định thời ấy, không quá bài bản, mà “thực dụng” hơn. Nếu như ở Đàng Ngoài, một học trò, sau sáu năm rèn giũa ở bậc ấu học mới học đến cách làm thơ phú, kinh nghĩa, văn sách thì ở đây, mười tuổi Trịnh Hoài Đức, lưu lạc nhiều nơi mà đã đọc cả kinh sử tử tập, tam giáo cử lưu (Trịnh Hoài Đức: *Kỳ u kinh sử tử tập, tam giáo cử lưu, phạm ngộ đồng văn chi thư tất cầu cánh độc*). Hơn thế nữa, sĩ phu Đồng Nai thời này, do những điều kiện lịch sử, kinh tế của quê hương đã có một kiểu sinh hoạt văn hóa đặc sắc. Trong lời tựa *Cấn Trai thi tập*, Trịnh Hoài Đức kể rất rõ cách học của ông và những bạn cùng thời. Đó là đọc sách đủ loại, chẳng ngại bị cười chê là đọc tạp nham, tìm học ở các bậc thầy và kết giao bạn hữu để cùng nhau trao đổi: *Chúng tôi còn ham thơ Đường; thích phong cách văn điệu, nên thường hỏi các bậc thầy đương thời. Không ngại Gia Định là đất mới, văn chương mới sơ khai, dòng thơ còn hạn hẹp, muốn tìm về nguồn gốc mà chưa có lối ra. Bèn tìm mua sách về phép làm thơ của ba thời kỳ nhà Đường và sách của chư gia, để cùng nhau dùi mài, nghiên ngẫm những cái sâu xa, uyên áo về khí cách và thể tài. Khi ngủ, khi ăn đều nghiên ngẫm, dịch chú hay đề tài, từng bước học theo. Lâu dần về sau, đã thành thực, gặp cảnh sinh tình, đặt bút thành thơ mà không*



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
31

trái với thể thức khuôn phép (...) Từ đó, các bậc nổi danh trong làng văn thơ đương thời vui mến kết giao, cho là bạn “vong niên”, các cuộc bình luận thơ văn đều cho tham dự (...) Vì thế, cái tên An Tĩnh (tức Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhơn Tịnh) được truyền rộng qua miệng các văn nhân... So với thời ấy, thật là một lối học mới. Sau này, chưa đầy 30 tuổi, các ông Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định đều được cử làm thầy dạy cho Đông cung Cảnh. Chính một nền giáo dục tự phát, nhưng gấp rút trong nhân dân đã làm cho toàn vùng, theo Trịnh Hoài Đức, chẳng mấy, nho sĩ đã “*học qua Ngũ kinh, Tứ thư, Thông giám, tinh hiếu nghĩa lý*”. Và nhờ thế, dù trước đó, một thời gian dài, việc giáo dục không được chăm sóc, nhưng đúng như lời khen của Lê Quý Đôn: “*Văn mạch một phương, dằng dặc không dứt*”.



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
32

Như đã nêu, nói sự hình thành nền giáo dục ở Biên Hòa – Đồng Nai buổi ban đầu chủ yếu là Nho học. Trong thời gian này, một yếu tố không kém phần quan trọng ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của giáo dục là Phật giáo. Từ thế kỷ XVII, trong các đoàn di dân vào Đồng Nai – Gia Định, nhiều người là tín đồ Phật giáo, các sư sãi. Họ xây cất chùa, am ở những vùng nay thuộc thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, Bà Rịa...

Buổi đầu, ở Biên Hòa, cũng như Đàng Trong, Phật giáo chẳng những không bị ngăn cản mà còn được khuyến khích phát triển. Nhiều vị chúa Nguyễn tôn sùng đạo Phật, đã sắc tứ các chùa, sắc phong cho các nhà sư có uy tín. Bởi vậy, nhiều ngôi chùa nổi tiếng ở Trấn Biên như: Bửu Phong, Kim Cang, Hộ Quốc, Vạn An... đã trở thành những trung tâm của Phật giáo Đàng Trong. Các nhà sư đồng thời là thầy dạy của không ít bậc tài danh sau này. Còn những nho sĩ, không chỉ thông thạo kinh Dịch mà

còn ưa thích cả kinh Phật. Nhiều người trong số họ đã nương nhờ và học hành ở cửa Phật trước khi xuất hành. Trong một bài thơ, Trịnh Hoài Đức kể chuyện của mình khi nhỏ:

*Ức tích thái bình thì
Lộc Động phương thịnh mỹ
Thích Ca giáo hưng sùng
Lâm ngoại tô phú quý
Ngã vi thiêu hương đồng
Sư tác trì giới sĩ
Tuy ngoại phân thanh hoàng
Nhược mặc khế tâm chí.*

(Nhớ thuở thái bình xưa / Đồng Nai vừa thịnh mỹ / Đạo Thích được tôn sùng / Nhà ngoại còn phú quý / Ta làm trẻ dâng hương / Sư là người giữ giới / Áo tụy chia xanh vàng / Lòng vẫn chung ý chí).

Sau này, khi đã là quan Chánh sứ nước Nam sang Trung Hoa, Trịnh Hoài Đức đã viết không ít bài thơ nhân viếng cảnh chùa, tặng các nhà sư nổi tiếng với lời lẽ trang trọng:

*Đa thừa thiên tuệ khai mê lộ
Biển lễ Như Lai chứng đạo tâm*

**Du Hải Chàng tự tặng
Tuệ Chân thượng nhân**

(Nhận nhiều ánh sáng trí tuệ của Phật khai thông được con đường mê muội; Hành lễ rộng khắp, Phật Như Lai sẽ chứng giám chỗ sâu xa trong lòng người)

Câu chuyện này hẳn không riêng gì Trịnh Hoài Đức. Vì thế, có tác giả đã nhận định rất đúng rằng thiết chế văn hóa – tư tưởng thời ấy là kiểu “Nho – Thích song hành”.

Tuy thiết chế văn hóa – tư tưởng thời ấy là như vậy, nhưng Nho giáo vẫn chiếm ưu thế vì được phát triển theo



290
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
33

con đường chính thống. Tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn buổi ban đầu, khi mới chiếm vùng đất Đồng Nai, đã luôn tìm cách khuyến khích và khẳng định Nho giáo và Nho học.

Thời này, đạo Công giáo cũng đã phát triển ở nhiều nơi thuộc dinh Trấn Biên. Một số vùng truyền giáo quan trọng như: Tân Triều, Phước Lễ, Bến Gỗ, Mỹ Hội... đến cuối thế kỷ XVIII hình thành nên những nhà thờ, xứ đạo lớn. Tất nhiên, sự phát triển này có ảnh hưởng ít nhiều đến giáo dục, nhưng đó là việc sau này.

5.2. GIÁO DỤC DƯỚI THỜI NHÀ NGUYỄN (1802 - 1861)



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN

34

Khi triều Nguyễn được thiết lập (năm 1802), dinh Trấn Biên (năm 1808 được đổi thành trấn Biên Hòa). Do một thời gian trên 10 năm không có chiến tranh, dân cư đã trở nên đông đúc hơn, kinh tế phát triển. Lúc đó, trấn Biên Hòa có 10.600 nhân đinh. Đến năm 1832, khi đổi trấn thành tỉnh, Biên Hòa có 20.841 người và tới thời Tự Đức đã có 12.190 đinh. Và tới khi thực dân Pháp chiếm được Biên Hòa, dân số lúc đó đã là 31.381 người. Như vậy, trong gần 60 năm dưới chính quyền triều Nguyễn, dân số tỉnh Biên Hòa đã tăng bằng 1,5 lần. 60 năm này, trừ 2 năm (1833 - 1834) bị ảnh hưởng bởi cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi, nhìn chung các mặt kinh tế, xã hội ở Biên Hòa đều ổn định và phát triển. Đây là những tiền đề tốt cho giáo dục và khoa cử ở Nam bộ nói chung, Biên Hòa nói riêng được phát triển. Dĩ nhiên, trên từng khía cạnh cụ thể không phải bao giờ cũng đơn giản như vậy.

Như bất kỳ một vương triều nào mới được xác lập, ban đầu, nhu cầu về cán bộ của nhà Nguyễn rất lớn. Nhu cầu khách quan ấy khiến các vị vua đầu triều càng chú

trọng đến giáo dục và khoa cử. Vừa mới lên ngôi, Gia Long đã nói với bề tôi: “*Khoa cử là con đường bằng phẳng của học trò, thực không thiếu được, phải nên giáo dục thành tài, rồi sau thi Hương, thi Hội lần lượt cử hành, thì người hiền sẽ nối nhau giúp việc*”. Cũng năm này, Gia Long cho dời Quốc Tử Giám từ Thăng Long vào Huế, giao nhiệm vụ khảo khóa học trò và chọn con quan lại, những học trò giỏi để đào tạo thành người có học vấn ra làm quan. Một việc quan trọng hơn, liên quan đến sự phát triển của giáo dục trấn Biên Hòa là năm này, triều đình đã định lại học quy cho lưu trấn Gia Định (tức toàn vùng Nam bộ). Theo đó, mỗi làng được cử ra một người cho miễn lao dịch để dạy học; trẻ em 8 tuổi trở lên thì vào *Tiểu học*, rồi tới *Hiếu kinh*, *Trung kinh*, 12 tuổi trở lên học *Tứ thư*, 15 tuổi trở lên học *Ngũ kinh*, kèm *Chư tử* và *Sử*. Hai năm sau, triều Nguyễn cử Trương Chí Lý, Võ Xuân Biều, Hoàng Công Xuân làm Đốc học và Giáp át phó đốc học lưu trấn Gia Định, xây học đường Gia Định. Năm 1807, Gia Long xuống chiếu định phép thi Hương, thi Hội. Đến năm 1813, những học trò Biên Hòa có dịp thi thố trong kỳ thi Hương đầu tiên trên toàn quốc dưới triều Nguyễn. Các vị vua tiếp theo, nhất là Minh Mạng và Tự Đức càng chú trọng hơn đến việc học và khoa cử, dần hồi đưa giáo dục và khoa cử đi vào nền nếp, cho dù đó là nền nếp phong kiến chính thống. Chẳng hạn, sau khi đặt chức quan đốc học coi việc học toàn tỉnh, năm 1839, vua Minh Mạng đã cử thêm các quan huấn đạo coi việc học ở các huyện Phước Chánh, Bình An, Long Thành của tỉnh Biên Hòa cùng với một vài tỉnh khác ở Nam bộ. Những việc làm này là nguyên nhân khách quan thứ hai khiến giáo dục Biên Hòa phát triển có tính nhảy vọt như vị đại thần quê Trấn Biên, Trịnh Hoài Đức đã nhận xét: “...*lúc đầu Trung hưng (triều Nguyễn) đặt chức đốc học,*



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
35

ban bố học quy, mở khoa thi, lối học cử nghiệp phát khởi, từ đây lý học cùng văn chương đều thịnh hành tốt đẹp, mà văn phong mới trở dậy “. Sau này, Quốc sử quán triều Nguyễn cũng đã đánh giá hết sức tốt đẹp về người Biên Hòa: “Kẻ sĩ chăm học, dân sùng canh cửi, thợ ở phố mà làm việc; buôn tùy đất mà sinh nhai...”.

5.2.1. Hệ thống trường học ở Biên Hòa thời Nguyễn

Thời Nguyễn, các vị vua đã lần lượt xây dựng trường học từ trung ương đến cơ sở thành một hệ thống tương đối hoàn chỉnh. Ở các triều đại trước, một số trường học này đã có nhưng đến thời Nguyễn, việc tổ chức trở nên quy củ hơn. Nhiều trường cao cấp được lập tại kinh sư, dành riêng cho con cháu của hoàng thân quốc thích như: *Quốc Tử Giám, Tập Thiện Đường, Tôn Học Đường...*

Quốc Tử Giám

Trường học cao cấp thời phong kiến, được vua Lý Nhân Tông thành lập lần đầu tiên năm 1076 tại Thăng Long. Đây có thể xem là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam. Qua các triều đại, Quốc Tử Giám có nhiều tên gọi khác nhau: Quốc Tử Viện (1236), Quốc Học Viện (1253), Quốc Tử Giám (1428), Nhà Thái Học (1483)... Năm 1803, vua Gia Long lập kinh đô ở Phú Xuân đã cho xây Quốc Học đồng thời chuyển Quốc Tử Giám từ Hà Nội vào Huế. Đến năm 1821, vua Minh Mạng đổi tên Quốc Học thành tên cũ Quốc Tử Giám. Dưới triều Nguyễn, học sinh Quốc Tử Giám bên cạnh con em tông thất (được gọi là *Tôn sinh*), còn có *Giám sinh* (gồm: hương cống hoặc cử nhân đã thi Hương nhưng chưa thi Hội lần nào; cống sinh; cử nhân thi Hội trúng một hoặc không trúng trường nào), *Ấm sinh* (con quan từ tam phẩm trở lên). Tuy có mở rộng, nhưng nói chung Quốc Tử Giám là một trường tầm cỡ quốc gia, học sinh rất hạn chế.



Tập Thiện Đường

Tên của một nhà học dành riêng cho các hoàng tử, được vua Gia Long lập năm 1817.

Tôn Học Đường

Lập năm 1850, dưới thời vua Tự Đức. Trường dành cho thân phiên, hoàng thân công, hoàng thân và con cháu hoàng thân tuổi từ 15 trở lên.

Bên cạnh các trường cao cấp ở kinh sư còn có hệ thống trường công lập đặt ở tỉnh, phủ, huyện. Đây là những trường có nhiệm vụ rèn học sinh để đi thi Hương.

Trường học tỉnh

Trường học tỉnh Biên Hòa có từ đầu đời Gia Long, đặt ở thôn Tân Lại, huyện Phước Long. Từ đời Minh Mạng, trường tỉnh chuyển về thôn Tân Lâm, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long. Trường học tỉnh Biên Hòa gồm 1 giảng đường 3 gian 2 chái và 1 nhà vuông 1 gian 2 chái. Nếu so sánh với các tỉnh thuộc Nam bộ thời đó, trường tỉnh Biên Hòa được xây cất cùng thời với trường tỉnh Gia Định (vốn là trường của cả lưu trấn). Còn các trường tỉnh khác (An Giang, Vĩnh Long, Định Tường) đều xây từ thời Minh Mạng (1820 – 1840), hoặc Thiệu Trị (1841 – 1848).



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
37

Trường học phủ

Ở tỉnh Biên Hòa xưa có hai trường học phủ. Một là Trường học phủ Phước Long, ở về phía đông bắc lý sở của phủ (thôn Bình Lợi, huyện Phước Chánh). Trường này được xây dựng từ trước năm 1837. Hai là trường học phủ Phước Tuy, ở phía đông bắc lý sở của phủ (thôn Phước Lễ, huyện Phước An). Trường học phủ Phước Tuy được xây dựng vào năm Minh Mạng thứ 18 (1837). Biên Hòa là tỉnh thứ ba của lục tỉnh (Gia Định, Biên Hòa,

Định Tường) thời nhà Nguyễn có 2 trường học phủ. Đến năm 1823, vua Minh Mạng cho đặt các chức giáo quan ở các địa phương và quy định cả quy cách xây dựng các trường. Theo đó, các trường học phủ gồm 3 gian, 2 chái, được cấp 300 quan tiền để xây dựng.

Trường học huyện

Ở tỉnh Biên Hòa xưa đến nay chưa thấy có tài liệu nào khi chép rõ ràng. Song, nếu so sánh với trường học huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường được xây năm 1835 (Minh Mạng thứ 16) là trường huyện xây sớm nhất mà *Đại Nam nhất thống chí* có ghi với việc năm 1839, vua Minh Mạng đặt thêm chức Huấn đạo cho các huyện Phước Chánh, Bình An và Long Thành của tỉnh Biên Hòa thì có lẽ các trường này được xây dựng khoảng từ năm 1825 – 1839. Về quy cách, trường học huyện được xây dựng như trường học phủ, nhưng quy mô và kích thước nhỏ hơn với khoản tiền là 250 quan.

Từ năm 1823, vua Minh Mạng đã cho đặt các chức giáo quan ở địa phương: *Đốc học* coi việc học của tỉnh và phụ trách trường tỉnh; *Giáo thụ* phụ trách trường phủ; *Huấn đạo* phụ trách trường huyện. Từ đó trở đi, hệ thống trường công ngày càng được quy định cụ thể, chi tiết về trường ốc cư trú, lương gạo học bổng, chương trình khảo sát và lệ thưởng phạt.

Trong lịch sử của giáo dục thời phong kiến, các trường học ở cấp cơ sở (tổng, xã, thôn, ấp) hoàn toàn do nhân dân tự lo liệu. Dưới thời vua Gia Long có đặt chức *Tổng giáo* để dạy sơ học nhưng tới năm 1824, dưới triều vua Minh Mạng, bộ Lễ tâu rằng các phủ, huyện đã có những quan giáo thụ, huấn đạo nên xin nhà vua bãi bỏ. Trường ở các tổng, thôn của tỉnh Biên Hòa xưa do các thầy đồ, nho sĩ mở như các tỉnh khác. Thế nhưng, do



giáo dục ở vùng này có bề dày lịch sử hơn so với một số vùng khác (dĩ nhiên, trừ Gia Định), nên có nhiều trường thu hút đông học trò ở các tỉnh khác đến. Chẳng hạn, nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa quê ở Vĩnh Long đã về Biên Hòa năm 10 tuổi, làm học trò thầy đồ Hoàn ở Phước Chánh rồi đi thi Hương đỗ Giải nguyên.

So với thời các chúa Nguyễn, thầy giáo dạy các trường cơ sở (*huong học*) thời nhà Nguyễn có trình độ cao hơn, mặc dù vẫn có hai loại: những người đỗ đạt và không đỗ đạt. Người đỗ đạt cũng có nhiều loại, từng làm quan rồi nghỉ hưu hay bị cách chức về quê; đỗ đạt nhưng không ra làm quan, lấy nghề dạy học nhằm truyền thụ kiến thức cho lớp trẻ, hoặc làm thú vui, hoặc để nuôi sống gia đình và bản thân. Người không đỗ đạt là những vị đã từng đi thi Hương nhưng không đỗ hoặc chỉ đỗ một, hai trường, lui về quê dạy học để tiếp tục thi khóa sau hoặc không bao giờ đi thi nữa. Những người này dân gian thường gọi là *thầy đồ*, *thầy khóa*, được học trò và nhân dân hết sức kính trọng.

5.2.2. Nội dung học tập

Giáo dục thời Nguyễn kế thừa các triều đại trước. Đó là giáo dục Nho giáo, lấy tư tưởng Khổng – Mạnh làm nội dung giảng dạy, hướng đến hành vi, ứng xử của kẻ sĩ. Do đó, dù trường công hay trường tư, nội dung học tập không có gì khác nhau, nếu có chỉ là mức độ, cách thức giảng dạy và học tập cho từng loại đối tượng. Đó là không ngoài *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, những sách được gọi là kinh điển Nho gia:

Tứ thư gồm 4 quyển sách: *Đại học*, *Trung dung*, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*. *Đại học* gồm phần *Kinh* chép lời Khổng Tử và phần *Truyện* chép lời giảng giải của Tăng Tử, là sách dạy về đạo của người quân tử với phương châm “tu



thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. *Trung dung* ghi những lời tâm pháp của Khổng Tử, do Tử Tư, học trò cũng là cháu Khổng Tử chép lại. *Luận ngữ*: sách ghi lại lời dạy của Khổng Tử về các lĩnh vực triết học, luân lý, chính trị, học thuật. *Mạnh Tử*: sách chép lời bàn của Mạnh Tử về chính trị, đạo đức, kinh tế do Mạnh Kha thời Chiến quốc soạn.

Ngũ kinh: cùng với *Tứ thư* làm thành bộ kinh điển Nho gia, gồm 5 quyển: *Kinh thi*, *Kinh thư*, *Kinh dịch*, *Kinh lễ*, *Kinh Xuân Thu*. *Kinh thi*: chép những bài ca dao nơi thôn dã và triều đình thời thượng cổ ở Trung Quốc do Khổng Tử sưu tập. *Kinh thư*: sách do Khổng Tử sưu tập về điển lễ, mưu hoạch, dạy dỗ, răn bảo tướng sĩ... của các vua Trung Quốc từ đời Nghiêu, Thuấn đến Đông Chu. *Kinh dịch*: sách tương số dùng để bói toán và sách lý học giải thích sự biến hóa của vũ trụ và muôn vật theo luật âm dương. *Kinh lễ*: sách chép giao tiếp, nghi lễ trong gia đình, làng xóm, triều đình do Khổng Tử san định lại vào thời Xuân Thu. *Kinh Xuân Thu*: nguyên là *Sử ký* nước Lỗ, do Khổng Tử san định lại, chép chuyện theo kiểu biên niên từ đời Lỗ Ẩn Công đến đời Lỗ Ái Công (gồm 243 năm).

Ngoài ra, sĩ tử thời Nguyễn còn phải học thêm sách *Bách gia chư tử* (loại sách triết học của hàng trăm nhà trước tác cổ Trung Quốc). Tất cả các sách đều của Trung Hoa. Mãi sau này mới có một vài cuốn sách do người Việt soạn, nhưng việc lưu hành và sử dụng rất hạn chế.

Để tiếp thu được kinh điển Nho gia, người học thời xưa, dù là hoàng thân quốc thích hay con cái dân thường đều phải trải qua bậc sơ học. Đầu đời Gia Long, nhà vua đã quy định bậc học cụ thể: “Từ 8 tuổi trở lên thì vào tiểu học rồi đến học sách *Hiếu kinh*, *Trung kinh*; 12 tuổi trở lên, trước học *Luận ngữ*, *Mạnh tử* rồi *Trung dung*, *Đại*



học; 15 tuổi trở lên trước học *Thi, Thư*, sau học *Dịch, Lễ, Xuân Thu*, học kèm *Chu tử và Sử*”.

Các vua đầu triều Nguyễn, đặc biệt là vua Minh Mạng, rất chú trọng đến giáo dục và khoa cử. Có lần, vua Minh Mạng đã nói với triều thần: “Triều đình chọn người làm quan, hoặc lấy người có tư cách, hoặc lấy người có công lao, đều đem ra chỗ công bàn định cả, chứ có phải riêng tư đâu mà dẫn dắt nhau được đâu”. Đến năm 1834, nhà vua lại ban hành *Mười điều huấn dụ* (Thập điều) để ban hành và giảng giải cho mọi thần dân hiểu rõ về việc giáo dục. *Mười điều huấn dụ* ấy gồm:

1. *Đôn nhân luân* (tôn trọng luân thường đạo lý, tức tam cương ngũ thường)
2. *Chính tâm thuật* (giữ cho lòng ngay thẳng)
3. *Vụ bán nghiệp* (chăm lo nghề nghiệp)
4. *Thượng tiết kiệm* (chuộng lối sống tiết kiệm)
5. *Hậu phong tục* (giữ gìn phong tục thuần hậu)
6. *Huấn tử đệ* (dạy dỗ con cái)
7. *Sùng chính đạo* (tôn sùng đạo Nho)
8. *Giới tâm thác* (tránh tà dâm)
9. *Thận pháp thủ* (tuân theo pháp luật)
10. *Quảng thiện hành* (làm nhiều điều tốt).

Điều đáng lưu ý là, nội dung sách vở, “đường lối” giáo dục là vậy, song vai trò của người thầy rất quan trọng. Học trò không chỉ học ở thầy giáo sách vở thánh hiền mà cả nhân cách Nho gia. Bởi vậy, ở từng vùng, nhân cách của thầy giáo sẽ còn ảnh hưởng lâu dài đến hành xử của những người sau này là rường cột quốc gia. Chẳng hạn, ở vùng Đồng Nai – Gia Định là nhân cách của các thầy Đặng Đức Thuật, Võ Trường Toản... khi quá nửa quan lại cao cấp đương triều là học trò của họ như lời Trịnh Hoài Đức từng nhận xét. Do đó, đây là những nguyên nhân chính đã khiến tầng lớp nho sĩ Biên



Hòa, cũng như Nam bộ thời ấy có nhiều điểm khác so với các vùng khác.

5.2.3. Khoa cử và những người đỗ đạt

Chế độ khoa cử dưới triều Nguyễn kéo dài cho đến năm 1918, năm diễn ra khoa thi Hương cuối cùng ở Trung kỳ. Thế nhưng, ở Nam kỳ, chế độ khoa cử phong kiến đã chấm dứt vào năm 1864, năm có kỳ thi Hương cuối cùng được tổ chức tại trường thi An Giang thay vì trường Gia Định như trước.

Tất cả các kỳ thi ở thời Nguyễn từng triều vua có khác nhau ít nhiều về cách thức nhưng đều nhằm mục đích dùng thi cử để tuyển chọn người tài, phục vụ cho bộ máy chính quyền các cấp, dù không phải ai đỗ đạt cũng đều làm quan. Song, do sớm ý thức tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ, các vị vua đầu triều Nguyễn đặc biệt quan tâm đến khoa cử. Năm 1807, vua Gia Long hạ chiếu nêu rõ: *“Nhà nước cầu nhân tài, tất do đường khoa mục. Tiên triều ta chế độ khoa cử đời nào cũng có cử hành... Nay thiên hạ cả định, Nam Bắc một nhà, cầu hiền chính là sự cần kíp”*. Tờ chiếu cũng quy định rõ phép thi: kỳ đệ nhất thi kinh nghĩa; kỳ đệ nhị thi chiếu, chế, biểu; kỳ đệ tam thi thơ, phú; kỳ đệ tứ thi văn sách. Khoa Đinh Mão (1807) năm ấy là kỳ thi Hương đầu tiên dưới triều Nguyễn. Khoa này có 6 trường thi, gồm: Nghệ An, Thanh Hoa, Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam, Hải Dương, lấy đỗ 61 người. Dự định, năm sau, Mậu Thìn (1808) sẽ thi Hội nhưng do mới bình định, văn học còn ít nên đình lại đến năm Nhâm Ngọ, Minh Mạng thứ ba (1822) mới mở khoa thi Hội đầu tiên. Vào năm Quý Dậu (1813), ở khoa thi Hương thứ hai dưới triều Nguyễn, trường thi Gia Định (bao gồm sĩ tử của Nam kỳ lục tỉnh và Bình Thuận) mới tham gia. Dưới triều Nguyễn, trong khoa thi Hương, ai



đỗ 4 kỳ được gọi *cử nhân*; đỗ 3 kỳ được gọi *tú tài*. Lệ cũ quy định, cứ 1 cử nhân lấy trúng 3 tú tài. Đến thời này, lại chuẩn định 1 cử nhân lấy 3 tú tài. (Đời Hậu Lê, thi Hương lấy *cử nhân* và *tú tài*. Đời Lê trung hưng, *cử nhân* gọi là *huong cống*, *tú tài* gọi là *sinh đồ*. Đến năm Minh Mạng thứ chín, 1828, đổi lại *huong cống* là *cử nhân* và *sinh đồ* là *tú tài*). Để bạn đọc có thể hình dung đôi nét về thi Hương dưới triều Nguyễn, xin giới thiệu Điều lệ do vua Gia Long định năm 1807 (đến năm 1834, vua Minh Mạng có sửa đổi và quy định lại lần thứ hai):

Tính từ khoa thi Hương năm Quý Dậu (1813) đến khoa thi Hương năm Giáp Tý (1864), sĩ tử các tỉnh Nam bộ và Bình Thuận có 19 kỳ. Trong 19 kỳ thi đó, theo *Quốc triều hương khoa lục*, có 22 sĩ tử Biên Hòa đậu Cử nhân. Sách xưa không chép những người đậu Tú tài trong các kỳ thi Hương, nên bây giờ, khó có con số thống kê chính xác về người đậu Tú tài ở Biên Hòa. Song, rõ ràng, đấy không phải là ít. So sánh với 8 tỉnh có sĩ tử tham dự kỳ thi Hương tại trường Gia Định, Biên Hòa xếp thứ tư (sau Gia Định, Vĩnh Long và Định Tường; trước Bình Thuận, An Giang và Hà Tiên). Sau đây là những cử nhân của Biên Hòa xưa:

* **HUỲNH VĂN TÚ**, người thôn Tân Hội, tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long (nay là Tân Uyên), đậu thứ 8/12 người, khoa Kỷ Mão- 1819. Cử nhân Huỳnh Văn Tú làm quan đến chức Bố chánh (chức quan đứng thứ hai ở một tỉnh lớn) tỉnh Cao Bằng. Cùng khoa với ông là những nhân vật xuất chúng như: Trương Đăng Quế, Nguyễn Công Trứ, Lê Văn Phúc, Trương Minh Giảng...

* **TỔNG ĐỨC HƯNG**, người thôn Long Đức, tổng An Thủy, huyện Bình An; phủ Phước Long (nay là Thủ Đức), đậu thứ 8/16 người, khoa Tân Ty- 1821.



* **PHẠM TUẤN**, người thôn Bình Trước, tổng Phước Vĩnh, huyện Phước Chánh (nay là thành phố Biên Hòa), đậu thứ 11/16, khoa Tân Ty-1821.

* **ĐÀO TRÍ KÍNH** (sau đổi là Đào Trí Phú), người thôn Phước Kiên, tổng Thành Tuy, huyện Long Thành, phủ Phước Long (nay là xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch), đậu thứ 14/15 người, khoa Ất Dậu- 1825. Cử nhân Đào Trí Kính làm quan tới chức Tham tri (chức quan thứ hai, dưới Thượng thư một bộ, tương đương với thứ trưởng thứ nhất ngày nay) bộ Hộ, Tổng đốc Nam Ngãi. Cùng khoa với ông, có Phan Thanh Giản (sau này là vị tiến sĩ đầu tiên của Nam bộ), Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Đăng Giai...

* **NGUYỄN VĂN TRI**, người thôn Linh Chiêu, tổng An Thủy, huyện Bình An, phủ Phước Tuy (nay là phường Linh Chiêu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh), đậu thứ 4/11 người, khoa Đinh Dậu- 1837.

* **NGUYỄN VĂN TOẠI**, người thôn Linh Chiêu, tổng An Thủy, huyện Ngãi An, phủ Phước Tuy (nay là Thủ Đức), đậu thứ 15/16 người, khoa Tân Sửu -1841. Cử nhân Nguyễn Văn Toại làm quan tới chức Tri phủ.

* **NGUYỄN DUY DOÃN**, người thôn Tân An, tổng Bình Chánh, huyện Bình An (nay là thị xã Thủ Dầu Một), đậu thứ 2/16 người (á khoa) khoa Nhâm Dần- 1842, làm quan đến chức Biện lý bộ Hộ.

* **NGUYỄN QUANG KHUÊ**, người thôn Bình Phú, tổng An Thủy, huyện Ngãi An (nay là Thủ Đức), đậu thứ 10/16, khoa Nhâm Dần (1842), làm quan đến chức Ngự sử (viên quan chuyên khuyến cáo, can gián những lỗi lầm của vua và đàn hặc quan lại phạm tội).

* **NGUYỄN VĂN NGHỊ**, người thôn Tân Lập, huyện Phước Bình (nay là tỉnh Bình Phước), đậu thứ 13/16 người, khoa Nhâm Dần- 1842, làm quan đến chức Tri huyện.



* **PHẠM VĂN TRUNG**, người thôn Linh Chiêu, tổng An Thủy, huyện Ngãi An (nay là Thủ Đức) đỗ thủ khoa (Giải nguyên) /15 người, khoa Quý Mão- 1843, từng là Đốc học tỉnh An Giang.

* **TRẦN VĂN HỌC**, cùng quê, đồng khoa với Phạm Văn Trung, đậu thứ 8/15 người, làm quan đến chức Tri huyện.

* **NGUYỄN VĂN HUNG** (sau đổi là Nguyễn Túc Trung), người thôn Hắc Long, tổng An Phú, huyện Phước An, phủ Phước Tuy (nay là huyện Châu Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu), đậu thứ 14/15 người, khoa Quý Mão - 1843, làm quan tới chức Phủ thừa (chức quan dưới quyền Phủ doãn, chuyên coi việc tư pháp của kinh đô) Thừa Thiên, quyền biện Bố chánh Bình Định.

* **NGUYỄN LƯƠNG NGẠN** (sau đổi là Nguyễn Lương Năng), người thôn Bình Thành, tổng Phước Vĩnh, huyện Phước Chánh (nay là thành phố Biên Hòa), đậu thứ 10/20 người, khoa Bính Ngọ-1846, làm quan tới chức Ngự sử.

* **HỒ VĂN PHONG**, người thôn Linh Chiêu, huyện Ngãi An, đậu thứ 10/20 người, làm quan tới chức Tri phủ, đồng khoa với Đình nguyên Thám hoa Nguyễn Đức Đạt.

* **NGUYỄN KHIÊM TRINH**, người thôn Tân Uyên, tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh (nay là xã Uyên Hưng, huyện Tân Uyên), đậu thứ 15/20 người, khoa Mậu Thân - 1848, làm quan tới chức Tri phủ, đồng khoa với Nguyễn Hàm Ninh.

* **NGUYỄN KHIÊM KHANH**, em ruột của Cử nhân Nguyễn Khiêm Trinh, đậu thứ 7/17 người, khoa Kỷ Dậu - 1849, đồng khoa với nhà thơ danh tiếng Phan Văn Trị, Trương Gia Hội, Nguyễn Thông.

* **NGUYỄN NÙNG HƯƠNG**, người thôn Long



290 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
45

Thanh, tổng An Phú, huyện Phước An, đậu thứ 9/13 người, khoa Nhâm Tý- 1852, làm quan đến chức Tri phủ.

* **BÙI ĐỨC LY**, người thôn An Hòa, tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành, phủ Phước Tuy (nay là xã An Hòa, huyện Long Thành), được bổ làm Giáo thụ (quan đứng đầu ngành giáo dục của một phủ), đồng khoa Nhâm Tý (1852) với Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân. Sách *Quốc triều hương khoa lục* có ghi cha ông là Bùi Đức Độ cũng đã đậu Cử nhân, song không thấy ghi rõ khoa năm nào. Nếu ông Bùi Đức Độ đậu cử nhân thì số “ông cử” của Biên Hòa là 23 người.

* **NGUYỄN LƯƠNG TRI**, em ruột của Cử nhân Nguyễn Lương Ngạn, đậu thứ 6/9 người, khoa Mậu Ngọ- 1858.

* **VÕ XUÂN**, người thôn Tân Thuận, huyện Phước Chánh (chưa rõ nay là Tân Uyên hay Vĩnh Cửu), đậu thứ 2/10 người, khoa Giáp Tý (1864), tại trường An Giang.

* **NGUYỄN VĂN HỌC**, người thôn Bình Thảo, tổng Phước Vĩnh, huyện Phước Chánh (nay là xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu), đậu thứ 6/10 người, khoa Giáp Tý - 1864.

Như vậy, trong số những người đỗ đạt ở Biên Hòa xưa, có đến 4 người là anh em ruột của nhau; huyện Phước Chánh (nằm phần lớn là thành phố Biên Hòa ngày nay) là nơi có nhiều người đậu nhất. Ở khoa Ất Mùi (1835), nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa (vốn người Vĩnh Long) đậu Giải nguyên. Từ nhỏ, nhà thơ đã về Biên Hòa theo học và từ đây khăn gói đi thi (năm 28 tuổi). Đậu Cử nhân, sau một thời gian ngắn tập sự ở bộ Lễ, Bùi Hữu Nghĩa đã được cử làm Tri huyện phủ Phước Long (Biên Hòa). Cũng trong các khoa thi này, Biên Hòa có 1 thủ khoa (Phạm Văn Trung), 2 á khoa (Nguyễn Duy Doãn và Võ Xuân). Còn Cử nhân Đào Trí Phú đã được cử làm chủ khảo trường



thi Thừa Thiên – trường thi lớn nhất nước thời đó, khoa
Nhâm Dần – 1842...

(*Gia Định thành thông chí* – Trịnh Hoài Đức)

4.2. Đại Nam nhất thống chí

VĂN MIẾU: Ở địa phận thôn Tân Lại huyện Phước Chính, cách tỉnh thành 2 dặm về phía Tây Bắc. Năm Ất Mùi, Hiến Tông thứ 25 (1715), trấn thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long và viên kí lục là Phạm Khánh Đức tìm đất để dựng, phía Nam trông ra sông Phước Giang, phía Bắc dựa vào núi Long Sơn, là một cảnh đẹp nhất ở Trấn Biên; năm Giáp Dần (1794) đời Thế Tổ Cao hoàng đế, Lê bộ Nguyễn Đô phụng mệnh tu bổ, ở giữa dựng Văn miếu, biển ngạch khắc chữ *Đại Thành điện*, phía Tây dựng đền Khải Thánh, biển ngạch khắc chữ *Khải Thánh điện*; phía Đông là nhà kho; xung quanh xây tường gạch, phía Tả là cửa Kim Thanh, phía Hữu là cửa Ngọc Chấn, phía trước là cửa Đại Thành, giữa sân dựng các



Đại Nam nhất thống chí – Quốc sử quán triều Nguyễn.

Khuê Văn, biển ngạch khắc chữ *Khuê Văn các*, treo chuông trống ở trên, trước cửa có cầu, phía Tả là nhà Sùng Văn, phía Hữu là nhà Duy Lễ, bên ngoài xây tường vuông, phía trước là cửa Văn miếu, tả hữu có hai cửa ghi môn; cột xà chạm đục, thể chế tinh xảo. Hàng năm tế vào hai ngày đình mùa xuân và mùa thu. Đầu đời Trung hưng, nhà vua thường thân làm lễ, về sau sai quan thế thay. Lệ đặt 50 lễ sinh, 50



290 năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
47

miếu phu. Năm Tự Đức thứ 5, phụng mệnh tu bổ, Văn miếu chính đường và tiền đường đều 5 gian, lại dựng thêm hai dãy tả vu và hữu vu, mỗi dãy 5 gian; đền Khải Thánh, chính đường và tiền đường đều 3 gian, một tòa cửa giữa 3 gian, một tòa cửa trước 1 gian, một tòa kho đồ thờ 3 gian, một tòa Khuê Văn các hai tầng, ba gian hai chái; phía trước biển *Đại Thành điện* đôi làm *Văn miếu điện* và *Khải Thánh điện* đôi làm *Khải Thánh từ*.

4.3. BIÊN HÒA SỬ LƯỢC TOÀN BIÊN

VĂN MIẾU VÀ KHOA CỬ

Lúc đầu triều Nguyễn trung hưng, các đại thần đều là quan Ngũ Quân Đô Thống (Trung tướng) và hai quan Tổng Trấn Nam, Bắc Thành (khâm sai toàn quyền) cũng đều là Võ quan cả.

Vua Thế Tổ Cao Hoàng Gia Long đã nghĩ: “Việc trị nước cần phải có võ lẫn văn”. Bởi vậy, người hằng lưu tâm đến việc tổ chức học hành, thi cử để kén chọn người tài ra hướng dân giúp nước.

Nhà vua cho lập Văn miếu ở các doanh, trấn, thờ Đức Không Phu Tử, để tỏ lòng tôn trọng nho học.

Ở Trấn Biên, Văn miếu được xây cất tại thôn Tân Lại (Tân Thành) huyện Phước Chính (Đức Tu) cách trấn thành 2 dặm (ngàn thước) về phía Tây Bắc. Địa điểm này do quan trấn thủ Nguyễn Phan Long và ký lục Phạm Khánh Đức lựa đất, năm Ất Mùi (1715) đời Duệ Tông Hoàng Đế Phúc Thuần.

Phía Nam trông ra sông Phước Long (Đồng Nai). Phía Bắc dựa vào núi Long Ấn. Khung cảnh thật là hùng vĩ.

Năm Giáp Dần (1794) đời vua Nguyễn Phước Ánh, Nguyễn Đô ở Bộ Lễ được khâm mạng vào trùng tu lại.

Trước Văn miếu có biển ngạch khắc ba chữ *Đại Thánh điện*.

Phía Tây có đền *Khải Thánh* với tám biển *Khải Thánh điện*.

Phía Tây có *Thần Khố* (kho chứa đồ thờ).

Phía Tả trở cửa Kim Thanh.



Phía Hữu, cửa Ngọc Chấn.
Chính giữa sân, trước Đại Thánh điện, là Khuê Văn các
(gác treo chuông trống).

Trước cầu,

– Tả: Sùng Văn đường.

– Hữu: Duy Lễ đường.

Tứ vi: xây tường vuông, mặt trước là cửa “Văn miếu”,
hai bên tả hữu là Nghi-môn.

Trong miếu, cột kèo chạm trổ kiểu cách, tinh xảo.

Thường năm, xuân thu (2 mùa), chọn ngày đình làm lễ
tế.

Khi đầu trung hưng, vua Gia Long thường ngự đến tế,
về sau khâm mạng các quan đến chủ lễ. Triều đình lệ đặt:
50 lễ sinh, 50 miếu phu trông nom thường trực.

Năm 1852, vua Tự Đức chuẩn cho tu bổ tòa Văn miếu
thêm tiền đường và chính đường (5 gian, 2 nhà tả, hữu (5
gian)), nhà Từ Khí (3 gian), gác Khuê Văn (2 tầng, 3 gian,
2 chái) đặt lại: biển *Văn miếu điện*, biển *Khải Thánh từ*.

Năm 1840, lúc đảo nhậm Biên Hòa, bố chánh Ngô Văn
Địch có phụng cúng một đôi liễn, nguyên văn như sau:

Giang hán dĩ trạc, thu dương dĩ bộc, hạo hồ bất khả
thượng.

Tôn miếu chi mỹ, bá quan chi phú, du giả nan vi ngôn.

(Tự Đức Kỷ Dậu hạ, 1849)

Tuần phủ Biên Hòa đẳng xứ địa phương kiêm Bố chánh
sứ án triện: “Ngô Văn Địch cung thứ”.

Đôi liễn này được Bộ Tham Tri kim Đô sát viện Hữu
phó Đô ngự sử chuẩn Thự trước.

Đến năm 1861, khi quân Pháp đến chiếm tỉnh Biên Hòa,
đốt phá “Văn miếu”, một lãnh binh (Tiểu khu trưởng) lén
lấy giấu đôi liễn. Về sau, các bộ lão xin đem về treo tại
Đình Hiệp Hưng (Tân Uyên).

Văn miếu thờ Thánh Khổng, được giới bình dân địa
phương gọi tắt là Văn Thánh, phía trên có bến đò được
mệnh danh là bến Văn Thánh.



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
49

PHẦN 2
**QUÁ TRÌNH PHỤC DỰ
VĂN MIẾU TRẦN BÌNH**



290 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BÌNH**
50



Từ năm 1995, UBND thành phố Biên Hòa đã có tờ trình đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai cho phép xây dựng Nhà tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ tại xã Hiệp Hòa và Văn miếu ở phường Bửu Long. Chủ trương này đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh chấp thuận. Tiếp đó, cùng với các nhà khoa học của tỉnh, Thành phố

IG
EN

Hồ Chí Minh, lãnh đạo thành phố Biên Hòa đã tiến hành các bước thủ tục tiếp theo như tìm vị trí của Văn miếu Trấn Biên xưa, soạn thảo

Đề cương chính trị...

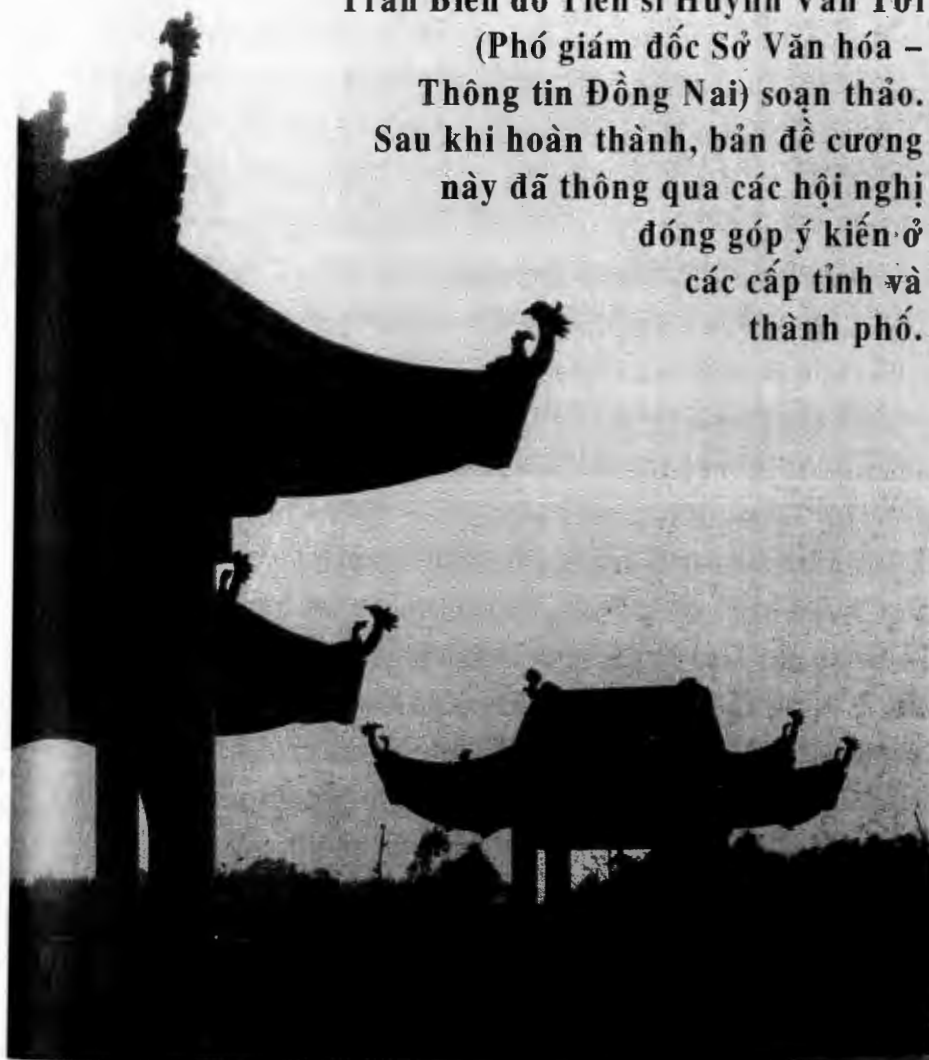
Bản Đề cương chính trị tái xây dựng Văn miếu Trấn Biên do Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới

(Phó giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Đồng Nai) soạn thảo.

Sau khi hoàn thành, bản đề cương này đã thông qua các hội nghị đóng góp ý kiến ở các cấp tỉnh và thành phố.



200
năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
51



1. QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

1.1. Đề cương chính trị Văn miếu Trấn Biên

1.1.1. Vài nét về Văn miếu Trấn Biên:

A. VĂN MIẾU

Văn miếu là biểu tượng văn hóa nhằm để tôn vinh các giá trị văn hóa – giáo dục theo quan điểm, mục đích của nhà nước phong kiến Việt Nam. Văn miếu cổ xưa thờ Văn Xương đế quân – một vì sao coi sóc văn chương của hạ giới (như đền Ngọc Sơn Hà Nội chẳng hạn); về sau, văn miếu thờ Khổng Tử cùng các học trò của ông; có nơi thờ cả Khổng Tử và Văn Xương đế quân. Theo thư tịch, văn miếu sớm nhất có lẽ là Văn miếu Thăng Long được Lý Thánh Tông dựng năm 1070, năm 1076 đặt Quốc tử giám ở đây để dạy học cho con em các quan lại. Từ đó, các đời vua kế tiếp nhau tu sửa, duy trì hoạt động của Văn miếu Thăng Long, đến đời Lê có xây thêm nhiều văn miếu khác ở các trung tâm dân cư (như Văn miếu Bắc Ninh...). Triều Nguyễn (kể cả các chúa Nguyễn) rất chú trọng xây dựng văn miếu để tôn vinh sự học. Ngoài việc tu sửa, cải tạo các văn miếu có từ triều đại trước, các vua, chúa Nguyễn cho xây dựng mới nhiều văn miếu ở các trấn, tỉnh quan trọng. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, văn miếu được xây dựng ở: Thăng Long (Hà Nội), kinh thành Huế, Trấn Biên, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Vĩnh Long, Gia Định, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Quảng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Sơn Tây. Trong đó, Văn miếu Trấn Biên được xây dựng khá sớm ở phương Nam, là Văn miếu của vùng Trấn Biên (nhiều tỉnh thành của Nam bộ ngày nay) chứ không phải của một tỉnh như nhiều văn miếu khác.



B. VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo xuất bản năm 1972) ghi rõ: Văn miếu ở địa phận thôn Bình Thành và thôn Tân Lại huyện Phước Chánh, cách phía Tây Trấn hai dặm rưỡi. Đời vua Hiến Tông năm Ất Vị thứ 25 (1715), trấn thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long, ký lục Phạm Khánh Đức, lựa chỗ đất dựng lên ban đầu, phía Nam hướng đến sông Phước, phía Bắc dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt. Năm Giáp Dần đời Trung hưng (1794), Lê bộ Nguyễn Hồng Đô khâm mạng giám đốc trùng tu, giữa làm Đại Thành điện và Đại Thành môn, phía Đông làm Thần miếu, phía Tây làm Dục Thánh từ, trước xây tường ngang, phía Tả có cửa Kim Thanh, phía Hữu có cửa Ngọc Chấn, chính giữa sân trước dựng Khuê Văn các treo trống chuông trên đây, phía tả có Sùng Văn đường, phía hữu có Duy Lễ đường. Chu vi bốn mặt ngoài xây thành vuông, mặt tiền làm cửa văn miếu, phía Tả, phía Hữu có hai cửa Nghi môn, rường cột chạm trổ, qui chế tinh xảo, đồ thờ có những thần bài, khám vàng, ve chén và đồ-phủ quĩ biên đậu (đồ dùng đựng vật cúng tế) đều chỉnh nhã tinh khiết. Trong thành trăm hoa tươi tốt, có những cây: tòng, cam, quýt, bưởi, hoa sứ, mít, xoài, chuối và quả hồng xim đây rầy sum suê, quả sai lại lớn, thường năm hai lệ tế xuân và thu, khâm mạng vua, Tổng trấn quan hành lễ, phân hiến hai bên thì dựng Trấn quan và Đốc học quan, kỳ dư đều đứng bồi tế, lệ đặt 50 lễ sanh và 50 miếu phu, đều lo làm chức phận.

Theo *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5, NXB Thuận Hóa, 1992), đầu đời Trung hưng, nhà vua thường thân làm lễ, về sau sai quan tế thay. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), Văn miếu Trấn Biên được tu bổ, chính đường và tiền



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
53

đường đều 5 gian; dựng thêm 2 dãy tả vu và hữu vu, mỗi dãy 5 gian; đền Khải Thánh chính đường và tiền đường đều 3 gian, một tòa cửa giữa 3 gian, một tòa cửa trước 1 gian, một tòa kho đồ thờ 3 gian, một tòa Khuê Văn các 2 tầng, 3 gian, 2 chái; phía trước biển “Đại Thành điện” đổi thành “Văn miếu điện” và “Khải Thánh điện” đổi thành “Khải Thánh từ”.

Tài liệu của Lương Văn Lựu (*Biên Hòa sử lược toàn biên*, quyển I, xuất bản năm 1972) cho biết: Năm 1861, khi tiến chiếm tỉnh Biên Hòa, quân Pháp đã đốt phá Văn miếu Trấn Biên; một lãnh binh đã lên dấu được tám liễn đối ở Văn miếu do Bó chánh Ngô Văn Địch phụng cúng năm 1849. Câu đối ấy mang nội dung:

Giang hán dĩ trạc, thu dương dĩ bộc, hạo hồ bất khả thượng;

Tôn miếu chi mỹ, bá quan chi phú, du giả nan di ngôn.

Về sau các bô lão địa phương xin được câu đối đem về treo tại đình Hiệp Hưng (Tân Uyên).

1.1.2. Mục đích yêu cầu phục dựng Văn miếu Trấn Biên

1. Tái hiện Văn miếu Trấn Biên trong hình thức truyền thống thể hiện biểu tượng mới về văn hóa – giáo dục và tinh thần trọng học theo quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta.

2. Tạo một hình thức sinh hoạt truyền thống và hiện đại phù hợp với tâm lý xã hội nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa – giáo dục xưa và nay trên địa bàn; khuyến khích người địa phương học tập, sáng tạo đạt thành tích cao trên các lĩnh vực văn hóa – giáo dục, góp phần vào việc giữ gìn và phát bản sắc văn hóa dân tộc ở địa phương.



3. Tạo một nơi sinh hoạt văn hóa tôn nghiêm, văn minh, lịch sự, gồm nhiều hoạt động bổ ích; thông qua đó tuyên truyền, giáo dục, dẫn dắt mọi người, nhất là thế hệ trẻ đến với văn hóa – giáo dục đã được khẳng định.

4. Gắn sinh hoạt của Văn miếu với thiết chế văn hóa du lịch làm đẹp cảnh quan trong khu vực, thu hút nhiều lớp người trong và ngoài tỉnh đến tham quan, giao lưu văn hóa, sinh hoạt truyền thống.

5. Thiết thực chào mừng kỷ niệm 300 năm vùng Biên Hòa – Đồng Nai hình thành, phát triển.

1.1.3. Các nội dung hoạt động

a. Thờ phụng, tế lễ:

Thờ phụng các vĩ nhân, danh nhân tiêu biểu về văn hóa – giáo dục dưới hình thức tín ngưỡng dân gian truyền thống; thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng kiệt xuất tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa – giáo dục của dân tộc; thờ Khổng Tử như thánh sư của sự học theo quan điểm của Bác Hồ; thờ các danh nhân văn hóa Việt Nam và các danh sĩ đạo cao đức trọng ở phương Nam thể hiện ân tình thủy chung với các bậc tiền nhân. Việc thờ phụng thực hiện dưới hình thức văn hóa dân tộc cổ truyền, trang nghiêm đơn giản, phù hợp với tâm lý xã hội và tín ngưỡng dân gian, chống mê tín dị đoan.

Hàng ngày, Văn miếu mở cửa đón khách thập phương vào dâng hương, tưởng niệm, thể hiện lòng thành đối với các biểu tượng văn hóa được thờ phụng. Vào các ngày lễ trọng: Ngày Quốc khánh 2/9, ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh..., Ban tổ chức hành lễ theo nghi thức cổ truyền và hiện đại với những sinh hoạt phù hợp với nội dung ngày lễ. Việc tế lễ gắn với các hình thức sinh hoạt văn hóa lành



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
55

manh, đa dạng phục vụ nhu cầu tín ngưỡng và giải trí của công chúng.

Thờ phụng, tế lễ thực chất là một cách tạo môi trường tâm lý để tuyên truyền, giáo dục, dẫn dắt tâm linh của con người đến với các giá trị văn hóa – giáo dục cần thiết.

b. Tôn vinh các giá trị văn hóa – giáo dục:

Những cá nhân, các đơn vị ở địa phương đạt các danh hiệu cao quý; học hàm, học vị cấp giáo sư, tiến sĩ; giải thưởng quốc tế, quốc gia, thành tích đặc biệt xuất sắc... được biểu dương lưu danh trang trọng trong Văn miếu dưới hình thức ghi danh vào bảng vàng (hoặc bia đá) ở Nhà Đề danh và lưu hiện vật ở Nhà Truyền thống.

c. Sinh hoạt văn hóa, giáo dục:

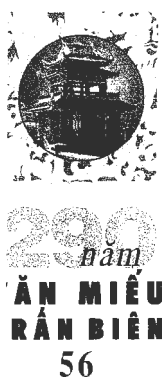
Vào ngày lễ trọng hoặc những ngày thường, các cơ quan chức năng có thể phối hợp tổ chức các sinh hoạt: Bình văn thơ, giới thiệu tác phẩm mới, giáo dục truyền thống cho học sinh, giao lưu văn hóa, thi tìm hiểu truyền thống, hội thảo khoa học, sinh hoạt dã ngoại... Cùng một lúc có thể tổ chức nhiều sinh hoạt khác nhau, thu hút nhiều đối tượng khác nhau. Nơi đây có chỗ yên tĩnh để học sinh học nhóm, ôn bài, thư giãn.

d. Tham quan, du lịch:

Khu Văn miếu với kiến trúc cổ kính, cảnh quan đẹp gắn với Khu du lịch Bửu Long có điều kiện để thu hút du khách đến Văn miếu bằng các sinh hoạt khác như: Du thuyền trên hồ, nghỉ ngơi ở chỗ râm mát, thưởng thức hương vị hoa trái trong vườn, xem biểu diễn nghệ thuật truyền thống...

1.1.4. Các thiết chế xây dựng:

Thực hiện theo mô tả của Trịnh Hoài Đức trong *Giá*



Định thành thông chí, tổng thể kiến trúc theo mô hình truyền thống “nội công ngoại quốc”, lấy ngũ hành làm nguyên lý thể hiện ý tưởng xây dựng và trưng bày các hạng mục công trình, kết hợp truyền thống và hiện đại, phối hợp phong cách kiến trúc Bắc và Nam, sử dụng vật liệu và nghệ nhân địa phương.

a. KHU THỜ PHỤNG:

1. NHÀ THỜ CHÍNH:

Kiến trúc cổ kiểu 3 gian, 2 chái. Chính diện ở gian giữa (rộng nhất) thờ Hồ Chủ tịch, bên phải gian thờ Hồ Chủ tịch bày khám thờ 5 danh nhân văn hóa Việt Nam. Bên trái thờ 5 danh sĩ phương Nam. Các gian thờ chính diện đều có khám thờ, tượng đồng và hình vị. Trong gian chính trưng bày các hiện vật văn hóa có ý nghĩa nổi mạch văn hóa Hùng Vương, văn hóa Thăng Long, Văn miếu Thăng Long với văn hóa Phương Nam



2. THU KHỐ VÀ VĂN VẬT KHỐ:

Bên phải và bên trái gian chính dựng Thu khố và Văn Vật khố để trưng bày và lưu giữ những hiện vật có giá trị văn hóa–nghệ thuật–khoa học thể hiện truyền thống văn hóa, hiếu học, tôn sư trọng đạo ở Biên Hòa–Đồng Nai, cả về mặt dạy học chữ và dạy học nghề.

290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
57

3. BIA KHỔNG TỬ:

Đối diện với nhà thờ chính là nhà bia thờ Khổng Tử với phù điêu đồng, bia đá và nội dung tư tưởng tiến bộ của Khổng Tử theo quan điểm của Bác Hồ.

b. KHU SINH HOẠT TRUYỀN THỐNG:

4. KHUÊ VĂN CÁC:

Kiến trúc cổ, nhà 2 tầng (kiểu Văn Xương các ở Văn miếu Long Hồ) tọa lạc ở giữa khu sinh hoạt, trên tuyến trung tâm dẫn vào khu thờ phụng. Tầng trên cấu

trúc hình tròn, có hành lang nhìn ra bốn phía. Tầng dưới rộng thoáng là nơi dừng chân, ngắm cảnh, thư giãn.

5. NHÀ TRUYỀN THỐNG-NHÀ ĐỀ DANH:

Gồm 2 dãy, bên trái và bên phải Khuê Văn các, kiến trúc cổ, cũng có thể kiến trúc cổ kết hợp hiện đại; mỗi dãy 5 gian.

- Nhà Truyền thống dành để trưng bày hiện vật, hình ảnh có ý nghĩa truyền thống của Văn miếu Trấn Biên, có hội trường rộng để sinh hoạt tập thể; có phương tiện nghe nhìn để tìm hiểu, giới thiệu về văn hóa Đồng Nai.

- Nhà Đề danh dành để ghi danh, tôn vinh các cá nhân và đơn vị chuẩn mực theo qui chế; có hình thức ghi danh tạc, có hình thức ghi bằng vàng hoặc bia đá để lưu giữ lâu dài.



6. BIA TRUYỀN THỐNG:

Bia đá có mái che ghi bài văn khái quát truyền thống văn hóa giáo dục của Trấn Biên xưa và nay. Văn bia do tuyển chọn từ cuộc thi có nhiều người tham gia.

năm
ĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
58

7. CÔNG:

Gồm công nhỏ vào khu thờ phụng và công to vào toàn khu Văn miếu, công thiết kế theo lối tam quan, có mái hoặc không mái, có hoành phi, câu đối, chạm khắc lối cổ. Nối với công là hệ thống tường rào hai loại: Loại tường rào bao toàn Văn miếu và loại tường rào ngăn giữa khu thờ phụng và khu sinh hoạt.

8. CÔNG TRÌNH PHỤ:

Gồm nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, nơi xử lý rác... tùy địa thế mà xây dựng, bố trí vị trí cho hợp lý.

9. CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC:

Hệ thống điện, nước, phòng cháy, lối đi, ghé ngội

vườn hoa, ao hồ... xây dựng theo qui định, phối cảnh phù hợp với công trình chính.

Toàn bộ các công trình Văn miếu xây dựng trong phạm vi 20.000m², với hệ thống hồ phía trước (Minh đường), núi Long Ân và núi Bửu Long phía sau (Thanh Long, Bạch Hổ) phối cảnh với vườn cây chung quanh gồm nhiều loại hoa trái có ghi trong *Gia Định thành thông chí*.

Việc xây dựng các hạng mục công trình có thể chia thành nhiều bước theo qui hoạch thống nhất:

Bước 1: Qui hoạch tổng thể, lập dự án khả thi, xây dựng các hạng mục gồm nhà thờ chính, miếu, nhà bia và Khuê Văn các.

Bước 2: xây dựng các gian nhà sinh hoạt truyền thống, bia truyền thống, hoàn chỉnh hệ thống tường rào.

Bước 3: Cải tạo địa thế, thông các hồ nhỏ với hồ du lịch Long Vân, trồng cây và vận động chủ đất chung quanh tạo vườn hoa trái sum sê.

Bước 4: Hoàn chỉnh các hạng mục còn lại.

1.1.5. Trang trí mỹ thuật:

1. Kiến trúc cổ kết hợp với hiện đại, sử dụng kiểu nhà truyền thống, vật liệu bền, máy công có cải tiến; chạm khắc, hoa văn thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc, màu sắc hợp với tín ngưỡng dân gian, phối cảnh hài hòa giữa thiên tạo và nhân tạo.

2. Chọn lọc hoành phi, câu đối (chữ Hán hoặc Quốc ngữ) và lời dạy của Hồ Chủ tịch phù hợp với nội dung Văn miếu, bày trí hợp lý trong các gian nhà.

3. Bài trí ở các gian thờ theo cách thờ cúng truyền thống, có lư hương, nhang, đèn, hoa, trái; có chỗ cho bái tánh đốt nhang tưởng niệm. Riêng ở gian thờ Hồ Chủ tịch, có tượng bán thân, các vật thờ bày giản tiện nhưng



uy nghiêm.

4. Bài trí ở các gian sinh hoạt theo cách hiện đại, văn minh.

1.1.6. Tổ chức thực hiện:

1. UBND TP Biên Hòa qui hoạch tổng thể khu Văn miếu, tổ chức hội thảo khoa học về tái xây dựng Văn miếu thông qua đề cương chính trị, thi hoặc đấu thầu thiết kế chi tiết, tiến hành các thủ tục xây dựng cơ bản, đấu thầu thi công.

2. UBND TP Biên Hòa tổ chức thi để tuyển chọn văn bia, soạn thảo qui chế và định nghi thức sinh hoạt Văn miếu, ban hành qui định về đối tượng được ghi danh.

3. UBND tỉnh quyết định công nhận di tích văn hóa để Văn miếu được bảo tồn, quản lý theo qui định của pháp luật.

4. Lập Ban quản lý, Ban tế tự hoặc Trung tâm Văn miếu Trấn Biên với nhiệm vụ quản lý, phụ trách hoạt động tế lễ và sinh hoạt ở Văn miếu.

5. Bố trí nhân viên thường trực bảo vệ, lo nhang khói và chăm sóc hoa kiểng.

6. Phối hợp với Công ty thương mại Biên Hòa tổ chức các dịch vụ có thu phục vụ du khách.

7. Có thể cho một trong số các tổ chức xã hội ở địa phương (như Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, Hội Sử học, Chi hội Văn nghệ dân gian... chẳng hạn) đặt văn phòng thường trực để có người làm việc thường xuyên.



290
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
60



Họp thông qua Đề cương chính trị.



Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hoàng Quân vận động đồng bào, cán bộ, chiến sĩ trong tỉnh đóng góp xây dựng VMTB.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
61

1.2. Phương án thiết kế

Sau khi Tỉnh ủy, UBND tỉnh chấp nhận đề nghị về việc tái xây dựng Văn miếu Trấn Biên, UBND thành phố Biên Hòa đã tổ chức thi các đề án xây dựng Văn miếu. UBND thành phố Biên Hòa đã nhận được 7 đề án dự thi. Qua tuyển chọn, có 3 đề án được đưa ra trình duyệt:

- Đề án của Công ty tư vấn, Sở xây dựng Đồng Nai, do Kiến trúc sư Đỗ Thiện Tâm chủ trì; gọi là

phương án 3.

- Đồ án của Công ty tư vấn, Bộ xây dựng; gọi là phương án 2.

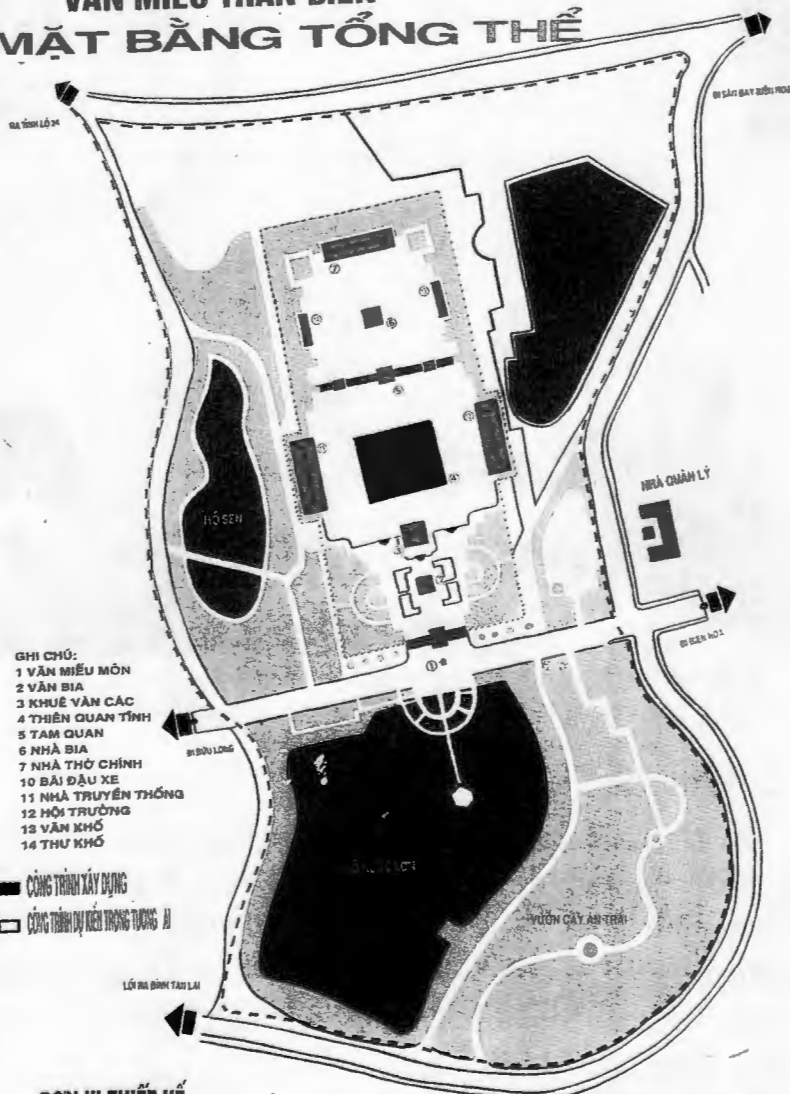
- Đồ án của Trường đại học kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, do Thạc sĩ, Kiến trúc sư Văn Tấn Hoàng chủ trì; gọi là phương án 1.

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa,

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN MẶT BẰNG TỔNG THỂ

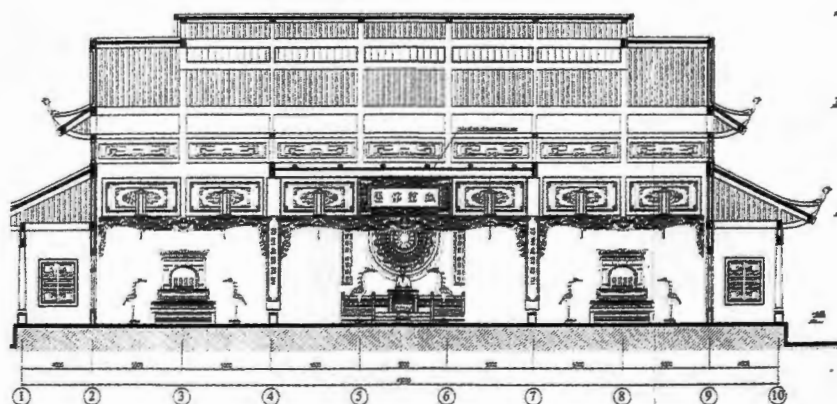


200 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
62



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
C.TY TƯ VẤN X.D. ĐỒNG NAI

CÔNG TRÌNH : VĂN MIẾU TRẦN BIÊN
HẠNG MỤC : MẶT BẰNG TỔNG THỂ



Mặt cắt ngang đồ án thiết kế Đại Bái Đường.

ngày 27.12.1997, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai đã chấp nhận chọn phương án 3 của Công ty tư vấn xây dựng Đồng Nai làm phương án xây dựng Văn miếu Trấn Biên (Xem Quy hoạch tổng thể).

1.3. Phương án trưng bày và đơn vị thi công

Phương án trưng bày Văn miếu Trấn Biên do một số đơn vị thực hiện.

Công ty tư vấn di tích và thiết bị văn hóa trung ương (Bộ Văn hóa – Thông tin) đảm nhận việc trưng bày hoàn chỉnh (thiết kế) Nhà thờ chính và các hạng mục trên trục thần đạo (Văn miếu môn, Nhà bia, Khuê Văn các, Thiên Quang tỉnh, Đại Thành môn, Nhà bia Khổng Tử). Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách của tỉnh Đồng Nai. Về quản lý đầu tư, UBND thành phố Biên Hòa làm chủ quản đầu tư; Ban quản lý dự án Biên Hòa làm chủ đầu tư. Đơn vị thi công là Công ty TNHH thủ công mỹ nghệ Đoàn Kết (xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

– Ở giai đoạn I, sau khi chỉnh sửa, thiết kế, Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng thành phố Biên Hòa là đơn vị trúng thầu, đã chính thức khởi công từ ngày 19.7.2000, với các hạng mục công trình:



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
63

Văn Miếu môn, Nhà Bia, Khuê Văn các, Thiên Quang tỉnh, Đại Thành môn, Nhà bia Không Tử, Đại Bái đường.

- Ở giai đoạn II, bao gồm một số hạng mục của giai đoạn I chuyển sang và các hạng mục chính: Khu sơn thủy, Khu vườn cây ăn trái, Giàn hoa, Khu câu cá - giải trí, Bến thuyền, Nhà vệ sinh, Nhà truyền thống, Hội trường, đường nối Khu du lịch Bửu Long...

2. QUÁ TRÌNH PHỤC DỰNG

2.1. Xác định vị trí



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
64

Sau khi được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai chấp nhận chủ trương, cho phép UBND thành phố Biên Hòa làm chủ công trình, chính quyền thành phố đã tiến hành công tác khảo sát, thiết kế, xây dựng Văn miếu Trấn Biên từ năm 1997.

Căn cứ vào thư tịch và tư liệu của địa phương, UBND thành phố Biên Hòa đã thành lập đoàn khảo sát, có các ngành chức năng của tỉnh và nhiều nhà khoa học tham gia. Thành phố đã tổ chức 4 đợt khảo sát nhằm định vị Văn miếu Trấn Biên xưa, chọn nơi xây dựng lại. Qua nghiên cứu, đoàn khảo sát đã chọn địa điểm đồi đá gần hồ Long Vân là nơi phù hợp nhất để xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên. Đề cương Văn miếu Trấn Biên cũng được soạn thảo một cách thận trọng trên cơ sở nghiên cứu Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và các mô hình Văn miếu ở Vĩnh Long, Châu Đốc. Đề cương đã được các nhà nghiên cứu khoa học trong và ngoài tỉnh tham gia góp ý bổ sung hoàn chỉnh và mời các công ty tư vấn thiết kế với 7 phương án được trình bày tại hội thảo. Trong suốt



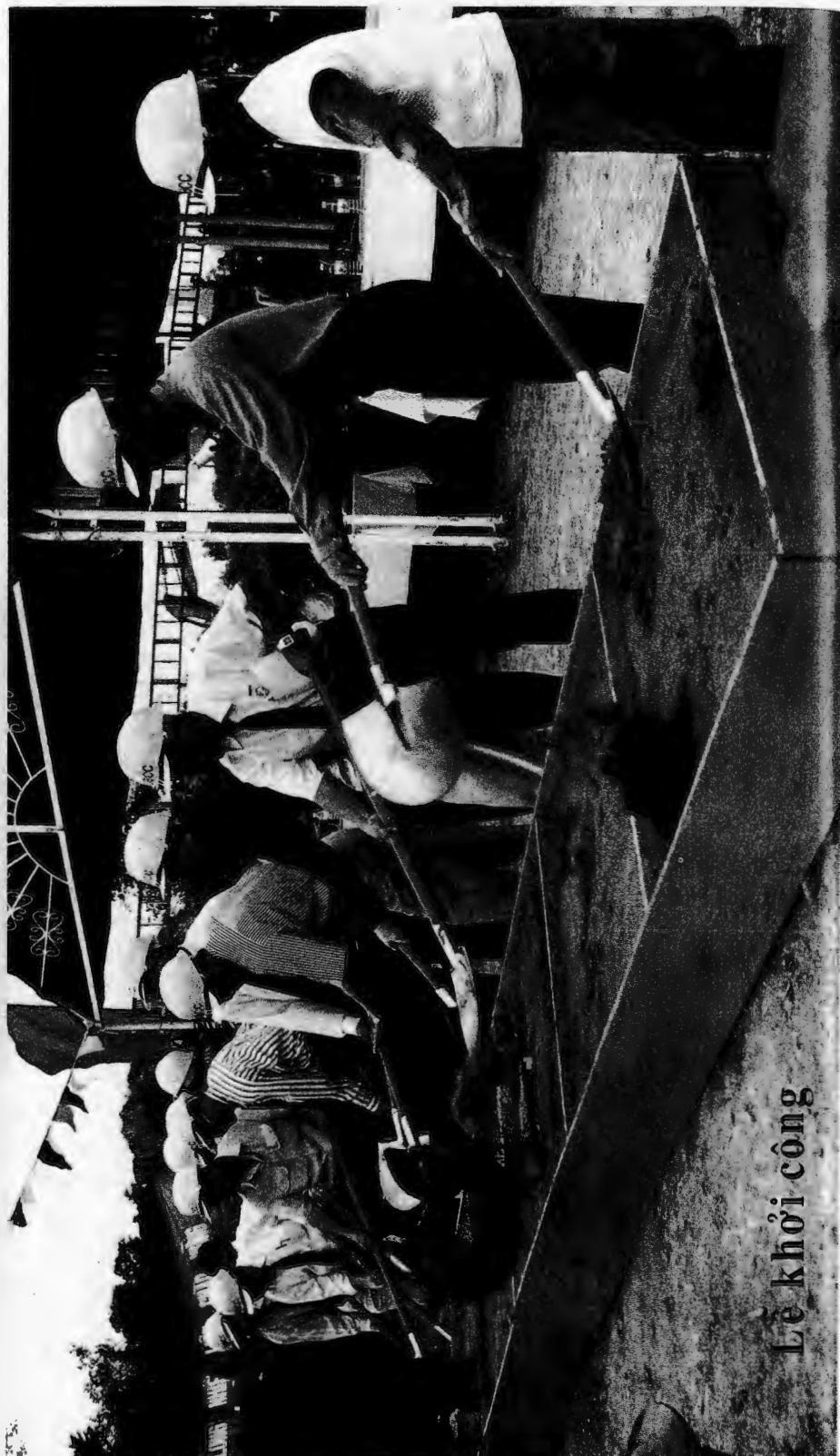
200 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
65

quá trình xây dựng Văn miếu Trấn Biên, tỉnh và thành phố Biên Hòa còn tổ chức nhiều chuyên nghiên cứu, khảo sát văn miếu ở các tỉnh, kể cả nước ngoài (Trung Quốc). Các đợt tìm hiểu, nghiên cứu này góp phần làm sáng tỏ diện mạo Văn miếu Trấn Biên, nhất là các hạng mục bên trong.

Điền dã xác định vị trí VMTB



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
66



Lễ khởi công

2.2. Lễ khởi công

**Động thổ khởi công xây dựng công trình
(ngày 9.12.1998)**

Sau một thời gian chuẩn bị tích cực, sáng ngày 9.12.1998, UBND thành phố Biên Hòa đã tổ chức lễ khởi công xây dựng công trình phục chế Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long. Đến dự buổi lễ long trọng này, có các đồng chí: Trần Thị Minh Hoàng, Ủy viên BCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy; Trần Bửu Hiền, Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy; Nguyễn Trùng Phương, UV Ban thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch UBND tỉnh; các đồng chí trong Ban chỉ đạo Lễ kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai; cùng nhiều cán bộ lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh qua các thời kỳ, đại diện các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và thành phố Biên Hòa.

Tại buổi lễ, đồng chí Lâm Hiếu Trung, Phó ban chỉ đạo Lễ kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học – kỹ thuật tỉnh, đã đọc bài diễn văn nêu bật ý nghĩa của việc xây dựng công trình Văn miếu Trấn Biên trong thời kỳ đổi mới đất nước, xây dựng quê hương Đồng Nai giàu đẹp, xứng đáng với truyền thống lịch sử – văn hóa của cha ông. Dưới đây là bài diễn văn của đồng chí Lâm Hiếu Trung.



300 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
67

DIỄN VĂN TẠI LỄ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

*(Diễn văn của ông
Lâm Hiếu Trung,
Phó ban chỉ đạo Lễ
Biên Hòa - Đồng
Nai 300 năm hình
thành và phát
triển, tại lễ khởi
công xây dựng Văn
miếu Trần Biên).*



200
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
68

*Kính thưa đồng chí Trần
Thị Minh Hoàng, UVBCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy.
Kính thưa các đồng chí cán bộ lãnh đạo của tỉnh và
thành phố Biên Hòa.*

Thưa các đồng chí và đồng bào.

Kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Trần Biên - Biên Hòa, mà Đồng Nai ngày nay là một phần của vùng đất lịch sử đó.

Ba trăm năm ấy, vùng đất này trải qua biết bao thăng trầm, đau thương, mất mát nhưng vượt lên tất cả là tổ tiên, cha ông chúng ta đã đổ mồ hôi, xương máu để định vị cương thổ, mở mang vùng đất trù phú này nay là Đồng Nai nằm trong lòng Tổ quốc Việt Nam.

Văn hóa là cái tồn tại, khi những cái khác đã mất đi. Văn miếu Trần Biên (VMTB) là một biểu tượng đầu tiên thời khai phá của Nam bộ, đã bị tàn phá khi thực dân Pháp xâm chiếm Biên Hòa vào cuối thế kỷ 19. Nhưng Văn miếu với biểu tượng tinh thần vẫn tồn tại với thời gian, với con người có ý thức tìm về cội nguồn mà như

Nghị quyết Hội nghị BCH TW lần thứ 5 khóa VIII đã khẳng định.

Văn miếu trước hết là biểu tượng văn hóa, nhằm đề tôn vinh các giá trị văn hóa – giáo dục theo quan điểm của nhà nước phong kiến, nhưng Văn miếu cũng là biểu tượng của nhân dân theo quan niệm cổ xưa thờ Văn Xương đế quân – một vì sao coi sóc văn chương của hạ giới (như đền Ngọc Sơn cạnh hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội chẳng hạn). Về sau, Văn miếu thờ Đức Khổng Tử cùng các học trò của ông. Có nơi thờ cả Khổng Tử và Văn Xương đế quân.

Theo thư tịch cổ, Văn miếu có sớm nhất có lẽ là Văn miếu Thăng Long được Lý Thánh Tông xây dựng năm 1070 và đến 1076 đặt Quốc Tử Giám để dạy con em các quan lại và sau này là cả những người hiếu học, có tài trong nhân dân.

Đến thời các chúa Nguyễn rất chú trọng việc học, nên xây dựng Văn miếu là một cách để tôn vinh sự hiếu học. Theo *Đại Nam nhất thống chí*. Văn miếu được xây dựng ở Thăng Long (Hà Nội), kinh thành Huế, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Quảng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Sơn Tây, Gia Định.

Cũng theo *Gia Định Thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, Văn miếu Trấn Biên ở địa phận thôn Bình Thành và thôn Tân Lại huyện Phước Chánh (nay là phường Bửu Long, TP. Biên Hòa) cách Tây trấn hai dặm rưỡi được xây dựng năm Ất Vị thời Hiến Tông thứ 25 (tức năm 1715). Văn miếu được trùng tu nhiều lần.

Đến năm Tự Đức thứ 5 (1852), Văn miếu Trấn Biên được tu bổ chính đường và tiền đường đều 5 gian, trong đó có tòa Khuê Văn các 2 tầng và Văn miếu điện, Khải Thánh từ.

Văn miếu này bị bọn xâm lược Pháp đốt phá mà nay chỉ còn lại vùng đất như Trịnh Hoài Đức mô tả. Nhưng



290 năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
69

đây là Văn miếu được xây dựng sớm nhất ở Nam bộ (nói thêm vì thực dân Pháp rất sợ tầng lớp trí thức yêu nước, do đó xóa cội nguồn để mất gốc, biến dân ta thành nô lệ). Văn Thánh miếu Vĩnh Long được xây dựng tháng 10 âm lịch năm Giáp Tý (1864) đời Tự Đức thứ 17, hoàn thành vào cuối năm Bính Dần (1866), nay thuộc khóm 3, phường 4 thị xã Vĩnh Long.

Văn miếu này có quan hệ với Văn miếu Trấn Biên là do: Khi 3 tỉnh miền Đông (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) rơi vào tay thực dân Pháp (1862), các sĩ phu yêu nước không khuất phục, lui về Ty Xương ở làng Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Để nhân dân có được một nơi sinh hoạt văn hóa, nuôi dưỡng tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm, năm 1862 quan lãnh đề học Nguyễn Thông cùng các sĩ phu yêu nước tìm chọn đất để xây dựng Văn miếu. Trải qua bao mùa mưa nắng. Văn Thánh miếu Vĩnh Long được nhiều lần trùng tu tôn tạo cho đến nay, với vẻ đẹp tôn nghiêm, cổ kính và Văn Thánh miếu được Bộ VH-TT công nhận là di tích lịch sử, văn hóa quốc gia.

Văn miếu Vĩnh Long cùng nhiều văn miếu khác là nơi thờ Đức Khổng Tử (nhà khai sáng Nho giáo và Nho học), với các học trò như Tăng Tử, Mạnh Tử, Nhan Tử v.v... Còn Tung Văn lâu hay còn gọi là thơ lầu thờ Văn Xương đế quân (vị thần văn học). Đây cũng là nơi tụ họp của thi nhân, mặc khách để bình luận, sáng tác thơ văn và thờ các cụ Võ Trường Toản, Nguyễn Thông v.v... sau này.

Mỗi năm diễn ra hai lần lễ hội: Xuân đình (tháng 8 âm lịch). Đặc biệt nơi đây còn giữ được hai hàng cây sao thẳng hàng chục mét được lấy từ rừng Đồng

Nai về trông, là một công trình văn hóa đẹp và hoành tráng.

Văn miếu Trấn Biên được khôi phục lại để phụng thờ các bậc vĩ nhân, danh nhân tiêu biểu về văn hóa – giáo dục dưới hình thức tín ngưỡng dân gian truyền thống. Trong đó có Đức Khổng Tử và học trò của ông như thánh sư của sự học theo quan niệm và tập quán cổ truyền. Như Bác Hồ đã nói trong một tác phẩm, đó là bậc “Thiên sứ” của văn hóa khoan dung Việt Nam: “Học thuyết Khổng Tử có cái hay là đề cao đạo đức của con người”. Văn miếu còn là nơi thờ các danh sĩ đạo cao, đức trọng nổi danh với hào khí Đồng Nai như Võ Trường Toản, Gia Định tam gia (Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định), thờ các nhà giáo, cách mạng ở địa phương; thờ các bậc tiên hiền, hậu hiền, tiên sư, là cách biểu lộ ân tình thủy chung với các bậc tiên nhân hữu vị hoặc vô danh như phong tục tốt đẹp ở các đình làng.

Văn miếu là nơi tôn vinh các giá trị văn hóa – giáo dục của quê hương, đề cao cá nhân, đơn vị ở địa phương đã đạt các huân chương, danh hiệu Nhà nước, học hàm, học vị cấp cao; giải thưởng quốc gia, quốc tế với thành tích đặc biệt xuất sắc...

Đồng thời đây là một trung tâm văn hóa – giáo dục truyền thống của Đồng Nai vào những ngày lễ trọng. Những ngày thường là nơi tổ chức các sinh hoạt bình văn thơ, nhạc họa; giới thiệu tác phẩm mới; giáo dục truyền thống cho học sinh, tuổi trẻ, hội thảo khoa học; sinh hoạt dã ngoại...

Khu Văn miếu có kiến trúc dân tộc, cổ kính, cảnh quan đẹp sẽ là điểm du lịch gắn với danh thắng Bửu Long và với hương vị ngọt ngào của quê bưởi Tân Triều bên bờ sông Đồng Nai lồng lộng bóng



290
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
71

người xưa...

Dự kiến sẽ dành một nơi trang trọng nhất của khu Văn miếu Trấn Biên để tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, danh nhân văn hóa, anh hùng giải phóng dân tộc kiệt xuất của Việt Nam và UNESCO đã tôn vinh.

Để việc phục chế Văn miếu Trấn Biên hoàn chỉnh, xin đồng bào, đồng chí và các bậc thức giả vui lòng cho ý kiến chỉ giáo, giúp chúng tôi tiếp tục hoàn thiện thêm, để trên mảnh đất có bề dày truyền thống văn hóa cách mạng này hình thành một công trình văn hóa cổ kính, xứng đáng với các bậc tiền nhân để thế hệ con cháu chúng ta tri ân và tôn vinh những người đi trước. Có như vậy, mới góp phần giúp các thế hệ trẻ không quên cội nguồn, không đánh mất mình trong cơ chế thị trường, thực hiện trọn vẹn mục tiêu xây dựng tỉnh nhà giàu mạnh, góp phần xây dựng đất nước theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.



200
năm
**ĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
72



Ban chỉ đạo kiểm tra tiến độ xây dựng công trình Văn

2.3. Quá trình xây dựng

UBND tỉnh đã chọn phương án 3 của Công ty tư vấn thiết kế xây dựng Đồng Nai là phương án khả thi để triển khai xây dựng. Ngày 9.12.1998, thành phố Biên Hòa và tỉnh đã long trọng tổ chức lễ động thổ công trình phỏng dựng Văn miếu Trấn Biên. Sau khi chỉnh sửa thiết kế, ngày 19.7.2000, Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng thành phố Biên Hòa (đơn vị trúng thầu) đã chính thức khởi công xây dựng giai đoạn I với các hạng mục công trình trên tổng thể công trình có diện tích 2 ha: Văn Miếu môn, Nhà Bia, Khuê Văn các, Thiên Quang tỉnh, Đại Thành môn, Nhà bia Khổng Tử, Bái đường. Đến ngày 14.2.2002, sau thời gian khẩn trương xây dựng, công trình Văn miếu Trấn Biên được khánh thành với các hạng mục quan trọng nhất.

Sau lễ khánh thành, một số hạng mục khác được tiếp tục thực hiện.



200
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
73



TB.

Các văn bản liên quan đến công trình Văn miếu Trấn Biên

STT	Ngày	Số	Nội dung	Cấp	Loại
01	31/10/96	5792/ UBT	Xây dựng Nhà tưởng niệm và Văn miếu	UBND tỉnh	Công văn (CV)
02	02/4/97	86/ VHTT	Chọn địa điểm xây dựng Văn miếu Trấn biên	UBND TP Biên Hòa - Ban VHTT	Tờ trình (TT)
03	24/5/97	168/ VHTT	Hội nghị đóng góp ý kiến đề cương chính trị tái xây dựng VMTB	UBND TP Biên Hòa - Ban VHTT	Biên bản (BB)
04	27/6/97	238/QĐ -UB	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa về việc thành lập ban quản lý công trình phục hồi, tái thiết khu Văn miếu Trấn biên tại phường Bửu Long thành phố Biên Hòa	UBND TP Biên Hòa	QĐ
05		22/7/97 2362/ QĐ.UBT	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc giới thiệu địa điểm cho UBND thành phố Biên Hòa để lập dự án đầu tư xây dựng khu Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh ĐN	QĐ
06	15/10/97	4506/ 1997/ TB.UBT	Kết luận hội nghị nghe trình bày các đồ án dự thi công trình Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh ĐN	Thông báo
07	27/12/97	5798/ 1997/ CV- UBT	Giao thành phố Biên Hòa xét chọn phương án xây dựng Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh ĐN	CV
08	10/4/98	1183/ CV.UBT	Dự án đầu tư xây dựng Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh ĐN	CV
09	9/5/98	379/ UB	Ủy quyền cho Ban quản lý dự án thành phố triển khai công trình xây dựng Văn miếu Trấn Biên	UBND TP Biên Hòa	CV
10	20/6/98	2204/ UBT	Thẩm định hồ sơ TKKT- DT một số hạng mục công trình Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh ĐN	CV



299 năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
74

STT	Ngày	Số	Nội dung	Cấp	Loại
11	26/9/98	3675/ UBT	Thi công hạng mục nhà chính Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh	UBND tỉnh ĐN
13	10/12/98	4874/ UBT	Chỉ định thầu công trình Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh	CV
13	8/12/98	4430/ QĐ- UBT	Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về duyệt dự án đầu tư xây dựng Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh	CV
14	30/3/ 2000	13/ QĐ- SXD	Quyết định của Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Đồng Nai về duyệt thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán công trình xây dựng Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh - Sở xây dựng	QĐ
15	20/4/ 2000	387/ QĐ- UB	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chủ nhiệm điều hành Dự án xây dựng Văn miếu Trấn Biên	UBND Thành phố Biên Hòa	QĐ
16	28/9/ 2000	3862/ UBT	Điều chỉnh vị trí khu đất xây dựng công trình Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh	CV
17	11/1/ 2001	34/ QĐ- TTg	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất để xây dựng Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chính phủ	QĐ
18	8/2/ 2001	438/ UBT	Về việc triển khai thực hiện quyết định số 34/QĐ-TTG ngày 11/1/2001 của Thủ tướng Chính phủ	UBND tỉnh	CV
19	9/2/ 2001	372/ QĐ- UBT	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Ban điều hành dự án và Hội đồng Khoa học thẩm định nội dung trưng bày Văn miếu Trấn Biên - tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh	QĐ
20	7/3/ 2001	24/CV- VHTT- TT	Góp ý (/)	UBND Tp Biên Hoà - B V H T T - THÔNG TIN	CV





20 năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
76

STT	Ngày	Số	Nội dung	Cấp	Loại
21	9/4/2001	Dự thảo	Đề án thiết kế nội dung trưng bày trang trí và tổ chức bộ máy hoạt động Văn miếu Trấn Biên	UBND Tp Biên Hoà - BVHTT- THÔNG TIN	Dự thảo
22	13/8/2001	3393/UBT	Về việc mời tham gia viết văn bia "Văn miếu Trấn Biên"	UBND tỉnh	Thư mời
23	15/8/2001	351-CV/TU	Trích NQ số 10-NQ/TU của Ban TVTU về Văn miếu Trấn Biên	Tỉnh ủy Đồng Nai	CV
24	29/8/2001	3627/TB.UBT	Thông báo kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Văn Tới tại cuộc họp nghe báo cáo nội dung trưng bày Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh	Thông báo
25	21/11/2001	4280/QĐ.CT-UBT	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Hội đồng nghệ thuật tỉnh Đồng Nai	Chủ tịch UBND tỉnh	QĐ
26	9/1/2002	46/QĐ/UBTP	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa về việc thành lập tổ công tác phục vụ lễ khánh thành giai đoạn I công trình Văn miếu Trấn Biên	Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa	QĐ
27	21/3/2002	1052/TB.UBT	Thông báo kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Văn Tới tại cuộc họp triển khai thực hiện công trình Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh	Thông báo
28	22/3/2002	540/QĐ.CT-UBTP	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Văn miếu Trấn Biên giai đoạn II. Địa điểm: P. Bửu Long, TP Biên Hòa	Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa	QĐ
29	13/5/2002	144/TB/UBTP	Về việc tham dự lễ công bố văn bia Văn miếu Trấn Biên và mít tinh kỷ niệm 112 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2002)	Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa	Thông báo
30	10/5/2002	718/KH/UBTP	Kế hoạch tổ chức lễ khai bia tại Văn miếu Trấn Biên nhân kỷ niệm 112 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh	UBND thành phố Biên Hòa	Kế hoạch

STT	Ngày	Số	Nội dung	Cấp	Loại
31	27/5/2002	150/ TB.UB	Về việc kết luận tại cuộc họp đóng góp ý kiến của các ban ngành cho công trình xây dựng Văn miếu Trấn Biên. Giai đoạn II	UBND thành phố Biên Hòa	Thông báo
32	23/10/2002	4039/ QĐUBTP	Về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Văn miếu Trấn Biên	Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa	QĐ
33	28/4/2003	745/ UBTP	Về việc mua sắm phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động của Văn miếu Trấn Biên	UBND thành phố Biên Hòa	CV
34	4/6/2003	2324/ UBT	Về việc xây dựng Văn miếu Trấn Biên giai đoạn II	UBND tỉnh	CV
35	1/9/2003	1462/ UBTP	Về kinh phí thuê bao chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh của Văn miếu Trấn Biên	UBND thành phố Biên Hòa	CV
36	10/2/2004	7244/ TBKL	Kết luận cuộc họp xây dựng Văn miếu Trấn Biên giai đoạn II	UBND tỉnh	Thông báo
37	1/3/2004	67/ TM- UBTP	Đóng góp ý kiến thông qua đề cương trưng bày Nhà Thư khố và Văn Vật khố Văn miếu Trấn Biên	UBND thành phố Biên Hòa	Thư mời
38	23/3/2004	498/ UBTP	Về một số hoạt động tập trung cho giai đoạn 2 công trình Văn miếu Trấn Biên	UBND thành phố Biên Hòa	CV
39	3/9/2004	1494/ UBTP	Triển khai hoàn chỉnh dự án Văn miếu Trấn Biên	UBND thành phố Biên Hòa	CV
40	6/9/2004	1517/ UBTP	Đề nghị thành lập tổ sưu tầm, chụp ảnh tiêu biểu các huyện, thị xã, thành phố gửi UBND thành phố Biên Hòa để thể hiện trên các mảng tường Văn miếu Trấn Biên	UBND thành phố Biên Hòa	CV
41	13/9/2004	5069/ CV.UBT	Về việc thành lập tổ nghiệp vụ sưu tầm, chụp ảnh thể hiện trên các mảng tường Văn miếu Trấn Biên	UBND tỉnh	CV
42	2/11/2004	2962/ QĐCT- UBTP	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa về việc phê duyệt thiết kế kiến trúc-tổng dự toán công trình (trưng bày nội thất nhà Văn Vật khố và nhà Thư khố	Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa	QĐ



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
77

STT	Ngày	Số	Nội dung	Cấp	Loại
43	4/11/2004	3004/QĐCT-UBTP	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa phê duyệt TKKT-TDT công trình xây dựng Văn miếu Trấn Biên giai đoạn II	UBND thành phố Biên Hòa	QĐ
44	18/11/2004	524/TM-UBTP	Về việc đóng góp ý kiến cho đề cương trưng bày nhà truyền thống và nhà đề danh khu Văn miếu Trấn Biên, phường Bửu Long	UBND thành phố Biên Hòa	TM
45	29/11/2004	541/TM-UBTP	Về phương án rà soát tiến độ thực hiện các dự án khu Văn miếu Trấn Biên và tổ chức nhân sự cho Văn miếu Trấn Biên	UBND thành phố Biên Hòa	TM
46	2/12/2004	406/BCQLDA	V/v tiến độ thực hiện các dự án đầu tư khu Văn miếu Trấn Biên giai đoạn II	Ban QLDA TP	Báo cáo



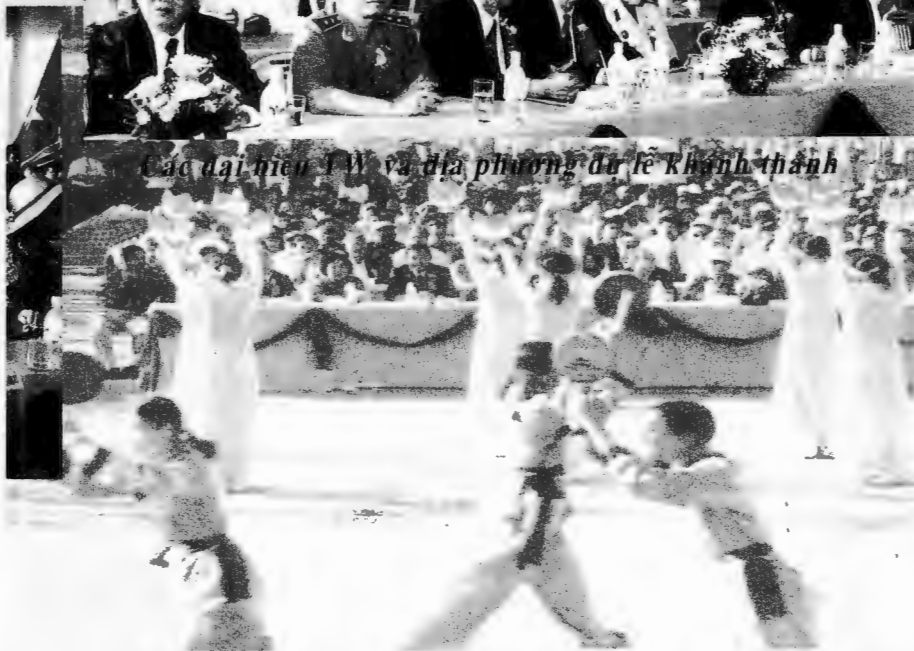
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
78



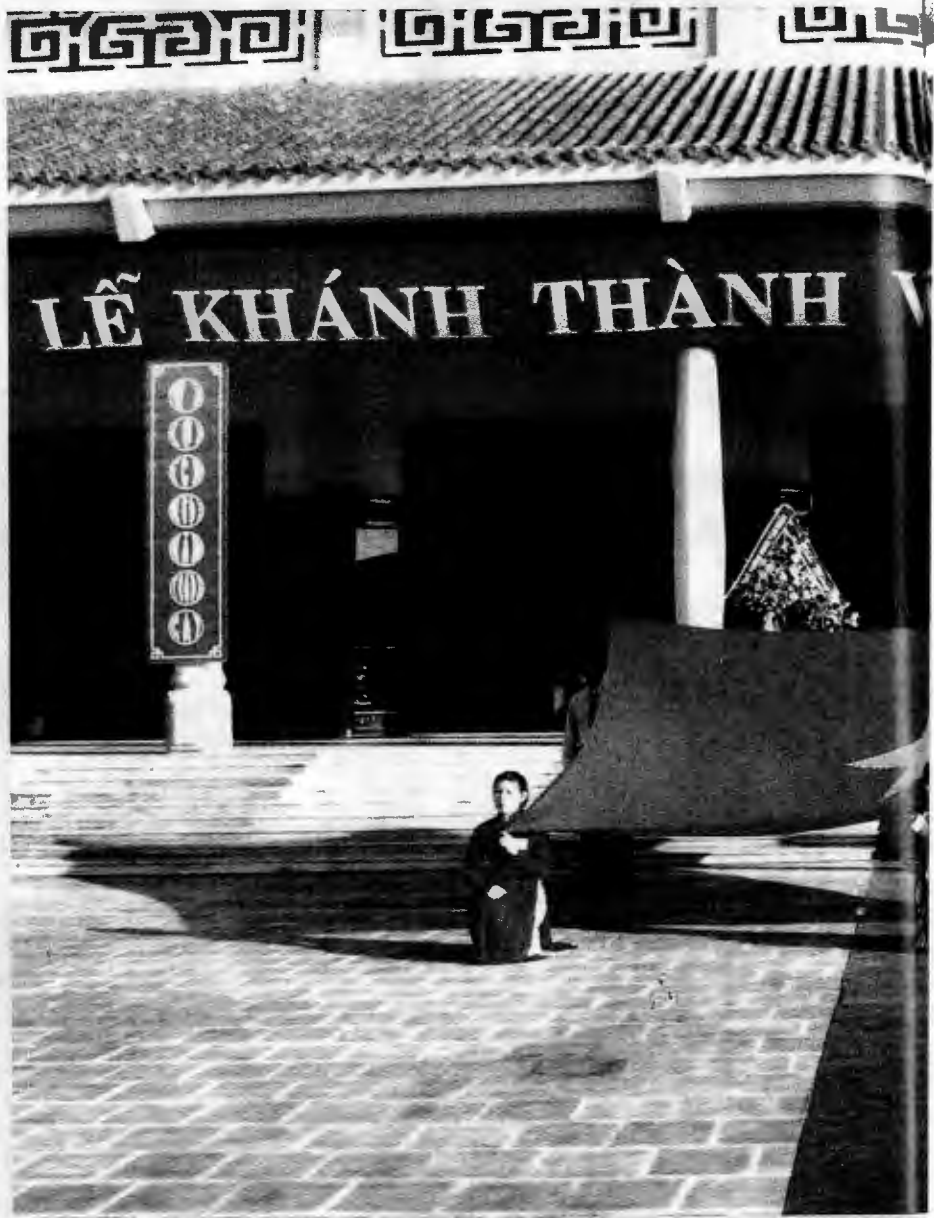
2.4 Lễ khánh thành



Các đại diện TW và địa phương dự lễ khánh thành



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
79



2000 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
80



năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
81



200 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
82





năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
83**

*Văn nghệ chào
mừng ngày hội khánh
thành.*



Thủ tướng Phan Văn Khải dâng hương bàn thờ Bác Hồ.

Sáng ngày 14.2.2002, đúng vào ngày lễ “mùng ba tết thầy” (mùng ba tết Nhâm Ngọ) theo truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam, Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh Đồng Nai đã long trọng tổ chức lễ khánh thành Văn miếu Trấn Biên.

Về dự buổi lễ quan trọng này của tỉnh Đồng Nai có các đồng chí: Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ chính trị, Thủ tướng Chính phủ; Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng; Nguyễn Thị Hoài Thu, UVBCHTW Đảng, Ủy viên Ban thường vụ Quốc hội; Phan Trung Kiên, UVBCHTW Đảng, Tư lệnh Quân khu VII; Võ Hồng Quang, Thứ trưởng Bộ VH-TT; Đại tướng Mai Chí Thọ, nguyên Ủy viên Bộ chính trị, nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Thượng tướng Bùi Thiện Ngộ, nguyên Ủy viên Bộ chính trị, nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ cùng nhiều đại biểu lãnh đạo của các cơ quan trung ương.

Về phía địa phương, có các đồng chí: Lê Hoàng Quân, UVBCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy; Trần Đình Thành, Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh; Võ Văn Một, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; Phạm Văn Hy, nguyên UVBCHTW Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu; Phan Văn



Trang, nguyên Bí thư Tỉnh ủy khóa V; Huỳnh Văn Bình, nguyên Phó bí thư Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh; Lâm Hiếu Trung, nguyên UVBTV Tỉnh ủy, Chủ tịch Liên hiệp các hội KHKT tỉnh; các đồng chí trong BCH Đảng bộ tỉnh; lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các huyện và thành phố Biên Hòa; các đồng chí cán bộ lão thành, các đồng chí nguyên là UVBCH Đảng bộ tỉnh các khóa; các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; các nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ ưu tú; các thạc sĩ, tiến sĩ; điển hình dạy tốt học giỏi và hơn 2000 sinh viên, học sinh, đồng bào các giới, các dân tộc của tỉnh.

Nhiều đoàn đại biểu của các tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận và Tp. Hồ Chí Minh cũng đã về tham dự buổi lễ khánh thành Văn miếu Trấn Biên.

Sau lời khai mạc của đồng chí Lê Văn Quang, Phó bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, đồng chí Võ Văn Một, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh đã đọc diễn văn khánh thành Văn miếu Trấn Biên. Tiếp đến, Thủ tướng Phan Văn Khải cùng các đồng chí lãnh đạo trung ương và tỉnh đã thực hiện các nghi thức cắt băng khánh thành, làm lễ dâng hương ở chính điện. Sau đó, Thủ tướng Phan Văn Khải cùng một số đồng chí cán bộ lãnh đạo trung ương và tỉnh đã trồng cây lưu niệm tại Văn miếu. Thủ tướng đã trồng cây đa búp đỏ tại khu vực bên phải Chính điện, mở đầu cho nghi thức trồng cây lưu niệm tại công trình văn hóa vừa mang đậm truyền thống lịch sử, vừa thể hiện khát vọng phát triển của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Trước khi kết thúc buổi lễ khánh thành, thừa ủy nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh, đồng chí Huỳnh Văn Tới, Phó chủ tịch UBND tỉnh đã trao khánh vàng cho các nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ ưu tú và các em học sinh giỏi cấp quốc gia.



nam
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
85



năm
VĂN MIÊU
TRẦN BIÊN
86



**Các đại
biểu TW
và địa
phương
đăng
hương ở
Bái
Đường.**



Thủ tướng Phan Văn Khải xem các hiện vật và trông cây lưu niệm.



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
87

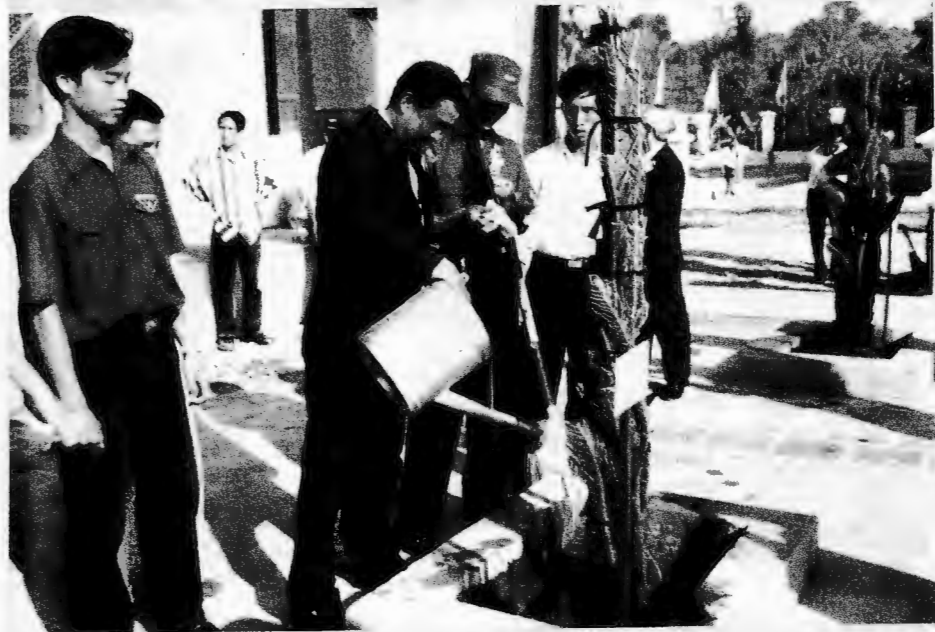


năm
ẤN MIẾU
RÂN BIÊN
88





*Các đại biểu
trồng cây lưu niệm
trong ngày lễ
khánh thành
VMTB.*



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
89



năm
VĂN MIẾU
'RÀN BIÊN
90





*Các đại biểu
trồng cây lưu niệm
trong ngày lễ
khánh thành
VMTB.*



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
91**



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
92



Thủ tướng
Phan Văn Khải
xem các bia đá ở
Văn miếu.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
93



nam
AN MIẾU
LÀN BIÊN
94



LỜI KHAI MẠC LỄ KHÁNH THÀNH VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

(Do đồng chí Lê Văn Quang, Phó bí thư Thành ủy,
Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa trình bày)

Kính thưa,

- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ,

- Các đồng chí lãnh đạo Trung ương Đảng, Nhà nước; các đồng chí cách mạng lão thành, lãnh

đạo tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai và thành phố Biên Hòa,

- Đại biểu các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động,

- Các đồng chí lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh Đồng Nai và thành phố Biên Hòa,

- Quý vị đại biểu các tầng lớp nhân dân, tôn giáo, các nhà giáo ưu tú, nhà văn, nhà khoa học và các em sinh viên học sinh,

Văn miếu Trần Biên là một trong những văn miếu được xây dựng sớm nhất ở Nam bộ, vùng đất mới phương Nam của Tổ quốc Việt Nam vào năm Ất Mùi 1715. Văn miếu Trần Biên là thể hiện sinh động sự tiếp nối truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc ta, đặc biệt là truyền thống “Trọng học” và truyền thống “Tôn sư trọng đạo”.



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
95

Với Văn miếu Trấn Biên, nhiều danh nhân văn hóa, giáo dục ở Nam bộ đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp phát triển nền quốc học Việt Nam. Tiêu biểu như thầy giáo Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Gia Định tam gia: Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tịnh..., Nguyễn Đình Chiểu.

Nhân kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất lịch sử Biên Hòa - Đồng Nai, Tỉnh ủy Đồng Nai (khóa V) đã quyết định cho phỏng dựng lại Văn miếu Trấn Biên trên nền Văn miếu cũ đã bị phá hủy trong chiến tranh. Ngày 9 tháng 12 năm 1998, Tỉnh ủy Đồng Nai (khóa VI) đã làm lễ động thổ xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên. Mục đích của Đảng bộ Đồng Nai là nhằm khôi phục lại Văn miếu với hình thức cổ truyền, nhưng nội dung hoạt động mang ý nghĩa thời đại để hình thành một trung tâm sinh hoạt văn hóa, khoa học, giáo dục của tỉnh, thể hiện truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa lịch sử truyền thống của dân tộc, làm động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà. Chủ trương này đã được ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Hơn 3 năm qua, với nỗ lực của nhiều đơn vị thiết kế, xây dựng ở địa phương, Trung ương, sự giúp đỡ của nhiều cơ quan và các nhà nghiên cứu lịch sử, khoa học, văn hóa trong và ngoài tỉnh, nhiều nghệ nhân và sự đóng góp của nhân dân, công trình Văn miếu Trấn Biên đã hoàn thành cơ bản.

Dân tộc ta có truyền thống tốt đẹp "Mùng một Tết Cha, mùng hai Tết Mẹ, mùng ba Tết Thầy". Mùa xuân khởi đầu cho một năm, tuổi trẻ là mùa xuân của đất nước, với ý nghĩa đó, hôm nay được sự ủy nhiệm của Tỉnh ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Đồng Nai và thành phố Biên Hòa, tôi tuyên bố khai mạc lễ khánh thành Văn miếu Trấn Biên.



DIỄN VĂN KHÁNH THÀNH CÔNG TRÌNH PHỤC DỰNG VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

(Do đồng chí Võ Văn Một, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai trình bày, ngày 14/2/2002 nhằm mừng 3 Tết Nhâm Ngọ)

Kính thưa...

Hôm nay, ngày mừng Ba Tết Nhâm Ngọ, tức ngày 14 tháng 02 năm 2002, trong không khí mừng sinh nhật Đảng, mừng Xuân mới, phấn khởi trước những thành tựu



đã đạt được trên các mặt kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh quốc phòng của năm qua, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII ngay từ năm đầu, Tỉnh ủy, HĐND, UBMTTQVN tỉnh Đồng Nai và Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố Biên Hòa long trọng khánh thành giai đoạn I công trình phỏng chế Văn miếu Trần Biên - Biểu trưng về văn hóa giáo dục của đất Biên Hòa xưa, của tỉnh Đồng Nai ngày nay.

Kính thưa các vị đại biểu

Thưa đồng bào, đồng chí.

Cách đây gần 300 năm, sau khi Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh san định cương giới, lập ra bộ máy hành chính xứ Đồng Nai và cả vùng đất Nam bộ, để khẳng định những giá trị văn hóa, chính trị ở vùng đất mới, chúa Nguyễn đã



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
97

truyền lệnh cho quan trấn thủ Trấn Biên lựa đất xây cất Văn miếu. Văn miếu Trấn Biên được xây cất vào năm 1715 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, tại thôn Tân Lại, tổng Phước Vĩnh, huyện Phước Chánh (tức phường Bửu Long thành phố Biên Hòa ngày nay). Văn miếu Trấn Biên là Văn miếu được xây dựng sớm nhất ở Nam bộ, trước các Văn miếu Gia Định (1824), Văn miếu Vĩnh Long (1864).

Được lựa chọn xây dựng ở nơi sơn thủy hữu tình “phía Nam hướng đến sông Phước (tức sông Đồng Nai)”, phía Bắc dựa vào núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt (*Gia Định thành thông chí – Trịnh Hoài Đức*), qua nhiều lần trùng tu, mở rộng, đến thời Tự Đức, Văn miếu Trấn Biên đã được xây dựng hoàn chỉnh và to đẹp nhất. Văn miếu thờ Khổng Tử – vị khai sáng Nho giáo, Nho học, bên cạnh Văn miếu Trấn Biên còn là nơi dạy học trò (gọi là Tỉnh học – trường Tỉnh Biên Hòa). Văn miếu Trấn Biên đã đóng vai trò là một trung tâm văn hóa giáo dục của tỉnh Biên Hòa xưa. Dưới thời phong kiến, Biên Hòa là nơi có sự nghiệp giáo dục phát triển của Nam bộ. Trong 19 khoa thi tại trường Gia Định dưới thời Nguyễn, tỉnh Biên Hòa đã có 22 sĩ tử đậu cử nhân, trong đó có những người đỗ cao như: Thủ khoa Phạm Văn Trung, Á khoa Nguyễn Duy Doãn, Võ Xuân. Có người từ nơi khác về theo học ở Biên Hòa đã thành tài như Giải nguyên Bùi Hữu Nghĩa, một vị quan thanh liêm cương trực, một nhà thơ nổi tiếng ở đất Nam bộ xưa.

Biên Hòa – Đồng Nai cũng là nơi phát tích, hội tụ những văn thân, nghĩa sĩ, những danh nhân văn hóa, những nhà sư phạm lớn tiêu biểu như: Thượng thư bộ Lại Trịnh Hoài Đức, ông là nhà sử học, địa lý, nhà thơ, nhà văn hóa lớn của đất Nam bộ và thầy Đồ Hoành, người đã dạy Bùi Hữu Nghĩa thành tài, là thân sinh bà Nguyễn Thị Tôn –



290
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
98

liệt nữ của đất Đồng Nai.

Nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai có quyền tự hào về vùng đất truyền thống hiếu học và những người con ưu tú của mình.

Giá trị biểu trưng về văn hóa – giáo dục của Văn miếu Trấn Biên không chỉ được các tầng lớp quan lại và sĩ phu phong kiến tôn vinh mà còn được nhân dân ngưỡng vọng gọi là “Văn Thánh”.

Năm 1861 khi thực dân Pháp chiếm được Biên Hòa, việc đầu tiên sau khi chiếm đất là chúng tàn phá tiêu diệt văn hóa. Văn miếu Trấn Biên một biểu trưng về văn hóa xứ Đồng Nai – Nam bộ bị chúng tàn phá trước tiên. Đây là tội ác của thực dân đế quốc và là một mất mát to lớn của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai.

Kính thưa quý vị đại biểu,

Thưa toàn thể đồng bào, đồng chí.

Sau hàng trăm năm bị thực dân đế quốc xâm lược, chúng thực hiện chính sách ngu dân để dễ bề cai trị, kìm hãm sự phát triển văn hóa giáo dục, trói buộc nhân dân ta trong ngu dốt, tối tăm; từ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, dưới sự lãnh đạo chăm lo của các cấp ủy Đảng, sự nghiệp giáo dục – văn hóa của cả nước nói chung và của tỉnh Đồng Nai nói riêng đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài.

Về sự nghiệp giáo dục của tỉnh chỉ tính riêng thành tích đạt được trong 10 năm đổi mới vừa qua (1990 – 2000) đã thấy rất tự hào, phấn khởi:

– Tỷ lệ học sinh khá giỏi hàng năm đều tăng từ 10–15%

– Hàng năm số học sinh lên lớp đạt 95% trở lên.

– Tỷ lệ tốt nghiệp các cấp đạt 85–95%, có trường tốt nghiệp 100% như: THCS Nguyễn Bình Khiêm (Biên Hòa), PTTTH Lương Thế Vinh.



20 năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
99

- Số học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, THCN của tỉnh đạt từ 3500 - 4000 em, trong đó có các em đỗ thủ khoa vào các trường đại học.

- Trong 10 năm qua số học sinh giỏi quốc gia đạt trên 300 giải, có 01 em dự thi học sinh giỏi quốc tế. Học sinh dự thi Olympic khu vực, thi đấu thể thao, thi các môn năng khiếu trong và ngoài nước trong những năm gần đây đạt nhiều giải cao.

Ngành giáo dục Đồng Nai luôn bám sát đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, kiên trì thực hiện và nâng cao chất lượng theo mục tiêu giáo dục mà Nghị quyết của Đảng đề ra. Ngành có nhiều cán bộ quản lý giỏi, nhiều tấm gương thầy cô giáo tận tụy với nghề, hết lòng vì học sinh thân yêu.

Tỉnh Đồng Nai được Trung ương công nhận đạt chuẩn về chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học sớm hơn kế hoạch 02 năm. Thành phố Biên Hòa được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh Đồng Nai luôn quan tâm toàn diện đến phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo của tỉnh. Hầu hết các trường học đã khá ổn định về cơ sở vật chất; các ngành học, cấp học đã có những trường được xây dựng kiên cố khang trang và trang thiết bị hiện đại trong đó có một số trường đạt tiêu chuẩn quốc gia.

Sự nghiệp văn hóa thông tin cũng được quan tâm và phát triển. Cơ sở vật chất của ngành được đầu tư xây dựng và trang bị đáng kể, hoạt động thông tin tuyên truyền được đổi mới nội dung và hình thức, kịp thời cổ động tuyên truyền và kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị trọng đại, giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng: uống nước nhớ nguồn, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Nhiều công trình sưu tầm, khai thác bảo vệ các giá trị truyền thống văn hóa dân tộc được thực hiện trong đó có mảng văn hóa các dân tộc thiểu số. Đời sống



20 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
100

văn hóa ở cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực. Phong trào quần chúng sáng tạo bảo tồn văn hóa dân tộc cổ truyền được khơi dậy và có nhiều thành tựu. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được chỉ đạo chặt chẽ và được sự hưởng ứng của toàn dân, sự phối hợp đều khắp của các ngành các cấp đã và đang góp phần tạo nên đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, bài trừ các thủ tục mê tín dị đoan, xây dựng lối sống, nếp sống lành mạnh, văn minh, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Công tác quản lý Nhà nước về văn hóa được tổ chức chặt chẽ, huy động được sức mạnh của toàn xã hội; cơ bản lập lại trật tự kỷ cương trên lĩnh vực hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa.

Các văn nghệ sĩ của tỉnh đã đề cao trách nhiệm người nghệ sĩ, chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, đi vào cuộc sống có nhiều tìm tòi sáng tạo, xây dựng được nhiều tác phẩm tương đối có giá trị về truyền thống yêu nước cách mạng và bước đầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên đất Đồng Nai.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh đã đánh giá cao những phấn đấu, nỗ lực của các ngành giáo dục, văn hóa tỉnh. Những thành tựu đạt được và sự chuyển biến, phát triển mạnh mẽ sự nghiệp văn hóa – giáo dục của tỉnh đã góp phần tạo nên sự phát triển mạnh mẽ kinh tế – xã hội, tạo nên động lực phát triển của toàn xã hội, đưa tỉnh Đồng Nai trở thành một trong những địa phương phát triển đứng vào nhóm đầu toàn quốc.

Kính thưa các vị đại biểu

Thưa đồng bào, đồng chí.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, toàn thể tỉnh quyết tâm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc”, thực hiện NQ TW 02 (khóa VIII) “Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ trong thời kỳ



20
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
101

công nghiệp hóa, hiện đại hóa” coi giáo dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập và xây dựng thành công CNXH, dành ưu tiên cao nhất cho phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo.

Đồng Nai nằm trong vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước, nơi có khu công nghiệp lớn nhất quốc gia, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài, nơi hội tụ và cần nguồn nhân lực có trình độ khoa học kỹ thuật, tay nghề cao.

Đề cao và phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo, truyền thống hiếu học của cha ông, khẳng định quyết tâm tiến bước mạnh mẽ vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đầu tư ưu tiên cho phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh Đồng Nai quyết định xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên - biểu tượng văn hóa - giáo dục của vùng đất, niềm tự hào của Biên Hòa - Đồng Nai.

Xây dựng Văn miếu Trấn Biên là để đề cao, phát huy truyền thống hiếu học, khuyến khích các tài năng, tôn vinh các nhà khoa học, văn hóa, biểu dương những tìm tòi, cống hiến lớn về văn hóa, khoa học, kỹ thuật, văn học, biểu dương những học sinh, sinh viên giỏi.

Công trình khảo sát, thiết kế, xây dựng Văn miếu Trấn Biên được bắt đầu tiến hành từ năm 1997, UBND thành phố Biên Hòa là chủ công trình. Căn cứ vào thư tịch và tư liệu của địa phương, UBND thành phố Biên Hòa đã thành lập đoàn khảo sát (có các ngành chức năng của tỉnh tham gia) và tổ chức 4 đợt khảo sát nhằm định vị Văn miếu Trấn Biên xưa, chọn nơi xây dựng lại. Đoàn khảo sát đã chọn địa điểm đồi đá gần hồ Long Vân là nơi phù hợp nhất để xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên. Đề cương Văn miếu Trấn Biên cũng được soạn thảo một



20 năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
102

cách thận trọng trên cơ sở nghiên cứu Văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội và các mô hình Văn miếu ở Vĩnh Long, Châu Đốc. Đề cương đã được các nhà nghiên cứu khoa học trong và ngoài tỉnh tham gia góp ý bổ sung hoàn chỉnh và mời các công ty tư vấn thiết kế với 7 phương án được trình bày tại hội thảo. UBND tỉnh đã chọn phương án 3 của Công ty tư vấn thiết kế xây dựng Đồng Nai là phương án khả thi để triển khai xây dựng. Ngày 9/12/1998, thành phố Biên Hòa và tỉnh đã long trọng tổ chức lễ động thổ công trình phụng dựng Văn miếu Trấn Biên. Sau khi chỉnh sửa, thiết kế, ngày 19/7/2000 Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thành phố Biên Hòa (đơn vị trúng thầu) đã chính thức khởi công xây dựng giai đoạn I với các hạng mục công trình sau: Toàn bộ tổng thể công trình có diện tích 2 ha, bố trí trên một trục chính đăng đối gồm các hạng mục chính: Văn miếu môn, Nhà bia truyền thống, Khuê Văn các, Hồ Thiên Tĩnh quan, Cổng Tam quan, Nhà bia Khổng Tử, Nhà thờ chính và được chia thành 4 khu: Khu thờ phụng tế lễ, khu sinh hoạt truyền thống, khu hoạt động lễ hội và khu bên ngoài Văn miếu. Trong đó có khu thờ phụng tế lễ là nơi quan trọng nhất của Văn miếu bắt đầu từ cổng Tam quan đến Nhà thờ chính.

Dự kiến giai đoạn II gồm các hạng mục sau: Nhà truyền thống, Hội trường 200 chỗ ngồi, Nhà quản lý, Nhà Văn Vật khố, Nhà Thư khố và trồng cây xanh cùng các công trình, điện, nước, sân đường nội bộ.

Vẫn giữ một khoảng cách trân trọng với Khổng Tử – biểu tượng của nền giáo dục, văn hóa phương Đông nhưng sự thờ phụng bày trí trong Văn miếu Trấn Biên đã được mang nội dung mới. Đây cũng là công trình nghiên cứu công phu, tập trung trí tuệ của nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu văn hóa có tên tuổi của quốc gia, sự chỉ đạo hướng dẫn chặt chẽ của các cơ quan tư tưởng văn hóa TW.

Văn miếu Trấn Biên trước hết thờ Chủ tịch Hồ Chí



200
năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
103

Minh vĩ đại – Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn của thế giới. Bác Hồ là tinh hoa văn hóa Việt Nam, Bác cũng là người khai sáng ra nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Vị trí quan trọng nhất trong Văn miếu Trấn Biên được dành thờ Bác Hồ kính yêu. Gian giữa chính điện có biểu tượng trống đồng, thờ đất, nước từ đền Hùng – biểu tượng của ngọn nguồn dân tộc, ngọn nguồn văn hóa. Văn miếu Trấn Biên còn thờ các văn thần, các danh nho, các nhà văn hóa, khoa học, giáo dục lớn của dân tộc như: Nguyễn Trãi – Anh hùng dân tộc, nhà văn hóa lớn của thế giới, Chu Văn An – nhà giáo dục lớn, Lê Quý Đôn – nhà bác học lớn của dân tộc, Nguyễn Du – đại thi hào dân tộc. Thờ các danh nhân văn hóa của Đồng Nai, Nam bộ như: Nhà giáo dục lớn Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, nhóm Gia Định tam gia gồm: Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh.



190
năm
**N MIẾU
ẤN BIÊN**
104

Văn miếu Trấn Biên còn là thiết chế văn hóa, giáo dục, khoa học lớn của tỉnh, có văn khố và lưu khố giữ và trưng bày những tác phẩm văn học nghệ thuật, những công trình nghiên cứu văn hóa, khoa học lịch sử, địa lý, nhân văn, những sản phẩm tiêu biểu của các nghệ nhân, các ngành nghề truyền thống. Văn miếu Trấn Biên được xây dựng đúng nơi đất cũ ngày xưa đã tạo dựng, địa thế thoáng đãng, nơi có “núi sau sông trước” là cảnh đẹp của Biên Hòa – Đồng Nai, được xây dựng bề thế, hoành tráng qui mô, sẽ là nơi hội họp, tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa giáo dục lớn nhất của tỉnh, cho thế hệ trẻ và mọi tầng lớp đồng bào trong tỉnh đến tham quan, học tập, ngưỡng vọng về ngọn nguồn văn hóa.

Văn miếu Trấn Biên là công trình văn hóa có ý nghĩa rất quan trọng nên được sự quan tâm lớn từ các vị lãnh đạo TW đến các địa phương, các tỉnh bạn, các nhà nghiên cứu lịch sử, các nghệ nhân và đồng bào, đồng chí trong ngoài tỉnh. Công trình đã nhận được sự trao tặng, đóng góp bằng hiện vật của các tỉnh bạn, các cơ sở gồm, các nghệ nhân,

các tổ chức trong và ngoài tỉnh, cụ thể:

- UBND thành phố Hà Nội, Sở VHTT Hà Nội, Văn miếu Quốc tử giám ủng hộ 01 trống lớn (Trống Sấm lễ hội Thăng Long) và tấm bia phục chế để trưng bày trong gian thờ chính của Văn miếu.

- UBND tỉnh Phú Thọ, Đoàn đặc công 113 tặng 18kg đất và 18 lít nước từ Đất Tổ Hùng Vương.

- Công ty phát triển nhà Hà Nội ủng hộ 01 cây đa búp đỏ.

- Công ty TNHH cây xanh Trần Biên ủng hộ đóng góp cây xanh từ Văn miếu môn đến Khuê Văn các.

- Công ty TNHH cây xanh Tám Hậu ủng hộ đóng góp toàn bộ cỏ còn lại của công trình.

- UBND phường Bửu Long và các nghệ nhân của phường đóng góp 02 con lân cao 1,2m bằng đá, cùng bộ bàn ghế đá

- Cơ sở gốm Thái Dương tham gia đóng góp 02 bức tranh gốm trong nhà thờ chính.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh Đồng Nai xin ghi nhận và trân trọng cảm ơn sự quan tâm của các vị lãnh đạo, sự trao tặng đóng góp của các địa phương tỉnh bạn, của đồng bào, đồng chí trong tỉnh.

Thưa các vị đại biểu, thưa đồng bào, đồng chí.

Văn miếu Trần Biên đã hoàn thành giai đoạn I. Những khiếm khuyết thiếu sót được khắc phục trong giai đoạn II, nhưng cơ bản là công trình đảm bảo được chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ thời gian. Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh Đồng Nai biểu dương sự cố gắng nỗ lực của các cơ quan, đơn vị, cá nhân đã trực tiếp tham gia xây dựng Văn miếu Trần Biên đó là: UBNDTP Biên Hòa, Ban quản lý dự án TP Biên Hòa, Sở văn hóa thông tin Đồng Nai và Phòng văn hóa thông tin thành phố Biên Hòa, Hội đồng thẩm định khoa học tỉnh, Công ty tư vấn thiết kế xây dựng Đồng Nai và Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng thành phố Biên Hòa cùng các nhà khoa học, nhà nghiên



290
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
105

cứu, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, công nhân xây dựng.

Giai đoạn II xây dựng Văn miếu Trấn Biên sẽ được tiếp tục tiến hành.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh Đồng Nai kêu gọi sự quan tâm của toàn thể, đồng bào, đồng chí, các nghệ nhân ở trong và ngoài tỉnh đối với việc xây dựng Văn miếu Trấn Biên, có những đóng góp trí tuệ vật chất cụ thể để cùng xây dựng Văn miếu hoàn chỉnh, trở thành tài sản chung của nhân dân.

Nhân việc khánh thành Văn miếu Trấn Biên xin công bố Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VII) lần thứ 6 vừa qua đã quyết định chọn năm 2002 là “Năm chất lượng giáo dục – đào tạo và phát triển văn hóa, khoa học – công nghệ”. Một lần nữa Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh thể hiện quyết tâm đầy mạnh hơn nữa sự nghiệp giáo dục – đào tạo, khoa học công nghệ và phát triển xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, bồi dưỡng nâng cao trí lực, tinh thần của toàn xã hội, đề cao việc học, học để tồn tại và phát triển, học để thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH.

Đồng bào, đồng chí hãy quan tâm nhiều hơn nữa đến việc học tập của con em và bản thân. Ngành giáo dục phải không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học của các cấp học, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài cho địa phương và quốc gia. Các nhà văn hóa, các văn sĩ hãy nỗ lực nghiên cứu, sáng tạo để có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều sáng tác có giá trị cao về đất nước, quê hương. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hãy tiến quân mạnh mẽ hơn nữa vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, phát huy nội lực trí sáng tạo, tiếp thu nhanh công nghệ khoa học kỹ thuật hiện đại, góp phần xây dựng quê hương Đồng Nai đến 2010 cơ bản thành một tỉnh công nghiệp, kinh tế, văn hóa phát triển, ngày càng giàu đẹp phồn vinh.

Nhân dịp đầu xuân mới xin kính chúc các vị đại biểu, chúc toàn thể đồng bào, đồng chí dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.



200
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
106



Văn nghệ chào mừng khánh thành VMTB.



200 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
107

2.5. Khai mở văn bia và kỷ niệm



năm
**ĂN MIẾU
RÂN BIÊN
108**



sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
109

Quang cảnh buổi lễ.

Văn miếu Trấn Biên vừa là công trình kiến trúc hiện đại, vừa mang ý nghĩa biểu trưng cho văn hóa truyền thống của dân tộc trên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Vì thế, bài văn bia có giá trị thể hiện hồn thiêng của sông núi, quê hương và khát vọng của bao thế hệ muôn đời tiếp nối truyền thống cha ông. Do đó, từ những ngày đầu khởi công xây dựng Văn miếu Trấn Biên, lãnh đạo tỉnh Đồng Nai và thành phố Biên Hòa đã rất chú trọng đến việc tìm kiếm, mời gọi những bậc tài hoa tham gia viết bài văn bia. Nhiều tác giả đã tích cực tham gia viết văn bia, cố gắng thể hiện được những điều cốt lõi nhất của Văn miếu Trấn Biên vào một bài văn có dung lượng cô đúc để có thể khắc vào bia đá. Đến tháng 8.2001, Ban thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã có Nghị quyết số 10 về



năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
110



Văn miếu Trấn Biên. Thực hiện chỉ đạo của Ban thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh đã mời thêm một số nhà văn, nhà thơ, các vị giáo sư nổi tiếng tham gia viết bài văn bia để tạo sự đa dạng, phong phú khi xem xét lựa chọn.

Theo lời mời của UBND tỉnh Đồng Nai, Giáo sư, Anh hùng lao động Vũ Khiêu đã nhận lời viết văn bia Văn miếu Trấn Biên. Giáo sư Vũ Khiêu là người từng viết những công trình khoa học xã hội lớn như: *Bàn về văn hiến Việt Nam*, *Cách mạng và nghệ thuật...*, đồng thời cũng là tác giả của những bài văn, bài phú nổi tiếng: *Văn tế những người dân chết đói năm 1945*, *Văn tế anh hùng liệt sĩ trong Cách mạng tháng Tám*, văn bia *Lý Thái Tổ ở Hoa Lu*, đặc biệt là bài



Quang cảnh buổi lễ.



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
111

Chúc văn đọc tại Quốc lễ giỗ tổ Hùng Vương.

Sau khi nhận lời viết bài văn bia cho Văn miếu Trấn Biên, Giáo sư Vũ Khiêu đã dành nhiều tháng để đọc các tài liệu liên quan đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, đi điền dã, tiếp xúc với nhiều người, nhiều giới ở Đồng Nai để tìm hiểu thực tế. Theo ông, Văn miếu là biểu tượng của tâm hồn và khí phách của Biên Hòa – Đồng Nai. Văn miếu Trấn Biên là sự tiếp nối và phát huy tinh thần của Văn miếu Thăng Long và các văn miếu khác của Việt Nam. Bởi vậy, nó mang ý nghĩa văn hiến và văn hóa, tức là nền tảng tinh thần của xã hội, biểu trưng cho tâm hồn và khí phách, trí tuệ và tài năng, hoài bão và trách nhiệm của toàn thể lãnh đạo và nhân dân Đồng Nai trước dân tộc và thế giới.

Bài văn bia do Gs. Vũ Khiêu soạn thảo đã được tập thể lãnh đạo tỉnh Đồng Nai quyết định chọn làm bài văn bia của Văn miếu Trấn Biên. Trước đó, toàn văn bản dự thảo này cũng đã được đưa ra công luận và các tầng lớp nhân dân đóng góp, với sự nhất trí cao.

Sáng ngày 18.5.2002, Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQCN tỉnh và thành phố Biên Hòa đã tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 112 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời công bố văn bia Văn miếu Trấn Biên ngay tại công trình văn hóa này. Đông đảo cán bộ lãnh đạo tỉnh, thành phố Biên Hòa, các huyện và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã đến dự.

Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa Lê Văn Quang đã đọc diễn văn khai mở văn bia Văn miếu Trấn Biên. Tiếp đến là toàn văn bài văn bia được xướng ngôn và lễ dâng hương được tiến hành ở Nhà thờ chính. Sau lễ dâng hương, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, Võ Văn Một đã đọc diễn văn kỷ niệm 112 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại diện tuổi trẻ Đồng Nai đã đọc lời hứa quyết tâm “làm theo lời Bác”.

Tại buổi lễ này, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã phát động phong trào “Trồng cây nhớ Bác” trong toàn tỉnh. Cuộc thi tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã được tổng kết và trao giải thưởng ngay trước sân của nhà Bái Đường.



290
năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
112

BÀI PHÁT BIỂU CỦA ÔNG LÊ VĂN QUANG - CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TRONG LỄ KHAI VĂN BIA VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

Nhân kỷ niệm 112 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 2002). Được sự chấp thuận của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa long trọng tổ chức lễ khai Văn bia của công trình Văn miếu Trần Biên. Thay mặt Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Biên Hòa, tôi xin trân trọng chào mừng các đồng chí, quý vị đại biểu, khách mời đã đến tham dự buổi lễ hôm nay.

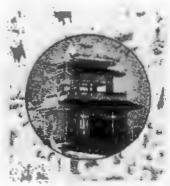
Kính thưa các đồng chí và các bạn!

Trên nền của Văn miếu được xây dựng đầu tiên vào năm 1715 ở vùng đất Biên Hòa - Nam bộ (đã bị chiến tranh tàn phá năm 1861), thành phố Biên Hòa đã khởi công xây dựng công trình Văn miếu Trần Biên từ năm 1998. Đến nay, công trình từng bước được hoàn thành, thu hút và đáp ứng được sự quan tâm, mong đợi của đông đảo tầng lớp nhân dân. Đây là một công trình văn hóa có ý nghĩa thiết thực nhằm đề cao và tôn vinh tinh thần hiếu học, các giá trị văn hóa của dân tộc. Ngày 14/2/2002, lễ khánh thành Văn miếu Trần Biên được tổ chức trọng thể. Hôm nay ngày 18/5/2002, hòa trong niềm vui chung của cả nước: chuẩn bị kỷ niệm 112 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; toàn dân tham gia bầu cử Quốc hội khóa XI, chúng ta long trọng tổ chức lễ khai Văn bia của công trình văn hóa này.

Nội dung Văn bia của Văn miếu Trần Biên vinh dự được Giáo sư, Anh hùng Lao động Đặng Vũ Khiêu chấp bút. Giáo sư Đặng Vũ Khiêu đã dành nhiều thời gian, tâm sức để thể hiện được ý nghĩa văn hiến, văn hóa; biểu trưng của tâm hồn và khí phách Biên Hòa - Đồng Nai trong nội dung Văn bia. Đồng thời, cũng đã nêu lên được những thành tựu, hoài bão và trách nhiệm của Đảng bộ, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong thời kỳ phát triển mới. Trong



290 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
113



200
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
114



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
115

Quang cảnh buổi lễ khai mở văn bia.



290 năm
**VĂN MIẾU
 TRẦN BIÊN**
 116

dòng chảy của dân tộc, Văn miếu Trần Biên nói riêng, diên trình lịch sử Đồng Nai nói chung được khắc họa khá rõ nét:

*“Xây cao Văn miếu tiếp thu thành tựu Bắc Nam
 Mở rộng học đường khai thác tinh hoa dân tộc kim cô
 ... Tinh thần Đại Việt tỏa sáng nơi đây
 Hòa khí Đồng Nai dâng cao từ đó...”*

Công trình Văn miếu Trần Biên được hoàn thành là niềm tự hào của tất cả người dân xứ Biên Hòa – Đồng Nai. Nơi đây sẽ trở thành điểm sinh hoạt văn hóa lành mạnh, thu hút mọi người tham gia trong các hoạt động về nguồn, tưởng nhớ tổ tiên, nêu cao tinh thần hiếu học, giáo dục mọi người góp phần trong việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế vận hội phát triển mới. Văn miếu Trần Biên không chỉ là biểu tượng mà là mạch nguồn nối liền truyền thống của quá khứ với hiện tại, đồng hành với người dân Biên Hòa – Đồng Nai hướng vào tương lai, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp trên nền tảng vững chãi của văn hiến dân tộc để:

*“Tổ Hùng Vương cơ nghiệp trường tồn
 ... Hòa khí Đồng Nai đời đời rực rỡ”*

Xin chúc sức khỏe các đồng chí và toàn thể quý vị đại biểu. Tôi trân trọng tuyên bố lễ khai Văn bia bắt đầu.

Xin cảm ơn!



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
117

Chủ tịch UBND tỉnh Võ Văn Một đọc diễn văn tại buổi lễ kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ.



Đ/c Trần Đình Thành, PBT thường trực Tỉnh ủy (ảnh trên) và Chủ tịch UBND tỉnh Võ Văn Một (ảnh dưới) trao tặng bằng khen cho các cá nhân xuất sắc trong lĩnh vực giáo dục.



2 năm

**VĂN MIẾU
TRẦN DIÊN
118**



Bài văn bia TRẦN BIÊN - ĐÔNG NAI RẠNG RỖ NGÀN NĂM VĂN HIẾN

“Nhu nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu”

Nguyễn Trãi



2500 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
119

1. Từ đi mở cõi

Mặt mù đất mới, muôn dặm thâm u
Thăm thẳm quê xưa, ngàn năm thương nhớ !
Người đông đất hẹp: nợ áo cơm đành phải xông pha
Rừng rậm đầm lầy: việc khai phá xiết bao gian khổ
Bão giông sấm sét: đã lăm tai ương
Rắn rét hùm beo: còn nhiều hung dữ
Thấm bao huyết hãn: đất khô cần cũng hóa phì nhiêu
Trải mấy suy tư: miền hoang dại đã thành trù phú
Ruộng đồng bát ngát: gạo trắng nước trong
Nhà cửa khang trang: cơm no áo đủ.



190
năm
VĂN MIẾU
LÂN BIÊN
120

2. Dựng xây văn miếu

Từ Lễ Thành hầu, xưng Kinh lược sứ
Ổn định biên cương, vệ phòng lãnh thổ
Đi về xa mã: tung bưng dinh thự Trấn Biên
Xuôi ngược ghe thuyền: rộn rã cù lao Đại Phố
Xây cao Văn miếu, tiếp thu thành tựu bắc nam
Mở rộng Học đường, khai thác tinh hoa kim cổ.
Đạo làm người: tích trí, tu nhân
Phép giữ nước: sùng văn, trọng võ
Tinh thần Đại Việt tỏa sáng nơi đây
Hào khí Đồng Nai dâng cao từ đó.

3. Trước nạn thực dân

Giặc Pháp kéo vào Gia Định, ào ạt xâm lăng
Dân ta sống ở Đồng Nai, bùng bùng phần nộ
Mài gươm vót giáo, vươn cao chí mạnh tâm hùng
Phá trại đốt tàu, sá ngại đầu rơi máu đổ

Nửa chừng giải giáp, vua cam cắt đất cầu hòa
Thả sức hoành hành, giặc dữ giết người cướp của
Nhân dân chiến đấu, chẳng thành công đâu phải yếu hèn
Phong kiến điều hành, chịu thất bại chỉ vì bảo thủ:
Tình hình đổi khác, không nhận ra một hướng canh tân
Lịch sử sang trang, vẫn giữ mãi những điều cổ hủ.

4. Mở đường cứu nước

Người Việt Nam đội trời đạp đất, sống đau thương tủi nhục sao đành!

Dân Đồng Nai vững chí bền gan, dẫu chém giết tù đầy há sợ?

Lửa anh hùng: dập tắt lại bùng lên

Vận Tổ quốc: mờ đi rồi lại tỏ

Mở đường cứu nước, Hồ Chí Minh như vầng nhật sáng ngời

Hết dạ vì dân, Đảng Cộng sản giương ngọn cờ giác ngộ

Năm Bốn lăm lịch sử, bão căm hờn rung chuyển cả non sông

Ngày Tháng Tám mùa thu, sóng cách mạng trào lên như bão vũ

Ngàn năm phá ách cường quyền

Một buổi dựng nền dân chủ.



200
năm

VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
121

5. Giặc lại hung tàn

Độc lập tự do giành được, tưởng lâu dài biển lặng trời yên

Thực dân đế quốc quay về, lại bổng chốc bom rền đạn nổ

Chín năm thảm bại, Pháp cùng đường lui thủ lui quân

Mấy độ mưu toan, Mỹ thay thế hung hăng đồ bộ

Chúng muốn ta trở về đồ đá, phá chẳng từ trường học, nhà thương

Chúng gieo đầy chất độc da cam, hại cả đến cỏ cây, muông thú

Thối hung tàn tối cả không gian

Bóng bạo ngược trùm lên lịch sử.

Ba mươi năm bão táp, Việt Nam cao như cột chống trời
Một mảnh đất kiên cường, Đồng Nai vững như vàng thử lửa.

6. Ta càng trí dũng

Trên đất Đồng Nai, dưới trời Nam bộ
Đi trước về sau, đầu sóng ngọn gió
Trải bao nguy khốn, Đảng vẫn vững vàng
Gặp bước hiểm nghèo, dân càng gắn bó

Trí mưu: đánh bót diệt đồn

Anh dũng: trừ gian bám trụ

Phá Xuân Lộc tan thành lũy thép:

Cực hoang mang Mỹ cút Ngụy nhào

Vào Sài Gòn rục rờ cờ hoa: đại đoàn tụ trời xưa đất cũ.

Quê hương giải phóng, đỉnh Long sơn bát ngát mây bay

Ngày tháng thanh bình, dòng Phước thủy dạt dào sóng vỗ.

7. Văn hiến vươn cao

Một cuộc chiến tranh khốc liệt, bao nhiêu hậu quả nặng nề!

Ruộng đồng từng bỏ hoang sơ, nhà cửa nhiều phen đổ vỡ.

Phục hồi sản xuất: chưa thôi đổ máu, thêm chảy mồ hôi!

Phát triển kinh doanh: chẳng bớt lao tâm, còn đầy khổ tứ

Không mấy chốc, nông thôn thành thị dựng lại khang trang

Khắp mọi nơi, xí nghiệp công trường xây lên đồ sộ.

Lấy lý luận soi vào thực tiễn: chủ trương Đảng bộ kịp thời

Đưa mạnh giàu theo hướng văn minh: kiến thức nhân dân rộng mở

Học ông cha thuở trước: ngày ngày văn hiến vươn cao

Giúp con cháu mai sau: lớp lớp nhân tài nở rộ.



290
năm
**ĂN MIẾU
RÀM BIÊN**
122

GS Vũ Khiêu với các đ/c lãnh đạo tỉnh, TP. Biên Hòa.

8. Tương lai tươi sáng

Nẻo tương lai đã rực hào quang
Đường phấn đấu còn đầy thách đố.

Kỷ nguyên trí tuệ: được thua do đầu óc thông minh
Hội nhập toàn cầu: thành bại ở tài năng thi thố!

Xây lại miếu trên nền tảng mới: thu tinh hoa hiện đại tự ngàn phương
Dựng thêm bia giữa nước non này: lưu truyền thống tiền nhân cho vạn
thử.

Tổ Hùng Vương cơ nghiệp trường tồn
Hồ Chủ tịch công huân bất hủ.
Thành đồng Tổ quốc mãi mãi vẻ vang
Hào khí Đông Nai đời đời rực rỡ.

Biên Hòa, ngày 18 tháng 05 năm 2002

Đảng bộ và nhân dân tỉnh

Đồng Nai phục xây Văn miếu

Giáo sư, Anh hùng lao động

Vũ Khiêu viết lời bia



năm

**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**

123



Phần 3

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN -

trung tâm sinh hoạt văn hóa - giáo dục

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN, NƠI TÔN VINH VĂN HÓA - GIÁO DỤC

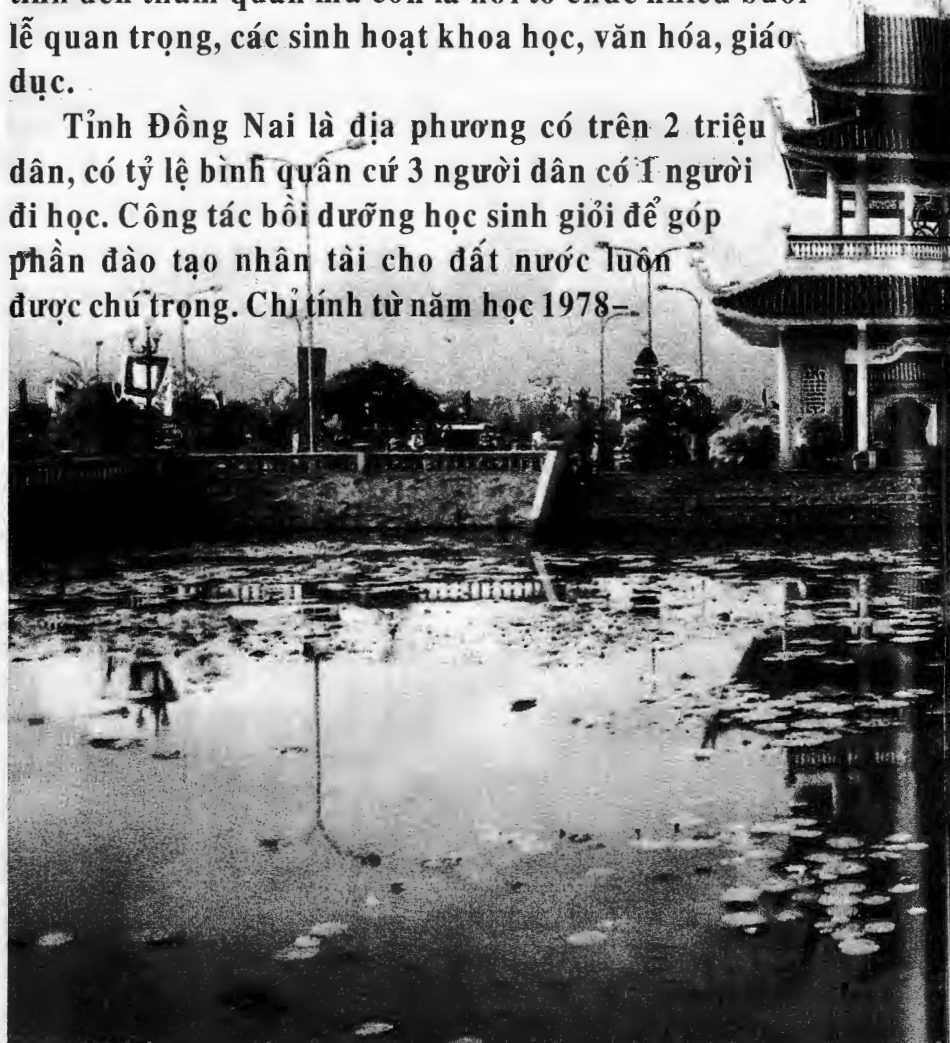
Văn miếu là nơi tôn vinh các giá trị truyền thống văn hóa, giáo dục của dân tộc và quê hương. Từ khi Văn miếu Trần Biên được khánh thành, đây không chỉ là nơi đón tiếp nhiều tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh đến tham quan mà còn là nơi tổ chức nhiều buổi lễ quan trọng, các sinh hoạt khoa học, văn hóa, giáo dục.

Tỉnh Đồng Nai là địa phương có trên 2 triệu dân, có tỷ lệ bình quân cứ 3 người dân có 1 người đi học. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi để góp phần đào tạo nhân tài cho đất nước luôn được chú trọng. Chỉ tính từ năm học 1978-



năm

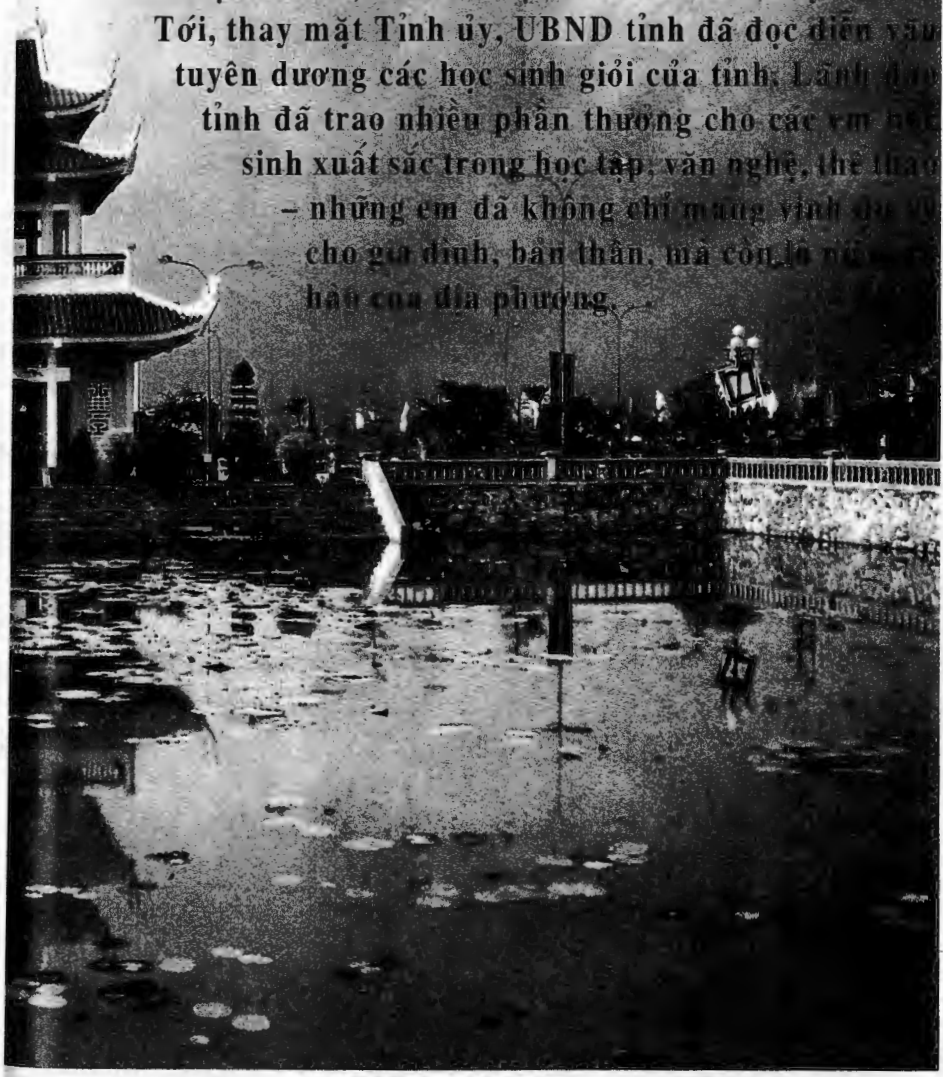
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
124



1979 đến năm học 1999-2000, toàn tỉnh có tới 74 học sinh giỏi đạt giải quốc gia và hàng trăm học sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng trong các kỳ thi thể thao, văn nghệ học sinh, sinh viên toàn quốc và khu vực. Để ghi nhận thành tích phấn đấu của ngành giáo dục - đào tạo và đội ngũ các thầy cô giáo, học sinh, tháng 09.2002, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai đã tổ chức Lễ tuyên dương học sinh giỏi tại Văn miếu Trấn Biên.

Tham dự buổi lễ long trọng này, có các đồng chí lãnh đạo tỉnh, TP. Biên Hòa cùng đông đảo cán bộ, giáo viên và các học sinh giỏi.

Tại buổi lễ, Phó chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Văn Tới, thay mặt Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã đọc diễn văn tuyên dương các học sinh giỏi của tỉnh. Lãnh đạo tỉnh đã trao nhiều phần thưởng cho các em học sinh xuất sắc trong học tập, văn nghệ, thể thao - những em đã không chỉ mang vinh dự về cho gia đình, bạn thân, mà còn là niềm tự hào của địa phương.



250 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
125



năm
ĂN MIẾU
RÂN BIÊN
126



2.1. Diễn văn của ông Huỳnh Văn Tới tại Lễ tuyên dương học sinh giỏi

(Do đồng chí Huỳnh Văn Tới,
Phó chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai trình bày)

Kính thưa:

- Đồng chí Lê Hoàng Quân - Ủy viên BCH TW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy (cùng các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

- Đồng chí Trần Đình Thành - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tại Đồng Nai, Chủ tịch HĐND tỉnh (cùng các đại biểu Quốc hội và các đồng chí thường thực HĐND tỉnh).

- Đồng chí Võ Văn Một - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đồng chí Dương Minh Ngà - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBMTTQ VN tỉnh Đồng Nai (cùng các thành viên UBMTTQVN tỉnh).

Kính thưa các đồng chí lão thành cách mạng, lãnh đạo các sở ngành, đoàn thể; các đồng chí lãnh đạo Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố Biên Hòa.

Các em học sinh thân mến!

Hôm nay, trong không khí thi đua chào mừng kỷ niệm 57 năm Cách mạng tháng Tám, Nam bộ kháng chiến, Quốc khánh nước CHXHCN VN; trong đợt sinh hoạt chính trị của tỉnh Đồng Nai Sơ kết Nghị quyết TW 2 (khóa VIII), Nghị quyết 12 của tỉnh Đảng bộ Đồng Nai khóa VI và quán triệt Kết luận của BCH TW Đảng (khóa XI) về Giáo dục - Đào tạo và Khoa học Công nghệ; đúng



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
127

vào dịp chuẩn bị khai giảng năm học mới – năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần XI và Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ Đồng Nai lần VII; được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh long trọng tổ chức buổi lễ tuyên dương thành tích “học tập và rèn luyện của thanh thiếu niên tỉnh Đồng Nai năm 2002” nhằm biểu dương kịp thời những thành tích học tập và rèn luyện tiêu biểu trong năm 2002, thể hiện chính sách khuyến học khuyến tài của tỉnh phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Buổi lễ tuyên dương này được tổ chức tại khuôn viên Văn miếu Trấn Biên – một công trình văn hóa đặc biệt của tỉnh nhà nhằm đề tôn vinh hiền tài và các giá trị văn hóa giáo dục đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước; cho nên có ý nghĩa hết sức thiêng liêng và trang trọng. Trước anh linh của Chủ tịch Hồ Chí Minh – danh nhân văn hóa thế giới và các bậc hiền tài tiền nhân; thanh niên học sinh tỉnh Đồng Nai đang tự khẳng định mình; nguyện nối tiếp truyền thống của tổ tiên, kính dâng cho Tổ quốc, cho tỉnh nhà những thành tích học tập và rèn luyện tiêu biểu nhất trong niên học vừa qua; để từ đây có thể tin tưởng, hy vọng những hạt mầm này làm nở nhân tài – hiền tài cho tương lai.

Kính thưa quý đại biểu!

Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Quốc gia muốn hưng thịnh, phải biết trọng dụng và bồi đắp cho hiền tài. Hiền tài không tự nhiên có; phải qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thường xuyên từ ấu thơ cho đến lúc trưởng thành. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Vì lợi ích trăm năm trồng người”. Ở nước ta, thời nào cũng vậy, dù gian khó đến đâu, sự nghiệp trồng người vẫn luôn được xem trọng, được chăm lo để đào tạo nhân tài.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đất nước ta – dân tộc ta đã được giải phóng, độc lập, thống nhất, hướng đến chủ nghĩa xã hội; trên cơ sở đó sự nghiệp giáo dục –



đào tạo cũng đã tạo được nhiều thành tích quan trọng; nhiều mặt thế giới phải khâm phục. Cùng với cả nước, sự nghiệp giáo dục – đào tạo ở Đồng Nai những năm qua cũng đã tạo được nhiều thành tích vẻ vang. Khi quán triệt kết luận của BCHTW 6 khóa IX và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết TW2 khóa VIII và Nghị quyết 12 của Tỉnh ủy; Sự nghiệp giáo dục – đào tạo ở Đồng Nai những năm qua được đánh giá là: Phát triển toàn diện ở các mục tiêu: Giáo dục nhân cách, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài tạo được chuyển biến về chất và lượng trong dạy và học; từng bước đa dạng hóa, xã hội hóa và chuẩn hóa hệ thống trường học; mạng lưới và chính sách khuyến học được xây dựng đến cơ sở tạo động lực cho xã hội học tập; đạt chuẩn quốc gia về chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, gần 70% xã phường đạt chuẩn quốc gia về phổ cập THCS; số lượng học sinh giỏi cấp quốc gia luôn ổn định; nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia, nhiều thành tích thể thao ở các giải thi đấu quốc tế, khu vực và quốc gia; hàng năm giải quyết việc làm cho hơn 65 nghìn lao động trong đó 21% được đào tạo nghề; có 33 người đạt trình độ tiến sĩ và 85 người trình độ thạc sĩ đang phát huy tác dụng ở các lĩnh vực; nhiều học sinh đã đạt chuẩn đang du học, tu nghiệp ở nước ngoài. Những thành tích ấy rất đáng trân trọng. Bên cạnh đó, nhiều tồn tại yếu kém cũng đã được phân tích để tìm giải pháp khắc phục.

Riêng trong niên học 2001 – 2002, nhiệm vụ năm học đã hoàn thành một cách tốt đẹp. Chúng ta ghi nhận được nhiều thành tích rất đáng biểu dương: 39 huy chương (trong đó 17 huy chương vàng) và thứ hạng 3 toàn đoàn trong kỳ thi học sinh giỏi các tỉnh phía Nam; 18 giải cao bảng A trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; 1 giải khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi Châu Á –



2002
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
129



Thái Bình Dương; 8/9 học sinh đạt giải cao trong kỳ thi máy tính bỏ túi toàn quốc; giải nhì cuộc chơi trí tuệ “Đường lên đỉnh Olympia”; 3 giải cao trong kỳ thi tin học trẻ không chuyên toàn quốc; 1 giải nhất tài năng guitare trẻ lứa tuổi 16; 1 học sinh người Châu Ro (Thị Phương) huy chương bạc Đàn tam thập lục tại liên hoan âm nhạc các trường VHNT toàn quốc; 16 huy chương vàng thể thao cấp quốc gia, 6 huy chương (2 vàng, 3 bạc, 1 đồng) quốc tế; 12 giải quốc gia tại hội thi tay nghề toàn quốc (2 nhì, 1 ba và 9 khuyến khích). Nổi bật trong những thành tích ấy, nhiều học sinh, vận động viên đã kiên trì học tập, rèn luyện rất đáng được biểu dương để nêu gương cho mọi người, như: các học sinh Lê Phương, Phạm Hữu Ngôn, Lê Hải Phong của khối giáo dục; học sinh Cao Hồng Hà, Thị Phương, Võ Mai Phương Thùy của khối VHTT; Nguyễn Lê Trung, Nguyễn Xuân Anh, Nguyễn Hiền của khối Dạy nghề; và các vận động viên: Võ Tấn Sang, Trần Như Hùng, Nguyễn Bích Thùy, Nguyễn Hải Thảo, Huỳnh Trúc Phương của khối TĐTT. Ngoài ra, trong phong trào thi đua học tập, rất nhiều tấm gương vượt nghèo – vượt khó học giỏi sống tốt rất đáng khâm phục, 480 trong số đó đã được bình chọn để dự lễ tuyên dương hôm nay.

Những thành tích học tập và rèn luyện ấy trước hết là nỗ lực của bản thân các em trong sự hướng dẫn rèn dạy của thầy cô; nhưng đó là kết quả tổng hợp của sự nghiệp giáo dục – đào tạo được tổ chức theo đúng đường lối lãnh đạo của Đảng, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và Nhà nước; sự phối hợp của UBMTTQ và các đoàn thể, sự chăm sóc của gia đình và xã hội; sự góp phần của Hội khuyến học và các doanh nghiệp.

Xin cảm ơn và biểu dương các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh, các cấp ủy Đảng và chính quyền, các cá

nhân và đơn vị đã góp phần tạo nên các thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc của thanh niên học sinh Đồng Nai niên học vừa qua.

Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh Đồng Nai cũng khen ngợi và biểu dương tập thể cán bộ, công nhân, viên chức các đơn vị: Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Lao động Thương binh Xã hội, Sở Văn hóa Thông tin, Sở Thể dục Thể thao, Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong niên học vừa qua đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, phối hợp tốt trong việc giáo dục, đào tạo, tổ chức tốt cho việc hình thành các thành tích nêu trên.

Đối với thành tích cụ thể của các thanh niên học sinh; trước anh linh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các bậc hiền tài được thờ ở Văn miếu tôn nghiêm; Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh Đồng Nai đánh giá cao và biểu dương thành tích của tất cả các học sinh (học chữ và học nghề), diễn viên, vận động viên theo danh sách và kết quả của từng bộ môn:

- Xin biểu dương và nhiệt liệt hoan nghênh 18 học sinh đạt giải quốc gia và các học sinh đã đạt giải cao ở các kỳ thi quốc tế.

- Xin biểu dương và nhiệt liệt hoan nghênh các học sinh Trường văn hóa nghệ thuật đã đạt giải cao tại các cuộc thi quốc gia về tài năng âm nhạc.

- Xin biểu dương và nhiệt liệt hoan nghênh thành tích của 12 học sinh giỏi nghề quốc gia.

- Xin biểu dương và nhiệt liệt hoan nghênh thành tích của các vận động viên đã đạt 16 huy chương vàng cấp quốc gia và 6 huy chương cấp quốc tế.

- Xin biểu dương và nhiệt liệt hoan nghênh 480 học sinh nghèo đã vượt khó học giỏi tiêu biểu của tỉnh Đồng Nai.

- Đặc biệt, xin biểu dương và nhiệt liệt hoan nghênh



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
131

các học sinh đã nhiệt tình tham gia và đạt giải cao tại cuộc chơi trí tuệ “Đường lên đỉnh Olympia”.

Chủ tịch UBND tỉnh đã có Quyết định khen thưởng đối với từng thành tích cụ thể và ủy nhiệm Giám đốc các Sở GD – ĐT, VH TT, T D T T, LĐ TB X H, Chủ nhiệm UB DSGĐTE và nhờ Bí thư Đoàn TNCS HCM trao QĐ và phần thưởng đến các đối tượng.

Kính thưa quý đại biểu!

Những thành tích được biểu tuyên dương hôm nay chỉ là phần tiêu biểu chưa đầy đủ trong hoạt động học tập của thanh niên học sinh Đồng Nai. UBND tỉnh kêu gọi và khuyến khích mọi hình thức động viên khen thưởng bằng vật chất và tinh thần cho các thành tích khác để động viên, hỗ trợ, khuyến học, khuyến tài, tạo động lực tinh thần cho một xã hội học tập hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để phát huy hơn nữa các thành tích học tập, rèn luyện trong niên học tiếp theo; UBND tỉnh kêu gọi và yêu cầu các ngành, các cấp; các thầy cô giáo, các bậc cha mẹ học sinh hãy nêu cao tinh thần trọng học; quán triệt tinh thần Nghị quyết TW 2 khóa VIII, kết luận của BCH TW 6 khóa IX; triển khai thực hiện Nghị quyết 12 của Tỉnh Đảng bộ Đồng Nai khóa VI và Nghị quyết 10 về nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo, văn hóa, khoa học của Tỉnh ủy; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, khoa học, giáo dục, đào tạo; tạo mọi điều kiện tốt nhất để mọi học sinh có cơ hội học tập và rèn luyện; trên cơ sở đó phát hiện năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ tài năng góp phần đưa đất nước phát triển “về vang sánh vai cùng với các cường quốc năm châu” theo mong ước của Bác Hồ.

Đối với các em học sinh và vận động viên được tuyên dương hôm nay cũng như những em chưa được hoặc rồi



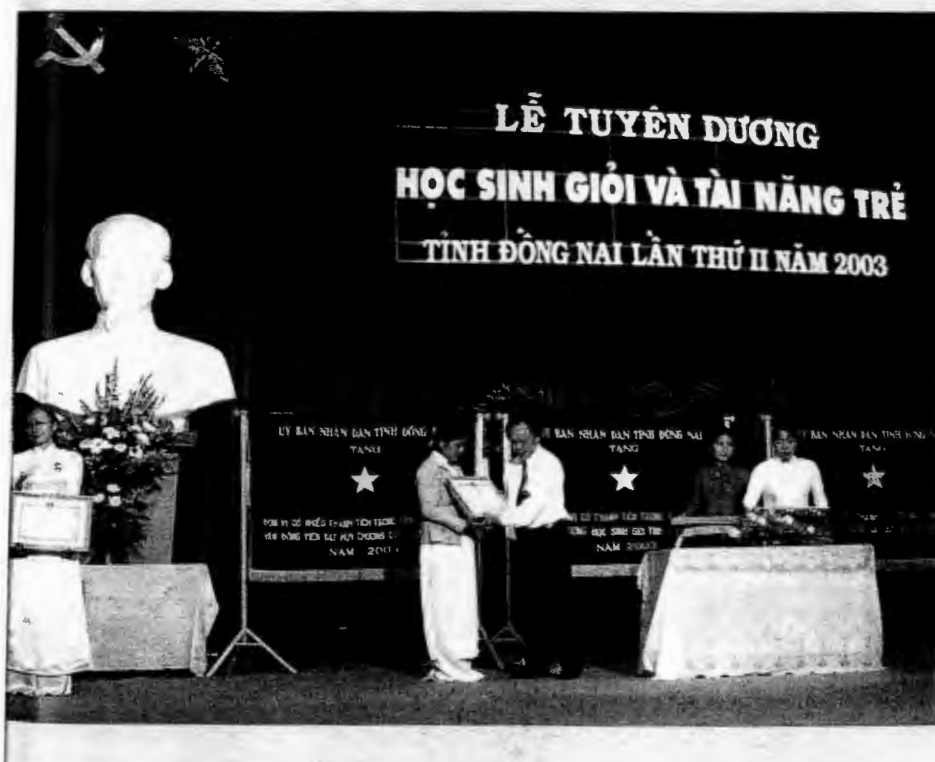
sẽ được tuyên dương, cần phải có nhận thức đầy đủ về con đường phấn đấu của mình; tài năng luôn phải gắn liền với nhân cách và lý tưởng phụng sự quốc gia, năng khiếu cần phát triển trong sự phấn đấu toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; cần có trí tuệ minh mẫn và đạo đức trong sáng trong một thể chất tráng kiện mới có thể phát triển bền vững. Tỉnh Đồng Nai đang tạo điều kiện mở ngõ cho mọi tài năng. Tương lai đang rộng mở đợi chờ. Vấn đề còn lại là năng lực, ý chí và quyết tâm của mỗi thanh niên. Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh Đồng Nai luôn khuyến khích, động viên và trân trọng đối với mọi thành tích rèn luyện, học tập của thanh niên Đồng Nai.

Hy vọng rằng, năm sau và hằng năm, cũng tại Văn miếu tôn nghiêm này, chúng ta được đón nhận nhiều thành tích vẻ vang hơn, nhiều tấm gương học tập, rèn luyện tiêu biểu hơn.

Xin cảm ơn và chúc sức khỏe quý đại biểu!



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
133





năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
134





năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
135

Chủ tịch UBND tỉnh Võ Văn Một trao cờ thi đua cho các đơn vị có thành tích xuất sắc.



năm
ĂN MIẾU
RÀN BIÊN
136





năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
137

Quang cảnh buổi lễ tuyên dương học sinh giỏi năm 2004.



200
năm
**VĂN MIÊU
TRẦN BIÊN**
138





720 năm
**VĂN MIẾU
 TRẦN BIÊN**
 139

Trao cờ thi đua và phần thưởng cho các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa, thể thao.



2007
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
140



Chủ tịch Hội khuyến học tỉnh Huỳnh Văn Bình dâng hương và trao cờ thi đua cho các đơn vị có thành tích xuất sắc.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
141

Phó chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Văn Tới phân thưởng cho các nhà giáo ưu tú.

PHẦN 4

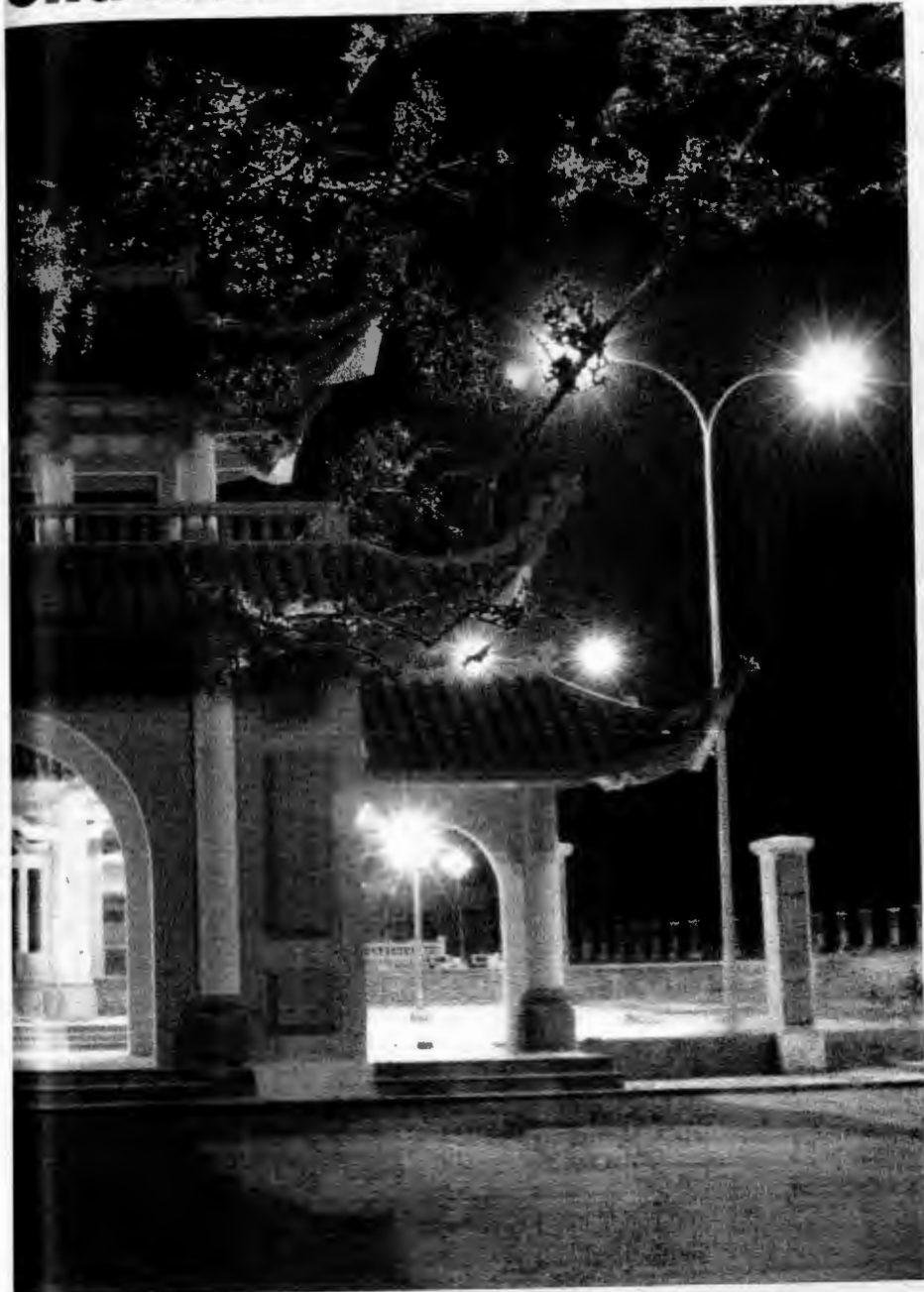
VĂN MIẾU TRẦN BIÊN - MỘT



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
142



ÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC ĐẶC SẮC



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
143**

Văn miếu Trấn Biên xưa, theo sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, nằm “ở địa phận thôn Bình Thành và thôn Tân Lại, huyện Phước Chánh, cách tây trấn hai dặm rưỡi (...) phía nam hướng đến sông Phước, phía bắc dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú cỏ cây tươi tốt”.

Ngày nay, dấu vết cũ không còn, dựa vào thư tịch cổ, các nhà khoa học, cùng



200
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
144



với lãnh đạo tỉnh Đồng Nai đã xác định nơi có đặc điểm giống như miêu tả trong sách của Trịnh Hoài Đức. Đó là khu vực hồ Long Vân, thuộc Khu du lịch Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Quần thể công trình Văn miếu Trấn Biên có diện tích xây dựng gần 20.000 mét vuông (2 ha), nằm trên khu đất cao.

Vì Văn miếu Trấn Biên là công trình kiến



200
năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
145

trúc vừa có ý nghĩa hiện đại, vừa mang dấu ấn lịch sử truyền thống, nên quan điểm thiết kế, mà trước hết là quan điểm lựa chọn thể đất có sự kết hợp giữa quan niệm cũ và quan niệm mới.

Theo quan niệm kiến trúc xưa, các công trình xây dựng đều tuân theo nguyên tắc nhất định phù hợp với thể của đất và trời, tạo thành thể thống nhất Thiên – Địa – Nhân hòa hợp. Nguyên tắc này khiến cho nơi cư trú hoặc thờ phụng của con người tận dụng được tối đa những yếu tố thuận lợi của tự nhiên và hạn chế tối đa những tác động xấu của thiên nhiên, thời khí.

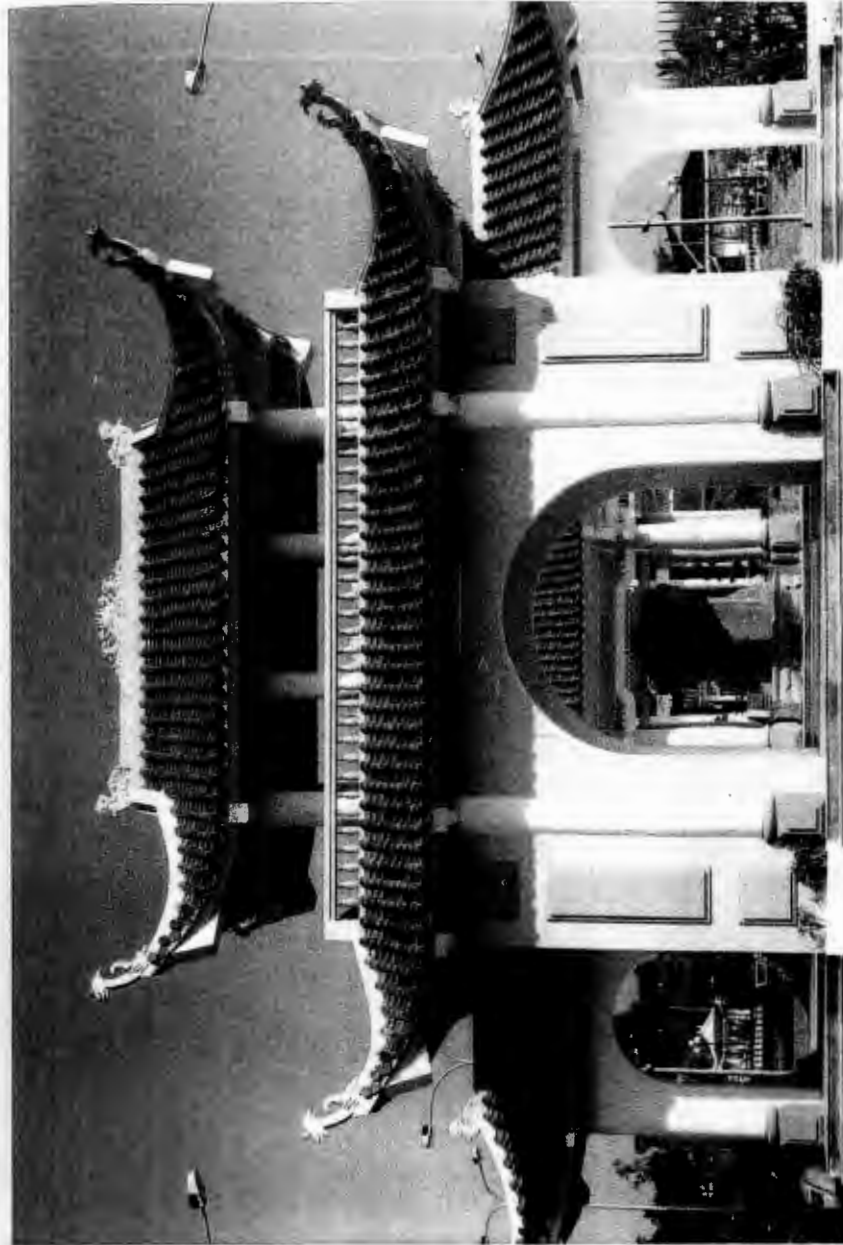
Ngày nay, kế thừa quan điểm trên, kết hợp với việc khảo sát, nghiên cứu địa hình, thăm dò hiện trạng, khu đất xây dựng Văn miếu Trấn Biên có cảnh quan đẹp, hội tụ phong thủy và tiện ích, có hình chữ nhật, trải dài theo hướng bắc – nam. Phía trước có hồ nước lớn làm Minh Đường; phía sau có núi Bửu Long và núi Long Ẩn làm Tả Thanh Long và Hữu Bạch Hổ; bên trái có hồ nước trong xanh; bên phải có đường giao thông chính. Không gian nơi Văn miếu tọa lạc khoáng đãng, phong cảnh hữu tình với cây cỏ xanh tươi, nước hồ trong xanh, núi đồi nhấp nhô... Cảnh quang này, theo thuật phong thủy được xem là quý địa, rất phù hợp với một công trình văn hóa, giáo dục như Văn miếu Trấn Biên.

1. CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC VĂN HÓA

Văn miếu Trấn Biên là một quần thể kiến trúc tập hợp nhiều công trình. Mỗi một công trình vừa là thành tố của cả quần thể, vừa có chức năng riêng. Sau đây là các công trình và chức năng của nó ở Văn miếu Trấn Biên theo thứ tự từ ngoài vào trong, trên trục thần đạo. Một số công trình đã được xây dựng hoàn chỉnh ở giai đoạn 1, một số công trình hiện (tháng 12.2002) đang tiếp tục hoàn chỉnh ở giai đoạn 2. Khi giới thiệu các công trình đang hoàn chỉnh chúng tôi dựa vào dự án nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đã được các cấp hữu quan phê duyệt.



1.1. VĂN MIẾU MÔN



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
147

Văn Miếu môn là công ra vào của Văn miếu, nơi chào đón quan khách, ngăn cách không gian bên trong với bên ngoài Văn miếu. Văn Miếu môn có kích thước 12000x3000, được kiến trúc làm hai tầng mái. Tầng mái 1 có độ cao +4200 so với cốt đường. Tầng mái 2 có độ cao +8000 so với cốt đường. Dưới cốt +4200 ở trên cửa lớn đặt bức đại tự bằng gỗ sơn son thiếp bạc phủ hoàn kim đề chữ “Văn Miếu môn”. Tường ngoài Văn Miếu môn theo dự kiến đặt hai câu đối nằm trên trục A cắt trục 2 và 3. Mặt sau Văn Miếu môn trên trục E cắt trục 3 và 4 đặt hai câu đối khác có hình thức giống hai câu đối mặt trước.

Văn tự: Biển lớn, đề chữ “Văn Miếu môn” (phiên âm), đặt dưới cốt +4200. Đây là tên của công trình (công ra vào).

Câu đối đặt ở hai bên Văn Miếu môn (viết chữ Hán, kèm phiên âm bằng Quốc ngữ, thứ tự bên trái, bên phải):

Viễn giả lai cận giả duyệt tôn thánh hy hiền;

Chí u học nguyện u hành cư nhân do nghĩa.

Dịch nghĩa: Chí nguyện là học và hành; giữ gìn đức nhân theo nghĩa, xa thì đến, gần thì mến thương, tôn kính, noi theo bậc thánh hiền.



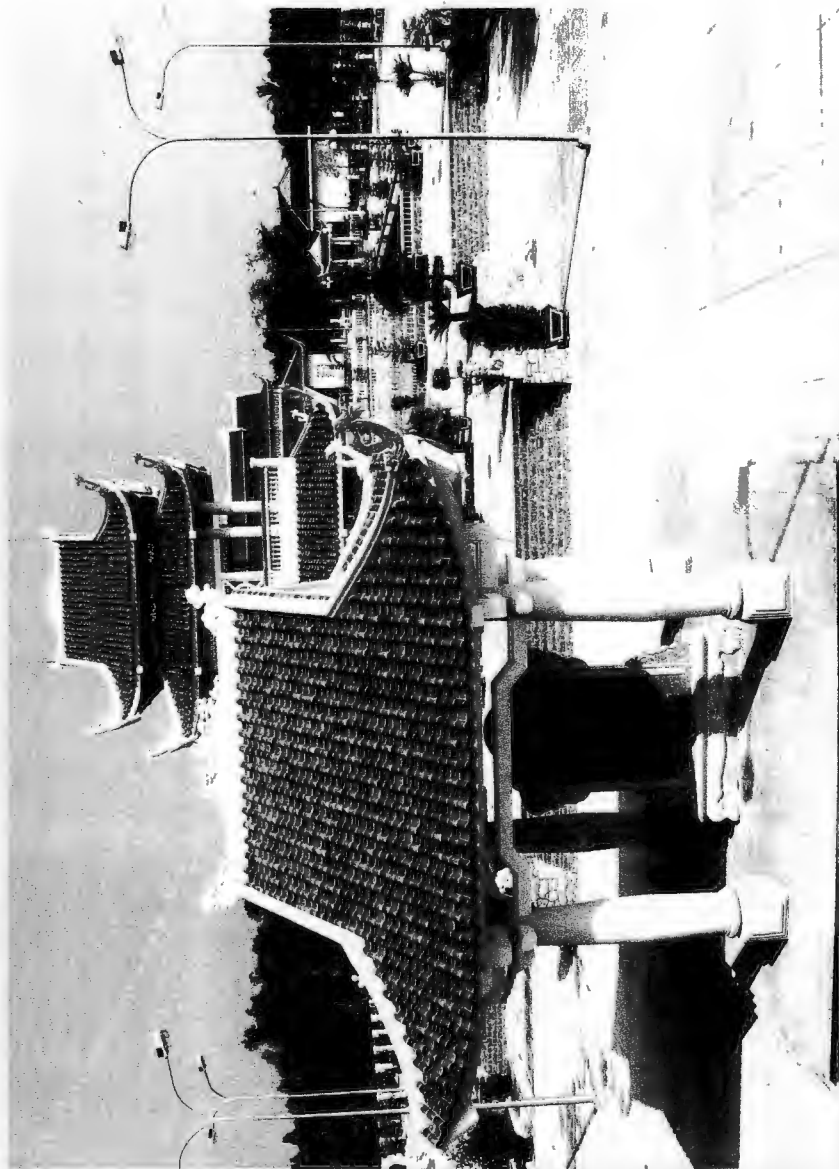
năm

VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
148



Văn Miếu môn Quốc Tử Giám (Hà Nội).

1.2. NHÀ BIA



Đã
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
149

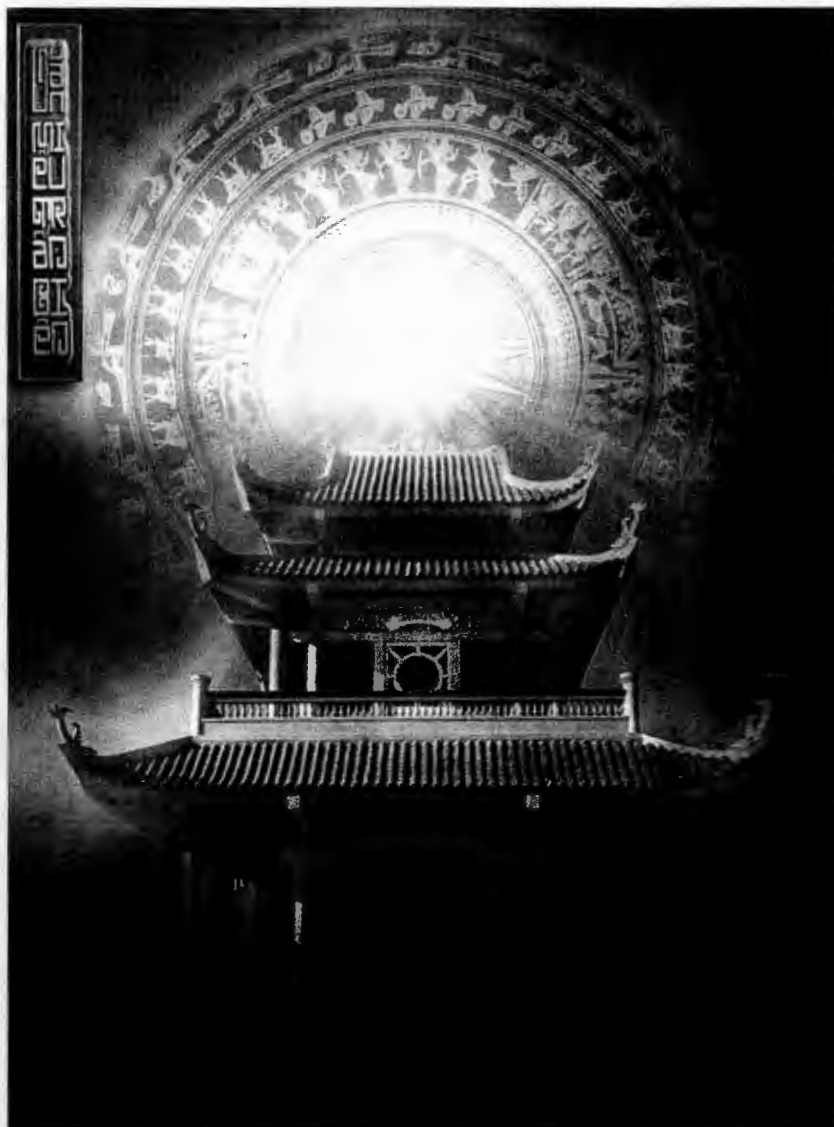


năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
150

Nhà Bia có mái che. Ngay chính giữa là bia đá với chất liệu là đá Granít Bửu Long. Trên bia đá khắc bài văn bia do Giáo sư, Anh hùng Lao động Vũ Khiêu viết. Bài văn bia khái quát truyền thống văn hóa, giáo dục của dân tộc và vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, thể hiện khát vọng của nhân dân Đồng Nai trong kỷ nguyên mới và ý nghĩa của việc xây dựng Văn miếu Trấn Biên.



1.3. KHUÊ VĂN CÁC



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
151

Khuê Văn Các được xem là công trình chủ đạo trong khu vực Văn miếu. Khuê Văn Các ngày xưa là nơi các bậc hiền tài, những tao nhân mặc khách gảy đàn, ngâm thơ, ngắm trăng, đàm luận chuyện văn chương, thời cuộc. Ngày nay, Khuê Văn Các là nơi để các nhà văn, nhà thơ, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh, các vị lãnh đạo cao cấp đến thuyết trình, hội thảo về các vấn đề văn hóa, giáo dục, văn chương, bàn luận chuyện quốc kế dân sinh.

Khuê Văn Các đã được xây dựng có kích thước 5.900x8.700, độ cao 16.000 so với cốt sân. Công trình có 2 tầng cùng 2 tầng mái với kết cấu bê tông giả gỗ. Theo dự kiến, tầng 1: dưới mái đặt bức đại tự ở trung tâm mặt trước ngôi nhà đề chữ “Khuê Văn Các”; tầng 2: trên gác Khuê Văn đặt 2 bài viết của các hiền nhân, được khắc trên gỗ.



năm
ĂN MIẾU
RẤN BIÊN
152



1.4. THIÊN QUANG TỈNH

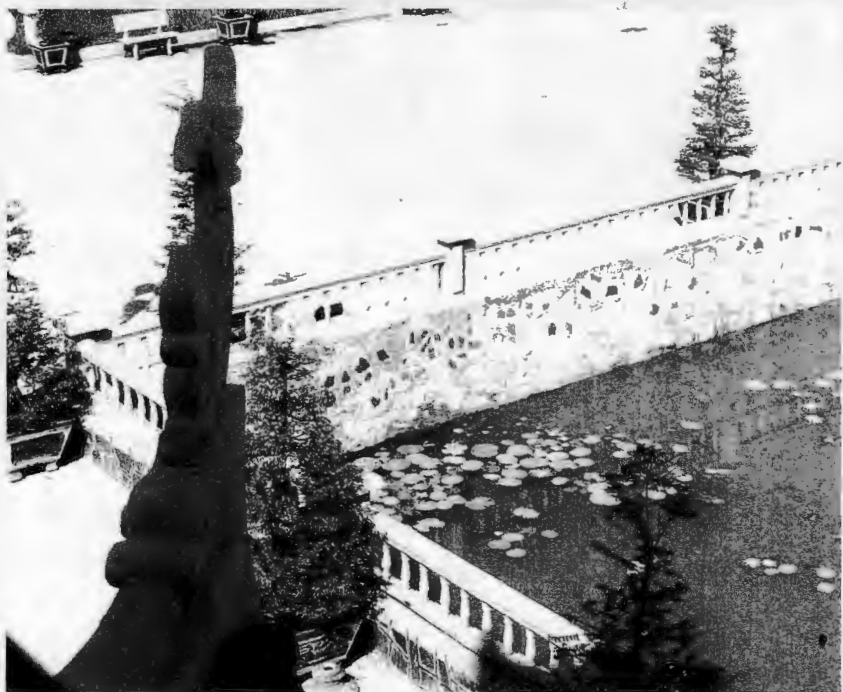


năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
153

Thiên Quang tỉnh là hồ nước lớn nằm giữa Khuê Văn các và Đại Thành môn, ngay trên trục thần đạo. Hồ có hình chữ nhật, chung quanh được kè bằng đá Bửu Long. Nước hồ trong xanh, được thả các loại cá và sen. Buổi sáng, Khuê Văn các; buổi chiều Đại Thành môn in bóng trên mặt hồ càng tạo thêm phong cảnh tươi đẹp cho Văn miếu.

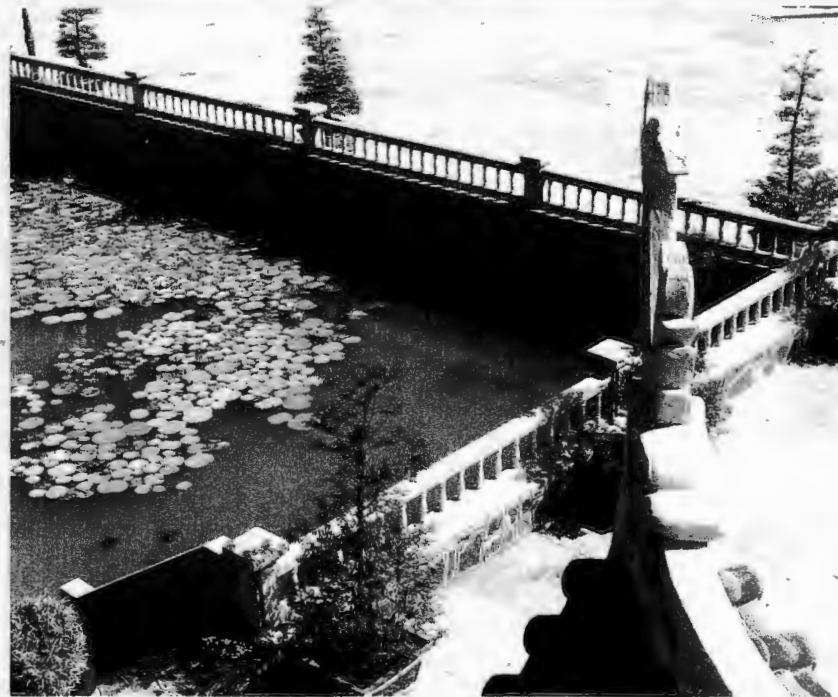


năm
MIẾU
RÂN BIÊN
154





năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
155



1.5. ĐẠI THÀNH MÔN



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
156

Một góc Đại Thành môn.

Đại Thành môn nằm trên trục thần đạo, là cửa chính để vào khu thờ phụng, tế lễ của Văn miếu. Bên phải và bên trái Đại Thành môn là Kim Thành môn và Ngọc Chấn môn.

Đại Thành môn được kiến trúc 2 tầng mái. Dưới tầng mái 1, mặt trước đặt một biển đại tự gỗ đề chữ “Đại Thành môn”.

Kim Thành môn và Ngọc Chấn môn là hai cổng phụ của Đại Thành môn, có kích thước nhỏ, một tầng mái. Dưới mái đặt biển đại tự đề tên của từng cửa.



Toàn cảnh Đại Thành môn



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
157

1.6. NHÀ BIA KHÔNG TỬ



2000 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
158

Khổng Tử là người khai sáng Nho giáo và Nho học của cả phương Đông. Vì thế, Nhà bia Khổng Tử được đặt ở vị trí trang trọng, trước sân Đại Bái, nằm trên trục thần đạo. Nhà bia Khổng Tử có 4 mái, 2 cột. Bia Khổng Tử được đặt trên bệ đá chạm khắc hoa văn cao 80cm. Tấm bia đá có kích thước: 1500x1750x280. Trong bia có khắc hình Khổng Tử theo tranh vẽ của các họa sĩ cổ điển Trung Hoa. Trên bia có mặt Hồ phù cao 65 cm. Kích thước toàn bia cao 3,20m. Mặt sau của bia, ở chính giữa có khắc chữ Văn, hai bên là hai vế, mỗi vế 5 chữ cổ động thể hiện nội dung tư tưởng tiến bộ của Khổng Tử được Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu

ý: Văn hóa là cốt lõi của cuộc sống. Học để biết đạo lý. Học đi đôi với hành.

Văn tự: Mặt trước là chân dung Khổng Tử, bên dưới có ghi tên: Khổng Tử (551 – 479 TCN).

Mặt sau: Ở vị trí chính giữa là chữ Văn (chữ Hán, kèm phiên âm). Hai bên là đôi câu đối (chữ Hán, kèm phiên âm):

Bất học bất tri lý,

Học nhi thời tập chi

Ý nghĩa: Không học thì không biết đạo lý; học phải năng thực hành theo cái đã học được.



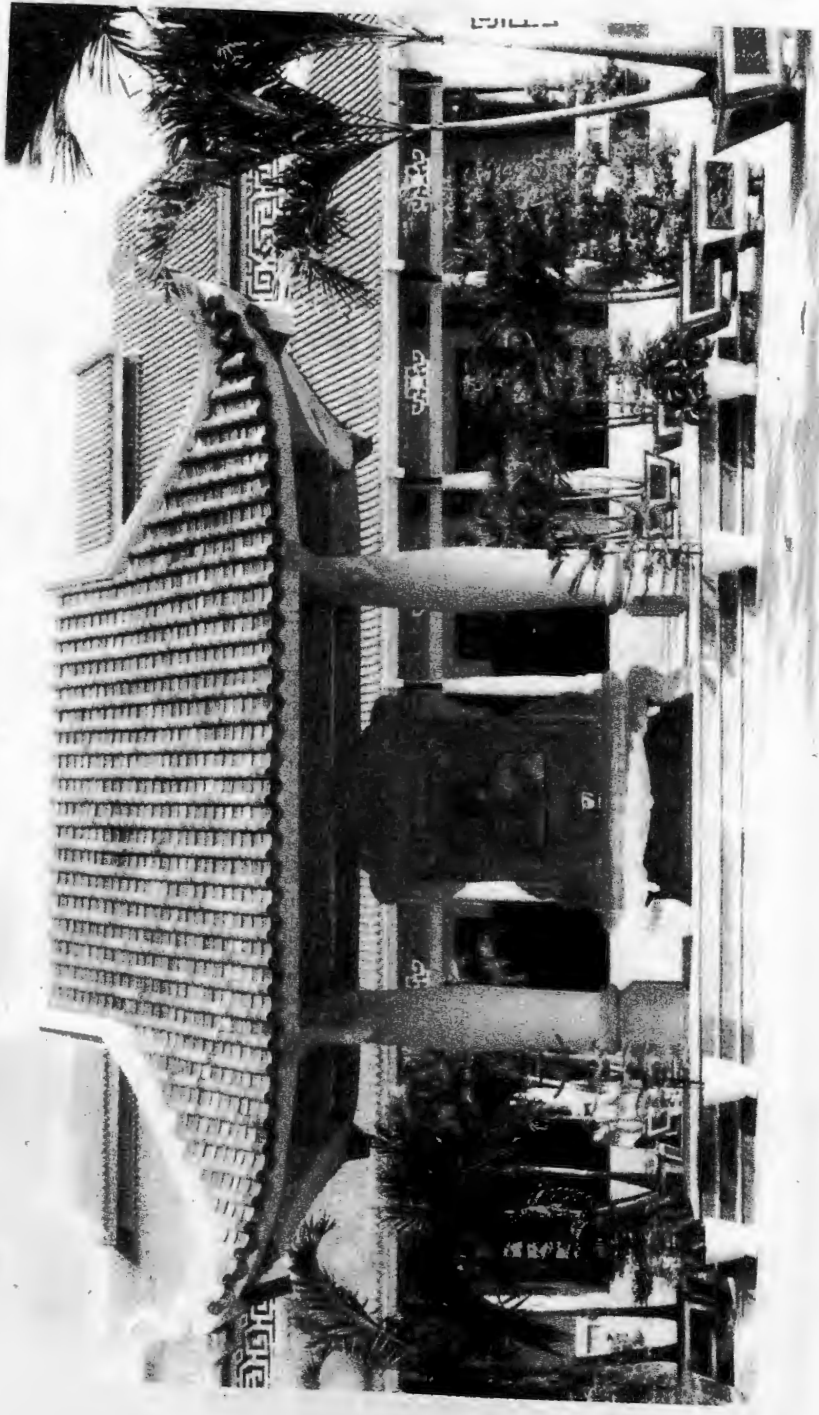
Mặt sau Bia Khổng Tử



200
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
159



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
160



1.7. SÂN ĐẠI BÁI

Sân Đại Bái nối Nhà bia Không Tử và Nhà Đại Bái (Nhà thờ chính) theo trục thần đạo, nối tòa nhà Văn Vật khố với Hội trường theo chiều ngang. Sân Đại Bái hình chữ nhật, có diện tích rộng. Đây là nơi diễn ra các buổi lễ quan trọng tại Văn miếu Trấn Biên.



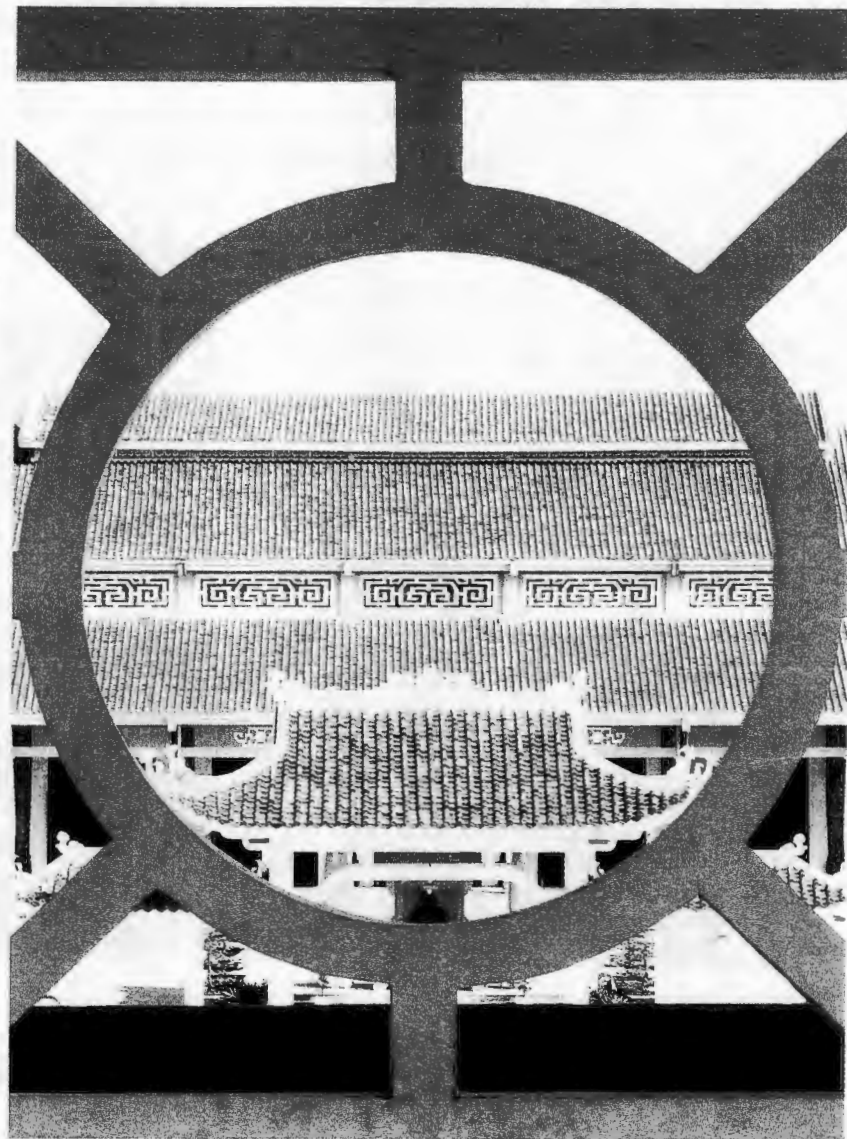
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
161

1.8. BÁI ĐƯỜNG (Nhà thờ chính)

Bái đường là công trình kiến trúc quan trọng nhất của quần thể kiến trúc Văn miếu Trấn Biên. Nhà có 3 gian.



200
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
162



Bái đường nhìn từ Khuê Văn các.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
163



Phía trước Bái đường.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
164



Tượng đồng Bác Hồ

Gian giữa Bái đường là nơi thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Nơi đặt tượng cùng hương án thờ Bác Hồ được đặt trên một bệ ghép bằng các đá tảng cốt cao so với nền cốt nhà là +600. Xung quanh bệ thờ có lan can tay vịn cũng bằng đá tảng đục. Lối lên bực ở giữa tiếp đến bàn hương đại bằng đồng, sau đó là bộ hương án gỗ sơn son thiếp vàng. Tượng Bác Hồ bán thân đúc bằng

đồng đặt trên bệ đá cao. Phía sau không gian thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng của mặt trống đồng Ngọc Lũ, biểu trưng của văn hóa Việt Nam. Toàn bộ biểu tượng mặt trống đồng được gò khắc bằng tôn đồng, đường kính 4.000mm có tâm đặt cao hơn tượng Bác Hồ.

Gian bên tả (từ ngoài vào) Bái đường thờ những danh nhân văn hóa cả nước (thứ tự từ trái qua phải): Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du.

Gian bên hữu Bái đường thờ những danh nhân văn hóa gắn bó với vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai và Nam bộ xưa (thứ tự từ trái qua phải): Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Gia Định tam gia (Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh), Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa.

Tất cả các danh nhân được thờ có bài vị đặt trong khám thờ, trước có hương án sơn son thiếp vàng, hai bên bàn thờ có bát bửu bằng gỗ cũng sơn son thiếp vàng.

Bái đường còn nhiều chi tiết liên quan sẽ được nói rõ hơn ở phần về: văn tự, hiện vật bày trí, tặng vật...

Hoành phi: Dọc theo trục D – D trên đỉnh của tòa nhà thả xuống những cửa võng bằng gỗ chạm lộng sơn son thiếp vàng. Lồng trong cửa võng là 5 bức hoành phi đại tự do GS. Anh hùng lao động Vũ Khiêu soạn. Theo thứ tự, từ trái sang phải của chính điện (theo hướng ở ngoài nhìn vào):

- a. *Kế thế hiền tài*
- b. *Đại Việt tinh thần*
- c. *Văn hiến Trấn Biên*
- d. *Nam phương cốt cách*
- e. *Thiên thu nguyên khí*

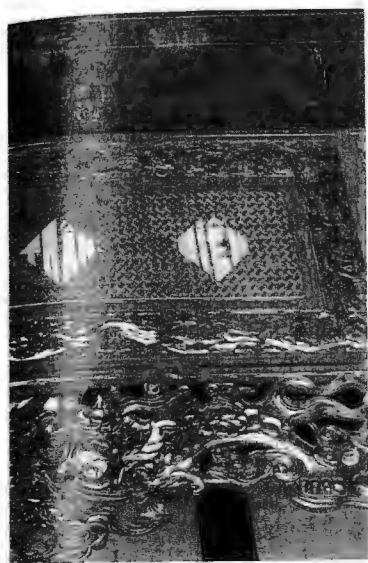


290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
165



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
166





290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
167

Các cặp đối: Các cặp đối đi liền với các bức hoành phi để ở bốn hàng cột trong nhà và các cột nổi ở tường. Theo thứ tự, từ trái sang phải của chính điện (theo hướng ở ngoài nhìn vào):

a. Cặp câu đối dưới bức hoành phi *Kế thế hiền tài:*
Bến Nghé của tiên những ứa gan trung người quốc sĩ
Đông Nai tranh ngói càng khơi lửa hận lớp anh hùng



*Bến
Nghé
của
tiên
những
ứa
gan
trung
người
quốc
sĩ*

*Đông
Nai
tranh
ngói
càng
khơi
lửa
hận
lớp
anh
hùng*



Ý nghĩa: Nêu cao tinh thần của trí thức và nhân dân Biên Hòa – Đông Nai đã chiến đấu anh dũng chống quân xâm lược tàn phá quê hương như Nguyễn Đình Chiểu đã từng phản ánh thơ văn:

Bến Nghé của tiên tan bọt nước
Đông Nai tranh ngói nhuộm màu mây.

b. Cặp câu đối dưới bức hoành phi Đại Việt tinh thần:
 Ngô Vương Quyền đuổi giặc, Lý Công Uân dời đô
 muôn dặm tung bay cờ Đại Việt

Chu Tiều Ân giảng văn, Nguyễn Úc Trai định hướng
 ngàn thu sáng mãi trí Thăng Long.



Ngô
 Vương
 Quyền
 đuổi
 giặc,
 Lý
 Công
 Uân
 dời
 đô
 muôn
 dặm
 tung
 bay
 cờ
 Đại
 Việt

Chu
 Tiều
 Ân
 giảng
 văn,
 Nguyễn
 Úc
 Trai
 định
 hướng
 ngàn
 thu
 sáng
 mãi
 trí
 Thăng
 Long



Ý nghĩa: Đại Việt là quốc hiệu nước ta từ nhà Lý, tiêu biểu cho văn hiến Việt Nam, như Nguyễn Trãi viết: “Như nước Đại Việt ta từ trước, vốn xưng nền văn hiến đã lâu”. Tinh thần Đại Việt bắt đầu từ Ngô Quyền đánh tan giặc xâm lược ở sông Bạch Đằng; mở đầu cho việc tái lập nền độc lập của dân tộc. Trải qua các đời thịnh trị của vua Đinh, vua Lê, Lý Công Uân dời đô ra Thăng Long, từ đó tiếng tăm của Đại Việt lừng lẫy khắp nơi.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
170



*Thu
hết
tinh
hoa
kim
cô^o
lại*

*Xây
cao
văn
hiển
nước
non
này*



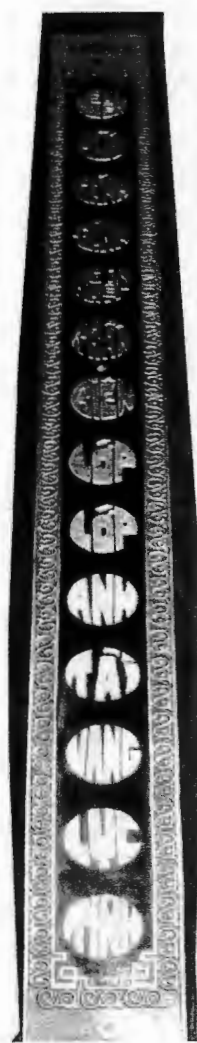
c. Cặp câu đối dưới bức hoành phi Văn hiển Trần Biên:
*Thu hết tinh hoa kim cô^o lại
Xây cao văn hiển nước non này.*

Ý nghĩa: Bác Hồ suốt đời học tập và nghiên cứu đã trở thành nhà văn hóa uyên bác về mọi kiến thức kim - cô, Đông - Tây. Bác Hồ là danh nhân văn hóa thế giới tiêu biểu cho văn hiển ấy trong toàn quốc cũng như ở phương Nam.

d. Cặp câu đối dưới bức hoành phi Nam phương cốt cách:

*Nguyễn Hữu Cảnh định nghiệp Trần Biên lớp lớp anh
hùng vang lức tỉnh*

*Võ Trường Toàn mở trường Gia Định đời đời sĩ khí nổi
tam gia.*



*Nguyễn
Hữu
Cảnh
định
nghiệp
Trấn
Biên
lớp
lớp
anh
hùng
vang
lục
tỉnh*

*Võ
Trường
Toản
mở
trường
Gia
Định
đời
đời
sĩ
khí
nổi
tam
gia*



Ý nghĩa: Nói về công lao của những người đi đầu trong việc xây dựng nền văn hiến tại phương Nam. Trước hết Nguyễn Hữu Cảnh là người được chúa Nguyễn giao việc ổn định đất Đông Phố; lập dinh Trấn Biên. Từ đó các bậc anh tài xuất hiện tiếng tăm vang dội cả lục tỉnh.

Về văn học, Võ Trường Toản mở trường dạy học ở Gia Định, đào tạo nhân tài, xuất hiện Gia Định tam gia. Từ đó, tiếp nối là lớp lớp nhân tài nêu cao sĩ khí xứ Đồng Nai.



e. Cặp câu đối dưới bức hoành phi *Thiên thu nguyên khí*:

Dân tộc anh hùng sự nghiệp đi vào thiên kỷ mới

Đông Nai hào khí tiền đồ vươn tới vạn trùng cao.

Ý nghĩa: Nói lên khí phách, tinh thần của nhân dân nói chung, trí thức nói riêng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đi vào thiên kỷ mới. Với tinh thần ấy, tiền đề của văn hiến Đồng Nai sẽ còn vươn tới vạn trùng cao.

1.9. VĂN VẬT KHỐ

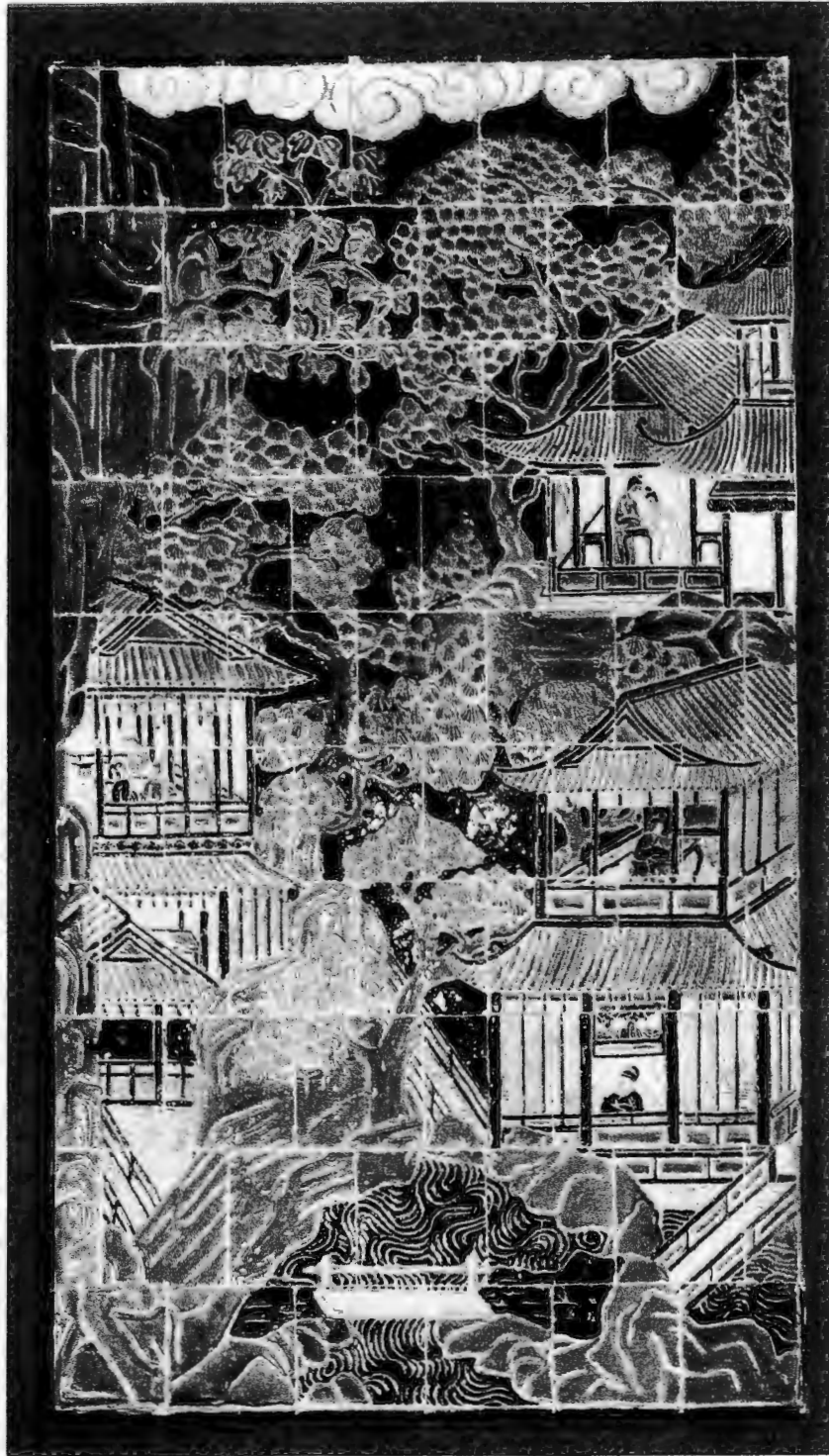


năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
173



năm

**ĂN MIẾU
RÂN BIÊN
174**



Tranh gốm được trang trí ở Trường Bá nghệ Biên Hòa đầu thế kỷ XX.

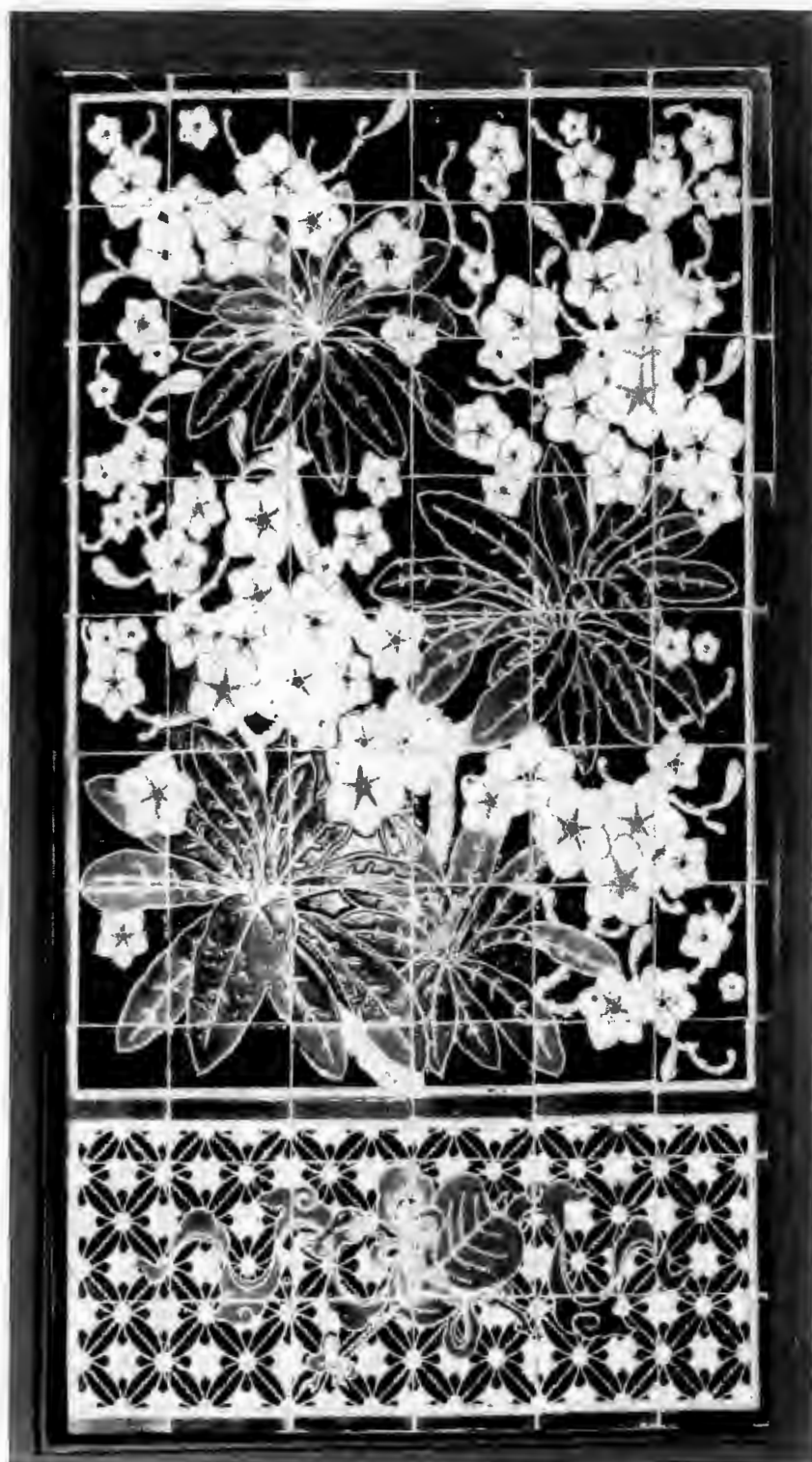


năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
175

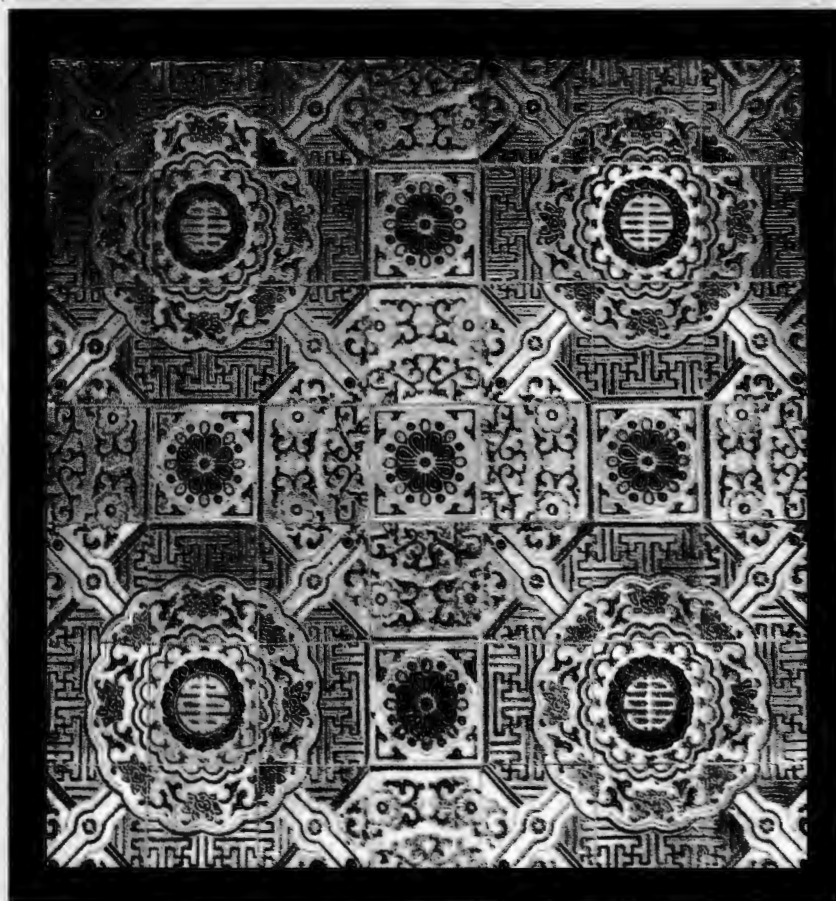
Tranh gốm được trang trí ở Trường Bá nghệ Biên Hòa đầu thế kỷ XX.



năm
ĂN MIẾU
RÂN BIÊN
176



Tranh gốm được trang trí ở Trường Bá nghệ Biên Hòa đầu thế kỷ XX.

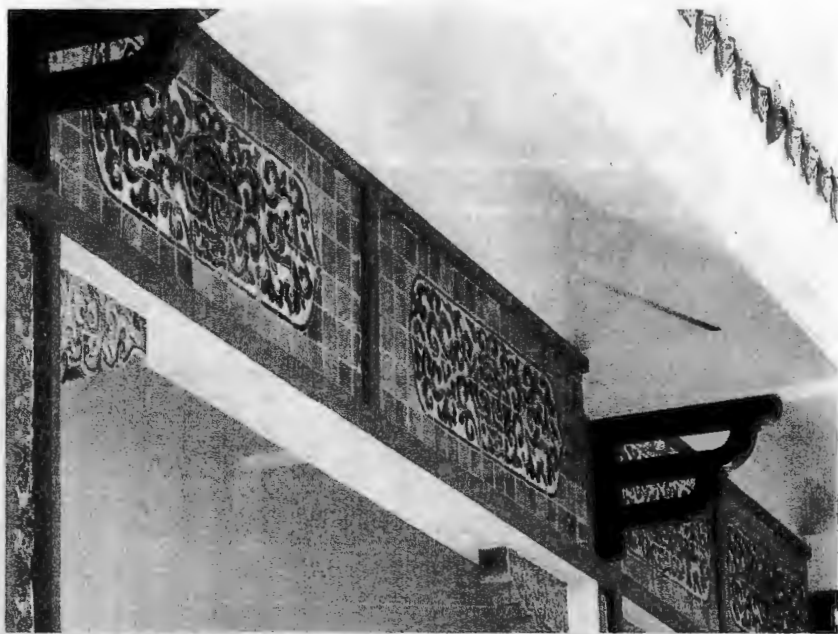


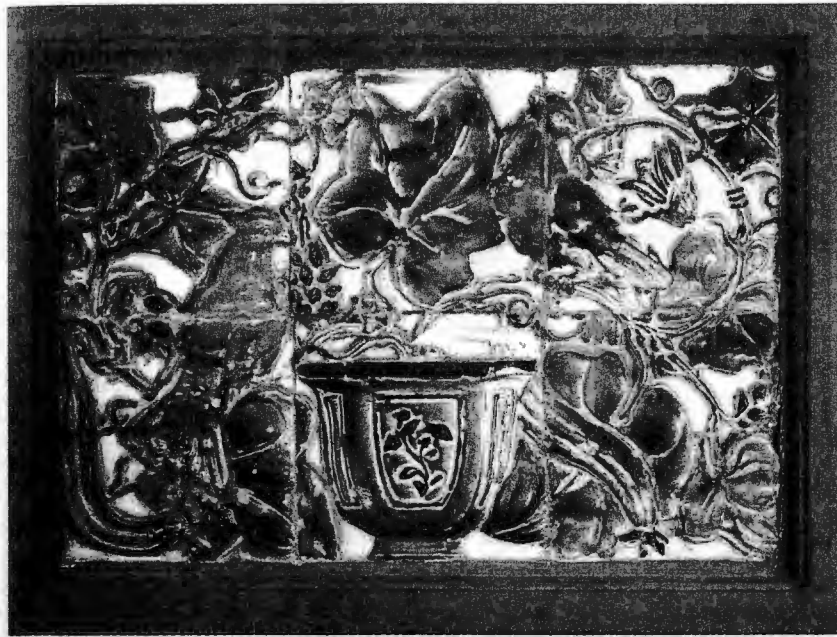
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
177

Tranh gổm được trang trí ở Trường Bá nghệ Biên Hòa đầu thế kỷ XX.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN DIÊN
178





Văn Vật khố được đặt bên trái (từ ngoài vào) Bái đường. Kiến trúc của Văn Vật khố được mô phỏng theo kiến trúc Nhà trưng bày sản phẩm của Trường Bá nghệ Biên Hòa trước đây ở khu vực Tòa bố Biên Hòa (giao lộ quảng trường Sông Phố). Thực hiện chỉnh trang đô thị, năm 2000, Nhà trưng bày này nằm trong khu vực phải giải tỏa. Tuy nhiên, tất cả các thành tố kiến trúc của công trình được bảo quản cẩn thận. Khi xây dựng Văn miếu Trấn Biên, công trình này được tái dựng lại. Vì thế, Văn Vật khố có kiến trúc theo hình chữ nhật, diện tích 134 mét vuông. Bên trong chia thành 5 gian phòng, có cửa chính đi vào lối gian trung tâm. Từ gian trung tâm có lối thông qua các phòng còn lại.

Văn Vật khố là nơi trưng bày các giá trị nghệ thuật của các ngành, nghề thủ công truyền thống ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, bao gồm các nghề chính: mộc, rèn, đúc đồng, đá, thổi gang. Những sản phẩm tiêu biểu nhất của mỗi nghề sẽ được trưng bày tại đây.



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
179

1.10. Nhà Thư khố

Nhà Thư khố ở phía đối diện với Văn Vật khố, là nơi lưu giữ các công trình văn hóa – nghệ thuật, khoa học, giáo dục đã được thể hiện thành ấn phẩm (sách) về vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Học Du



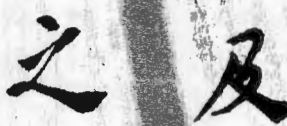
như khủng



bất thất



cập, chi.



(Khổng Tử)



200
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
180

2. HIỆN VẬT BÀY TRÍ VÀ TẶNG VẬT

2.1. TẠI BÁI ĐƯỜNG

- Lỗ bộ

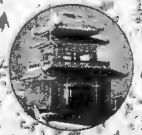


năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
181**



năm
MIẾU
TRẦN BIÊN
182

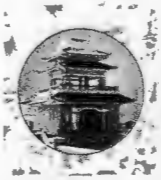




năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
183

*Đón hiện vật (Đất - nước Đền Hùng và
Trống hội Thăng Long) vào bái đường.*

Lễ bộ



năm

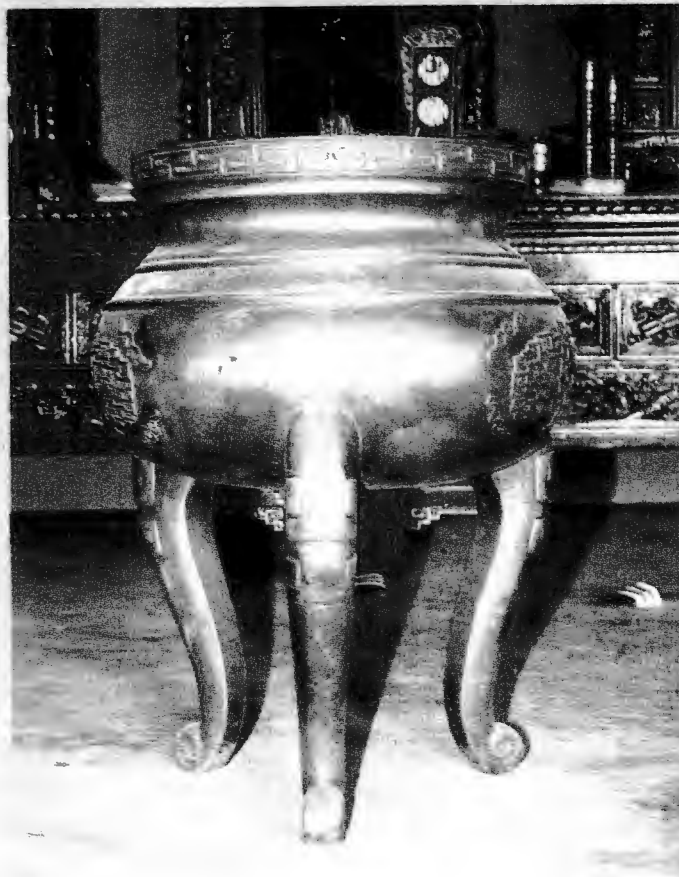
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
184**



*Đài quả gô,
đồng chạm trổ*



*Chiêng
đồng.*



*Lư
đồng.*



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
185**



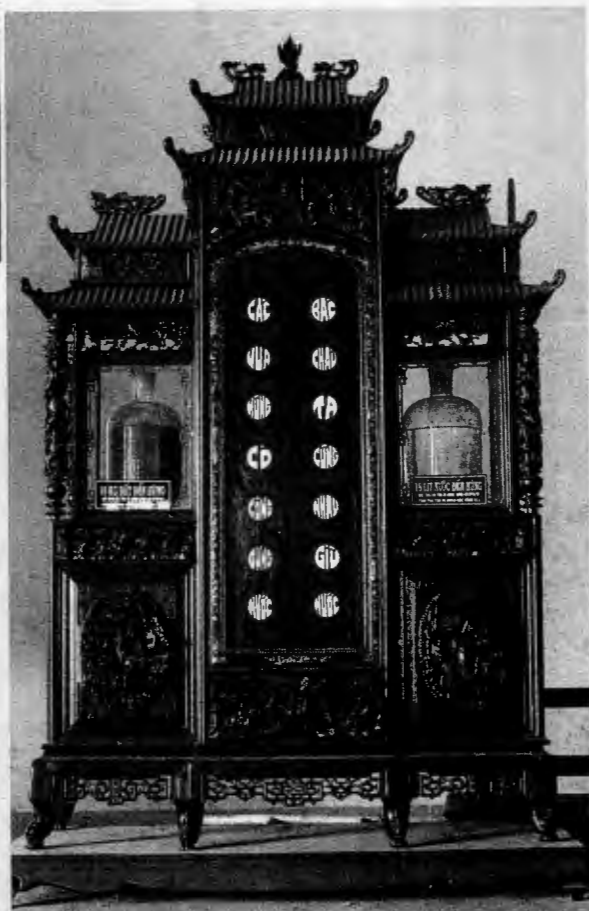
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
186



- **Tử thờ nước và đất:** Bên trong có đặt 18kg đất và 18 lít nước từ đất Tô Hùng Vương, do UBND tỉnh Phú Thọ và Đoàn đặc công 113 tặng.

Tử "Đất-Nước" từ đất Tô Hùng Vương (18kg đất - 18kg nước).

Khai mở tử "Đất - Nước" từ đất Tô vua Hùng.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
187



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
188**



- **Bia tiên sĩ:** Bia làm bằng đá tảng lớn, được đặt trên lưng rùa đá. Mặt trước có bài ký đề bia tiên sĩ khoa 1442, do danh sĩ Thân Nhân Trung viết. Trong bài ký, Thân Nhân Trung đã nêu bật vai trò của đội ngũ trí thức, nhân tài đối với quốc gia: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí vững thì thế nước mạnh và

thì thế nước yếu và suy, cho nên các đấng thánh đế minh vương không ai không chăm lo việc xây dựng nhân tài”. Tám bia đá đặt tại Văn miếu Trấn Biên là tám bia phục chế lại từ tám bia ở Văn miếu Thăng Long, do UBND, Sở Văn hóa – Thông tin thành phố Hà Nội, Trung tâm nghiên cứu khoa học, văn hóa Văn miếu – Quốc tử giám tặng.



*Phó chủ tịch
UBND tỉnh
Đặng Thị Kim
Nguyên và
Chủ tịch
UBND TP.
Biên Hòa Lê
Văn Quang
đón nhận
phiên bản bia
tiên sĩ.*



năm
VĂN MIẾU
TRẦN DIÊN
189

*Bí thư Tỉnh ủy Lê Hoàng Quân, Trưởng
ban Tuyên giáo TU Dương Thanh Tân và
Phó chủ tịch (nay là Chủ tịch) UBND thành
phố Biên Hòa Đinh Quốc Thái trực tiếp chỉ
đạo đưa bia đá vào VMTB.*



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
190**



Bia mang nội dung về Văn miếu Trần Biên trích trong Gia Định thành thông chí.

- **Bia đá:** Được đặt cạnh bia tiên sĩ, về hình thức giống bia tiên sĩ, nhưng thấp và nhỏ hơn. Vật liệu là đá Bửu Long. Mặt trước bia khắc toàn bộ nội dung sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, phần nói về Văn miếu Trần Biên.

- Trống đại:

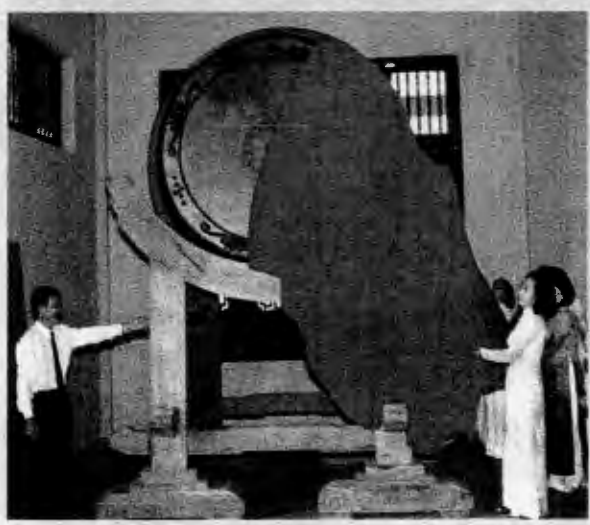
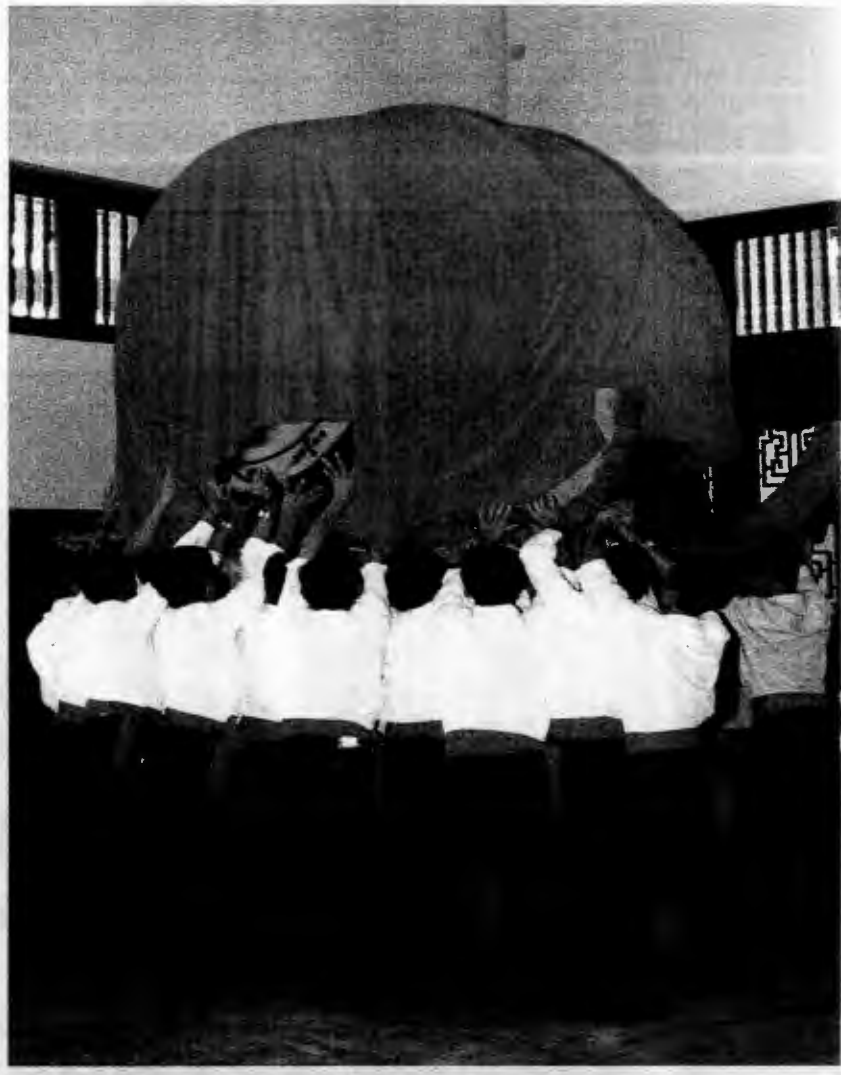
Đây là trống Sâm lễ hội Thăng Long do UBND, Sở Văn hóa - Thông tin thành phố Hà Nội, Trung tâm nghiên cứu khoa học, văn hóa Văn miếu - Quốc tử giám tặng.



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
191**



năm
VĂN MIẾU
TRẦN DIÊN
192



Đón Trống
hội Thăng Long
do Văn miếu
Quốc Tử Giám
tặng.

Trống Cái
(một trong bộ ba
trống to nhất của
Lễ hội Thăng
Long 990 năm).

- **Lồng đèn.**
*Lồng đèn gỗ
theo phong cách
truyền thống.*



2 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
193**



- Hạc đồng:

3 cặp, được đặt phía trước 3 gian thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh và các danh nhân văn hóa.

Hạc đồng cao 2,2m, nặng hơn 600kg.

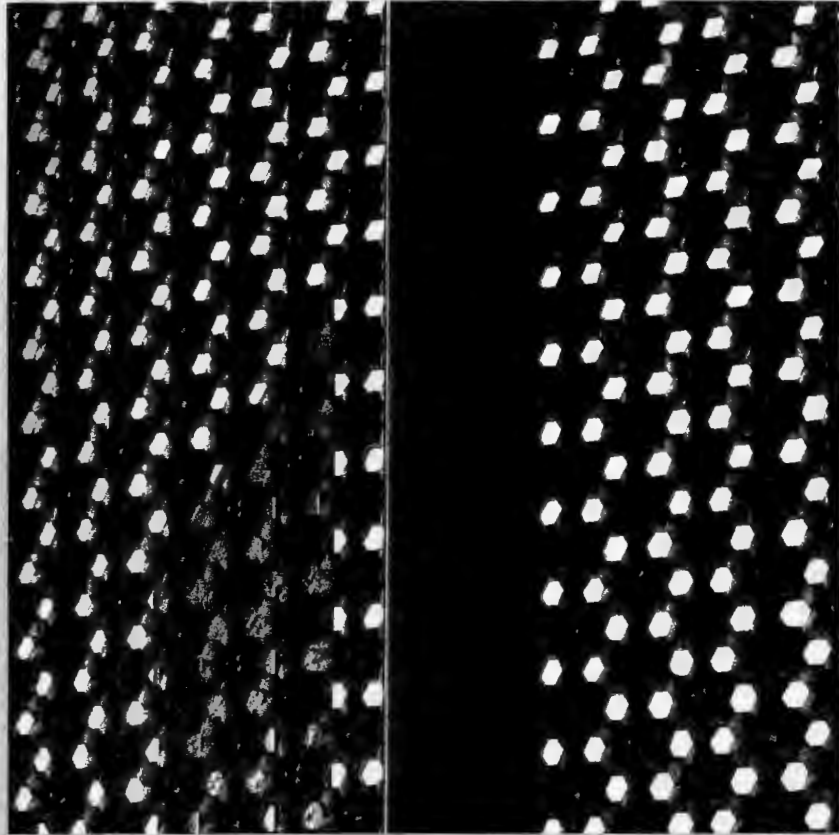


năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
194**



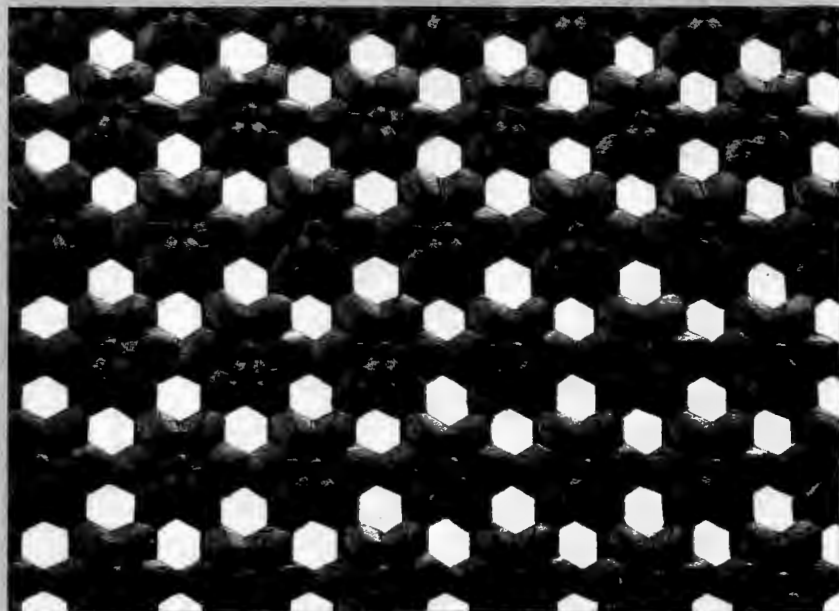
- Hoa văn gỗ:

Chạm khắc họa tiết hoa mai do nghệ nhân ở
Biên Hòa phục tác.



năm

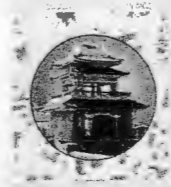
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
195**



- Hoa văn khắc gỗ:

Hoa văn
khắc gỗ
(nghệ nhân
Công ty Tu
bổ Bảo tàng
di tích TW
thực hiện).

Hoa văn
khắc gỗ
(nghệ nhân
Công ty Tu
bổ Bảo tàng
di tích TW
thực hiện).



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
196



2.2. NGOÀI NHÀ BÁI ĐƯỜNG

- Lân đá:

Chế tác từ vật liệu đá Biên Hòa, được đặt ở trước Nhà Bia, bên trái và bên phải. Mỗi con cao 1,2m do UBND và nhân dân phường Bửu Long (Biên Hòa) tặng.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN DIỆN
197



năm
AN MIÊU
RÂN BIÊN
198



3. HỆ THỐNG CÂY XANH

Hệ thống cây xanh giữ vai trò quan trọng, làm nền cho toàn bộ quần thể kiến trúc, tạo nên quang cảnh xanh tươi, mát mẻ.

Khu vực từ Đại Thành môn đến giáp Nhà Đại Bái, cây xanh hai bên do các vị lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo tỉnh và các đoàn khách quốc tế trồng lưu niệm. Hiện nay, ở khu vực này có các cây xanh do Tổng bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Nước Trần Đức Lương, Thủ tướng Phan Văn Khải, các đồng chí: Đỗ Mười (nguyên Tổng bí thư), Lê Đức Anh (nguyên Chủ tịch Nước), Trương Vĩnh Trọng (Bí thư TW Đảng), Thượng tướng Bùi Thiện Ngộ, Trung tướng Phan Trung Kiên (Thứ trưởng Bộ quốc phòng), Tráng A Pao (Ủy viên thường vụ Quốc hội), Lê Hoàng Quân (Bí thư Tỉnh ủy), Võ Văn Một (Chủ tịch UBND tỉnh), Trần Đình Thành (Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy) trồng.

Các khu vực khác là những cây cối quen thuộc của đất phương Nam, theo Trịnh Hoài Đức là ngày trước có trồng ở Văn miếu Trấn Biên. Nhiều cá nhân, đơn vị đã ủng hộ cho việc trồng cây xanh ở Văn miếu như: Công ty TNHH cây xanh Trấn Biên đóng góp cây xanh khu vực từ Văn Miếu môn đến Khuê Văn các; Công ty TNHH cây xanh Tám Hậu ủng hộ toàn bộ cỏ trồng ở Văn miếu...



năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
199

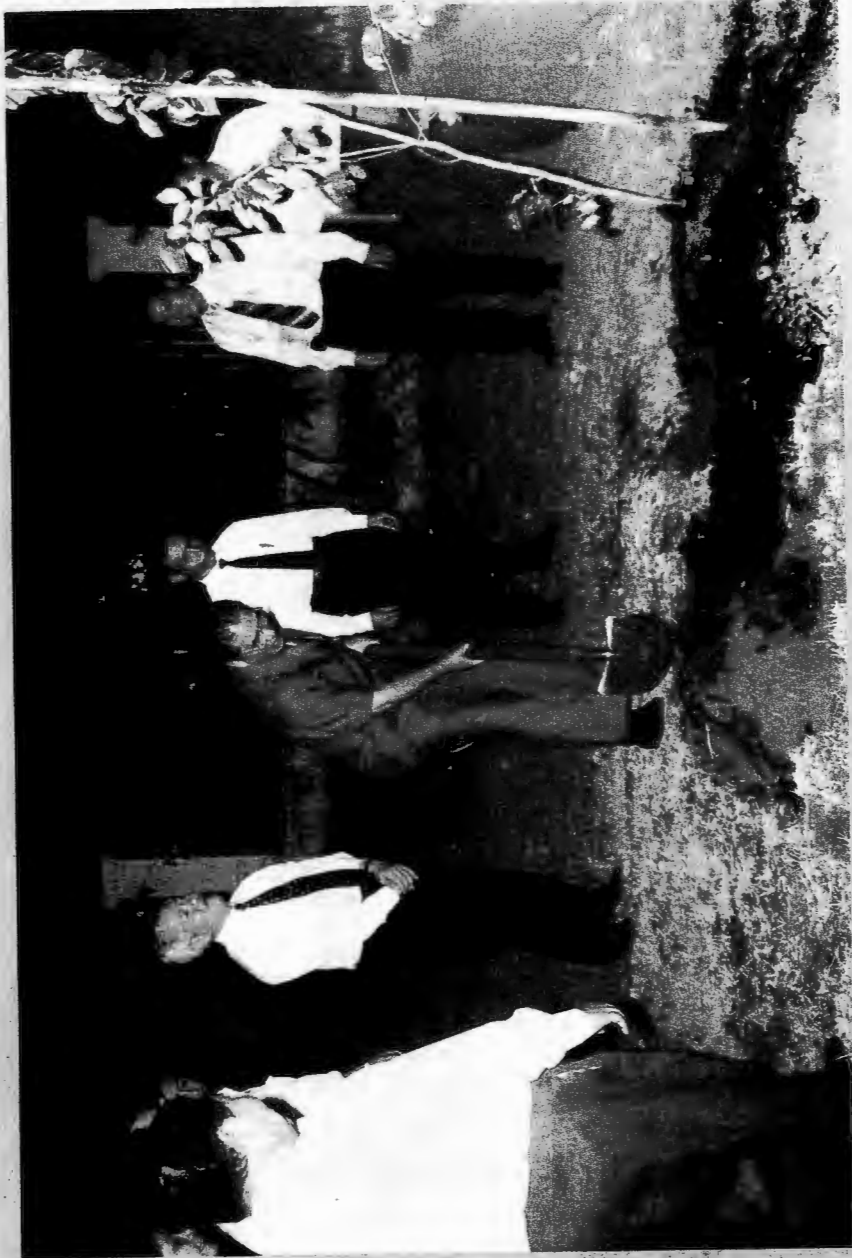




năm
AN MIẾU
ẢN BIÊN
200



Tổng bí
thư TW
Đảng Nông
Đức Mạnh
trồng cây
lưu niệm ở
VMTB.



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
201



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
202



CHỖ CHỈ
TRẦN ĐỨC LƯƠNG
CHỖ TRỒNG
MỘT CHỖ MỘT CÂY

*Cây chò chỉ do Chủ tịch Nước
Trần Đức Lương trồng.*



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN DIỆN
203**

*Cây đa búp đỏ do đ/c Phan Văn
Khải, Thủ tướng Chính phủ trồng.*



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
204**



CÂY SAO
NGUYỄN THỊ BÌNH
NGUYỄN THỊ BÌNH
NGUYỄN THỊ BÌNH

*Cây sao do đ/c Nguyễn Thị Bình,
nguyên Phó chủ tịch Nước trồng.*



năm
VĂN MIẾU
TRẦN DIÊN
205



năm
ĂN MIẾU
RÂN BIÊN
206





năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
207

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
208



- NƠI TÔN VINH CÁC DANH NHÂN

- **Khổng Tử** - đề cao đạo đức con người
- **Từ thầy giáo Nguyễn Tất Thành đến danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh**
- **Chu Văn An** - Văn miếu còn tên hương khói nồng...
- **Nguyễn Trãi** - việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
- **Nguyễn Bình Khiêm** - Bạc "thiên hạ sự" lòng không quên đời
- **Lê Quý Đôn** - nhà bác học đa tài
- **Nguyễn Du** - chữ tài liền với chữ tâm
- **Đặng Đức Thuật** - thầy của các bậc thầy
- **Võ Trường Toản** - thảo ngay là nghĩa cả
- **Trịnh Hoài Đức**, tấm lòng ưu quốc ái dân
- **Ngô Nhơn Tịnh**, thấu lòng chỉ có khách trong gương...
- **Lê Quang Định**, tài hoa và mẫn tiệp
- **Nguyễn Đình Chiểu**, người đã "căng số phận mình trên sợi dây đàn độc nhất"
- **Bùi Hữu Nghĩa**, văn chương bốn bề đều biết...



năm
VĂN MIẾU
TRẦN ĐÌNH
209

1. Khổng Tử - Đề cao đạo đức con người



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
210

KHÔNG TỬ

551 - 497 - TCN

Không Tử tên gọi là Khổng Khâu, tên tự Trọng Ni, sinh năm 551 và mất năm 479 trước Công nguyên. *Tử* là tiếng gọi bậc tôn kính. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói về Khổng Tử luôn dùng từ *tiên sinh*. Người còn giải thích: *Chúng ta hãy chú ý rằng để chỉ Lenin, thì khi nói hay viết, người Trung Quốc đều chỉ dùng từ "Tiên sinh", một từ vinh dự đồng nghĩa với "Tử" (Khổng Tử, Mạnh Tử) và có nghĩa là: "thầy".*

Đức Không Tử là người nước Lỗ, thời Xuân Thu, đời nhà Chu (phía Nam tỉnh Sơn Đông ngày nay của Trung Quốc). Theo truyền thuyết, cha mẹ tiên sinh sau khi cầu tự ở núi Ni, về quê nhà, mới sinh hạ được ông. Núi Ni chỉ là một quả đồi nhỏ. Đầu Không Tử lại giống hình dạng núi Ni nên ngay sau khi cất tiếng chào đời, tiên sinh được mang tên là Không Khâu.

Phụ thân Không Tử sinh thời giữ một chức quan nhỏ, mất lúc tiên sinh mới ba tuổi. Người mẹ đã có công nuôi dưỡng, chăm sóc. Nổi tiếng thông minh và ham học từ nhỏ. Nhưng theo nhiều nhà nghiên cứu, Không Tử tự học là chính. Khi gặp chỗ khó, không hiểu, ông hỏi thầy, hỏi bạn đến tận cùng mới thôi. Gặp Sư Tương, Không Tử học đánh cờ; gặp Trình Hoàn, học âm nhạc; gặp Đàm Tử, học tiếng nước ngoài...

Hồi trẻ, Không Tử từng làm gia thân họ Quý, giữ việc coi kho tàng, chăn trâu, dê.... Đến tuổi trung niên, từ năm 34 đến 55 tuổi, tiên sinh chu du khắp các nước trong đất Trung Hoa rộng lớn, mong tìm vị vua sáng để dâng kế sách trị quốc an dân của mình, nhưng không gặp “người mắt xanh”. Trở về nhà, Không Tử chuyên chú vào việc dạy học và soạn sách.

Thật ra, Không Tử bắt đầu dạy học từ năm 30 tuổi. Tiên sinh là người đầu tiên sáng lập trường tư thục ở Trung Quốc. Bất kỳ ai, muốn học, không phân biệt tầng lớp nào đều được Không Tử nhận dạy. Nội dung chương trình dạy học của ông chủ yếu là lễ nhạc, chính sự, luân lý, văn học, đặc biệt là đạo làm người. Tiên sinh đã dạy trên ba nghìn học trò. Trong đó, 72 người trở thành học giả xuất sắc như Mạnh Tử, Trang Tử...

Từ trường học của Không Tử, học vấn từ tay nhà nước (*học quan*) chuyên dần xuống dân, gây ra phong trào mở trường tư khắp nơi và hình thành quang cảnh học thuật sôi nổi trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng thời Xuân Thu – Chiến Quốc.



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
211

Khổng Tử không để lại bài giảng hay trước tác. Ông có biên soạn, chỉnh lý một số sách có từ trước, sau này thành kinh điển Nho gia và văn hóa Trung Quốc: *Dịch, Thi, Thư, Nhạc, Xuân Thu*. Thế nhưng, thực tiễn mấy mươi năm dạy học đã giúp Khổng Tử đúc kết nhiều kinh nghiệm quý báu về giáo dục. Cuốn *Luận ngữ* ghi lại những lời đối đáp, giảng giải cho học trò của Khổng Tử, thể hiện quan niệm cơ bản của ông về giáo dục.

Theo Gs. Nguyễn Tất Đắc, mục đích dạy học của Khổng Tử là đào tạo ra những quân tử: *Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tỵ hữu nhi đạo chính yên, khả vị hiếu học giả* (Quân tử ăn không cầu no, ở không cầu yên, làm việc thì nhanh chóng mà nói năng lại cẩn thận, tìm người có đạo để học mà sửa mình cho đúng, làm được như thế có thể nói là người ham học). Người có học phải thành tâm, trung thực, biết thì nói biết, không biết thì nói không biết (*Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã*). Người quân tử học văn để mở rộng kiến thức, nhưng phải học lễ để biết tự ức chế (*Quân tử bác học ư văn, ước chi văn lễ*). Đặc biệt, người có học không được làm hại người khác, phải biết rõ cái nghĩa (*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân; Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi*)...

Chẳng những là nhà giáo dục vĩ đại của Trung Quốc, Khổng Tử còn là nhà tư tưởng lớn, tầm vóc vượt qua nhiều thời đại. Tư tưởng của ông từng làm nền tảng tư tưởng chính trị không chỉ ở Trung Quốc mà của nhiều nước châu Á trong suốt mấy nghìn năm.

Ở Việt Nam, tư tưởng Nho giáo của Khổng Tử đã được “Việt Nam hóa”, hay nói như Đại tướng Võ Nguyên Giáp, là “một thứ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mang màu sắc Nho giáo” (*Tư tưởng Hồ Chí Minh – quá trình*





西 子 孔 子



Tượng Khổng Tử tại đền thờ ở Sơn Đông (Trung Quốc).

hình thành và phát triển, Nxb. Sự thật, 1993, tr.29).

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, người đã đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, hiểu rất sâu sắc và toàn diện về Khổng Tử. Bác Hồ đã gọi ông là “vị đứng đầu các nhà hiền triết”, “Khổng Tử vĩ đại” và là “bậc siêu nhân” (các trích dẫn từ *Hồ Chí Minh – văn hóa và đời mới*, Gs. Đinh Xuân Lâm – Pts. Bùi Đình Phong, Nxb. Lao động, 1998). Năm 1925, 5 ngày sau khi biết chính phủ

290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
213

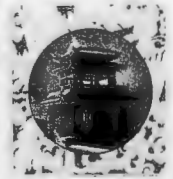
Trung Hoa Dân quốc ban hành quyết định “từ nay về sau xóa bỏ những nghi lễ tưởng niệm Khổng Tử...”, Bác Hồ đã viết bài báo *Khổng Tử* đăng trên báo *Thanh Niên* (số 80 - 1925). Trong bài báo đó, Bác coi đạo đức, học vấn và kiến thức của Khổng Tử “làm cho những người cùng thời và hậu thế phải cảm phục”, vì “đạo đức của ông là hoàn hảo”. Người còn khuyên: “Những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình về mặt tinh thần bằng cách đọc tác phẩm của Khổng Tử và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lenin”.

Những nhận thức của Bác Hồ về Khổng Tử đã đi trước thời đại, vì cho tới nhiều thập niên sau đó, đây vẫn là những ý kiến hết sức mới mẻ. Bác đã nhìn thấy ưu điểm lớn nhất của tư tưởng Khổng Tử là “mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội”.

Ngày nay, những tư tưởng của Khổng Tử về đạo làm người, về giáo dục vẫn hết sức quý báu. Và những nhận định đúng đắn, thấu tình đạt lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tiên sinh càng có ý nghĩa.



2. Từ thầy giáo Nguyễn Tất Thành đến danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh



200
năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
215

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới, người mở đầu cho những gì tốt đẹp nhất của một thời đại mới ở Việt Nam. Đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Bác Hồ vừa là một thầy giáo vừa là một nhà tư tưởng lớn, có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử văn hóa, giáo dục Việt Nam.



290
năm
ĂN MIÊU
RẢN BIÊN
216

Thuở nhỏ, Hồ Chủ tịch có tên là Nguyễn Tất Thành. Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi có truyền thống yêu nước và văn hóa lâu đời. Thân sinh là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

Nguyễn Tất Thành khi còn nhỏ đã tỏ ra thông minh, được học chữ Hán sớm, rồi Quốc ngữ. Sau đó, được cha đưa vào Huế học Trường Quốc học. Đầu năm 1911, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành rời Huế, vào Phan Thiết, dạy học ở Trường Dục Thanh. Ít lâu sau, vào Sài Gòn, xuất dương tìm đường cứu nước. Người đã không đi con đường của các chí sĩ yêu nước lúc bấy giờ, mà đi nhiều nước châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, sống với giai cấp vô sản nghèo khổ và tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người chiến sĩ cộng sản quốc tế lỗi lạc.

Con đường đến với chủ nghĩa Mác -



Lênin của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh cũng là con đường đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Dưới sự dẫn dắt của Người, nhân dân ta không chỉ giành được tự do, độc lập mà còn bước vào kỷ nguyên mới, ấm no, hạnh phúc.

Trong suốt cuộc đời của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác giáo dục và việc đào tạo thế hệ trẻ Việt Nam. Lúc ở Pháp, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từng viết tác phẩm nổi tiếng *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925). Người thống kê tội ác của chế độ thực dân đối với các nước thuộc địa. Bác đã đưa ra những con số cụ thể tình hình giáo dục Việt Nam lúc ấy: *Cứ 1.000 làng thì có đến 1.500 đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số 1.000 làng đó, lại chỉ có vốn vẹn 10 trường học.* Người cho rằng “làm cho ngu dân để dễ trị” là chính sách mà thực dân Pháp ưa dùng nhất ở thuộc địa và thực chất của nền giáo dục ấy *chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng “trung thực” giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những*



200
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
217

kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một tổ quốc không phải là tổ quốc của mình và đang áp bức mình. Bởi vậy, ngay trong Cương lĩnh năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định phải *phổ thông giáo dục theo công nông hóa.*

Khi nước ta vừa giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương: *Phong trào Việt Minh tới đâu, tổ chức việc học văn hóa tới đó, người biết dạy người không biết, người biết nhiều dạy người biết ít.* Bác nói: *Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu* và chỉ rõ việc diệt “giặc dốt” cũng cấp thiết như diệt “giặc đói”, “giặc ngoại xâm”. Thật là một tư tưởng sáng suốt, kịp thời, bởi khi đó trên toàn cõi Việt Nam hơn 90% dân số mù chữ. Nhờ tư tưởng của Người, chỉ trong một thời gian ngắn, hàng vạn nông dân bao đời không biết đến con chữ đã đọc được chủ trương của Việt Minh, mở tầm mắt ra thế giới. Hưởng ứng chủ trương đó, ngay tại tỉnh Biên Hòa xa xôi so với trung ương, phong trào bình dân học vụ, diệt giặc dốt đã diễn ra sôi nổi và cho đến đầu năm 1946 đã hình thành được ty giáo dục đầu tiên ở Nam bộ.

Bác Hồ lo lắng cho việc học và quan niệm *học để làm việc, làm người, làm cán bộ, làm cho dân tộc ta trở thành một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.* Do đó, *việc học không bao giờ ngừng. Học mãi để tiến bộ mãi. Càng tiến bộ càng thấy cần phải học thêm.* Tư tưởng này ngày nay đã thành chủ trương xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời của Đảng ta.

Là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có tầm nhìn xa trông rộng, thấu tình đạt lý. Bác yêu cầu học phải đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, học là để tu dưỡng đạo đức. Ngày nay, đọc lại những lời dạy của Hồ Chủ tịch, chúng ta không chỉ tìm thấy những tư tưởng lớn lao về giáo dục mà cả những cách thức cụ thể về sự học, về từng đối tượng học tập, đôi khi là lời dặn dò thật tỉ mỉ. Chẳng hạn, năm 1947, Bác nói về



việc huấn luyện văn hóa cho cán bộ:

Với những cán bộ còn kém văn hóa, thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Trước hết phải dạy cho họ những thường thức: lịch sử, địa dư, làm tính, khoa học tự nhiên, chính trị, cách viết báo cáo, nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân...

Còn đối với trí thức, Hồ Chủ tịch là người hết sức tôn trọng. Người đánh giá đây là *bộ phận trong lực lượng cách mạng, Đảng và Chính phủ ta rất quý trọng những người trí thức của nhân dân, vì nhân dân*. Bác bảo: *Đảng và Chính phủ phải giúp bằng cách giáo dục để trí thức có lập trường, quan điểm đúng đắn, tư tưởng sáng suốt, tác phong dân chủ. Nói tóm lại: giúp đỡ các bạn trí thức chính tâm và thân dân. Người còn dạn dò, đối với trí thức, phương pháp giáo dục thì theo nguyên tắc tự nguyện tự giác, giải thích, bàn bạc, thuyết phục, chứ không gò bó.*

Ngày nay, Đảng và Nhà nước chủ trương “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”, chúng ta càng thấm thía hơn tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục, thấm thía hơn tâm huyết của một vĩ nhân mà suốt đời *Tôi chỉ có một sự ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.*



200
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIỂU
219

3. Chu Văn An - Văn miếu còn tên hương khói nồng...



290 năm
VĂN MIẾU
RÂN BIÊN
220

Nền giáo dục Việt Nam chính thức được thể chế hóa từ thời nhà Lý với sự kiện vào năm 1070, triều đình cho lập Văn miếu ở kinh đô Thăng Long để dạy các hoàng tử và thờ các vị sáng lập ra Nho học.

Thời Trần, giáo dục có sự tiến triển mạnh hơn. Quốc tử giám mở rộng cho các quan văn và nho sĩ vào học. Các khoa thi được mở đều đặn. Trường tư, do nho sĩ mở, ở các địa phương xa kinh đô, giữ vai trò lớn trong việc nâng cao dân trí, góp phần đào tạo nhân tài. Ở lĩnh vực này, xuất hiện nhiều thầy giáo tài đức, có công lớn trong việc đem giáo dục đến với quảng đại dân chúng. Một thầy giáo nổi danh đã đi vào lịch sử giáo dục của dân tộc. Đó là Chu Văn An.

Tiết cứng, lòng trong, khí phách hùng

Chu Văn An sinh ngày 25 tháng 8 năm Nhâm Thìn (1292) dưới thời vua Trần Anh Tông, tại xã Quang Liệt (nay là xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội).

Thuở ấu thơ, sống với mẹ ở quê, ông được mẹ chăm nom cho ăn học và nổi tiếng học giỏi. Chu Văn An sớm bộc lộ những đức tính cao quý: Ham học, cương trực, liêm khiết, thông minh... Vào thế kỷ XIV, Lê Trường đã viết trong bài *Văn trình ngạch trực* rằng: *Chu Văn An, hiệu là Tiều Ân, tính liêm khiết và cứng cỏi, ở nhà thường ham thích đọc sách, học vấn tinh thông, tiếng tăm lừng lẫy gần xa.*

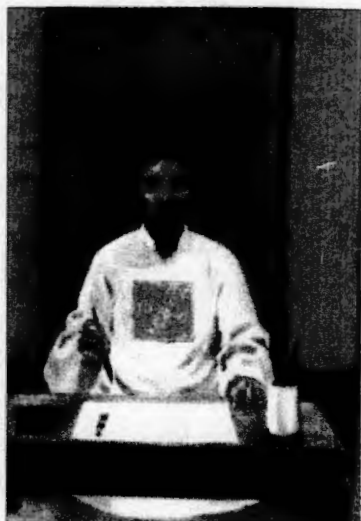
Dưới thời vua Trần Minh Tông (1300–1357), giới nho sĩ bị vật chất cám dỗ chỉ đặt sự học ở vòng thi cử. Lê Quý Đôn cho biết: “Quan nhỏ, chức thấp đều mài miết về thi cử” (*Toàn Việt thi lục*). Chu Văn An không đi vào con đường ấy, con đường khoa cử để mưu kiếm vinh hoa cho riêng mình. Ông mở trường dạy học ở thôn Huỳnh Cung, xã Quang Liệt. Thầy Chu luôn nhắc học trò rằng: Phàm học thành đạt cho mình là để thành đạt cho người, công đức tới đâu, ân huệ để lại cho đời sau, đầy đều là phận sự của nhà Nho chúng ta.

Trong bia đền Chu Văn An, và các sách: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Kiến văn tiểu lục*... chúng ta không thấy nói gì về việc thi cử, đỗ đạt của ông. Phật giáo ngày càng mất vai trò thống trị ý thức xã hội. Đặc biệt là sau khi vua Trần Anh Tông ra lệnh bỏ thi Phật giáo, Đạo giáo tại khoa thi năm Giáp Thìn (1304), uy tín của trường Huỳnh Cung có thầy Chu Văn An nổi danh khắp nước. Học trò gần xa đều tìm về thầy Chu để được dạy dỗ rất đông. Họ trưởng thành nhanh chóng, vững chắc nhờ không chỉ học được nhiều chữ nghĩa trong giáo khoa kinh điển Nho giáo, mà còn học



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
221

được cách vận dụng điều mình học soi sáng cho sự tìm hiểu cuộc sống thực, xã hội, thời cuộc đang diễn ra. Bởi vậy, không ít học trò đã thành đạt vẫn đến nghe thầy Chu giảng học với thái độ rất thành kính. Cách dạy giáo điều, nô lệ sách ở nhiều trường tư đã làm cho học trò đạt kết quả thi kém cỏi. Cách dạy thông minh của thầy



Chu đã làm cho học trò của ông đỗ đạt cao khi nhà vua thay đổi cách thi cử. Điều đó làm Chu Văn An nổi tiếng và được kính trọng. Học trò của ông, dù đã làm quan chức cao trong triều chính, vẫn một lòng kính trọng ông. Phạm Sư Mạnh, Lê Quát đã là quan đầu triều, nhưng về thăm thầy Chu vẫn cúi lạy dưới giường và lấy làm vinh hạnh khi được thầy cho ngồi cùng trò chuyện...



200
năm
/ AN MIÊU
TRẦN BIÊN
222

Một tay muốn kéo lại vàng hồng

Vào khoảng năm 1325, vua Trần Minh Tông vời Chu Văn An vào cung dạy học cho các hoàng tử.

Lúc này, nội triều đã lục đục. Vua Trần thiếu sáng suốt đến mức sai giết cả một số trung thần. Nhiều phe phái trong cung cấm nổi lên tranh chấp ảnh hưởng, quyền lực. Chu Văn An được các lực lượng đề ý. Tuy nhiên ông chỉ chuyên tâm vào dạy các hoàng tử để đáp lại sự tin cậy của đức vua.

Vào năm Kỷ Ty (1329), Thái tử Trần Vượng được phong làm Hoàng thái tử, và sau ít lâu được vua Trần Minh Tông nhường ngôi cho. Trần Vượng trở thành vua Trần Hiến Tông, Chu Văn An nhận chức Tế tửu nhà Thái học (Hiệu trưởng Quốc tử Giám). Công việc của ông to lớn hơn. Trần Hiến Tông mới 10 tuổi cần có sự giáo

dưỡng chu đáo.

Chu Văn An đã cùng Thái thượng hoàng Trần Minh Tông chăm sóc nhà vua non nớt vừa lo việc dạy học ở nhà Thái học nhằm đào tạo nhân tài cho triều đại.

Trần Hiến Tông chết lúc 23 tuổi đem theo bao công sức giáo dưỡng của thầy Chu!

Vua Trần Dụ Tông lên ngôi. Chu Văn An càng chăm chú công việc của Quốc Tử Giám. Sau nhiều năm tích lũy kiến thức Nho học, Chu Văn An viết bộ sách giáo khoa *Tứ thư thuyết ước*. Sách này tóm lược tinh túy của 4 cuốn sách giáo khoa Nho giáo: *Luận ngữ*, *Mạnh tử*, *Đại học*, *Trung dung* và là giáo khoa thư dùng ở nhà Thái học. Tiếc rằng sách này không còn nữa.

Từ khi Hiến Tông mất, triều đình nhà Trần rối ren, xã hội bất ổn nhiều hơn. Nịnh thần được vua tin dùng đã tìm cách đưa vua vào trụy lạc, bỏ trễ việc nước.

Tới đây, Chu Văn An không thể thờ ơ với chính sự. Ông đã can đảm can gián vua nhiều lần nhưng không được. Tình thế khốn nguy, Chu Văn An dâng sớ lên vua xin cho chém đầu 7 tên nịnh thần gây bạo loạn. Ý kiến của ông được sử sách về sau đánh giá là đã “làm rung động cả quỷ thần”. Tuy nhiên vua Trần Dụ Tông mê muội, không nghe Chu Văn An.

Chẳng còn phép nào hay hơn, Chu Văn An xin trả mũ áo, về núi Phụng Hoàng (Chí Linh, Hải Dương) ở ẩn, lấy hiệu là *Tiêu Ẩn* và lại mở nhà dạy học cho dân quanh vùng.

Suối rừng nơi ẩn nay đâu tá?

Lấy hiệu là *Tiêu Ẩn* nhưng sống không ẩn dật, dù Chu Văn An về núi Phụng Hoàng vào khoảng năm 1360; ngày đêm đọc sách, làm thơ. Hiện nay mới sưu tầm lại được 12 bài thơ của ông. Chu Văn An lại mở lớp dạy học.



290
nam
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
223

Biết rõ Chu Văn An là bậc tài đức hơn người, có lần vua Trần Dụ Tông cho mời ông trở lại tham gia việc trị nước, Chu Văn An không nhận lời vua vì không muốn vào triều để chịu tiếng a dua, bán mình cho phản nghịch, nịnh thần.

Sau gót mười năm ở ẩn, vào năm 1370 Chu Văn An qua đời. Vua Trần Nghệ Tông ban cho ông tên hiệu Văn Trinh, và đặc cách, được đưa vào thờ ở Văn miếu.

Số danh nho thời đại Lý, Trần làm công việc giáo dục không ít. Tuy nhiên, chưa mấy người nổi tiếng bởi tài đức thực sự, được xã hội ca ngợi như Chu Văn An. Có lẽ vì thế mà trong mục nói về các nho gia có đức nghiệp thời này của sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú chỉ có tên Chu Văn An với lời bình của tác giả:

Ông Văn Trinh học nghiệp thuần túy, tiết tháo cao thượng, được đời ấy suy tôn, thời sau ngưỡng mộ. Tìm trong làng Nho ở nước Việt ta, từ trước đến nay chỉ có mình ông. Các ông khác thực không thể so sánh được.

Sử gia Ngô Sĩ Liên có viết:

Nho gia ở nước ta đặc dụng ở đời không phải không nhiều. Song, kẻ thì chỉ vì công danh; kẻ thì chỉ vì phú quý; kẻ thì hòa quang đồng trần⁽¹⁾; kẻ thì cốt ăn lộc giữ mình, chưa thấy người nào chí về đạo đức, để tâm việc giúp vua nêu đức tốt cho dân được nhờ như Tô Hiến Thành ở đời Lý. Chu Văn Trinh ở đời Trần có thể gần được như vậy. Nhưng Hiến Thành gặp được vua tốt, cho nên công nghiệp thấy ngay. Ở đương thời, Văn Trinh không gặp được vua, cho nên chính học để lại cho đời sau. Nếu không xét duyên cớ thì ai biết rõ thụy hiệu là xứng đáng; đây là bậc tôn sư của Nho gia nước Việt Nam ta, mà được thờ tại Văn miếu.



Còn nhà bác học Lê Quý Đôn viết về Chu Văn An, như sau:

Nói về danh Nho nước ta, thời Trần có 5 người.

Chu Văn An dâng sớ xin chém nịnh thần, làm rung chuyển cả trong triều, ngoài quận; rồi cáo quan, trả mũ áo về nhà; không nhận tước bặc bó buộc; vua chúa phải tôn trọng; công khanh phải kính phục. Đây là bậc thanh cao nhất.

Vào thế kỷ XIX, “nhà thơ khởi nghĩa” Cao Bá Quát đã làm hẳn một bài thơ ca tụng Chu Văn An, với những lời đánh giá hết mực:

Cô trung sấm sét không chôn khí

Thất trảm yêu ma phải rợn lòng...

Văn miếu còn tên hương khói nông !

Dẫn lại lời nhận xét về Chu Văn An của một số nhân vật, có uy tín cao, về nhiều mặt, trong xã hội đã tồn tại cách xa chúng ta khá nhiều thế kỷ, như thế là để tô đậm thêm những giá trị cao đẹp của nhân cách Chu Văn An, nhà giáo dục lớn của dân tộc thời nhà Trần.



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
225

(1). Hòa vào ánh sáng, cùng ở trong đám bụi trần... trở lại với thế giới tự nhiên không cần lễ nghi gò bó. Đó là một tư tưởng của Lão, Trang.

Nguyễn Trãi – việc nhân nghĩa cốt ở yên dân



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
226

Nguyễn Trãi (1380–1442), vị anh hùng dân tộc, ngôi “sao khuê” của thế kỷ XV, danh nhân văn hóa của nhân loại.

Từ bé, ông được hưởng sự chăm sóc giáo dục của mẹ và ông ngoại, đại thần Trần Nguyên Đán, ở kinh đô Thăng Long. Lên 5 tuổi, mồ côi mẹ. Mười tuổi, ông ngoại mất. Từ đây, ông về ở với cha là Nguyễn Phi Khanh, ở Thường Tín, Hà Đông, được sự giáo dục thật chu đáo.

Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) và cùng cha ra làm quan Ngự sử đài chánh chưởng, giúp Hồ Quý Ly đổi mới đất nước trước muôn vàn khó khăn. Giặc Minh xâm lược nước ta. Tướng tá quan lại nhà Hồ bị giặc bắt khá nhiều và bị giải về Trung Hoa. Trong số đó có Nguyễn Phi Khanh. Nguyễn Trãi và em trai theo xe tù lên tận ải Nam Quan với mục đích hầu hạ cha bị tù đây và mang hài cốt cha về quê hương khi ông mất ở nước ngoài. Tuy nhiên, nghe lời khuyên sáng suốt

của cha, Nguyễn Trãi quay trở lại và mười năm sau tìm đến khởi nghĩa Lam Sơn giúp Lê Lợi tiến hành kháng chiến chống giặc Minh. Nhân dân ta đại thắng. Đất nước giành quyền độc lập, tự chủ. Nhà Lê đứng lên nắm quyền cai trị, xây dựng xã hội phong kiến Việt Nam lớn mạnh hơn trước. Trong triều đình nhà Lê, Nguyễn Trãi được vua giao nhiều công việc quan trọng (Nhập nội hành khiển, kiêm Lại bộ thượng thư), trong đó có việc chăm lo giáo dục nhân tài, chủ trì các khoa thi lớn, dạy dỗ thái tử để chuẩn bị người kế nghiệp. Chẳng được lâu, triều đình nhà Lê lục đục. Nhiều chuyện sai trái, đau lòng đã xảy ra. Dưới triều vua Lê Thái Tông, Nguyễn Trãi giữ chức Phụ chính đại thần (tương đương như Tể tướng), nhưng ông 3 lần xin vua cho về Côn Sơn (Hải Dương) dưỡng lão và dạy học. Năm 1442, Nguyễn Trãi chủ trì kỳ thi Tiến sĩ, đã lấy Nguyễn Trục đỗ Trạng nguyên. Tháng 7 năm Nhâm Tuất (1442), xảy ra vụ án Lệ Chi Viên, Nguyễn Trãi bị kết án tru di tam tộc. 22 năm sau, vua Lê Nhân Tông, người được Nguyễn Trãi cứu khi còn ở trong bụng mẹ, vương phi Ngô Thị Ngọc Dao, đã xuống chiếu tầy oan cho ông, và truy phong chức Đặc tiến kim tử, Vinh lộc đại phu, tước Tán trù bá.

Nguyễn Trãi không chỉ là nhà chính trị, quân sự, tư tưởng đại tài mà còn là nhà thơ, nhà giáo dục lớn của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng giáo dục giàu tính nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thể hiện ở cuộc đời dân thân của một trí thức và lại trong thơ văn của ông.

Quan điểm của Nguyễn Trãi về vai trò của sự giáo dục

Nguyễn Trãi nhắc con cháu rằng, hiểu biết là một giá trị to lớn của báu tồn tại lâu dài. Người có hiểu biết cao sẽ nhờ sự giáo dục, học tập. Vậy, muốn làm



200
năm
VĂN MIÊU
TRẦN BIÊN
227

người thì phải học, dù sớm tối có khó khăn:

Con cháu chớ hiềm sớm tối ngặt

Thi, Thư thực ấy báu ngàn đời.

Theo nghĩa thực, *Thi, Thư* là hai kinh quý giá phải học. Đó là quy định của nội dung Nho giáo. Theo nghĩa bóng thì *Thi, Thư* được ám chỉ là sự hiểu biết, là kiến thức học được. Tư tưởng đề cao giáo dục được diễn đạt rất giản dị, dễ hiểu.

Nên thợ nên thầy vì có học

No ăn, no mặc bởi hay làm.

Theo ý Nguyễn Trãi, để làm người, phải lo sức tích cho mình nhiều thứ, trong đó, cái quý nhất là “chữ nghĩa”.

Nguyễn Trãi lại có quan niệm đặc sắc về sức cải biến sâu xa của giáo dục. Nho giáo Trung Hoa đề cao sự giáo hóa, song chính Khổng Tử lại khẳng định rằng trong xã hội có một loại người không thể cải giáo được, đó là lớp “Hạ ngu”, và có loại khó dạy, đó là phụ nữ (nữ nhân nan hóa)! Nho giáo Trung Hoa lại cho rằng tính nết con người là trời định sẵn, không thay đổi được.

Nho giáo, qua Nguyễn Trãi có tư tưởng khác về vấn đề này. Theo ông, tính nết của con người vẫn có thể bị chi phối, có thể uốn nắn theo ý định của nhà giáo dục tài giỏi. Tuy nhiên, kết quả ấy chỉ có được khi người ta biết tổ chức quá trình giáo dục không có sót đáng kể nào ngay từ gia đình, với sự dạy dỗ của cha mẹ:

Truyền ngôi là việc của qu gia

Dạy con là chí tình trong th hạ.

Nguyễn Trãi đề cao *Thi, Thư* nhưng đề cao thực hành, coi trọng việc vận dụng kiến thức sống vào đời sống. Ông tuyên bố: Đạo cốt ở thực hành. Nguyễn Trãi là bậc trí giả nổi danh và cũng là nhà hoạt động thực tiễn xuất chúng.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
228

Quan niệm về Đức và Tài trong tư tưởng Nguyễn Trãi

Những người sáng lập ra Nho giáo đều hình dung rằng một nhân cách được cấu thành bởi hai bộ phận là đức và tài. Nhà trường Nho học chủ trương con đường học hỏi của mỗi người là “Tiên học lễ, hậu học văn” bởi đức là cái gốc, tài là phần ngọn (*Đức giả bản dã / Tài giả mạt dã* – sách *Trung Dung*).

Nguyễn Trãi thông hiểu Nho học. Tuy nhiên, ông có ý kiến của riêng mình, rất độc đáo đến không ngờ, về vấn đề đức và tài.

Ông cũng khẳng định: “Làm người phải có đức cùng tài”. Trong thế giới đạo đức của mỗi con người, đức tính nổi trội hơn hết, quan trọng nhất là tính nhân hậu, thương yêu thành thật đồng loại. Ông viết:

*Đạo đức hiền lành được mọi phương
Tự nhiên cả chúng muốn suy nhường.*

Nguyễn Trãi cho rằng lòng nhân ái là thứ của cải đệ nhất quan trọng mà ai cũng nên cố thành đạt cho được. Ai thương mình, lo toan cho mình trước hết phải làm điều tốt phúc cho người khác. Ấy là bởi thương người như thể thương thân. Lòng nhân ái được xếp vào hàng những đức tính cao quý mà con cháu cần giữ cho kiên trì suốt đời, giống như lo giữ tính trung thực, tính siêng năng, cần mẫn. Ông nhắc nhở người đời:

*Giàu, người hợp. Khó, người tan
Hai ấy hằng lẽ sự thế gian
Lòng thế bạc đen dầu có biến
Ta gìn nhân nghĩa chớ loạn đần.*

Với Nguyễn Trãi, lòng thương người, thái độ vị tha là mục tiêu tu dưỡng của đạo đức ở mỗi người; sống để làm điều hợp nghĩa lý là lý tưởng của bậc trí giả.

Từ quan niệm về nhân nghĩa, Nguyễn Trãi vươn tới khái niệm rộng lớn về đạo đức: *nghĩa đồng bào*. Đây là



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
229

khái niệm chưa từng xuất hiện trong hệ thống lý luận về đức dục của Nho giáo Trung Hoa.

*Đồng bào cốt nhục nghĩa càng bền
Cành Bắc, cành Nam một cội nên
Ở thế nhìn nhau muôn sự đẹp
Cương, nhu cùng biết cả hai bên.*

Điều mà Nguyễn Trãi thường nhắc đi nhắc lại là những người có quyền cai trị xã hội phải có lòng *nhân*. Biểu hiện của đức nhân của người có quyền thế là cách xử thế, cách quyết định của mình phải đảm bảo tính “khoan nhân”. Với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa không phải là chịu nhẫn nhục để phi nghĩa lấn tới. Càng nhân nghĩa càng phải đấu tranh trừ khử phi nghĩa một cách kiên quyết. Trong trường hợp này, diệt trừ cái ác chính là nhân nghĩa:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*

Tuy nhiên, việc dùng chiến tranh, cực hình là điều vạn bất đắc dĩ. Nguyễn Trãi chủ trương sách lược “tâm công” trong quân sự và chính trị. Đánh vào lòng người, thức dậy phần người còn lại ở kẻ xấu, kẻ đối địch của ta, tránh đổ máu cho mọi bên tham chiến khi có thể tránh được để mưu cầu hòa hiếu dài lâu cho các dân tộc, quốc gia. Đó là thể hiện của lòng nhân ái của ông trong cuộc đời thờ phụng, chiến đấu cho lý tưởng nhân nghĩa. Nhờ tư tưởng ấy mà ông đã giúp các vương chủ giải quyết được nhiều việc trọng đại của lịch sử một cách trôi chảy, đáng làm bài học cho các đời sau. Nguyễn Trãi viết nhiều về đức qua thơ, văn của ông. Ông ít nói với con cháu về chữ tài. Tuy nhiên, ông lại có ý kiến rất độc đáo về mối quan hệ của đức và tài. Theo ông, có đức và có tài thực sự là trước hết phải có lòng nhân ái. Không có lòng thương yêu người khác thì đức và tài chỉ phát triển theo hướng vị kỷ hẹp hòi mà thôi. Ông lại viết:



Tài thì kém đức một vài phân.

Thế ra, theo ông thì tài không phải là ngọn, đức cũng không được coi là gốc? Lại một quan điểm khác quan niệm của các bậc thánh hiền Nho giáo. Phải chăng ông đã nghĩ tới sự toàn diện của sự phát triển ở con người cần được giáo dục? Điều chắc chắn có thể nói ở đây: Quan niệm độc đáo này là của ông, một con người hành động tích cực vì sự tốt đẹp của xã hội, của con người; một con người mà các đức tính tốt đã làm động lực bên trong thúc đẩy hành động mãnh liệt hướng vào lý tưởng vì mọi người. Con người như thế cần tài năng để hoàn thành mọi nhiệm vụ. Nhờ có tư tưởng như thế, Nguyễn Trãi đã học tập, hoạt động để trở thành mẫu người “văn võ song toàn”, mẫu người quân tử, theo Nho giáo thời cực thịnh.

Lo lắng cho việc giáo dục thế hệ hậu học

Lớp người đi trước lo về sự phát triển của thế hệ kế tiếp của mình là lẽ thường tình ở các xã hội. Nguyễn Trãi cũng lấy cái lo của thế hệ làm cái mình lo. Ông là người có cái nhìn ở tầm nhìn của một nhân vật kinh bang tế thế, hiểu những gì đang ảnh hưởng xấu tới lớp trẻ, làm cho họ thất vọng, hoài nghi, mất phương hướng sống. Nhà thơ viết:

Hậu học thù tương tác chuẩn thẳng?

Lấy ai làm mực, làm dây cho lớp trẻ đang cần được giáo dục. Vì lẽ đó, Nguyễn Trãi đòi hỏi rất nghiêm về vai trò sống nêu gương sáng ở tầng lớp quan lại. Trong một bài viết thay vua Lê, ông nói rõ với hoàng tử và quần thần:

...Phàm những phép giữ nước, cầm quân, những phương giữ mình, trị nước thi hành nên cố sức, chăm chỉ, chớ ham vui, hòa thuận tôn thân nhớ giữ một lòng hữu ái; thương yêu dân chúng, nghĩ là làm những việc khoan nhân; chớ thưởng bậy vì tư ân, chớ phạt bừa vì tư nộ.



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
231

(Quân trung từ mệnh tập)

Nguyễn Trãi không chỉ nghĩ, chỉ yêu cầu người khác, mà ông đã kiên trì chiến đấu, gương mẫu trong mọi công việc lớn, nhỏ để dựng xây xã hội như thế, xã hội có vua Nghiêu Thuấn, có dân Nghiêu Thuấn!

Quan điểm dùng người hiền tài

Nguyễn Trãi thấm nhuần Nho học về nhiều nội dung, trong đó có vấn đề chính sách tôn hiền. Là một nhà chiến lược của thời đại, ông quan tâm tới chuyện này và chuyện giáo dục là lẽ đương nhiên. Hai chuyện này gắn chặt với nhau khăng khít. Ông cũng đề cao vai trò của người hiền tài trong việc chính trị, điều mà các thánh hiền Nho giáo đã viết khá nhiều. Tuy nhiên, Nguyễn Trãi lại có quan điểm dùng người đặc biệt độc đáo, tiến bộ hơn thế hệ tiền nhân. Ông khuyên vua:

Được thịnh trị tất ở cử hiền

Được hiền tài cốt ở tiến cử.

Đường lối chọn dùng nhân tài như thế là đạt mức hợp lý tối đa. Tuy ở xã hội ông sống điều đó chỉ là ước muốn, song quan điểm của ông thật cao sáng, vượt lên trên thời đại.

Khó có thể nói hết một lần những giá trị trong tư tưởng về giáo dục của Nguyễn Trãi. Song chỉ chừng ấy cũng đủ để dân tộc, nhân loại tôn vinh ông, và cũng đáng cho ngày hôm nay những người quản lý và thực hiện công tác giáo dục quốc gia suy nghĩ.



**Nguyễn Bình Khiêm – bậc “thiên hạ sư”
lòng không quên đời**



Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491, người ở làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (Hải Dương), nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng. Ông còn có tên húy là Văn Đạt và tự là Hanh Phủ, hiệu Bạch Vân cư sĩ. Cha là Nguyễn Văn Đình, học rộng, tài cao. Mẹ là con gái quan Thượng thư Nhữ Văn Lan, thông tuệ, am tường lý số. Sách cũ còn ghi rõ, thở mới ra đời, Nguyễn Bình Khiêm mặt mũi tinh anh, khô vĩ, mới đầy tuổi đã biết nói. Năm lên 4 tuổi, mẹ đem những câu trong kinh truyện ra dạy, ông



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
233

đều thuộc lòng nhanh chóng. Lớn lên theo học Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, được thầy đem bộ sách *Thái Ất thần kinh* của nhà Minh truyền dạy cho nên thông hiểu được lẽ huyền vi của tạo hóa và nắm được kiến thức chân truyền. Nhưng mãi tới năm 1535, 45 tuổi, Nguyễn Bình Khiêm mới đi thi và đỗ Trạng nguyên, làm quan dưới triều Mạc đến chức Tả thị lang bộ Lại kiêm Đại học sĩ Đông các. Năm 1543, trước cảnh bọn bầy tôi lộng quyền, ông dâng sớ sạch tội 18 đình thần và xin vua xử tội chết, song không được chấp thuận, bèn xin cáo quan về nhà, dựng am Bạch Vân, mở trường dạy học. Học trò khắp nơi về thụ giáo. Nhiều người sau này trở thành nhân tài trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn học như Lương Hữu Khánh, Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Dữ v.v...

Ông mất vào năm 1585, thọ 95 tuổi.

Lúc sinh thời, ông được học trò rất mực kính yêu, tôn xưng là Tuyết Giang phu tử. Nhà Mạc cũng hết lòng trọng đãi ngay cả khi ông đã về nghỉ, ban cho nhiều chức quan cao và phong tước Trình Tuyền hầu, nên mọi người thường gọi ông là Trạng Trình.

Nguyễn Bình Khiêm có các tác phẩm: *Bạch Vân am thi tập* (chữ Hán), *Bạch Vân quốc ngữ thi* (chữ Nôm). Ngoài ra, tương truyền ông là tác giả của các tập sách ký: *Trình Quốc công sách ký*, *Trình tiên sinh quốc ngữ...*

Đánh giá về Nguyễn Bình Khiêm, nhà sử học Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* đã nhận xét rằng:

... Lòng ông phóng khoáng, tư chất trời cho rất cao, tu dưỡng thuần túy, hồn nhiên, không để lộ cạnh khía. Ông rong chơi nhàn nhã hơn 40 năm mà không một ngày nào quên đời, lòng lo thời thương đời, thể hiện ra văn thơ. Văn chương ông tự nhiên, nói ra là thành không cần gọt giũa, giản dị mà linh hoạt, không màu mè mà có ý vị,



đều có quan hệ đến việc dạy đời.

Xuất thân trong một gia đình trí thức, Nguyễn Bình Khiêm được nuôi dạy chu đáo, học hành tiên bộ và nhanh chóng đạt tới đỉnh cao của kiến thức. Sở dĩ sống suốt gần nửa cuộc đời, ông vẫn nằm im không chịu nhập thế bởi lẽ nhìn rõ sự suy đồi, thối nát của các vương triều cuối Lê nên quyết gạt đi mọi vinh hoa – phú quý. Phải 8 năm sau khi triều Mạc nổi ngôi và có một số thành công, tiến bộ, Nguyễn Bình Khiêm mới hy vọng vào một xã hội mới thịnh trị và thanh bình. Từ đó, ông đưa ra những ý kiến về đường lối trị nước, về đạo lý làm người, mong muốn giai cấp thống trị thực hiện những hoài bão mà mình hằng ôm ấp. Đó là xây dựng một quốc gia thống nhất, một cuộc sống hòa bình, no ấm, một xã hội có vua sáng tôi hiền, mọi người ứng xử với nhau chân thật, tốt đẹp. Chủ trương của ông là thực hiện nhân nghĩa, tranh thủ lòng người:

Yên bách tính thì yên tri đạo

Thất thiên kim chớ thất nhân tâm

(Trăm họ được yên lành thì đạo trị nước được yên lành. Mất ngàn vàng chớ không để mất lòng người)

Ông quan niệm phải lấy dân làm gốc, không nên theo đuổi chiến tranh. Nhà thơ khuyên vua:

Quân vương như hữu quang minh chức

Ứng chiếu cùng lư bộ ốc dân.

(Nếu nhà vua có bó đuốc sáng thì nên soi đến người dân ở nơi nhà nát, xóm nghèo).

Khi thực tế xã hội đã đi ngược lại những quan niệm, mơ ước của mình, Nguyễn Bình Khiêm rút về ở ẩn nơi quê nhà, dựng quán Trung Tân, lập am Bạch Vân, tìm thú vui trong cảnh nhàn với việc viết văn, làm thơ, giáo hóa người đời, dạy dỗ học trò trở thành người có tài, có đức, hữu ích cho đất nước.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
235

Với cương vị người thầy, Nguyễn Bình Khiêm rất quan tâm đến việc dạy dỗ học trò của mình nên người. Song, ông không phải là một người thầy độc đoán. Ông thường dùng những lời gợi ý, khuyến khích người học tự động não, tự tìm ra ý tứ sâu xa của bài văn, câu thơ, thậm chí tự tìm lấy một giải pháp thích hợp nhất cho đời mình (trường hợp Phùng Khắc Khoan) hoặc giúp đỡ tỉ mỉ, chi tiết (trường hợp Nguyễn Dữ sửa cuốn *Truyện kỳ mạn lục*)...

Có thể nói, Nguyễn Bình Khiêm đã dành nửa đời mình cho việc đào tạo ra những nhân tài cho đất nước. Ông chẳng những làm phong phú lịch sử giáo dục của nước nhà trên bình diện tư tưởng, nội dung, phương pháp giáo dục mà còn bằng chính cuộc đời thanh cao, tự tại, gắn bó với dân, với nước. Ông mất đi, mặc dù không thực hiện được những ước mơ cao quý của mình là thống nhất Tổ quốc, hòa bình, ấm no cho muôn người, song lý tưởng, đạo đức, những di sản văn hóa của ông còn để lại luôn luôn trở thành tấm gương, niềm cổ vũ cho tất cả những ai có bầu nhiệt huyết vì nước, vì dân. Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm thật xứng đáng với lời ca ngợi của Đinh Thời Trung:

Học vị thiên hạ sự, tuế vị thiên hạ phụ

(Học vấn xứng là thầy thiên hạ, tuổi tác xứng là cha thiên hạ).



200 năm
**ẤN MIÊU
RÂN BIÊN**
236

Lê Quý Đôn- nhà bác học đa tài



Lê Quý Đôn (tên lúc nhỏ là Nguyễn Danh Phương), tự Doãn Hậu, hiệu là Quế Đường, sinh năm 1724, đời Lê Dụ Tông (Bảo Thái thứ 7) tại làng Diên Hà, trấn Sơn Nam hạ (nay là thôn Phú Hiếu, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình).

Từ nhỏ, Lê Quý Đôn đã nổi tiếng thần đồng. Tương truyền, mới 2 tuổi, Lê Quý Đôn đã biết đọc chữ *hữu* (có), chữ *vô* (không). 5 tuổi, đọc được nhiều thiên trong *Kinh Thi*, 11 tuổi đã học hết *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Sử truyện*, thậm chí cả *Chư tử*, trong một ngày có thể làm 10 bài phú mà không cần



230
nam
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
237

nháp.

Quý Hợi (1743), ông đỗ Giải nguyên trường Sơn Nam. Nhâm Thân (1752), đỗ đầu thi Hội, vào thi Đình cùng năm, đỗ Bảng nhãn (khoa này không lấy Trạng nguyên), được bổ làm Thụ thư ở Hàn Lâm viện. Giáp Tuất (1754), ông được bổ làm Toàn tu Quốc Sử quán. Hai năm sau (1765), phụng mệnh Khâm sai tỉnh Sơn Nam, phát hiện nhiều vụ hối lộ tham quan. Tháng 5 cùng năm, được biệt phái sang phủ chúa Trịnh, coi Phiên binh (ngạch võ), tháng 8 đem quân đi đánh Hoàng Công Chất. Đến năm Đinh Sửu (1757), được thăng Thị giảng Hàn Lâm viện. Canh Thìn (1760), đi sứ nhà Thanh. Nhâm Ngọ (1762), làm Học sĩ ở Bí Thư các. Giáp Thân (1764), được bổ Đốc đồng Kinh Bắc, trong thời gian trấn nhậm, đã ngăn cấm các nhà quyền quý không được áp bức dân nghèo.

Vào năm Ất Dậu (1765), Lê Quý Đôn được bổ chức Tham chính xứ Hải Dương, nhưng ông từ quan, xin về viết sách, nghiên cứu. Hai năm sau, Đinh Hợi (1767), được khôi phục chức Thị thư, tham gia biên tập Quốc sử, kiêm Tu nghiệp Quốc Tử Giám. Sang năm Kỷ Sửu (1769), làm Tán lý Quân vụ đi đánh Lê Duy Mật, sau được thăng Thị phó Đô ngự sử. Tháng 6, Canh Dần (1770), được thăng Công bộ Hữu thị lang. Nhâm Thìn (1772), đi điều tra nổi thống khổ của dân và sự nhũng lạm của quan lại ở Lạng Sơn. Quý Tỵ (1773), tháng 4, được bổ làm Bồi tụng ở phủ Chúa. Tháng 5, được lệnh làm Hộ tịch. Giáp Ngọ (1774), đi đo và xét ruộng cát ở ven biển xứ Sơn Nam. Tháng 9, làm chức Lưu thủ ở Kinh



đô, sau được thăng Tả thị lang bộ Lại, kiêm Tổng tài Quốc Sử quán. Bính Thân (1776), được bổ làm Hiệp trấn, Tham tán quân cơ trấn Thuận Hóa. Mậu Tuất (1778), được bổ Hành Tham tụng, sau được chuyển sang ban võ làm Hữu hiệu điểm, quyền Phủ sự, tước Phái Nghĩa hầu. Tân Sửu (1781), làm Tổng tài Quốc Sử quán. Quý Mão (1783), làm Hiệp trấn xứ Nghệ An, sau thăng Thượng thư bộ Công.

Ngày 14.4 Giáp Thìn (1784), Lê Quý Đôn mất tại làng Nguyễn Xá, huyện Duy Tiên, Hà Nam.

Lê Quý Đôn là học giả uyên bác, đa tài nhất thời kỳ phong kiến. Ông được xem là nhà bác học về lĩnh vực văn hóa của nước ta, không chỉ vào thời bấy giờ. Công trình trước tác và sự nghiệp sáng tác của ông gồm rất nhiều tác phẩm viết về nhiều thể loại như: Lịch sử, địa lý, văn học, ngôn ngữ, triết học.

Về sáng tác, Lê Quý Đôn có: *Quế Đường thi tập* (4 quyển), *Quế Đường văn tập* (3 quyển)

Về biên tập, Lê Quý Đôn là tác giả của *Toàn Việt thi lục* (10 quyển) và *Hoàng Việt văn hải* (10 quyển).

Về sử, ông biên soạn: *Đại Việt thông sử* (30 quyển), *Bắc sử thông lục* (3 quyển).

Về triết học, có: *Quần thư khảo biện* (4 quyển), *Thánh mô hiền phạm lục*, *Âm chất văn chú*.

Ngoài ra, Lê Quý Đôn là tác giả của những bộ sách mang tính bách khoa: *Vân đài loại ngữ* (4 quyển), *Phủ biên tạp lục* (7 quyển), *Kiến văn tiểu lục* (3 quyển).



200
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
239

Thật hiếm có tác giả Việt Nam nào lại trước tác nhiều như Lê Quý Đôn. Có thể nói, cuộc đời và sự nghiệp của Lê Quý Đôn luôn gắn bó với sách vở và giáo dục (nhất là khi ông làm ở Quốc Sử quán và Quốc Tử giám). Ông đã từng tự nhận xét: *Tôi vốn người nông cạn, lúc bé thích chứa sách, lúc trưởng thành ra làm quan, xem lại sách đã chứa trong tủ, vâng theo lời dạy của cha, lại được giao du nhiều với các bậc hiền sĩ, đại phu. Thêm vào đấy, phụng mệnh làm việc công, bốn phương rong ruổi... đi đến đâu cũng để ý, tìm tòi, phần việc gì mắt thấy tai nghe đều dùng bút ghi chép, lại phụ thêm lời bình luận sơ qua, giao cho tiểu đồng đựng vào túi sách... (Lời tựa, sách Kiến văn tiểu lục).*

Sử gia Phan Huy Chú viết về ông: “Ông tư chất khác đời, thông minh hơn người mà giữ tính nét thuần hậu, chăm học không biết mỏi, tuy đỗ đạt vinh hiển mà tay vẫn không rời quyển sách.” (*Lịch triều hiến chương loại chí*).

Trong các trước tác của ông, *Phủ biên tạp lục* (PBTL – được viết trong thời gian ông làm Hiệp trấn ở Thuận Quảng) là tập sách viết về Đàng Trong (chủ yếu là xứ Thuận Hóa và Quảng Nam) từ thế kỷ XVIII trở về trước. Trước đó, chỉ có *Ô châu cận lục* của Dương Văn An viết về xứ Thuận Hóa. Có thể nói, PBTL là sách ghi chép đầy đủ, kỹ càng nhất (cho đến thời bấy giờ) về chính trị, lịch sử, kinh tế xã hội Đàng Trong. Tác phẩm này là một trong những cơ sở cho các sử gia nhà Nguyễn biên soạn *Đại Nam thực lục tiền biên*, và chắc hẳn là cơ sở giúp Trịnh Hoài Đức biên soạn *Gia Định thành thông chí*.

PBTL có nhắc khá nhiều đến vùng Đồng Nai-



Gia Định. Từ lịch sử hình thành: “Năm 19 niên hiệu Chính Hòa (năm Mậu Dần), chúa Phúc Chu sai Chương cơ Lễ Thành hầu mang quân đi đánh nước Cao Miên, lấy được đất Đồng Nai rất phì nhiêu, đặt là phủ Gia Định. Còn hai huyện Phước Long và Tân Bình thì được thiết lập làm dinh Trấn Biên và dinh Phiên Trấn...” PBTl còn đề cập đến số huyện, tổng, xã, thôn, trại; về hình thế núi sông, thành lũy, trị sở, đất đai, nhân tài, thi văn, vật sản và phong tục của vùng Đồng Nai-Gia Định.

Ngô Thì Sĩ, học giả lớn thế kỷ 18 đánh giá về PBTl: “Sách này chép về hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam, ghi rõ: Núi, sông, thành ấp, ngạch binh, thuế má, nhân tài, sản vật cùng là họ Nguyễn đời nọ nói đời kia, đầu đuôi thay đổi về việc đánh dẹp, đóng quân, rõ ràng dễ thấy như nhìn ngón tay trên bàn tay...”

Có thể khẳng định, PBTl là cuốn sách đầu tiên ghi chép đầy đủ mọi mặt tình hình ở miền đất phía Nam nước ta, có giá trị như cuốn bách khoa thư về vùng đất này.

Lê Quý Đôn, nhà bác học lớn nhất không chỉ ở thế kỷ 18 mà của cả thời đại phong kiến nước ta. Không những chỉ có tri thức sâu sắc, rộng lớn về khoa học, ông còn là một chính trị gia có nhiều quan điểm tiến bộ về triết học, chính trị; là người thầy của sự nghiệp giáo dục thời bấy giờ. Ông thực sự là tấm gương sáng cho việc học tập, giáo dục của bất cứ thế hệ, bất cứ thời đại lịch sử nào.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
241

Nguyễn Du- Chữ tài liền với chữ tâm



290
nam
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
242

Đại thi hào Việt Nam. Tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. Sinh năm Ất Dậu (1765). Quê Nguyễn Du ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh, nhưng lại sinh ở Thăng Long và thời niên thiếu chủ yếu cũng ở Thăng Long. Nguyễn Du sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc có thể lực vào bậc nhất lúc bấy giờ. Thân sinh là Nguyễn Nghiễm, một quan văn, một nhà nghiên cứu sử học, đồng thời là một nhà thơ, từng làm Tể tướng. Mẹ là Trần Thị Tần, xuất thân từ dòng dõi bình dân, người xã Hoa Thiềm,

huyện Đông Ngàn, xứ Kinh Bắc, nay thuộc tỉnh Hà Bắc, trẻ hơn chồng 32 tuổi và làm vợ thứ ba của Nguyễn Nghiễm. Thời niên thiếu, Nguyễn Du chịu ảnh hưởng nhiều của mẹ. Năm 1775, người con đầu của bà mất, mới 18 tuổi, năm sau chồng mất, làm cho bà đau buồn, rồi lâm bệnh và mất ngày 27.7.1778, mới 39 tuổi.

Nguyễn Du nổi tiếng thông minh từ khi còn nhỏ. Lên sáu tuổi bắt đầu đi học. Những năm tuổi nhỏ của mình, nhà thơ sống trong nhung lụa của sự giàu sang. Nhưng cuộc sống này kéo dài không quá mười năm, sau đó, những biến cố dữ dội của thời đại và của gia đình đã nhanh chóng đẩy ông vào gió bụi của cuộc đời. Cha rồi mẹ mất, Nguyễn Du phải đến ở nhờ nhà Nguyễn Khả, người anh cả khác mẹ, đang làm Tả Thị Lang bộ Hình kiêm Hiệp trấn xứ Sơn Tây, sau vì liên quan đến việc ủng hộ Trịnh Tông nên bị cách chức và bị giam. Khi Trịnh Tông lên ngôi chúa, Nguyễn Khả được trọng dụng, làm Thượng thư bộ Lại, rồi thăng Tham tụng nhưng kiêu binh kéo đến phá nhà và suýt nữa thì giết chết nên phải chạy trốn nhiều nơi.

Năm 1783, Nguyễn Du đi thi Hương, đậu tam trường, nhưng sau không rõ vì lẽ gì không thấy thi Hội và thi Đình. Ông giữ một chức quan võ ở Thái Nguyên. 1789, vua Quang Trung kéo quân ra Bắc đánh tan 29 vạn quân Thanh, ba anh em cùng mẹ với Nguyễn Du ban đầu có chạy theo Lê Chiêu Thống nhưng rồi lại trở về quê vợ ở Thái Bình, sống nhờ nhà người anh vợ là nhà thơ Đoàn Nguyễn Tuấn, lúc này đang giữ chức Thị lang bộ Lại cho triều Tây Sơn. Từ đó, Nguyễn Du lưu lạc nhiều nơi trong cõi hồng trần cho đến mùa thu 1802, Nguyễn Ánh giành được ngai vàng, thì ông bị gọi, bắt buộc phải ra làm quan cho nhà Nguyễn. Thời gian ở Tiên Điền, Nguyễn Du sáng tác hai bài *Thác lời trai phường nón* và *Vãn tế*



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
243

sống hai cô gái Trường Lưu viết bằng chữ Nôm. Còn *Thanh Hiên thi tập* là sáng tác bằng chữ Hán được Nguyễn Du viết trong thời gian từ khi ở Thái Bình cho đến những năm đầu ra làm quan với nhà Nguyễn ở Bắc Hà.

Con đường hoạn lộ của Nguyễn Du dưới triều Nguyễn thuận lợi hơn rất nhiều so với những người cùng thời. Mùa thu 1802, Nguyễn Du được bổ làm Tri huyện Phù Dung, tháng mười một đổi làm Tri phủ Thường Tín, năm sau lại được cử lên ả Nam quan tiếp sứ thần Trung Quốc. Năm 1805, được thăng hàm Đông Các điện Học sĩ, năm 1807 được cử làm Giám khảo trường thi Hương ở Hải Dương, rồi Cai bạ Quảng Bình. Năm 1813, thăng Cản Chánh điện Học sĩ và được cử làm Chánh sứ đi Trung Quốc. Tập *Nam trung tạp ngâm* là sáng tác của ông làm trong thời gian từ khi được thăng hàm Đông các điện học sĩ, vào Kinh làm quan cho đến khi đi sứ Trung Quốc. Có thể *Truyện Kiều* cũng được Nguyễn Du viết trong giai đoạn này. *Truyện Kiều* là một kiệt tác không những kết tinh được tinh hoa của nhà thơ, mà còn kết tinh được những truyền thống ưu tú của văn học dân tộc. Nguyễn Du tuy được nhà Nguyễn trọng dụng nhưng trong thơ, ông lại bộc lộ một nỗi chán chường với thời cuộc, cho rằng cuộc đời là bãi bể nương dâu. Ngoài ra, Nguyễn Du còn viết một tập thơ mang tên *Bắc hành tạp lục* và một số bài thơ, văn Nôm khá nổi tiếng, nhất là bài *Văn tế thập loại chúng sinh*.

Sau khi đi sứ Trung Quốc về, Nguyễn Du được thăng Hữu Tham tri bộ Lễ. Năm 1820, Minh Mạng lên ngôi, ông lại được cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì ngày 10 tháng



290 năm

VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
244

tám năm Canh Thìn, nhà thơ mát đột ngột trong một đại dịch làm chết hàng vạn người lúc bấy giờ.

Thấm đẫm toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Du từ *Thơ chữ Hán* đến *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn* là một nhà thơ chủ nghĩa nhân đạo cao cả. Mặc dù xuất thân từ tầng lớp quý tộc, nhưng Nguyễn Du lăn lộn nhiều trong cuộc sống của những người nghèo khổ, lắng nghe và thấu hiểu tâm hồn và khát vọng của họ. Nói cách khác, nhà thơ đã ý thức được những vấn đề trọng đại của cuộc đời và với một nghệ thuật tuyệt vời, ông đã làm cho những vấn đề trọng đại ấy trở thành bức thiết, da diết và ám ảnh hơn trong tác phẩm của mình:

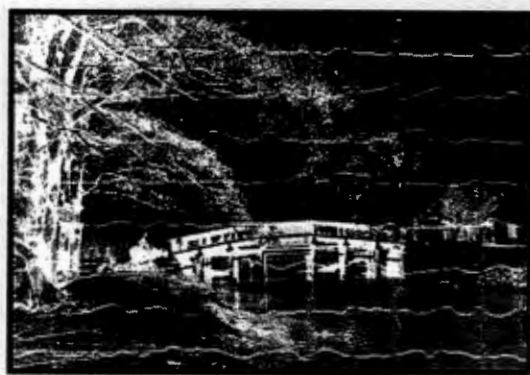
Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng !

Đặc biệt, với *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã góp phần to lớn vào sự phát triển của văn học Việt Nam. Tác phẩm vĩ đại này đã trở thành di sản vô giá của dân tộc, đưa Nguyễn Du trở thành thiên tài văn chương không ai có thể thay thế được ở đất nước ta và là danh nhân văn hóa thế giới.



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
245



Đặng Đức Thuật – thầy của các bậc thầy



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
246

Đặng Đức Thuật là danh nhân văn hóa nổi tiếng ở đất phương Nam. Rất tiếc cho đến nay không còn nhiều tài liệu ghi chép về ông. Sách *Đại Nam liệt truyện tiên biên* là tư liệu hiếm hoi nói đến ông và một người cùng thời, cũng rất nổi tiếng là Lê Đạt như sau:

Đặng Đức Thuật tự là Cử Tư, không rõ quê ở đâu. Lúc trẻ thông minh, học rộng hay thơ, sở trường về sử. Buổi đầu tránh loạn Tây Sơn, cất nhà trong núi ở huyện An Phước thuộc Bình Thuận ở ẩn dạy học trò, kẻ học tôn xưng là “Đặng gia sử phái”.

Lại có Lê Đạt cũng không rõ quê quán, là người văn chương mãi tiếp, nhưng tính tình nóng nảy nên người ta gọi là “Đạt lửa” (nóng như lửa). Năm Mậu Thân, Thế Tổ Cao hoàng đế thứ 9 (1788) lấy lại Gia Định, hai người tới ra mắt. Vua thấy là người già dặn học rộng đều rất yêu vì, phong cả hai làm Hàn lâm viện Thị giảng Gián nghị. Sau Đạt chết.

Thuật tính ngay thẳng cứng cỏi, gặp việc dám nói. Thấy hình phạt lúc bấy giờ quá nặng, tâu xin giảm bớt. Vua không nghe, Thuật nghiên răng đi ra và nói với mọi người rằng: “Nói không thấy nghe thì gián gián nghị nghị làm gì”, bèn bỏ chức mà đi. Vua sai Giám quân Tống Phước Đàm đuổi theo mời về, sau đi theo đánh giặc chết dọc đường. Buổi đầu Thuật ở Gia Định, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, Nguyễn Hương nghe tiếng hay thơ đều tôn làm thầy, thi học ở Gia Định hưng thịnh là bắt đầu từ đó.

Cùng với Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật là những người thầy giáo có tầm ảnh hưởng sâu rộng. Ngoài Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, nhiều đại quan buổi đầu triều Nguyễn vốn là học trò của các ông. Điều tăng lớp nho sĩ bấy giờ kính phục Đặng Đức Thuật trước hết là nhân cách cao cả của ông. Trong bài thơ *Khốc Đặng Cử Tư tiên sinh* (Khốc Đặng Cử Tư tiên sinh), Trịnh Hoài Đức có chú thích thêm là: *Hồi mới trung hưng, tiên sinh dâng sách Trung hưng thập sách được chiếu bổ dụng chức Nội các Học sĩ, nhưng trái ý với người đương quyền, lui về làm bài Quy sơn thập vịnh, lấy rượu làm vui. Mất mộ táng ở bờ biển trấn thành*



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
247

Bình Thuận. Còn nguyên văn bài thơ khóc
Đặng Đức Thuật của Trịnh Hoài Đức như sau:

*Tử Mỹ sinh bình lý khám kha,
Hữu tài vô mệnh nại chi hà.
Tuyên đài đàn trúc đặng văn bá,
Chiên tọa phong xuy khắp tử ma.
Chương số dĩ thù đương thế vọng,
Thi thư tặng chính hậu nhân ngoa.
Quy sơn bất tận tình trung khúc,
Dạ dạ phân tiền khởi lộ ba.*

Dịch nghĩa:

*Tử Mỹ (nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc, tức
Đỗ Phủ) bình sinh nhiều phen trắc trở,
Có tài mà mệnh không ra gì, biết làm sao?
Dưới suối vàng, đàn dựng ông đáng lên ngôi
bá,*

*Đệm bằng lòng ngôi, gió thổi khóc ma rượu.
Bản số dâng đã đáp ứng được lòng trông
đợi của người đời,
Thi thư từng dính chính lại sai lầm của người
đời sau.*

*Về núi nhưng khúc nhạc tình cảm vẫn
không dứt,
Đêm đêm trước mộ còn dấy lên làn sóng
giận dữ.*

Rõ ràng, trong cảm quan của một người học
trò, dù là quan tứ trụ triều đình, hàm nhất phẩm
như Trịnh Hoài Đức, Đặng Đức Thuật là thầy
của các bậc thầy.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
248

Võ Trường Toàn- thảo ngay là nghĩa cả



Cho đến nay, người đời vẫn chưa biết Võ Trường Toàn sinh năm nào, ở đâu. Thế nhưng, nền quốc học Việt Nam luôn ghi nhớ ông vào danh sách những bậc danh sư nổi tiếng nhất. Sau khi Võ Trường Toàn mất, nhà Nguyễn đã truy tặng ông danh hiệu *Gia Định xử sĩ Sùng Đức tiên sinh* và khắc lên mộ tám chữ đó. Mộ Võ Trường Toàn còn có đôi câu liên:

*Triều hữu quân danh,
bán thuộc Hà Phần cựu học,
Đầu Nam phong giáo, tề
khâm Nhạc lộc dư uy.*

Dịch nghĩa:

Những người danh tiếng



290
nam
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
249

ở trong triều, một nửa là học trò của ông,

Phong khí của sự giáo hóa ở phương Nam, đều thừa hưởng uy tín còn sót lại của ông.

Uy danh quả thật lừng lẫy!

Người ta chỉ biết Võ Trường Toản vốn người làng Thanh Khê, dinh Quảng Đức, tỉnh Thừa Thiên (nay là xã Thanh Khê, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế). Tuy nhiên, ông cư ngụ lâu đời ở xứ Đồng Nai, thôn Hòa Hưng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Gia đình Võ Trường Toản hẳn không phải là dân thường. Thuở nhỏ, ông đã là người giàu chí hướng, tôn sùng Nho học, giỏi văn chương. Lớn lên, Võ Trường Toản có tiếng là người thanh liêm, không đua chen lợi danh. Có tài liệu nói rằng ông từng có vợ và một người con gái, nhưng mất sớm.

Sống vào giữa thời loạn lạc, các thế lực phong kiến giành giạt, xâu xé lẫn nhau, Võ Trường Toản không chịu tiến thân bằng con đường làm quan (tiên vi quan) mặc dù luôn được người cầm đầu tập đoàn phong kiến Đảng Trong lúc đó là Nguyễn Ánh tôn trọng và mời gọi. Ông chọn cuộc sống ẩn dật, thanh nhàn, bằng lòng với việc mở trường dạy học (thoái vi sư). Ngôi trường của Võ Trường Toản lúc bấy giờ, cùng với trường của nhà nho Đặng Đức Thuật ở Bình Thuận, là những trường học nổi tiếng nhất lúc bấy giờ.

Trường học của Võ Trường Toản ở Gia Định ngày một đông học trò. Nhiều bậc tài danh, gánh vác những chức vụ rường cột của triều Nguyễn đều đã từng trực tiếp học hoặc chịu ảnh hưởng và tự nhận là học trò của ông: Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, Phan Thanh Giản, Nguyễn Thông, Nguyễn Đình Chiểu, Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị... Họ học ở ông không



chỉ kiến thức mà trước hết là nhân cách, lối sống của một bậc trí thức lớn, giàu lòng yêu thương con người, coi thường lợi danh, phú quý.

Võ Trường Toàn tuy tiếp thu Nho giáo, song lại có những quan niệm và phương pháp giảng dạy không giống như những nho sĩ đương thời ở Đàng Ngoài. Việc dạy dỗ học trò của Võ Trường Toàn không nhằm mục đích khoa cử mà chủ yếu là dạy về nghĩa lý, coi trọng sĩ khí. Dạy về Khổng Mạnh, nhưng ông thiên về học thuyết tính Thiện của Mạnh Tử. Điều đặc biệt là Võ Trường Toàn đã chú trọng kết hợp với truyền thống dân tộc Việt Nam, đặc biệt là truyền thống quật cường của người dân Nam bộ. Hai phương châm *Tri ngôn* và *Dưỡng khí* được ông truyền thụ cho học trò cả về phương diện sách vở lẫn thực tế. Tri ngôn là thu nhận kiến thức qua lời dạy của thánh hiền, còn dưỡng khí là nuôi chí khí anh hùng, có tinh thần xả thân vì nghĩa lớn. Trong việc giảng dạy, ông thường dẫn ra những tấm gương dũng cảm, bất khuất trong lịch sử. Chính vì lẽ đó, sau này, khi thực dân Pháp xâm lược, chiếm các tỉnh miền Đông, sĩ phu Nam bộ đã chủ trương dời mộ của *Thầy Võ* đi. Ông nghệ Phan Thanh Giản, khi ấy là quan Thương thư, đã khắc trên mộ Võ Trường Toàn câu đối:

*Sinh tiền giáo huấn đắc nhân, vô tử như hữu tử,
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong dã bất vong.*

Dịch nghĩa:

Lúc sống dạy dỗ được người, không con cũng như có con,

Chết đi tiếng tăm còn để, mất mà chẳng mất.

Tuy chọn con đường dạy học nhưng Võ Trường Toàn là người luôn quan tâm đến thế cuộc. Nhiều lần, ông đã lên tiếng phản đối nhà Nguyễn bỏ mặc dân nghèo trong chiến tranh. Nhằm tranh thủ một người có uy tín như Võ



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
251

Trường Toàn, Nguyễn Ánh đã không ít lần mời ông ra giúp sức.

Võ Trường Toàn thoái thác và dâng lên người đứng đầu tập đoàn phong kiến Đàng Trong bản *Thái bình thập sách*, bao gồm 10 kế sách để chấm dứt chiến tranh, loạn lạc, xây dựng lại cuộc sống thái bình. Hành động này thật đáng trọng biết bao !

Không chỉ là nhà giáo dục lớn, Võ Trường Toàn còn là nhà thơ danh tiếng ở miền Nam. Ông không viết bằng chữ Hán, trái lại, sử dụng chữ Nôm, loại văn tự mà thời đó vua Quang Trung đã hết sức cổ xúy. Tiếc rằng, do loạn lạc, thơ văn Võ Trường Toàn mất mát gần hết, hiện chỉ còn bài *Hoài cổ phú* (24 câu), có những câu:

*Cửa có không nào khác đám mây;
Người tan hiệp dường như bọt nước.*

.....

*Cho hay đời đời ấy lẽ thường;
Mới biết thảo ngay là nghĩa cả.*

Làm người trung nghĩa, hiếu hòa còn quan trọng hơn giàu sang phú quý, bởi tiền bạc và quyền chức rồi có lúc cũng sẽ bay đi khác nào đám phù vân, nhưng tấm lòng nhân nghĩa ấy mới là điều đọng lại. Võ Trường Toàn đã sống cuộc đời như thế và đó cũng là đạo học của ông.



Trịnh Hoài Đức – tấm lòng ưu quốc ái dân



Trịnh Hoài Đức là nhà văn hóa lớn nhất miền Nam, cả cuộc đời gắn bó máu thịt với đất Đồng Nai – Gia Định. Mang trong mình hai dòng máu Việt – Hoa, nhưng Trần Biên đã là quê hương ông từ thuở lọt lòng, năm Ất Dậu (1765). Xuất thân từ một gia đình khoa bảng. Cụ nội tổ Trịnh Hoài Đức đến miền Nam nước Việt từ đời Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648–1687), lúc đầu là Phú Xuân, sau chuyển vào Trấn Biên. Người cha tên là Trịnh Khánh, có tiếng văn hay chữ tốt. Ông Trịnh Khánh thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738–1765) làm quan với chức Chấp canh tam trường Cai đội, một



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
253

chức vụ không lấy gì làm lớn. Năm Trịnh Hoài Đức lên 10, ông Trịnh Khánh mất. Không thấy sử sách nói gì cụ thể về gia cảnh, nhưng trong thơ sau này, Trịnh Hoài Đức tả ông đi nhiều nơi, được mẹ cho học chữ với các vị sư sãi. Điều đó chứng tỏ cuộc sống khó khăn, nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc liên miên.

Rời Trấn Biên, Trịnh Hoài Đức về ngụ tại Phiên An (sau này là tỉnh Gia Định). Ở đây, ông theo học cụ Võ Trường Toản, nhà giáo nổi tiếng nhất đương thời.

Năm Mậu Thân (1788), chúa Nguyễn Phúc Ánh chiếm lại thành Gia Định, cho mở khoa thi để chọn nhân tài. Các ông Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, vốn là bạn bè của nhau, cùng thi đỗ và được bổ làm chức Hàn lâm viện Chế cáo. Năm 1793, Trịnh Hoài Đức được cử làm Đông cung Thị giảng, chức quan lo việc dạy học cho hoàng tử, theo Đông cung Hoàng tử Cảnh ra trấn nhậm thành Diên Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa). Năm 1794, Trịnh Hoài Đức được điều về Gia Định, giữ chức Điền tuần quan, trông coi việc khai khẩn đất đai. Sau đó không lâu, ông được thăng chức Hữu Tham tri bộ Hộ, rồi Thượng thư bộ Hộ.

Trước khi lên ngôi hoàng đế (1802), chúa Nguyễn Phúc Ánh đã cử phái đoàn đi sứ nhà Thanh. Trịnh Hoài Đức được cử làm Chánh sứ, cùng với Tham tri bộ Binh Ngô Nhơn Tịnh, Tham tri bộ Hình Hoàng Ngọc Uẩn - những người bạn đồng liêu.

Đi sứ về, Trịnh Hoài Đức vẫn giữ chức Thượng thư bộ Hộ cho đến năm 1805 (Ất Sửu) thì được vua phái vào Nam, giữ chức Hiệp hành Gia Định lưu trấn. Ba năm sau, được thăng Hiệp trấn thành Gia Định, tức vị quan thứ hai ở cả vùng đất Nam bộ lúc bấy giờ.

Năm Nhâm Thân (1812), Trịnh Hoài Đức về lại kinh sư, giữ chức Thượng thư bộ Lễ, kiêm Quản Khâm thiên giám. Năm sau, ông sang giữ chức Thượng thư bộ Lại (tương đương như Bộ Nội vụ ngày nay). Khi Tổng trấn Gia Định thành là Nguyễn Văn Nhân bị triệu về kinh (1820), Trịnh Hoài Đức được cử thay chức vụ. Khi Minh Mạng lên ngôi, ông được mời về kinh trông coi bộ Lại như trước và kiêm



Phó tổng tài Quốc sử quán. Không lâu, nhà vua thăng ông lên Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh cả hai chức Thượng thư bộ Lại và bộ Binh (Bộ Quốc phòng). Thật hiếm có một người nào được trọng dụng, giữ những chức vụ quan trọng trong triều như Trịnh Hoài Đức.

Mùa thu năm 1823 (Quý Mùi), Trịnh Hoài Đức dâng sớ xin nghỉ vì sức khỏe. Vua đành lòng phải thuận, nhưng sau đó lại mời ra nhậm chức cũ. Thấy sức khỏe càng lúc càng yếu đi, Trịnh Hoài Đức lại xin cáo quan. Ông mất sau đó hai năm, năm 1825, lúc mới 61 tuổi.

Trịnh Hoài Đức mất, nhà vua đã cho bãi triều ba ngày và truy tặng là Thiếu phó Cần Chánh điện Đại học sĩ, ban tên thụy là Văn Khác. Đám tang ông được tổ chức trọng thể. Vua Minh Mạng còn phái Hoàng thân Miên Hoàng đưa thi hài Trịnh Hoài Đức về chôn tại quê nhà, làng Bình Trước, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa (nay là phường Trung Dũng, Biên Hòa). Năm 1852, bài vị ông được thờ ở miếu Trung hưng công thần, nơi thờ tự bậc có công nhất đối với vương triều. Sang năm 1858, bài vị Trịnh Hoài Đức lại được đem về thờ ở đền Hiền Vương.

Cuộc đời làm quan của Trịnh Hoài Đức thật vinh hiển, ít người sánh được. Nhưng ông không chỉ là vị quan to mà còn là nhà văn hóa lớn.

Năm 1805, khi đang làm quan ở Gia Định thành, Trịnh Hoài Đức được vua Gia Long sai “kê khảo sự tích, cương vực, thổ sản trong địa hạt”. Nhân đó, ông đã viết bộ sách quý *Gia Định thành thông chí*, một công trình có giá trị cao về địa dư, lịch sử, văn hóa của cả vùng đất phương Nam. Những hiểu biết sâu sắc và toàn diện về Nam bộ một thời cho đến nay vẫn không có cuốn sách nào có thể thay thế *Gia Định thành thông chí*. Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam bộ không lâu, Bộ trưởng Hải quân và thuộc địa Pháp, Chasseloup, đã ra lệnh dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp cuốn địa chí này.

Trong vòng năm mươi năm cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, ở Nam bộ có ba nhà thơ tài danh nhất: Trịnh



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
255

Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh và Lê Quang Định. Ba ông đã họp thành nhóm *Gia Định tam gia*, từ văn đàn của mình là *Bình Dương thi xã* (có thêm các thành viên là Hoàng Ngọc Uẩn và Diệp Minh Phụng). Riêng sáng tác của Trịnh Hoài Đức có tập thơ *Cấn Trai thi tập* gồm 5 phần:

- *Tựa và Bạt* của Trịnh Hoài Đức và ba vị quan đồng triều là Ngô Địch Cát, Ngô Thời Vị và Cao Huy Đục;

- *Thối thực truy biên tập*, gồm 127 bài thơ Trịnh Hoài Đức sáng tác vào thời kỳ phiêu bạt ở nhiều nơi (1782-1801), bộc lộ sâu sắc tình cảm của nhà thơ đối với quê hương Trấn Biên và nước Việt;

- *Quan quang tập*, gồm 152 bài thơ, viết trong thời gian đi sứ Trung Quốc. Phần này lâu nay có tên là *Bắc sứ thi tập* nên nhiều người nhầm là một tập thơ riêng;

- *Khả dĩ tập*, gồm 48 bài thơ và văn xuôi, viết từ năm 1804-1818. Thời gian này họ Trịnh làm quan Hiệp tổng trấn Gia Định và ở kinh sư là một trong tứ trụ triều đình;

- *Tự truyện*, gồm những ghi chép của nhà thơ về gia đình, bước hoạn lộ, đi sứ, tự bạch về sáng tác... Phần này được Trịnh Hoài Đức viết vào những năm cuối đời.

Nổi bật trong văn chương Trịnh Hoài Đức là tình yêu sâu nặng đối với quê hương, đất nước. Ông đã viết khá nhiều bài thơ về từng vùng quê cụ thể: Trấn Biên, Gia Định, Hà Tiên... Cùng với quê hương, cuộc sống bình thường đã đi vào thơ văn Trịnh Hoài Đức vừa ngọt ngào, thân thuộc vừa thiết tha, yêu thương:

Câu vòng tròn nhỏ trong sương sớm,

Ông lão buông cần cát tiếng ca.

Lặn lội thân cò người thiếu phụ,

Ngồi trông cửa trước nhật cảnh hoa.

(Long Tịch thôn cư tạp vịnh - bản dịch)

Tuy làm quan to nhưng Trịnh Hoài Đức luôn là người ưu thời mẫn thế, sống gắn bó với dân nghèo và kỳ vọng ở một tương lai tốt đẹp sẽ đến với nhân dân và đất nước. Chính vì thế đương thời đại thi hào Nguyễn Du khi đọc thơ của nhóm Bình Dương thi xã đã ghi nhận xét là một *chữ diêu*, tức trên cả mức hay, đạt đến độ tuyệt vời.



Ngô Nhon Tịnh – thấu lòng chỉ có khách trong gương...

Trong *Gia Định tam gia*, Ngô Nhon Tịnh là nhà thơ tài hoa nhất. Tháng giêng, năm Gia Long thứ mười (1811) khi đang giữ chức Hữu Tham tri bộ Hộ, ông được vua bổ làm Hiệp trấn Nghệ An. Khi ấy, đại thi hào Nguyễn Du, quê trấn Nghệ An (thời kỳ đầu nhà Nguyễn, trấn Nghệ An bao gồm cả tỉnh Hà Tĩnh sau này), đang làm Cai bạ Quảng Bình, có làm bài thơ *Tống Ngô Nhữ Sơn công xuất trấn Nghệ An* (Tiễn ông Ngô Nhữ Sơn ra làm Hiệp trấn Nghệ An). Trong bài thơ này, Nguyễn Du đã ví văn chương họ Ngô sánh với tám đại gia thời Đường Tống (gồm: Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên, Âu Dương Tu, Tô Tuân, Tô Thức, Tô Triệt, Tăng Cung và Vương An Thạch). Bản dịch nghĩa bài thơ như sau:

Trên sông Cẩm La, tôi giữ ngựa ông lại

Gặp nhau không khó nhưng từ biệt nhau thì



290 năm

VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN

257



khó.

Văn chương ông hay như văn của tám nhà cổ văn lớn
làm tăng vẻ đẹp hai nước.

Mưa móc theo sau xe ông thấm nhuần cả châu Hoan,
Tính ông đạm bạc sẽ thể hiện vào chính sự,
Trời vì nhân dân nên chưa cho ông được nhàn rỗi.
Trông về núi Hồng ở phía bắc, thấy ngôi sao nhân
đức hiện lên,

Từ phương trời xa, tôi nâng cốc chúc mừng quê hương
tôi.

Niềm mong đợi của Nguyễn Du và cả nhân dân vùng
Nghệ An quả đúng như vậy. Vào năm ấy, vùng này hạn
hán, người dân đói kém, nhưng tô thuế điền thiếu kể tới
mười vạn. Vừa tới nơi, Ngô Nhơn Tịnh đã quay trở lại
triều đình, tâu rõ sự tình với vua để xin giảm thuế cho
dân.

Đời làm quan của Ngô Nhơn Tịnh còn nhiều lần hành
động như thế. Vì thế, không ít kẻ gièm pha. Năm 1813,
sau khi được thăng Thượng thư bộ Công, lãnh chức Hiệp
trấn thành Gia Định, Ngô Nhơn Tịnh được cử đi kiểm
soát tiền lương và án văn ở các dinh, cũng với Tổng trấn
Lê Văn Duyệt đưa vua Chân Lạp về nước... Khi hoàn
thành nhiệm vụ trở về, ông bị vu oan, nhưng không biết
cách nào để minh oan. Nằm ở thành Hà Tiên, họ Ngô đã
viết bài thơ

Tiên thành lữ thứ thật đau xót:

*Nửa ngọn đèn tàn mộng khách vơi,
Nỗi lòng những khó nói nên lời.
Hóa công đã chẳng vì ta xót,
Mơ mịt về đâu giữa đất trời...
Buồn vui tan hợp ngỡ ai tường
Muôn dặm dạn dày thân gió sương.
Chửa biết sang năm đâu tới nhỉ,
Thấu lòng chỉ có khách trong gương.*

(Nguyễn Văn Bách dịch thơ)



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
258

Vì buồn đau, giữa năm Quý Dậu (1813), Ngô Nhơn Tịnh qua đời ở xã Chí Hòa, tỉnh Gia Định. Đến năm 1852, ông mới được đưa vào thờ ở miếu Trung hưng công thần.

Cho đến giờ người ta vẫn chưa rõ Ngô Nhơn Tịnh sinh năm nào. Chỉ biết ông tự là Nhữ Sơn, gốc người Quảng Tây, giống cảnh ngộ Trịnh Hoài Đức, tồ phụ chạy trốn thời Mãn Thanh sang cư trú ở Gia Định, thành người Việt Nam. Cùng với Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh lập nên nhóm *Bình Dương thi xã* và trở thành một trong những nhà thơ lớn nhất của vùng đất phương Nam thời bấy giờ. Trong đời làm quan, Ngô Nhơn Tịnh hai lần được cử đi sứ Trung Quốc (1789, 1802) và một lần đi sứ Chân Lạp (1807). Ông được tiếng là vị quan thanh liêm, chính trực, đã làm được nhiều việc có ích cho dân cho nước. Song có lẽ, do nguồn gốc xuất thân, sự gắn bó mật thiết với đời sống nhân dân và nhất là mang tâm hồn giàu trắc ẩn của một nhà thơ, Ngô Nhơn Tịnh luôn ưu thời mẫn thế. Bên cạnh những bài thơ trong Gia Định tam gia thi, ông còn để lại tập thơ *Thập Anh đường thi tập*, trong đó có nhiều bài ông sáng tác vào thời gian ông đi sứ Trung Quốc. Trong thơ, Ngô Nhơn Tịnh một mặt bày tỏ hoài bão đối với đất nước: *Báo quốc đan tâm tận - Tư thương bạch phát tân* (Báo quốc hết lòng son - Nhớ quê thêm tóc bạc), nhưng mặt khác lại luôn đau buồn, chua xót. Ở bài *Cùng Trần Tuấn, Hà Bình đi thuyền trên sông Xích Bích có thơ tạ vịnh*, Ngô Nhơn Tịnh viết:

*Phiêu bông, đoạn ngạnh cộng du du,
Không đở nam quan vạn lý sâu.
Tráng sĩ tự năng thù quốc trái,
Trượng phu thùy khảng vị thân mưu.
Phiến tâm vị đạt môn trùng toản,
Nhất sự vô thành lệ ám lưu...*

Nghĩa là:

Gió thổi cỏ bông, nước trôi cành gãy, lòng trông vời



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN DIÊN
259

vợ,

*Trùm chiếc mũ phương nam, mang nổi sầu vạn dặm.
Tráng sĩ phải đền nợ nước,
Trượng phu ai chịu mưu lợi riêng cho thân mình.
Tấm lòng thành chưa thấy đến cửa vua,
Một việc không thành, nước mắt chảy thâm...*

Ngô Nhơn Tịnh tuy là người gốc Minh Hương nhưng ông luôn xem Việt Nam là tổ quốc của mình. Tình cảm thật tha thiết và được gửi gắm trong khá nhiều bài thơ lúc đi sứ. Năm 1802, từ Quảng Đông theo đường thủy đến Quảng Tây, trong 30 bài thơ họa lại bài của Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh có những câu thể hiện vô cùng sâu sắc nỗi nhớ thương quê hương, đất nước:

*Ruột vò chín khúc tựa những khúc sông,
Nước Nam xa cách dằng dặc núi non.*

...

*Bỗng nghe trong sương khúc hát Mai hoa,
Tưởng là điệu đàn cổ quốc bên thành trên núi.*

(Bài I)

Hoặc:

*Thân tại cõi Bắc, lòng ở nước Nam,
Nước chảy về biển Đông, trăng lặn phía tây.*

(Bài III)

*Nước sông chảy kiệt liệt người xa quê,
Mai núi nở hết lòng nhớ vườn cũ.*

(Bài VI)

Người xưa đi sứ thường làm thơ nói về lòng nhớ nước, nhớ nhà. Chuyện ấy không lạ. Nhưng nổi nhớ làm bạc cả tóc như Ngô Nhơn Tịnh đã viết quả là đặc biệt.

Gia Định tam gia, mỗi người một vẻ đã cùng tạo nên dấu ấn khó phai mờ trong lịch sử văn chương dân tộc. Trịnh Hoài Đức vốn kinh lịch chắt ngắt. Lê Quang Định có cái tài của những bậc lãng tử vui thú yên hà. Còn Ngô Nhơn Tịnh thấm sâu một tấm lòng ưu ái. Tấm lòng ấy đến nay còn biết bao xúc động với người đời.



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
260

Lê Quang Định – Tài hoa và mẫn tiệp

Lê Quang Định là một Gia Định tam gia, sinh năm 1759, mất năm 1813. Ông hiệu là Tấn Trai, tự là Tri Chỉ (biết dừng lại đúng lúc), quê ở Phú Vinh, Thừa Thiên. Người cha từng giữ một chức quan nhỏ, mất khi đương chức. Lê Quang Định khi ấy còn nhỏ, theo anh vào đất Gia Định. Vốn có tư chất thông minh, từ nhỏ đã giỏi văn chương, hội họa, được thầy lang Hoàng Đức Thành yêu thương và gả con gái cho. Họ Lê may mắn được học thầy Võ Trường Toản và kết bạn thân với Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh. Khi chưa vào chốn quan trường, cả ba người bạn đã thành lập nên nhóm *Bình Dương thi xã*, một hình thức văn đàn. Không bao lâu sau, danh tiếng của nhóm này vang lừng cả xứ Đồng Nai, quy tụ thêm nhiều bạn văn khác như Hoàng Ngọc Uẩn, Diệp Minh Phụng...



290 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
261



Năm 1788 (Mậu Thân), Chúa Nguyễn Phúc Ánh mở khoa thi tại trường Gia Định. Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định hăm hở đi thi và cùng đỗ, được cử làm chức Hàn lâm viện Chế cáo, chuyên biên soạn sách. Ít lâu sau, Lê Quang Định được thăng chức Hữu Tham tri bộ Binh (chức quan đứng sau Thượng thư). Năm 1802, lại được bổ làm Thượng thư bộ Binh và cuối năm đó làm Chánh sứ, cùng với các phó sứ là Lê Chánh Bộ và Nguyễn Gia Cát, sang Trung Quốc. Tại đây, các ông đã khiến cho triều Thanh rất nể phục bởi tài ứng đáp và văn chương.

Đi sứ về, Lê Quang Định vẫn giữ chức Thượng thư tại bộ Binh, lại kiêm phụ trách Khâm thiên giám, lo việc lập sổ điền địa trong cả nước. Năm 1809, vua cử ông sang làm Thượng thư bộ Hộ, nắm giữ các chính sách về điền thổ, hộ khẩu, tiền thóc, bình chẩn việc phát ra, thu vào để điều hòa nguồn của cải trong cả nước. Đời làm quan của Lê Quang Định được tiếng thanh liêm, giản dị và trung thực. Ông là người có công lớn trong việc phân định lại chế độ đất đai sau thời gian dài chiến tranh, loạn lạc và là một trong những người chủ trương lấy tên nước ta là “Việt Nam”. Song, họ Lê sức khỏe kém. Năm 1813, ông xin triều đình về nhà dưỡng bệnh, vua Gia Long sai quan Hoàng Kiến An đến tận nhà thăm hỏi và trao quà biếu. Nhưng vào năm đó, bệnh tình Lê Quang Định mỗi lúc một nặng. Ông mất trong năm 1813, lúc mới năm mươi tư tuổi. Vào thời vua Tự Đức, Lê Quang Định được thờ vào *Trung hưng công thần miếu*.

Trong nhóm Bình Dương thi xã, Lê Quang Định không chỉ giỏi thơ văn, mà còn nổi tiếng có tài vẽ đẹp, viết chữ đẹp. Thơ Lê Quang Định, ngoài một số bài thơ chép trong tập *Gia Định tam gia thi* còn có tập riêng



mang tên *Hoa Nguyên thi thảo*. Nếu như Trịnh Hoài Đức thiên về tả những cảnh sinh hoạt thường nhật của nhân dân như cảnh một phiên chợ họp bên sông, cảnh bừa ruộng, ươm tơ, thì thơ Lê Quang Định nặng về diễn tả thiên nhiên, những hứng thú sáng tạo của con người “tao nhân mặc khách” trước non sông cảm tú. Đi sứ Trung Quốc, ngồi trên thuyền thả hồn trên dòng sông Tiêu Tương, Lê Quang Định đã viết một chùm thơ mang tên chung là *Tiêu Tương chu hành tạp hứng* (Đi thuyền trên sông Tiêu Tương có cảm hứng đan chen nhau), thể ngũ ngôn. Người Trung Quốc không chỉ khen phục tài làm thơ nhanh, viết chữ đẹp của Lê Quang Định mà còn ví cảnh sắc thôn dã trong thơ ông ngang tầm với những bức tranh đã thành cổ điển trong văn học xưa:

*Buổi sáng nhìn ra ngoài cửa thuyền,
Cảnh sắc trời nước êm ả lặng lẽ.
Cô thôn nữ trang điểm cho mặt đất,
Ông lão quê cấy cỏ trên đồi núi.
Mây trắng cuốn bay xa,
Dòng nước biếc chảy cuộn cuộn...*

(*Triều họa hứng, bản dịch nghĩa*)

Rõ ràng, Lê Quang Định cũng như các nhà thơ cùng thời của đất phương Nam, tuy xuất thân Nho học, nhưng quan niệm thẩm mỹ không có vẻ gì của lối tầm chương trích cú, lấy những điển tích, điển cố trong văn học Trung Hoa làm khuôn vàng thước ngọc. Các ông đã sống gần gũi với nhân dân, kể cả lúc đã là quan to. Vì thế, khi làm thơ, cuộc sống hằng ngày với bao vẻ đẹp tươi nguyên ấy đã là nguồn thi tứ dồi dào:

*Vẻ đẹp thiên nhiên đã làm cho người ta thêm thưởng
có thể ăn được*

*Người đẹp bơi chèo lại càng thêm ưa mắt
Dải lung thướt tha như làn gió nhẹ lướt cành dương*



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
263

liều

Phấn mặt mát lạnh như màn sương nhạt điểm hoa phù dung...

(Đề mỹ nhân dao lỗ đò - Bản dịch nghĩa)

Khi nói tới sự nghiệp Lê Quang Định, không thể không kể đến công trình quan trọng của ông là bộ *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Đây là bộ địa chí toàn quốc đầu tiên của triều Nguyễn được Lê Quang Định soạn xong năm 1806, theo chiếu chỉ của Gia Long.

Hoàng Việt nhất thống dư địa chí của Lê Quang Định gồm có hai phần chính là *Dịch lộ* (ghi rõ đường đi từ kinh đô Huế đến Lạng Sơn và từ Huế vào tới xứ Gia Định) và *Thực lục* (ghi rõ các đường đi ở trấn, lấy lý sở làm điểm xuất phát...). Những ghi chép ở đây rất rõ ràng, chính xác. Ngày nay, đọc bộ sách quý này chúng ta không khỏi ngạc nhiên, vì sao trong một thời gian ngắn, họ Lê đã làm một việc to lớn, công phu đến thế, nhất là vùng đất phía Bắc của Tổ quốc, nơi ông mới chỉ đến sau năm 1802? Đọc bài *Biểu dâng sách* của Lê Quang Định càng thấy tấm lòng của nhà thơ đối với non sông, đất nước:

Thần là Lê Quang Định kính cẩn tâu về việc đã làm xong sách Nhất thống địa dư địa chí (...) Sau khi vâng mạng, hỏi han rộng khắp, thu lượm xa gần, xem xét kỹ càng về hình thể, hỏi già cả về kiến văn. Tóm tắt những điều cương yếu mong bỏ điều sai, giữ điều đúng, sửa sang cả lời văn mà bỏ chỗ thừa, lấy chỗ gọn. Trả hết ba thu, đóng thành 10 quyển...

Con người tài hoa và mẫn tiệp ấy quả đáng trọng biết bao !



290
năm
ẤN MIÊU
RÂN BIÊN
264

Nguyễn Đình Chiểu – người đã “căng số phận mình
trên sợi dây đàn độc nhất”



Trong số các nhà thơ, danh sĩ Việt Nam xưa, Nguyễn Đình Chiểu (1822–1888) là người chịu nhiều đau khổ, bất hạnh nhất. Ông có tình cảm sâu nặng với mẹ, bà Trương Thị Thiệt, người Gia Định. Năm 1833, Lê Văn Khôi khởi nghĩa chống lại triều đình. Thân sinh, ông Nguyễn Đình Huy, đang làm thơ lại trong thành Gia Định, bỏ chạy về kinh đô Huế, đem Nguyễn Đình Chiểu theo. Nhà thơ tương lai phải mất 8 năm biệt xa mẹ, đến 1840 mới trở về Gia Định. Năm sau, ông đỗ Tú tài và đến 1846 lại lặn lội ra kinh đô chờ thi Hội. Với một chàng trai mới lớn, biết mình có tài, hy vọng ở đường hoạn lộ thật thê thảm. Lúc thanh bình, thời phong kiến, đây là con đường duy nhất để đáng nam nhi tiến thân, cống hiến cho đời. Nhưng oái oăm thay! Đúng năm khoa thi Hội (1849), Nguyễn Đình Chiểu nghe tin mẹ mất từ cuối năm trước. Người con



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
265



290
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
266

traí vốn dạt dào thương mẹ tức tức về Nam, bỏ cả việc thi cử. Đường về xa xôi, cảm cảnh mẹ mất, khóc thương đến độ mù lòa. Vậy, chưa đầy hai năm, chàng trai trẻ liền tiếp gặp nhiều bất hạnh lớn. Chưa hết ! Năm đỗ Tú tài, có nhà giàu họ Võ hứa gả con với tham vọng chàng rể sớm muợn gì cũng chiếm bằng vàng, nay lỡ làng mọi thứ, lại còn mang thương tật suốt đời, bèn quay quắt từ hôn. Mất mẹ, mù lòa, nhà thơ mất chỗ dựa tinh thần bền vững nhất. Bỏ thi, mất luôn cơ hội đua tranh trên đường công danh. Những cái mất mát ấy chẳng có gì bù đắp được, lại lấp đầy bằng nỗi cay đắng của thói đời đen bạc. Chừng đó nỗi đau đủ khiến một người có tâm hồn thi sĩ vụt trở thành thi nhân. Song, điều kỳ lạ là ở tác phẩm đầu tay viết trong “căn nhà tối” (tên hiệu Nguyễn Đình Chiểu là *Hối Trai*, nghĩa là căn nhà tối) – truyện thơ dài *Lục Vân Tiên*, người đời không tìm thấy nỗi chán chường, cay tức. Trái lại, rất ngọt ngào tình nghĩa mến thương, đùm bọc, thủy chung trọn vẹn như lời hẹn hò trong ca dao:

Tay bưng đĩa muối chấm gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.

Mãn tang mẹ, Nguyễn Đình Chiểu ở lại Gia Định, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, dạy dỗ học trò và sáng tác thơ văn. Tính ra, ông đã dành trọn hơn 30 năm để dạy học.

Năm 1858, giặc Pháp đánh Đà Nẵng. Sang năm 1859, chúng hạ thành Gia Định, khởi đầu cho thời kỳ hoạn nạn, đau khổ triền miên của cả dân tộc. Thầy giáo mù Nguyễn Đình Chiểu không trông thấy nhưng sống trong cảnh ấy. Nhà thơ cùng gia đình dạt dứu nhau chạy giặc hết nơi này đến nơi khác. Không trông thấy gì nhưng lòng nhà thơ thôn thức, đau xót và uất ức nữa. Trước kia, ông sống với anh em, cha mẹ, bạn

bè trợn nghĩa, vện tình bao nhiêu thì nay, với đất nước, non sông, xóm giềng, làng mạc thêm dạt dào bấy nhiêu. Những nỗi đau riêng đã hòa đắm vào một nỗi đau chung: mất nước ! Tiếng thơ Đồ Chiểu trở thành tiếng khóc, lời than, niềm réo gọi của nhân dân trước cảnh nước mất nhà tan. Ông đã trở thành nhà thơ nhân dân bằng chính tấm lòng và thân phận mình. Trước mỗi mất mát, hy sinh của nhân dân, thơ Đồ Chiểu là tiếng khóc của non sông, là nỗi đau của cả dân tộc:

*... Doái sông Cần Giuộc có cây mậy dậm sâu giăng;
nhìn chợ Trường Bình già trẻ hai hàng lụy nhỏ...*

*Đau đón bấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya
leo loét trong lều; nảo nùng thay vợ yếu chạy tìm
chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ*

(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

Thơ ca Việt Nam cho đến trước Đồ Chiểu, chưa bao giờ có một hình tượng nhân dân trợn vện như thế! Từ sau năm 1858, trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, nếu có một “số phận” thì đó là “nhân dân”. Nhân dân cả tâm hồn, cốt cách, trí tuệ, hành động. Nhân dân cả niềm vui và nỗi buồn, đau thương và căm giận, đứng lên và ngã xuống, thất vọng và hy vọng... Với những nhà thơ Việt Nam ngày trước, một con người bình thường đưa vào thơ văn là cả một sự dũng cảm, dám làm khác thời đại. Đồ Chiểu không có sự băn khoăn ấy. Những nông dân bước vào thơ Nguyễn Đình Chiểu nguyên vẹn hình hài lấm láp nhưng hết sức tự nhiên. Sau này, Thanh Thảo viết: *Họ lấm láp sinh lây bước vào thơ Đồ Chiểu... không áo mũ cân đai phảm hàm văn võ nhưng đã để lại những vết bùn làm vinh dự cho thơ.* Ngày ấy, nhà thơ mù không nghĩ như thế. Ông còn yêu thương gắn bó thân phận mình với những người “Ngoài cật có một manh áo vải”; song đã dám



220 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
267

“đâm ngang, chém ngược” kẻ thù cướp nước. Vì vậy, chỗ đứng cao sang nhất trong thơ tất cả là của họ. Điều đó giải thích vì sao nhà thơ mù, đất nước ly tán, mọi người cùng chạy giặc trong cảnh hỗn loạn, nhưng thơ văn của ông lại được lưu truyền sâu rộng trong nhân dân.

Nhiều nhà thơ Việt Nam, mỗi khi đọc lại, chúng ta thích thú, cảm phục với những tư tưởng thanh cao, từ ngữ lộng lẫy sang trọng. Còn với thầy giáo mù Nguyễn Đình Chiểu, mỗi lần đọc lại vẫn không dứt một tình cảm yêu thương:

*Khóc là khóc nước nhà cơn bán loạn, hôm mai
vắng chúa thua buồn nhiều nỗi khúc nô; than là than
bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông vua, ngơ ngẩn
một phường tở đại...*

*Ôi trời Bến Nghé, mây mưa sùi sụt, thương đáng
anh hùng gặp bước gian truân; đất Gò Công cây cỏ ử
ê, cảm niềm thần tử hết lòng trung ái.*

(Văn tế Trương Công Định)

*Man mác trăm chiều tâm sự, sống những lo trả nợ
cho đời; phôi pha một mảnh hình hài, thác rồi bỏ làm
phân cho đất !*

(Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh)

Tiếng thơ ấy đã bật ra từ trái tim của một nhà thơ sống cùng nhân dân, dám “căng số phận mình trên sợi dây đàn độc nhất để hát về những con sóng bình minh” (Thanh Thảo – *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Những nghĩa sĩ, không tiếc tấm thân cho lẽ sống còn của đất nước, thì với nhà thơ mù Đồ Chiểu, người nghệ-sĩ-nhân-dân, cây đàn thơ chẳng vì lý do gì mà không hát khúc ca về thân phận dân tộc mình!



Bùi Hữu Nghĩa – văn chương bốn bề đều biết...



Bùi Hữu Nghĩa, thường được gọi là Thủ khoa Nghĩa, bởi nhà thơ từng đỗ Giải nguyên ở Trường thi Gia Định, khoa Ất Mùi (1835). Tài văn chương của ông vốn nổi tiếng khắp Nam bộ, được dân gian truyền tụng:

Đồng Nai có bốn rồng vàng

Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi.

Hoặc:

Vĩnh Long có cặp rồng vàng

*Nhất Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Tuấn
Thuần.*

Ông sinh năm Đinh Mão (1807), ở thôn Long Tuyền, tổng Định Thới, huyện Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh (nay thuộc tỉnh Cần Thơ). Gia đình Bùi Hữu Nghĩa vốn nghèo, làm nghề chài lưới. Thấy người con trai thông minh, hiếu học, bậc song thân đã tìm cách đưa lên làng Mỹ Khánh, tổng Chánh



Mỹ Thượng, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa để theo học thầy đồ Hoành. Nhà của thầy đồ Hoành nằm sát bờ sông Đồng Nai, nay thuộc phường Bửu Hòa của thành phố Biên Hòa. Có thuyết nói rằng, thầy Hoành từng là một yếu nhân của Lê Văn Khôi, người con nuôi của Tả quân Lê Văn Duyệt, đã bắt mất triều đình, nổi lên chiếm cứ một phương trong nhiều năm.

Học thầy đồ Hoành, Bùi Hữu Nghĩa tiến bộ nhanh chóng, lại được thầy yêu mến, cho ở luôn trong nhà. Năm 28 tuổi, ông mới đi thi lần đầu và đỗ ngay Giải nguyên, nhưng ra kinh đô thi Hội thì không có kết quả. Trong thời gian ở lại kinh sư chờ bổ nhậm, Bùi Hữu Nghĩa được cử làm chức quan nhỏ tại bộ Lễ. Ít lâu sau, triều đình chính thức cử ông làm Tri huyện phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa.

Về Biên Hòa, Bùi Hữu Nghĩa cưới con gái thầy là bà Nguyễn Thị Tồn làm vợ. Nhưng đường hoạn lộ của ông lắm gian nan. Làm Tri phủ có tiếng là thanh liêm, không chịu khuất phục, luồn cúi nên không lâu bị giáng chức, phải chuyển xuống tỉnh Long Hồ làm Tri huyện Trà Vang.

Ở Trà Vang, dưới quyền của Tổng đốc Uyên và Bố chánh Truyện. Cả hai đều không phải là những vị quan tốt, ức hiếp dân lành. Vì bảo vệ những người nghèo, Bùi Hữu Nghĩa bị tham quan ô lại cấu kết với cường hào sở tại vu oan. Bị bắt giải về kinh. Cái chết cầm chắc trong tay.

Khi ấy, ở Biên Hòa, bà Nguyễn Thị Tồn nghe tin chồng hàm oan đã lặn lội ra kinh thành tìm cách cứu chồng. Tiếng kêu của người phụ nữ quả cảm, nặng tình



nặng nghĩa đã thấu tận thâm cung. Vua Tự Đức đã ban lệnh tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tội tử hình, “song phải hoàn tiên hiệu lực, đái công chuộc tội”. Thái hậu Từ Dũ cảm kích trước tấm lòng thủy chung của bà Nguyễn Thị Tồn đã sai người cho vời vào cung hỏi han và ban tặng bốn chữ vàng “Liệt phụ khả gia”.

Được tha tội chết, Bùi Hữu Nghĩa phải trấn nhậm đồn Vĩnh Thông (Châu Đốc), vùng biên ải xa xôi, nguy hiểm. Vợ ông, do nhiều ngày vất vả vì chồng, khi về đến Biên Hòa đã lâm bệnh nặng rồi mất. Được tin vợ mất lúc đang ở xa, nhà thơ xiết bao đau xót. Tình thương yêu đã vượt qua bao rào cản nghiệt ngã của lễ giáo thông thường, thành tiếng khóc thống thiết trong thi ca khiến người đời sau còn phải ngỡ ngác:

*Anh để nàng chắt bằng tiền bằng cửa, mà bằng
cái tư hương;*

*Anh giết nàng chắt bằng gươm bằng dao, mà bằng
cái khờ lụy...*

*Phụng lìa đôi chéch mác, đừng nói sửa sang giềng
mối, khi túng thiếu manh quần tấm áo, biết lấy ai mà
cậy nhờ;*

*Gà mất mẹ chắt chiu, đừng nói nhắc biểu học hành,
khi lạt thêm miếng bánh đồng hàng, biết theo ai mà
thở thê.*

(Văn tế vợ)

Thậm chí, nhà thơ còn khẩn vợ:

Có linh chín tuổi đừng xao lãng

Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm.

(Thơ đề trên mộ vợ)

Sau khi bà Tồn mất, Bùi Hữu Nghĩa càng thêm long đong, vất vả. Đường làm quan mỗi lúc càng thêm khó.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
271

Ngày 21 tháng giêng Nhâm Thân (1872), Bùi Hữu Nghĩa mất, lúc 66 tuổi. Cái chết của ông khiến thân hữu, học trò và những người dân nghèo vô cùng thương tiếc. Đến nay vẫn còn một bài thơ chữ Hán ca ngợi họ Bùi được truyền tụng:

*Thinh danh cựu vĩ đạt đơn trì,
Khôi thủ văn chương hải nội thi...*

*(Tiếng tăm lừng lẫy tuy chưa thấu đến tai
vua,*

*Nhưng văn chương bậc thủ khoa bốn bề đều
biết...)*

Như nhiều văn chương của những nhà nho Nam bộ cùng thời, thơ văn Bùi Hữu Nghĩa tràn đầy nghĩa khí của kẻ sĩ đất phương Nam, trong bối cảnh của cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp:

*Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây,
Đâu để giang sơn mãi thế này !*

(Họa thơ Tôn Thọ Tường)

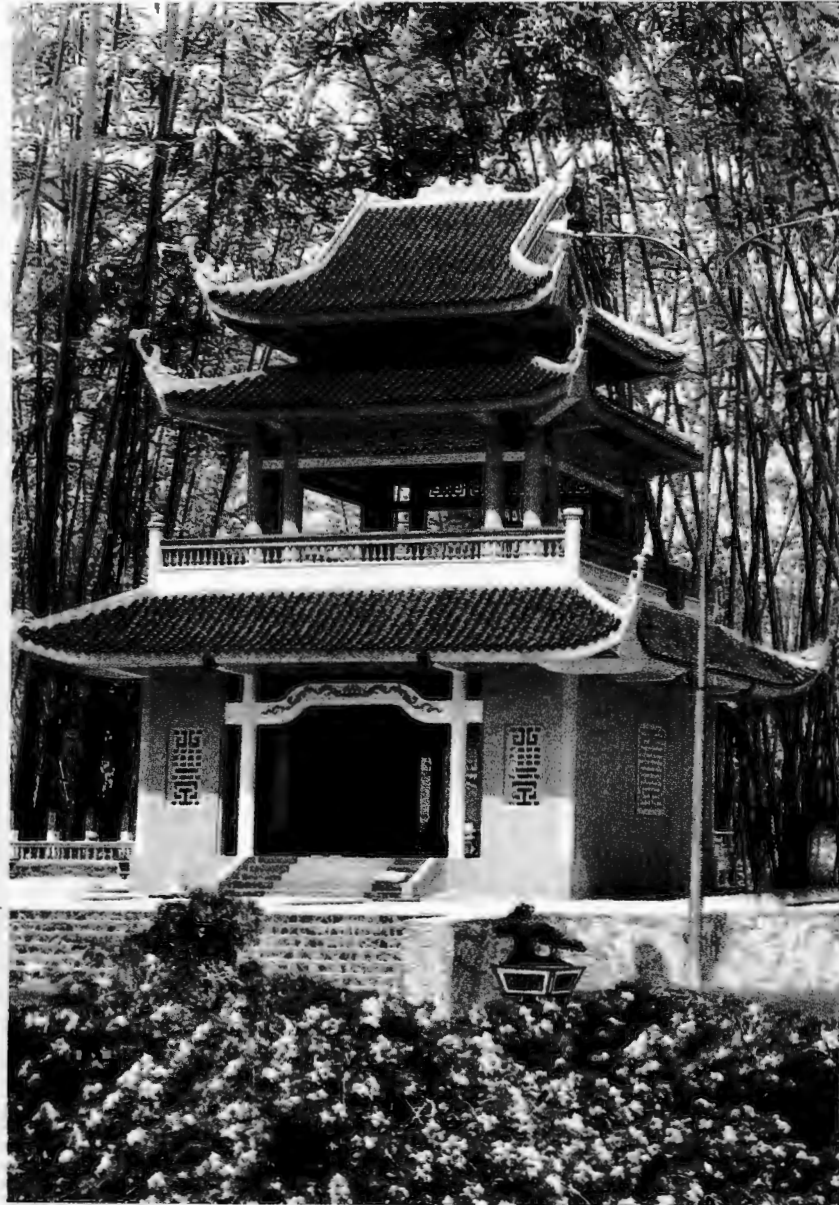
Đặc biệt, thơ Bùi Hữu Nghĩa giàu tính trữ tình. Những con người bình thường và bé nhỏ trong cuộc sống đã đi vào văn chương ông vừa gần gũi, tha thiết, vừa mạnh mẽ, phóng túng. Cùng với các nhà thơ Nam bộ đương thời, văn chương Bùi Hữu Nghĩa có nhiều bức phá so với “tinh thần vô ngã và quy phạm” của văn hóa trung đại Việt Nam.

Bùi Hữu Nghĩa còn để lại cho đời vở tuồng *Kim Thạch kỳ duyên*, dài 3 hồi, khá thông thuộc với nhân dân Nam bộ.



Phần 6

**VĂN MIẾU TRẦN BIÊN
TRONG TÌNH CẢM DÂN TỘC**



290 năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
273

DANH SÁCH CÁC VỊ LÃNH ĐẠO CAO CẤP TW ĐẾN THAM QUAN VÀ TRỒNG CÂY TẠI VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

STT	Ngày, tháng, năm đến	Tên đoàn	Số lượng (người)	Trưởng đoàn	Chức vụ	Ghi chú
1	30/12/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW		Đ/c Nông Đức Mạnh	Tổng Bí thư TW Đảng	Trồng cây Gõ
2	10/3/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	25	Đ/c Trần Đức Lương	Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam	Trồng cây Chò Chỉ
3	18/6/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	30	Đ/c Đỗ Mười	Nguyên Tổng Bí thư TW Đảng	Trồng cây Đa búp đo
4	8/8/2003	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW		Đ/c Trương Mỹ Hoa	Phó Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam	Trồng cây Gõ
5	14/2/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	10	Đ/c Phan Văn Khải	Thủ tướng Chính phủ	Dự lễ khánh thành VMTB
6	28/1/2003	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	12	Đ/c Võ Văn Kiệt	Nguyên Thủ tướng Chính phủ	Trồng cây Gõ
7	04/2/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	10	Đ/c Nguyễn Mạnh Cẩm	Phó thủ tướng Chính phủ	Chuẩn bị lễ khánh thành VM
8	25/12/2003	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	15	Đ/c Vũ Khoan	Phó thủ tướng Chính phủ	trồng cây Sao



290 năm
ĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
274

STT	Ngày, tháng, năm đến	Tên đoàn	Số lượng (người)	Trưởng đoàn	Chức vụ	Ghi chú
9	25/1/2004	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	30	Đ/c Nguyễn Tân Dũng	Phó thủ trưởng Chính phủ	Trồng cây Sao
10	17/10/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	20	Đ/c Lê Đức Anh	Nguyên Chủ tịch Nước	Trồng cây Đa búp đỏ
11	12/9/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	15	Đ/c Nguyễn Thị Bình	Nguyên Phó chủ tịch Nước	Trồng cây Sao
12	12/7/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	12	Đ/c Nguyễn Khánh	Nguyên Phó chủ tịch Nước	Trồng cây Sao
13	21/8/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	20	Đ/c Phạm Thế Duyệt	Chủ tịch Đoàn Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam	Trồng cây đa búp đỏ
14	12/12/2003	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	10	Đ/c Võ Nguyên Giáp	Đại tướng	Trồng cây Sao
15	14/02/2003	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	5	Đ/c Trương Vĩnh Trọng	Bí thư TW Đảng CS Việt Nam	Trồng cây Hương Ngọc Lan
16	18/9/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	10	GS TS Đỗ Nguyễn Phương	Trưởng ban Khoa giáo TW	Trồng cây Hương Ngọc Lan
17	12/7/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	12	Đ/c Nguyễn Thanh Bình	Nguyên Ủy viên Bộ CT; thường trực Ban Bí thư TW Đảng	
18	29/8/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	16	Đ/c Trần Xuân Gia	Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - Đầu tư	Trồng cây Dầu
19	14/2/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	5	Đ/c Võ Hồng Quang	Nguyên Thứ trưởng Bộ Văn hóa	Trồng cây Dầu

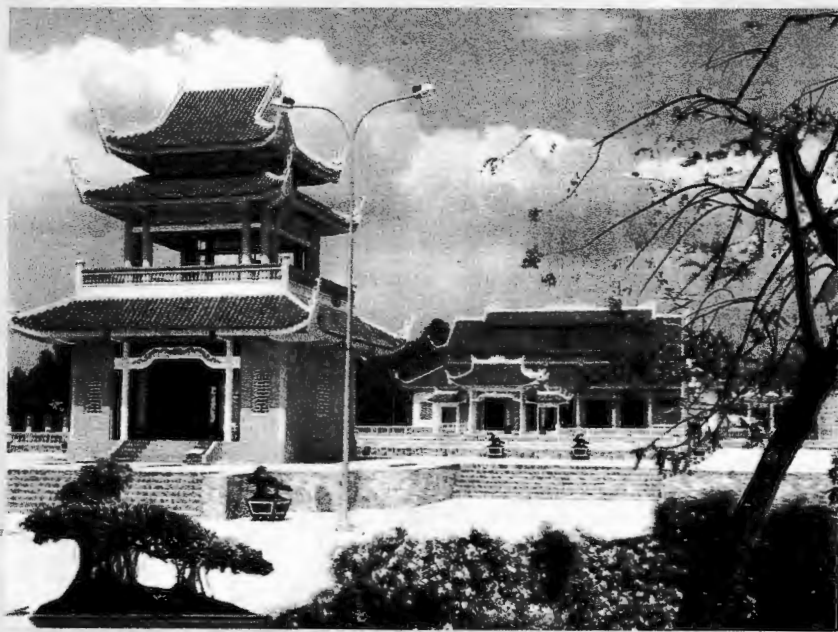




290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
276

STT	Ngày, tháng, năm đến	Tên đoàn	Số lượng (người)	Trưởng đoàn	Chức vụ	Ghi chú
20	29/8/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	12	Đ/C Trần Chiến Thắng	Thứ trưởng Bộ Văn hóa	Trồng cây Tùng Bách Tán
21	27/11/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	7	Đ/C Võ Hồng Dũng	Thứ trưởng Bộ Công nghiệp	Trồng cây Dầu
22	24/9/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	15	Đ/c Hoàng Văn Nghiên	Chủ tịch UBND TP Hà Nội	Trồng cây Dầu
23	20/6/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	12	Đ/c Tráng A Pao	Ủy viên TU Đảng, Phó Ban dân vận TU	Trồng cây Dầu
24	21/11/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	8	Đ/c Trần Văn Quang	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh VN	Trồng cây Dầu
25	4/6/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	12	Đ/c Đặng Quân Thụy	Phó CT Hội Cựu chiến binh VN	Trồng cây Dầu
26	17/10/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	15	Thiếu tướng Phan Trung Kiên	UVTU Đảng, Tư lệnh Quân khu 7	Trồng cây Dầu
27	21/10/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	12	Thiếu tướng Nguyễn Quang Tấn	Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Tặng VM một bức chân dung Bác
28	18/6/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	15	Thiếu tướng Đoàn Sinh Hưởng	TSKH. Quân sự, Anh hùng lực lượng vũ trang	Trồng cây Dầu
29	22/5/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	15	Thiếu tướng Phạm Tuấn	Anh hùng lực lượng vũ trang	Trồng cây Dầu
30	25/5/2002		20	Thiếu tướng Nguyễn Việt Khai	Hiệu phó Trường Sĩ quan Lục quân II	

STT	Ngày, tháng, năm đến	Tên đoàn	Số lượng (người)	Trưởng đoàn	Chức vụ	Ghi chú
31	14/2/2002	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	5	Trung tướng Lê Thành Tâm	Phó tư lệnh Quân khu 7	Trồng cây Tùng Bách Tấn
32	2/3/2004	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	50	Đ/c Phan Diễn	UV.TW Đảng-TT Ban Bí thư TW Đảng	Trồng cây Gõ
33	7/4/2004	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	15	Đ/c Vũ Mão	UVBCH.TW Đảng-UV Ủy ban TV Quốc hội-Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội	
34	4/11/2004	Đoàn CB lãnh đạo cấp cao TW	8	Đ/c Lê Hữu Nghĩa	UVBCH.TW Đảng-Tổng biên tập Tạp chí Công sản- Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng lý luận TW	Trồng cây Sao đen



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
277

2. CẢM TƯỞNG VÀ HÌNH ẢNH CỦA LÃNH ĐẠO



năm
ẤN MIẾU
RÂN BIÊN
278





năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
279

2.1. Đ/c NÔNG ĐỨC MẠNH

Một số hình ảnh về:

*Tổng bí thư Nông Đức Mạnh tham
quan Văn miếu Trần Biên.*

2.2. Đ/c TRẦN ĐỨC LƯƠNG



290 năm
TÂN MIÊU
TRẦN BIÊN
280

Đồng chí Trần Đức Lương trồng cây lưu niệm tại VMTB



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
281

Biên Hòa, ngày 10 tháng 3 năm 2002

Với việc xây dựng khu văn hóa “Văn miếu Trần Biên”, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai, Thành phố Biên Hòa đã xây dựng một công trình sẽ sống mãi trong tâm lòng của dân tộc ta hướng về cội nguồn của dân tộc.

Nền văn hiến ngàn năm là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Mãi mãi là hào khí đưa dân tộc ta vươn tới tương lai xán lạn.

TRẦN ĐỨC LUONG
(Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam)

2.3. Đ/c ĐỖ MƯỜI



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
282

Biên Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 2002

Văn miếu Trần Biên là công trình văn hóa lớn của tỉnh, thể hiện được nét đẹp truyền thống: “Trọng học” và “Tôn sư trọng đạo” của dân tộc Việt Nam. Công trình thể hiện rất rõ tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta: văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Đến Văn miếu Trần Biên với lòng tôn kính và học tập gương người trước - những bậc danh nhân văn hóa của dân tộc ta. Trong đó, có Chủ tịch Hồ Chí Minh vị anh hùng dân



năm
**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN**
283

Đồng chí Đồ Mười trồng cây lưu niệm tại Văn Miếu

tộc, danh nhân văn hóa thế giới, người sáng lập nền giáo dục cách mạng Việt Nam.

Biết phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tôi tin rằng Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành quả trong sự nghiệp "Trồng người" như Bác Hồ kính yêu đã dạy.

Thân ái

ĐỒ MƯỜI

(Nguyên Tổng Bí thư BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam)

2.4. Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP



Đến thăm Văn miếu Trấn Biên, tôi rất mừng vì các đồng chí lãnh đạo tỉnh nhà rất coi trọng vấn đề văn hóa, đào tạo con người sinh ra nhân tài.

Thực hiện bằng được một nền giáo dục tốt xứng đáng với Nghị quyết của Trung ương, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách số một. Mong nhân dân Đồng Nai, thanh niên Đồng Nai dốc lòng học tập trở thành những người vừa có tài, vừa có đức. Đó là con đường đưa tỉnh nhà tiến lên những đỉnh cao mới.



2000
năm
ẤN MIẾU
TRẤN BIÊN
284



2.5. Đ/c NGUYỄN THỊ BÌNH

Đồng Nai, ngày 12 tháng 9 năm 2002

Tôi rất vui mừng và xúc động đến thăm Văn miếu Trấn Biên. Hoan nghênh các đồng chí lãnh đạo và nhân dân Đồng Nai đã nghĩ đến xây dựng công trình này, vừa để nhắc nhở đến lịch sử anh hùng và vẻ vang của dân tộc ta, vừa để giáo dục nhân dân, đặc biệt thế hệ trẻ Việt Nam phải ra sức học tập, nâng cao dân trí để làm cho đất nước ta ngày càng phồn vinh, nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc – điều mà Bác Hồ và tất cả các bậc cách mạng tiền bối chúng ta mong mỏi và đã hy sinh cả cuộc đời của mình cho sự nghiệp cao cả đó.

NGUYỄN THỊ BÌNH
(Nguyên Phó Chủ tịch nước)



290 năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
285



2.5. Đ/c VÕ VĂN KIỆT

*Cám ơn Đảng bộ
và nhân dân Đồng
Nai ghi lại truyền
thống cha ông mở
cõi. Con cháu mãi
mãi phát huy truyền
thống dựng nước và
giữ nước như Bác Hồ
dạy bảo chúng ta.*

Võ Văn Kiệt
(nguyên Thủ tướng
Chính phủ)



200 năm
VĂN MIẾU
RÂN BIÊN
286



2.6. Nhà thơ TỐ HỮU



*Giữa trời vời vợi đất mênh mông
Nhớ thuở ông cha đời chật hẹp
Ba trăm năm trước, đến miền Đông
Hiên ngang hồn nước, thanh gươm thép
Vang động trời Nam, tiếng trống đồng.*

*Hòa hợp tình dân, xây trận địa
Rừng hoang, lúa mới ấm no lòng.
Văn chương Hoài Đức nuôi tâm trí
Trương Định bình Tây, dậy chiến công.*

*Ôi ! Bao năm hờn căm, tủi nhục !
Bác Hồ cùng Đảng cứu non sông
Khởi nghĩa mùa Thu, trường kỳ kháng chiến
Đại thắng mùa Xuân, rạng rỡ cờ hồng.*

*Ơi miền Đông, Đông Nai oanh liệt
Đẹp thay Đất Đỏ, đất anh hùng !
Bát ngát đời ta, vui bất tuyệt
Ngày mai đang đến, sáng vô cùng !*



290 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
287

2.6. Đ/c PHAN DIỄN

Thăm khu Văn miếu Trấn Biên, lại nghĩ đến khu văn miếu Quốc Tử Giám Hà Nội, chúng ta thật tự hào thấy tổ tiên ta từ những thuở xa xưa dựng nước đã sớm có ý thức xây dựng nền văn hóa nước nhà, coi trọng việc học của dân, coi trọng và tôn vinh tri thức.

Học tập cha ông, trong thời đại mới chúng ta càng cần coi trọng phát triển dân trí, phát triển văn hóa, khoa học, đây đúng là một quốc sách để nước ta sớm đuổi kịp các nước phát triển, ngày càng sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

PHAN DIỄN

Ủy viên Bộ Chính trị,

Thường trực Ban Bí thư TW Đảng

2.7. Đ/c NGUYỄN TẤN DŨNG

Văn miếu Trấn Biên, một công trình văn hóa- lịch sử vô giá của dân tộc Việt Nam, của nhân dân Đồng Nai.

NGUYỄN TẤN DŨNG

(Phó Thủ tướng

thường trực

Chính phủ)



190
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
288

2.8. Đ/c NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương



Đ/c Trần Đình Thành, Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy (nay là Bí thư Tỉnh ủy) giới thiệu Văn miếu Trấn Biên với đ/c Nguyễn Khoa Điềm.



290 năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
289

2.9. Đ/c NGUYỄN THANH BÌNH

Ngày 12 tháng 7 năm 2002

Hoan nghênh việc tôn tạo, xây dựng Văn miếu Trấn Biên giữ gìn tinh hoa tiên tổ cho cháu con noi gương truyền thống, luyện rèn trí, đức, tài cao, ra sức vun đắp non sông Việt Nam hùng mạnh ngang tầm năm châu, bốn biển

NGUYỄN THANH BÌNH

(Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.)

2.10. Đ/c PHẠM THẾ DUYỆT

Văn miếu Trấn Biên- Công trình văn hóa của Đồng Nai, hình tượng sự văn minh, văn hóa của tỉnh và của đất nước.

Nơi đây sẽ đông viên lớp lớp các thế hệ con cháu quyết tâm học tập thành tài, sống theo gương tổ tiên và Bác Hồ vĩ đại.

Trấn biên là công trình thể hiện thành tựu đổi mới của Đồng Nai, hướng quê hương thành tỉnh giàu đẹp và sáng mãi truyền thống cách mạng vẻ vang.

PHẠM THẾ DUYỆT

(Nguyên Ủy viên thường vụ, TT Bộ chính trị- BCH TW Đảng, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam)



2002
năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
290

2.11. Đ/c NGUYỄN KHÁNH

Biên Hòa, ngày 5 tháng 11 năm 2002

Tôi rất hoan nghênh và cảm ơn các cơ quan lãnh đạo tỉnh Đồng Nai đã khôi phục, tôn tạo và mở rộng Văn miếu Trấn Biên.

Việc khôi phục và tôn tạo Văn miếu chứng tỏ nhân dân và cán bộ Đồng Nai coi trọng nền văn hóa Việt Nam, coi trọng việc đào tạo và phát huy nhân tài của đất nước.

Công trình kiến trúc và sự trình bày trong Văn miếu rất đẹp, trang trọng. Mong các cơ quan tỉnh và thành phố tiếp tục hoàn chỉnh công trình Văn miếu, bảo quản thật tốt và khai thác tốt di sản vật thể và phi vật thể của Văn miếu Trấn Biên.

NGUYỄN KHÁNH

(Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ)

2.12. Đ/c VŨ KHOAN

*Muôn đời lưu giữ chủ nghĩa anh hùng của nhân dân
Đồng Nai. Vạn kiếp ghi danh nền văn hiến Trấn Biên.*

VŨ KHOAN

(Bí thư TW Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ)

2.13. Đ/c TRƯƠNG MỸ HOA

*Tôi rất xúc động và tự hào đến thăm công trình
Văn miếu Trấn Biên do đồng chí tỉnh Đồng Nai xây
dựng.*

*Văn miếu Trấn Biên, một công trình văn hóa, ghi
dấu nền văn hóa của Đồng Nai nói riêng và đất phương
Nam nói chung từ thuở mang gươm đi mở cõi của
cha ông chúng ta. Hiền tài là nguyên khí của quốc
gia đã được kế thừa truyền thống hiếu học, coi trọng
hiền tài đã được thể hiện đậm nét trong công trình
này. Thời kỳ nào cũng vậy, trí tuệ, tư duy, sự sáng
tạo vẫn là vũ khí sắc bén quan trọng của người Việt
Nam chúng ta. Mong rằng các đồng chí tỉnh Đồng
Nai tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh công trình độc đáo
này, gìn giữ và lưu giữ truyền thụ những quan điểm,
tư tưởng cha ông của chúng ta để giáo dục các thế hệ
đời sau, coi trọng nền văn hóa nước nhà và không
ngừng phấn đấu trau dồi kiến thức để xứng đáng là
lớp người Việt Nam trong thời đại mới—thời đại Hồ
Chí Minh.*

TRƯƠNG MỸ HOA

(Phó Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam)



năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
291

2.14. Đ/c VŨ MÃO

Tôi phần khởi được tới thăm Văn miếu Trấn Biên và tôi càng xúc động được tận mắt thấy sự tôn tạo công phu di tích này. Tôi vội nghĩ ra mấy câu:

Văn miếu Trấn Biên đáng tự hào
Xây nền văn hiến đáng thanh cao
Cháu con nấng tới dâng hương khói
Tiên tổ phụ trì vươn ánh sao

Chúc khu di tích ngày càng hoàn thiện đón khách thập phương.

VŨ MÃO

(Ủy viên BCH TW Đảng, Ủy viên UBTV Quốc hội, Chủ nhiệm UB Đối ngoại Quốc hội)



2.15. Đ/c ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG

Tôi rất phần khởi được đến thăm Văn miếu Trấn Biên. Tôi hoan nghênh ý tưởng của các đồng chí lãnh đạo tỉnh Đồng Nai đã có chủ trương khôi phục lại và sáng tạo thêm Văn miếu Trấn Biên để giáo dục cho các thế hệ con người Việt Nam hiểu biết nền văn hiến nước nhà. Tôi khâm phục những nhà thiết kế, thể hiện cả tính dân tộc, cả tính truyền thống lẫn hiện đại của nền kiến trúc Việt Nam.

Đây là nơi giáo dục cho thế hệ trẻ. Đây sẽ là nơi ghi công những nhà văn hóa, giáo dục, khoa học không những của Đồng Nai và toàn quốc, không những của quá khứ mà của cả hiện tại và tương lai.

GS TS ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG,

(Trưởng ban khoa Giáo TW)

2.16. Đ/c LÊ HỮU NGHĨA

Vô cùng sung sướng được đến thăm khu Văn miếu Trấn Biên - nơi đánh dấu cha ông ta mở cõi, dựng nước và giữ nước.

Mãi mãi tự hào với truyền thống dân tộc.

Chân thành cảm ơn các đồng chí ở Ban quản lý khu di tích Văn miếu Trấn Biên.

LÊ HỮU NGHĨA

(Ủy viên BCH TW Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch TT. Hội đồng lý luận TW)

2.17. Đ/c PHAN TRUNG KIÊN

Biên Hòa, ngày 17 tháng 10 năm 2002

Hôm nay được về viếng Văn miếu Trấn Biên tôi vô cùng phấn khởi tự hào về lịch sử truyền thống oanh liệt của tổ tiên ta đã có công khai khẩn miền đất phương Nam yêu quý này. Phải nói là công lao dựng nước xây lập cơ đồ để cho con cháu muôn đời được hưởng vinh quang. Xin kính cẩn nghiêng mình trước vong linh các bậc tiền nhân. Xin cảm ơn Đảng bộ - Chính quyền và nhân dân tỉnh Đồng Nai - Thành phố Biên Hòa đã có sáng kiến cho kiến tạo Văn miếu Trấn Biên để ghi ơn đời trước và giáo dục đời sau mãi mãi giữ gìn và tiếp tục xây dựng phát triển mỗi ngày một rạng rỡ vinh quang để đất nước ta mãi mãi độc lập tự do và nhân dân hạnh phúc.

Trung tướng PHAN TRUNG KIÊN

(Ủy viên Trung ương Đảng CSVN, Tư lệnh Quân khu 7)



200
năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
293

2.18. Đ/c ĐẶNG QUÂN THỤY

Nhân dân Đông Nai anh hùng đã làm nên biết bao sự nghiệp anh hùng trên các chặng đường lịch sử của đất nước.

Nay lãnh đạo tỉnh Đông Nai cùng với nhân dân ra sức xây dựng lại Văn miếu, một công trình có ý nghĩa sâu sắc và có giá trị giáo dục các thế hệ tiếp sau.

Xin kính chúc lãnh đạo và nhân dân tỉnh Đông Nai đạt những thành tích to lớn về mọi mặt, nêu cao sự nghiệp văn hiến, đóng góp vào sự nghiệp chung của đất nước.



TM. Đoàn cán bộ Hội Cựu chiến binh Việt Nam
ĐẶNG QUÂN THỤY

2.19. Đ/c TRẦN VĂN QUANG

Ngày 20 tháng 11 năm 2002

Chúng tôi những cựu chiến binh Việt Nam, rất vui mừng được đến chiêm ngưỡng “Văn miếu Trấn Biên” một công trình văn hóa nổi tiếng ở phía Nam tổ quốc. Qua cuộc tưởng niệm này, chúng tôi càng ghi nhớ mãi công lao và đức độ to lớn của các vị tiền hiền đã xây dựng và bảo vệ tổ quốc, để lại biết bao gương sáng cho thế hệ. Chúng tôi nguyện học tập và giáo dục con cháu giữ gìn truyền thống yêu quý đó, ra sức học tập và tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới.

Thượng tướng TRẦN VĂN QUANG,
Chủ tịch Hội CCBVN

2.20. Đ/c ĐOÀN SINH HƯỞNG

Ngày 18-6-2002

Đoàn cán bộ Binh chủng Tăng thiết giáp rất vinh dự được đến thăm và dâng hương Văn miếu Trấn Biên. Đây là một công trình văn hóa của tỉnh Đồng Nai nói riêng và của Việt Nam nói chung. Qua được nghe giới thiệu chúng tôi vô cùng tự hào đất nước ta đã sản sinh ra những bậc kỳ tài cho dân tộc.

Chúng tôi nguyện ra sức rèn luyện để đóng góp sức mình vào sự trường tồn của dân tộc.

TM đoàn cán bộ Binh chủng Tăng thiết giáp, TS khoa học quân sự, AHLLVT, Tư lệnh Binh chủng Tăng thiết giáp
Thượng tướng ĐOÀN SINH HƯỞNG

2.21. Đ/c TRẦN CHIẾN THẮNG

Ngày 29 tháng 8 năm 2002

Nền văn hiến của mỗi địa phương là tinh hoa của cả dân tộc với những đặc trưng riêng có. Tôn vinh những tinh hoa văn hóa là hành động thực tế để làm cho văn hóa dân tộc được trường tồn. Hy vọng Văn miếu Trấn Biên sẽ là động lực cho các thế hệ hăng say vươn tới đỉnh cao văn hóa nhân loại.

TS TRẦN CHIẾN THẮNG,
Thứ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin

2.22. Đ/c PHẠM TUÂN

Ngày 29-5-2002

Rất vinh dự được đến thăm khu Văn miếu Trấn Biên. Được thăm di tích này càng tự hào về dân tộc, về đất nước, tự hào được sống đến thời đại Hồ Chí Minh vĩ đại. Cảm ơn Đảng và Chính quyền nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tôn tạo khu di tích lịch sử này.

PHẠM TUÂN
(Thiếu tướng, Anh hùng LLVTND)



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
295

2.23. Đ/c NGUYỄN VIẾT KHAI

Ngày 25-5-2002

Cảm ơn Tỉnh ủy, UBND, MTTQVN tỉnh Đồng Nai đã xây dựng khu Văn miếu Trấn Biên. Chúng tôi đoàn cán bộ, giáo viên Trường Sĩ quan Lục Quân II, Bộ Quốc phòng đến thăm. Tuy khu Văn miếu chưa hoàn chỉnh nhưng đã hiểu thêm về cội nguồn lịch sử văn hóa của tổ tiên ta. Chúng tôi thấy đây là một công trình thật sự có ý nghĩa to lớn để giáo dục lòng tự hào, ý thức dân tộc cho các thế hệ con cháu hôm nay và mai sau.

TM ĐoànCBGV Trường Quân sự Lục Quân II
Thiếu tướng NGUYỄN VIẾT KHAI

2.24. Đ/c HOÀNG VĂN NGHIÊN

Ngày 27 tháng 9 năm 2002

Dân tộc hưng, suy nhờ văn hóa, nhân dân Thủ đô Hà Nội rất vui mừng một vùng văn hiến phương Nam rực sáng từ Đồng Nai truyền thống. Đồng Nai đã anh hùng trong lịch sử bảo vệ đất nước, trong xây dựng kinh tế. Nhất định từng con người, từng tấc đất sẽ tạo nên cho giang sơn Việt Nam gấm vóc, một nền văn hóa của thiên niên kỷ này.

Thay mặt nhân dân thủ đô ngàn năm văn hiến xin sát cánh anh em trong sự nghiệp xây dựng Đồng Nai và đất nước.

Xin kính chúc nhân dân Đồng Nai hạnh phúc trường tồn.

Thay mặt đoàn UBND Thành phố Hà Nội
HOÀNG VĂN NGHIÊN (Chủ tịch)



290 năm
VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
296

2.25. Đ/c NGUYỄN VĂN KHIẾT

Biên hòa, ngày 19 tháng 9 năm 2002

Đoàn Đảng bộ Ban Tuyên giáo tỉnh Kiên Giang cảm ơn Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có công dựng lại khu Văn miếu Trấn Biên.

Lần đầu tiên đến tham quan nơi đây chúng tôi thấy kiến trúc Trấn Biên chẳng những có giá trị giáo dục đối với thế hệ hiện tại mà còn có giá trị vĩnh hằng đối với mỗi người Việt Nam về sau.

Thay mặt đoàn CB Ban Tuyên giáo TU Kiên Giang

Phó trưởng ban

NGUYỄN VĂN KHIẾT

2.26. Đ/c TRẦN TÚ HỒNG

Ngày 19-7-2002

Đoàn của cán bộ hưu trí thuộc câu lạc bộ hưu trí Thành phố Biên Hòa đã đến tham quan Văn miếu Trấn Biên trong 2 ngày 18 và 19-7-2002.

Tất cả thành viên trong đoàn, sau khi được nghe giới thiệu từng phần trong Văn miếu, các cụ rất tự hào về truyền thống của đất Đồng Nai có hơn 300 trăm năm hình thành và phát triển. Văn miếu Trấn Biên là biểu tượng văn hóa lịch sử truyền thống không chỉ của Đồng Nai mà của cả vùng đất phương Nam, làm rạng rỡ cho hào khí Đồng Nai, cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Thầy mặt đoàn

Chủ nhiệm Câu lạc bộ hưu trí

Thành phố Biên Hòa

TRẦN TÚ HỒNG

2.26. Ông ANG CHAY CHUAN

I would like to commend the Dongnai authorities for building this highly meaningful temple. It has not only recaptured the heroic spirit to Dongnai's past, but also encapsulates the history of Vietnam.

ANG CHAY CHUAN

Singapo CG in HCMC

21th September 2002



2.27. Đ/c NGUYỄN QUANG TẤN

Ngày 21 tháng 10 năm 2002

Đoàn cán bộ ban quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đó có các nhà khoa học Nga do Giáo sư Viện sĩ ToBuu Ub Bure Dehucob HurovbCkuu dẫn đầu vào thăm tỉnh Đồng Nai mảnh đất kiên cường bất khuất của miền Nam trong đánh Mỹ và hiện nay là một trong những địa phương đang dẫn đầu xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước. Với tấm lòng khâm phục, tự hào và đầy biết ơn, chúng tôi những cán bộ trong đoàn xin bày tỏ lòng ngưỡng mộ, ý chí kiên cường của Đảng bộ, nhân dân tỉnh Đồng Nai không chỉ giỏi về xây dựng mà còn biết giữ gìn tôn tạo và phát huy truyền thống bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Xin chúc Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai mãi mãi xứng đáng với truyền thống của tổ tiên.

Xin cảm ơn sự đón tiếp nhiệt tình của cán bộ quản lý khu di tích lịch sử đầy ý nghĩa này.

Trưởng ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Thiếu tướng NGUYỄN QUANG TẤN

Trưởng ban khoa học Nga

công tác tại lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh



năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN

298

2.28. BAN TẾ TỰ XÃ BÌNH SƠN

Biên Hòa, ngày 26-11-2002

Ban tế tự Hội đình xã Bình Sơn đến kính viếng và thăm Văn miếu Trần Biên. Qua sự giới thiệu của cô Tăng Thị Thành Lập thuyết trình viên chúng tôi đã được biết những di tích của các bậc anh hùng trong 18 đời xây dựng và giữ đất nước chúng ta. Đây là bài học để con cháu chúng ta noi theo những tấm gương sáng. Ban tế tự cảm ơn tất cả quý vị trong Ban lãnh đạo tỉnh nhà đã thành lập Văn miếu Trần Biên này, rất nghiêm trang và đẹp đẽ. Đây là những di tích lịch sử lưu truyền cho con cháu chúng ta đời sau.

Thay mặt Ban tế tự xã Bình Sơn

LÊ VĂN CHUÔNG

2.29. Ban quản trị đình Minh Hương-Gia Thạch

Biên Hòa, ngày 28-12-2002

Ban Quản trị Đình Minh Hương đến viếng và tham quan Văn miếu Trấn Biên Biên Hòa. Do cô Tăng Thị Thành Lập giới thiệu. Ban Quản trị chúng tôi được biết đây là di tích lịch sử xây dựng. Đây là di tích để con cháu chúng ta sau này tưởng nhớ theo những tấm gương sáng của các bậc tiền nhân.

BQT Minh Hương-Gia Thạch

Số 380B Trần Hưng Đạo, phường 11, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh

Chủ hội

VĂN NGỌC TÔNG

2.30. Đoàn hợp tác quốc tế Kagoshima

Xin cảm ơn các bạn đã cho tôi được dịp tìm hiểu và học hỏi lịch sử và nền văn hóa Việt Nam. Những giá trị nằm trong trái tim của người Việt Nam và Nhật Bản thì không hề thay đổi. Xin giữ gìn những điều tốt đẹp ấy. Từ tấm lòng của mỗi thành viên đoàn Kagoshima.

Nhật Bản

Đoàn hợp tác quốc tế Kagoshima

Chương trình thanh niên

HIROSHIMA ANRALAC

Trong thời gian qua, Văn miếu Trấn Biên đã đón tiếp một số đoàn khách nước ngoài như: Đoàn cán bộ Đại sứ quán Singapo tại Việt Nam, đoàn cán bộ tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, đoàn CB lãnh đạo thành phố Kim Hea, Hàn Quốc, đoàn hợp tác quốc tế Kayoshima, Nhật Bản... và hàng trăm đoàn khách với khoảng 25 ngàn lượt người là lãnh đạo các cấp tỉnh, thành, các ban ngành; đoàn thể, khách du lịch, học sinh - sinh viên trong nước đến tham quan Văn miếu vào những ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ đi theo nhóm nhỏ, gia đình hoặc bạn bè đến dâng hương một cách rất trang trọng tại Văn miếu.



299 năm
VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
299

LỜI CUỐI SÁCH

1. Giai đoạn I của toàn bộ quần thể kiến trúc Văn miếu Trấn Biên được xây dựng từ năm 2000 đến 14.2.2002 (ngày khánh thành), với các hạng mục chính: Văn miếu môn, Nhà Bia, Khuê Văn các, Thiên Quang tỉnh, Đại Thành môn, Nhà bia Không Tử, Bái đường.

2. Ngay sau lễ khánh thành, công trình Văn miếu Trấn Biên được tiếp tục xây dựng giai đoạn II, gồm các hạng mục sau: Nhà Truyền thống, Hội trường (200 chỗ ngồi), Nhà Quản lý, Văn Vật khố, Nhà Thư khố, trồng cây xanh và các công trình điện, nước, sân đường nội bộ.

Một số hạng mục được tiến hành ở giai đoạn I nhưng chưa hoàn thành, hoặc cần chỉnh sửa, nay được tiếp tục ở giai đoạn II, nhất là Bái đường.

Tập sách này được biên soạn trong dịp nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai chào mừng 290 năm Văn miếu Trấn Biên, với sự giúp đỡ tận tình của Thành ủy, UBND TP. Biên Hòa, các cơ quan của tỉnh và nhiều nhà văn, nhà báo, nhà nhiếp ảnh. Thời gian câu thúc do đó không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Mong nhận được ý kiến đóng góp của đông đảo bạn đọc để có dịp tái bản, cuốn sách sẽ hoàn chỉnh hơn.

Các tác giả



năm
ĂN MIẾU
TRẤN BIÊN
300

MỤC LỤC

“ Văn miếu Trấn Biên – Biểu tượng của tâm hồn và khí
phách Đồng Nai (Bí thư Tỉnh ủy Trần Đình Thành)
.....11

PHẦN 1

VĂN MIẾU TRẤN BIÊN – một giá trị lịch sử, văn hóa.
.....10

1. VỀ THỜI GIAN RA ĐỜI VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN.....10

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TỒN TẠI
CỦA VĂN MIẾU TRẤN BIÊN11

3. VĂN MIẾU Ở VIỆT NAM XUA15

4. THU TỊCH.....19

5. GIÁO DỤC VÀ KHOA CỬ Ở BIÊN HÒA –
ĐỒNG NAI XUA19



200
năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
301

PHẦN 2

QUÁ TRÌNH PHỤC DỰNG VĂN MIẾU TRẤN BIÊN
.....27

1. QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ.....27

1.1. Đề cương chính trị Văn miếu Trấn Biên.....27

1.1.1. Vài nét về Văn miếu Trấn Biên:.....27

1.1.2. Mục đích yêu cầu phục dựng Văn miếu
Trấn Biên.....29

1.1.3. Các nội dung hoạt động.....30

1.1.4. Các thiết chế xây dựng:.....31

1.1.5. Trang trí mỹ thuật:.....34

1.1.6. Tổ chức thực hiện:.....	34
1.2. Phương án thiết kế.....	36
1.3. Phương án trưng bày và đơn vị thi công.....	38
2. QUÁ TRÌNH PHỤC DỰNG.....	39
2.1. Xác định vị trí.....	39
2.2. Lễ khởi công.....	40
2.3. Quá trình xây dựng.....	46
2.4. Lễ khánh thành.....	50
2.5. Khai mở văn bia và kỷ niệm sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh.....	74

PHẦN 3

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN – trung tâm sinh hoạt văn hóa – giáo dục.....	89
---	----

1. VÀI NÉT VỀ GIÁO DỤC TẠI BIÊN HÒA- ĐỒNG NAI.....	89
---	----

2. VĂN MIẾU TRẦN BIÊN, NƠI TÔN VINH VĂN HÓA – GIÁO DỤC.....	89
--	----

PHẦN 4

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN – một công trình kiến trúc đặc sắc.....	103
---	-----

1. CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC VĂN HÓA	104
--	-----

2. HIỆN VẬT BÀY TRÍ VÀ TẶNG VẬT.....	137
--------------------------------------	-----

3. HỆ THỐNG CÂY XANH.....	153
---------------------------	-----

PHẦN 5

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN – nơi tôn vinh các danh nhân.....	161
---	-----

1. Khổng Tử.....	161
------------------	-----



2. Hồ Chí Minh.....	164
3. Chu Văn An.....	167
4. Nguyễn Trãi.....	172
5. Nguyễn Bình Khiêm.....	178
6. Lê Quý Đôn.....	181
7. Nguyễn Du.....	185
8. Đặng Đức Thuật.....	188
9. Võ Trường Toản.....	190
10. Trịnh Hoài Đức.....	193
11. Ngô Nhơn Tịnh.....	197
12. Lê Quang Định.....	201
13. Nguyễn Đình Chiểu.....	205
14. Bùi Hữu Nghĩa.....	208

PHẦN 6

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN TRONG TÌNH

CẢM DÂN TỘC.....	212
------------------	-----

Danh sách các vị lãnh đạo cao cấp TW đến tham quan và trồng cây tại Văn miếu Trấn Biên.....	212
--	-----

Cảm tưởng và hình ảnh các vị lãnh đạo và nhân dân về Văn miếu Trấn Biên.....	222
---	-----

LỜI CUỐI SÁCH.....	246
--------------------	-----



năm

**VĂN MIẾU
TRẦN BIÊN
303**

290 năm Văn miếu Trấn Biên (1715 – 2005)



Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐẶNG TẤN HƯƠNG

Biên tập:

Dương Tấn Bửu, Hải Hương

Sửa bản in:

Tấn Bửu

In 1030 bản. Khô: 14.5x20.5cm

In tại: Nhà in ITAXA

Số đăng ký xuất bản: 48/1859/XB-QLXB

Cục xuất bản cấp ngày: 21-12-2004

Giấy phép trích ngang số: 12/GTNXB do NXBTH Đồng Nai
cấp ngày: 21-1-2005

In xong nộp lưu chiểu: Quý 1 năm 2005

Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai, 210, Quốc lộ 1K,
TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 946519. Ban Biên tập: (061) 825292

Ban giám đốc: (061) 946259 – (061) 822613.

Fax: (061) 9466. – Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn



năm
**VĂN MIẾU
TRẤN BIÊN**
304